

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
THẠC SĨ KHOA HỌC CÂY TRỒNG
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Ngệ An, tháng 01 năm 2024



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Sau đại học
ngành Khoa học cây trồng

*(Kèm theo Quyết định số: 2763/QĐ-ĐHV ngày 11 tháng 10 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Nguyễn Huy Bằng	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Bà Nguyễn Thị Thu Cúc	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Ông Nguyễn Đình Vinh	Viện trưởng Viện NN&TN	Phó Chủ tịch	
4	Ông Nguyễn Thanh Diệu	Phó Giám đốc PT Trung tâm ĐBCL	Thư ký	
5	Bà Hoàng Phan Hải Yến	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên	
6	Ông Nguyễn Văn Phú	Trưởng phòng Đào tạo SDH	Thành viên	
7	Ông Thiều Đình Phong	Trưởng phòng TCCB	Thành viên	
8	Ông Nguyễn Hồng Soa	Trưởng phòng CTCT-HSSV	Thành viên	
9	Ông Mai Văn Chung	Trưởng phòng KH&HTQT	Thành viên	
10	Ông Hoàng Việt Dũng	Trưởng phòng KH-TC	Thành viên	
11	Ông Nguyễn Đức Bình	Giám đốc Trung tâm TT-TV NTH	Thành viên	
12	Ông Trần Đình Luân	Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên	
13	Ông Lê Công Đức	Giám đốc Trung tâm DV, HTSV & QHDN	Thành viên	
14	Ông Lê Minh Hải	Phó Viện trưởng Viện NN&TN	Thành viên	
15	Ông Nguyễn Hữu Hiền	Trưởng Bộ môn KHCT	Thành viên	
16	Bà Nguyễn Thị Thúy	Giảng viên Bộ môn KHCT	Thành viên	
17	Bà Thái Thị Ngọc Lam	Giảng viên Bộ môn KHCT	Thành viên	
18	Bà Phan Thị Thu Hiền	Giảng viên Bộ môn KHCT	Thành viên	
19	Ông Nguyễn Đức Nam	HVCH Khóa 30, ngành KHCT	Thành viên	

Danh sách này gồm có 19 người./.

MỤC LỤC

Danh mục các chữ viết tắt.....	4
PHẦN I. KHÁI QUÁT	6
1. Đặt vấn đề.....	6
1.1. Tóm tắt Báo cáo tự đánh giá	6
1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá	8
2. Tổng quan chung	10
2.1. Tổng quan về Trường Đại học Vinh	10
2.2. Tổng quan về Viện NN&TN.....	12
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TIÊU CHÍ	15
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và CDR của CTĐT	15
Mở đầu.....	15
Tiêu chí 1.1.....	15
Tiêu chí 1.2.	18
Tiêu chí 1.3.....	21
Kết luận về Tiêu chuẩn 1.....	23
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả CTĐT	23
Mở đầu.....	23
Tiêu chí 2.1.....	24
Tiêu chí 2.2.....	27
Tiêu chí 2.3.....	30
Kết luận về Tiêu chuẩn 2.....	32
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....	32
Mở đầu.....	32
Tiêu chí 3.1.....	32
Tiêu chí 3.2.....	35
1. Mô tả hiện trạng.....	35
Tiêu chí 3.3.....	38
Kết luận về Tiêu chuẩn 3.....	40
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học.....	40
Mở đầu.....	40
Tiêu chí 4.1.....	41
Tiêu chí 4.2.	44
Tiêu chí 4.3.	46
Kết luận về Tiêu chuẩn 4.....	48
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập và NH.....	49
Mở đầu.....	49
Tiêu chí 5.1.....	49
Tiêu chí 5.2.....	52
1. Mô tả hiện trạng.....	52
Tiêu chí 5.3.....	55
Tiêu chí 5.4.....	58

<i>Tiêu chí 5.5. NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập</i>	<i>60</i>
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5.....</i>	<i>62</i>
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ GV	63
<i>Mở đầu.....</i>	<i>63</i>
<i>Tiêu chí 6.1.....</i>	<i>63</i>
<i>Tiêu chí 6.2.....</i>	<i>68</i>
<i>Tiêu chí 6.3.....</i>	<i>72</i>
<i>Tiêu chí 6.4.....</i>	<i>75</i>
<i>Tiêu chí 6.5.....</i>	<i>78</i>
<i>Tiêu chí 6.6.....</i>	<i>82</i>
<i>Tiêu chí 6.7.....</i>	<i>85</i>
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 6.....</i>	<i>89</i>
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên.....	91
<i>Mở đầu.....</i>	<i>91</i>
<i>Tiêu chí 7.1.....</i>	<i>91</i>
<i>Tiêu chí 7.2.....</i>	<i>95</i>
<i>Tiêu chí 7.4.....</i>	<i>100</i>
<i>Tiêu chí 7.5.....</i>	<i>103</i>
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 7.....</i>	<i>106</i>
Tiêu chuẩn 8. NH và hoạt động hỗ trợ NH	108
<i>Mở đầu.....</i>	<i>108</i>
<i>Tiêu chí 8.1.....</i>	<i>108</i>
<i>Tiêu chí 8.2.....</i>	<i>111</i>
<i>Tiêu chí 8.3.....</i>	<i>114</i>
<i>Tiêu chí 8.4.....</i>	<i>117</i>
<i>Tiêu chí 8.5.....</i>	<i>119</i>
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	123
<i>Mở đầu.....</i>	<i>123</i>
<i>Tiêu chí 9.1.....</i>	<i>123</i>
<i>Tiêu chí 9.2.....</i>	<i>126</i>
<i>Tiêu chí 9.3.</i>	<i>130</i>
<i>Tiêu chí 9.4.</i>	<i>133</i>
<i>Tiêu chí 9.5.....</i>	<i>136</i>
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 9.....</i>	<i>140</i>
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.....	141
<i>Mở đầu.....</i>	<i>141</i>
<i>Tiêu chí 10.1.....</i>	<i>141</i>
<i>Tiêu chí 10.2.....</i>	<i>143</i>
<i>Tiêu chí 10.3.....</i>	<i>144</i>
<i>Tiêu chí 10.4.....</i>	<i>146</i>
<i>Tiêu chí 10.5.....</i>	<i>148</i>
<i>Tiêu chí 10.6.....</i>	<i>150</i>

<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 10</i>	152
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra	153
<i>Mở đầu</i>	153
<i>Tiêu chí 11.1</i>	153
<i>Tiêu chí 11.2</i>	155
<i>Tiêu chí 11.3</i>	158
<i>Tiêu chí 11.4</i>	160
<i>Tiêu chí 11.5</i>	162
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 11</i>	165
PHẦN III. KẾT LUẬN	166
1. Những điểm mạnh và những điểm cần phát huy	166
2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT.....	169
3. Kế hoạch hành động.....	171

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ cái viết tắt	Ý nghĩa
CDR	Chuẩn đầu ra
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐCCT	Đề cương chi tiết
ĐH	Đại học
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
GV	Giảng viên
KH&HTQT	Khoa học và hợp tác quốc tế
KHCN	Khoa học công nghệ
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NH	Người học
NLN	Nông Lâm Ngư
KHCT	Khoa học cây trồng
NN&TN	Nông nghiệp và Tài nguyên
PPDH	Phương pháp dạy học
HV	Học viên
ThS	Thạc sĩ
THTN	Thực hành thí nghiệm
TS	Tiến sĩ

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

1.1. Tóm tắt Báo cáo tự đánh giá

Trường Đại học Vinh là trường đại học đa ngành nằm trên địa bàn khu vực Bắc Trung Bộ với sứ mạng của Nhà trường là *cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển GD&ĐT của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế*. Trước đó, ngày 28/12/2007, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 197/2007/QĐ-TTg về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An đến năm 2020, trong đó có nội dung quan trọng liên quan đến định hướng phát triển trường Đại học Vinh là *“Đầu tư nâng cấp trường đại học Vinh trở thành trường đại học đạt tiêu chuẩn quốc tế”*. Ngày 18 tháng 7 năm 2023, Bộ chính trị đã ban hành Nghị quyết số 39-NQ/TW về **xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**; Nghị quyết đã đề ra một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu, trong đó có giải pháp: "Triển khai có chất lượng, hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông. Phát triển GDDH gắn với đẩy mạnh NCKH và đổi mới sáng tạo; xây dựng các trung tâm NCKH và công nghệ trong các trường đại học ngang tầm khu vực ASEAN. Cơ cấu lại các trường đại học, cao đẳng; tập trung đầu tư, *phát triển Trường đại học Vinh trở thành trung tâm đào tạo uy tín trong khu vực và thế giới*. Nghiên cứu xây dựng Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo khu vực Bắc Trung Bộ; trung tâm nghiên cứu liên ngành; chương trình khoa học và công nghệ phát triển được liệu tại tỉnh Nghệ An".

Để thực hiện mục tiêu và sứ mạng đó, Trường Đại học Vinh đang đổi mới căn bản công tác tổ chức và quản lý Nhà trường; đẩy mạnh tái cấu trúc, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và truyền thông trong các hoạt động; triển khai thực hiện Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025; phối hợp để các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng tham gia vào quá trình đào tạo; nâng cao chất lượng công tác thực hành, thí nghiệm, thực tập nghề nghiệp cho sinh viên, HV; thực hiện phong trào thi đua "Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập"; hướng tới tự chủ đại học. Ngoài ra, Nhà trường tiếp tục tiếp tục phát triển CTĐT tiếp cận CDIO, liên tục nâng cao chất lượng đào tạo. Nhà trường luôn tìm các biện pháp đổi mới và hiện đại hoá nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy và cơ sở vật chất. Trường Đại học Vinh có nhiệm vụ thực hiện hoạt động đào tạo và NCKH nhằm đóng góp cho sự phát triển giáo dục của địa phương đáp ứng yêu cầu đổi mới toàn diện trong giáo dục. Chính vì vậy, Trường Đại học Vinh không chỉ tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo Cử nhân Sư phạm, mà còn mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo Cử nhân, kỹ sư trong các lĩnh vực khác, trong đó có ngành thạc sỹ KHCT để đáp ứng nhu cầu thị trường lao động hiện nay.

Trong nhiều năm qua, khoa Nông Lâm Ngư trước đây và Viện NN&TN, Trường Đại học Vinh hiện nay thường xuyên quan tâm và không ngừng cập nhật nhằm nâng cao chất lượng CTĐT (CTĐT) trình độ ThS ngành KHCT (KHCT). Nhà trường đã tiến hành

tự đánh giá CTĐT trình độ ThS ngành KHCT theo bộ tiêu chuẩn trong nước (Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016) và công văn hướng dẫn số 2085/QLCL ngày 31/12/2020 của Cục quản lý chất lượng.

Việc tự đánh giá CTĐT trình độ ThS ngành KHCT đã giúp Nhà trường, Viện NN&TN tự rà soát, đánh giá thực trạng đào tạo của ngành làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến nâng cao chất lượng của CTĐT, là điều kiện cần thiết để Nhà trường đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT, thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH (NCKH) và phục vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

Để triển khai kế hoạch tự đánh giá CTĐT, ngành KHCT, Trường ĐH Vinh đã căn cứ vào hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT (ban hành tại công văn số 2085/QLCL ngày 31/12/2020 của quản lý chất lượng về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT; công văn 774 /QLCL của Cục Quản lý chất lượng, ngày 10/06/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục của công văn 2085/QLCL-KĐCLGD) để tiến hành xem xét, tự đánh giá và làm rõ thực trạng CTĐT; phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra điểm mạnh, tồn tại và kế hoạch hành động phát huy điểm mạnh, khắc phục tồn tại.

Công tác tự đánh giá CTĐT trình độ ThS ngành KHCT do cán bộ, GV của ngành và Nhà trường và có sự tham gia tích cực các bên liên quan trong và ngoài trường. Hội đồng tự đánh giá CTĐT trình độ ThS ngành KHCT được thành lập theo Quyết định số 23/QĐ-ĐHV ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐH Vinh gồm Ban giám hiệu (BGH), cán bộ, GV Viện NN&TN, cán bộ các phòng, ban, trung tâm trong trường. Các bên liên quan như HV, cựu HV, GV, nhà tuyển dụng là nguồn cung cấp thông tin quan trọng phục vụ cho việc tự đánh giá. Ban Giám hiệu chỉ đạo chung, Trung tâm Đảm bảo chất lượng của Trường tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật; các tiểu ban phối hợp với các phòng, ban, trung tâm trong trường hoàn thiện báo cáo tự đánh giá kèm hồ sơ minh chứng.

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT trình độ ThS ngành KHCT bao gồm 4 phần:

+ **Phần I:** Khái quát, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn nội dung của báo cáo tự đánh giá. Đồng thời, mô tả sự tham gia của các bên liên quan (Viện, phòng ban, GV, cán bộ, nhân viên, NH, người sử dụng...) cũng như cách thức tổ chức các thành phần này tham gia hoạt động tự đánh giá CTĐT.

+ **Phần II:** Tự đánh giá CTĐT ngành KHCT theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiêu mục là: (1) *Mô tả hiện trạng- phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể*; (2) *Điểm mạnh*; (3) *Điểm tồn tại*; (4) *Kế hoạch hành động* và (5) *Tự đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí*.

+ **Phần III:** Kết luận, tóm tắt những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những điểm tồn tại, cần cải tiến chất lượng, kế hoạch hành động và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

+ **Phần IV:** Phụ lục, bao gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo công văn số 2085/QLCL ngày 31/12/2020 của Cục quản lý chất lượng về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT, cơ sở dữ liệu gồm kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

CTĐT ngành KHCT được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, CĐR, bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học và phương pháp tiếp cận trong dạy – học; tiêu chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập của NH; tiêu chuẩn 6, 7 hướng đến việc tự đánh giá về đội ngũ cán bộ GV và đội ngũ nhân viên; tiêu chuẩn 8 tập trung đánh giá các yếu tố liên quan đến NH và hoạt động hỗ trợ NH; tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về cơ sở vật chất và trang thiết bị; tiêu chuẩn 10 đưa ra những nhận định chính xác trong nâng cao chất lượng CTĐT và NCKH; tiêu chuẩn 11 đưa ra các đánh giá về kết quả đầu ra của HV ngành KHCT trong chu kỳ đánh giá.

Mỗi tiêu chí sẽ có một hệ thống các thông tin, minh chứng đi kèm. Minh chứng được mã hóa theo hướng dẫn của Bộ DG&ĐT tại Phụ lục 8, Công văn 774 ngày 10/06/20221.

1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

Mục đích tự đánh giá:

Đánh giá tổng thể các hoạt động của ngành theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDĐH của Bộ GD&ĐT, ban hành kèm theo thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016.

Đây là quá trình nhằm giúp cho Viện NN&TN tự xem xét, nghiên cứu để báo cáo về tình trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất, cũng như các vấn đề liên quan khác. Từ đó, Nhà trường và Viện tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, từng bước xây dựng ngành trở thành đơn vị đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng đứng đầu cả nước, vươn tới tầm khu vực và quốc tế.

Đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu của Viện NN&TN quản lý ngành KHCT trong công tác đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ nhằm đề ra kế hoạch, biện pháp cụ thể để từng bước cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, NCKH và dịch vụ xã hội của ngành KHCT.

Hoạt động tự đánh giá còn thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của Viện trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường.

Ngoài ra, tự đánh giá sẽ phân tích, so sánh kết quả hoạt động của ngành KHCT theo các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng ngành đào tạo và xác định mức độ đạt được đối với từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định. Trên cơ sở đó, Nhà trường đăng ký kiểm định

chất lượng CTĐT với cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục.

Quy trình tự đánh giá: quy trình tự đánh giá được thực hiện gồm các bước chính như sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành KHCT

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành KHCT

Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng

Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng thu được

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá.

Quá trình viết báo cáo tự đánh giá được thực hiện từ tháng 03 năm 2023 đến tháng 11 năm 2023. Phần tự đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chuẩn từ 1 đến 11. Trong từng tiêu chuẩn, các đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chí. Trong mỗi tiêu chí lại trình bày theo các nội dung chính: 1. *Mô tả hiện trạng*; 2. *Điểm mạnh*; 3. *Điểm tồn tại*; 4. *Kế hoạch hành động*; 5. *Tự đánh giá*.

Theo Quyết định số Quyết định số 23 /QĐ- ĐHV ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐH Vinh về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT, các nhóm chuyên trách tự đánh giá CTĐT ngành KHCT phụ trách các tiêu chuẩn cụ thể như sau:

- + Nhóm 1 do TS. Nguyễn Hữu Hiền làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 1, 2;
- + Nhóm 2 do TS. Thái Thị Ngọc Lam làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 3, 4;
- + Nhóm 3 do TS. Nguyễn Thị Thúy làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 5, 8;
- + Nhóm 4 do TS. Nguyễn Đình Vinh làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 6, 7;
- + Nhóm 5 do TS. Phan Thị Thu Hiền làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 9;
- + Nhóm 6 do TS. Hồ Thị Nhung làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 10, 11.
- + Nhóm 7 do TS. Nguyễn Hữu Hiền làm nhóm trưởng phụ trách viết báo cáo tự đánh giá, lập danh mục minh chứng và cơ sở dữ liệu kiểm định CTĐT.

Sau khi tham gia tập huấn viết báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT, ngành KHCT đã lên kế hoạch chi tiết để thực hiện đánh giá CTĐT ngành KHCT, tiến hành họp cán bộ toàn ngành, liên quan để phổ biến kế hoạch và phân công công việc rõ ràng theo những mảng công việc chính như: *Thu thập minh chứng*; *Viết báo cáo tiêu chuẩn*; *Viết dự thảo báo cáo tổng hợp*; *Duyệt dự thảo báo cáo*; *Lưu giữ minh chứng*... Các cán bộ chia thành các nhóm và hoàn thành công việc trên cơ sở giao việc của nhóm trưởng. Viện giao cho một cán bộ phụ trách chính công tác kiểm định làm đầu mối xử lý thông tin và giúp Ban lãnh đạo Viện cập nhật báo cáo. Quá trình viết báo cáo có sự thống nhất và tham gia, nỗ lực hoàn thành công việc của hội đồng, ban thư ký và ngành KHCT.

Phương pháp và công cụ tự đánh giá: Việc tự đánh giá CTĐT ngành KHCT được thực hiện theo phương pháp mô tả, phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu... Trên cơ sở thu thập thông tin liên lạc, xác định cỡ mẫu từ HV, cựu HV, nhà tuyển dụng, GV, chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng... Các cán bộ phụ trách chính công tác kiểm định đã tổng hợp thông tin, xử lý thông tin và phân

tích thông tin đã thu thập và hoàn thiện báo cáo.

Phạm vi đánh giá: CTĐT trình độ ThS ngành KHCT của Trường Đại học Vinh từ năm 2018 đến 2023

2. Tổng quan chung

2.1. Tổng quan về Trường Đại học Vinh

Trường Đại học Vinh là đơn vị hành chính sự nghiệp, trực thuộc Bộ GD&ĐT, có tư cách pháp nhân, có tài khoản, có con dấu và biểu tượng riêng.

Trường Đại học Vinh tiền thân là Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được thành lập theo Nghị định số 375/NĐ ngày 16/7/1959 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Sau ba năm, Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được chuyển thành Trường Đại học Sư phạm Vinh theo Quyết định số 637/QĐ ngày 29/2/1962 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Là một trong những trường đại học đầu tiên của nền giáo dục cách mạng Việt Nam, Nhà trường vinh dự được đóng trên quê hương của Chủ tịch Hồ Chí Minh - vùng địa linh nhân kiệt, có truyền thống hiếu học, yêu nước và cách mạng.

Sau hơn 60 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường đã đào tạo trên 80.000 cử nhân sư phạm, cử nhân khoa học, kỹ sư; 6.500 ThS và hàng trăm TS. Sinh viên tốt nghiệp từ Trường Đại học Vinh có việc làm sau 1 năm đạt trên 90%, trong đó có nhiều ngành đạt 100%. Nhiều cựu sinh viên của Trường đã trở thành các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ quản lý tại các CSGD, đào tạo, các viện nghiên cứu, các trung tâm khoa học, công nghệ, kinh tế lớn trong nước và quốc tế. Hiện nay, Nhà trường đang triển khai tuyển sinh 17 chuyên ngành đào tạo TS, 38 chuyên ngành đào tạo ThS và 57 ngành bậc đại học (trong đó có 3 ngành đại học chất lượng cao). Đồng thời, Nhà trường được Bộ GD&ĐT giao nhiệm vụ bồi dưỡng giáo viên, CBQL cơ sở giáo dục phổ thông cũng như các CTĐT và bồi dưỡng ngắn hạn khác với quy mô đào tạo trên 35.000 học sinh sinh viên, HV trong đó số học sinh sinh viên, HV chính quy là 22.000 người.

Về đội ngũ cán bộ viên chức, tính đến tháng 12/2023, Trường Đại học Vinh có đội ngũ cán bộ cơ bản đủ về số lượng, đạt chuẩn về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu với 1.008 người (bao gồm 8 sĩ quan biệt phái), trong đó có: 712 cán bộ giảng dạy, 296 cán bộ hành chính, 3 giáo sư, 55 phó giáo sư, 278 TS và 463 ThS (khối đại học gồm 832 viên chức và người lao động (chiếm 82,5%), khối các trường trực thuộc gồm 176 viên chức và người lao động (chiếm 17,5%).

Về hoạt động hợp tác quốc tế, Nhà trường có quan hệ hợp tác đào tạo, NCKH, bồi dưỡng cán bộ với hàng chục CSGD đại học, các tổ chức khoa học quốc tế từ Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ và Châu Úc. Trong những năm qua, Trường đã ký kết các chương trình hợp tác song phương với nhiều trường đại học lớn trên thế giới tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, GV, sinh viên, HV, nghiên cứu sinh tham gia học tập, NCKH. Nhà trường cũng đã chủ trì tổ chức nhiều hội thảo khoa học khu vực và quốc tế; tạo lập được các nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh với các nhà khoa học đầu ngành như: nhóm nghiên cứu Quang học - Quang phổ, nhóm nghiên cứu Xác suất và Thống kê, nhóm nghiên cứu Ngôn ngữ học... ban hành Quy định về tổ chức và hoạt

động đối với nhóm nghiên cứu của Trường Đại học Vinh. Nhà trường đã có chính sách mạnh về việc khen thưởng cho các tác giả có công bố quốc tế hàng năm. Trong 5 năm gần đây, Trường luôn nằm trong top 15 trường đại học có công bố quốc tế nhiều nhất ở Việt Nam. Năm 2023, cán bộ của Trường có 236 công bố khoa học trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục Web of Science/Scopus (cao nhất từ trước đến nay), 209 bài trên các tạp chí quốc tế khoa học, kỹ yếu hội nghị, hội thảo quốc tế khác; 325 công bố trên các tạp chí khoa học, 251 công bố trên các kỹ yếu hội nghị, hội thảo trong nước.

Với những kết quả toàn diện trong hơn 60 năm xây dựng và phát triển, tập thể Nhà trường, các đơn vị và cá nhân trong Trường đã được tặng nhiều phần thưởng cao quý: Danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới (năm 2004), Huân chương Độc lập hạng Nhất (năm 2009, năm 2014), Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 1992, năm 2019), Huân chương Lao động hạng Ba của Nước Cộng hoà dân chủ Nhân dân Lào (năm 2019), Huân chương Hữu nghị của Nước Cộng hoà dân chủ Nhân dân Lào (năm 2009, năm 2011 và năm 2017) và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Tầm nhìn: Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á vào năm 2030, hướng đến top 1000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045.

Sứ mạng: Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển GD&ĐT của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế.

Giá trị cốt lõi: *Trung thực* (Honesty); *Trách nhiệm* (Accountability); *Say mê* (Passion); *Sáng tạo* (Creativity); *Hợp tác* (Collaboration)

Triết lý giáo dục: Trường Đại học Vinh xác định **Hợp tác** (*Collaboration*) trong môi trường học thuật, đa văn hóa là sự kết nối, tương tác và cộng hưởng năng lực giữa các cá nhân và giữa các đơn vị, tổ chức để tạo nên sự phát triển. *Hợp tác* là tôn trọng sự khác biệt, sự phát triển tự do của mỗi con người, thể hiện tính nhân văn. *Hợp tác* là con đường để cùng phát triển và đảm bảo lợi ích hài hòa của các bên liên quan.

Nhà trường tạo dựng môi trường hợp tác để thực hiện các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. NH được khuyến khích phát triển năng lực hợp tác thông qua CTĐT với các PPDH tích cực chú trọng đến năng lực hợp tác

Trường Đại học Vinh coi **Sáng tạo** (*Creativity*) là năng lực cốt lõi nhất của mỗi cá nhân, đảm bảo cho sự thành công trong nghề nghiệp và cuộc sống trong bối cảnh thay đổi và sự vận động của Cách mạng công nghiệp 4.0, đảm bảo khả năng học suốt đời. *Sáng tạo* là tạo ra những tri thức và giá trị mới. *Sáng tạo* là dám nghĩ, dám làm, say mê nghiên cứu, khám phá, và không ngừng cải tiến.

Nhà trường đào tạo NH trở thành người lao động sáng tạo thông qua quá trình "*hình thành ý tưởng - thiết kế - triển khai - vận hành*" trong các hoạt động nghề nghiệp, có khả năng thích ứng cao trong thế giới việc làm.

Trường Đại học Vinh hiện nay được tổ chức theo mô hình quản lý 3 cấp đó là cấp Trường Đại học Vinh (cấp 1), cấp Trường/Khoa/Viện thuộc và trực thuộc (cấp 2),

cấp Khoa chuyên ngành/Bộ môn (cấp 3). Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Vinh hiện nay gồm 3 trường thuộc, 4 viện, 4 khoa, 1 Trường THPT Chuyên, 1 Trường Thực hành Sư phạm; có 22 phòng ban, trung tâm, trạm và 2 Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Thanh Hóa. Sơ đồ tổ chức cụ thể như sau:

Nhà trường đã sớm triển khai các hoạt động ĐBCL. Từ năm 2017, Nhà trường đã được công nhận đạt tiêu chuẩn KĐCL CSGD chu kỳ 1, đạt chuẩn KĐCL CSGD chu kỳ 2 vào tháng 4 năm 2023. Từ năm 2018 đến nay đã có 25 CTĐT được công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục trong đó có 2 CTĐT được công nhận đạt chuẩn chất lượng theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA. Nhà trường cũng đã có nhiều hoạt động nhằm phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong; cải tiến chất lượng CSGD và CTĐT và không ngừng phát triển văn hóa chất lượng nhằm đạt được mục tiêu, sứ mạng và tầm nhìn đã đề ra.

2.2. Tổng quan về Viện NN&TN

Viện NN&TN được thành lập theo Quyết định số 565/QĐ-ĐHV ngày 08/06/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh trên cơ sở Khoa Nông Lâm Ngư (2002) và theo Quyết định số 517/QĐ-ĐHV ngày 20/06/2018 sát nhập thêm 2 bộ môn của Khoa Địa lý và Quản lý tài nguyên (2003). Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng Trường Đại học Vinh đã thông qua đề án tái cơ cấu bộ môn của Viện NN&TN. Viện có các chức năng chủ yếu: Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học các ngành Nuôi trồng thủy sản; Nông học; Chăn nuôi; Chăn nuôi – chuyên ngành Thú y; Quản lý Tài nguyên và môi trường; Quản lý đất đai; đào tạo trình độ ThS 02 chuyên ngành Nuôi trồng thủy sản và KHCT;

Trong hơn 20 năm qua, khoa NLN nay là Viện NN&TN đã đào tạo hơn 3000 kỹ sư các ngành, hơn 1000 kỹ sư KHCT và hơn 100 ThS KHCT. Đây chính là nguồn nhân lực chất lượng cao cung cấp cho khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường và gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh Bắc Trung Bộ và cả nước.

Bên cạnh đó, Viện còn đảm nhận nhiệm vụ triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ; áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ để nâng cao chất lượng đào tạo, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương và trong cả nước. Khoa/Viện đã tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học; xuất bản nhiều giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo; công bố hàng trăm bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Các cán bộ của Khoa/Viện đã chủ trì và tham gia thực hiện nhiều đề tài, dự án cấp Nhà nước, đề tài cấp Bộ, đề tài cấp Tỉnh, cấp Trường.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Khoa Nông Lâm Ngư nay là Viện NN&TN đã thường xuyên thực hiện công việc định kỳ rà soát, bổ sung sứ mạng và mục tiêu cho các ngành đào tạo trong đó có ngành KHCT nhằm phù hợp với yêu cầu của thế giới việc làm. Mục tiêu của CTĐT được xác định khá rõ ràng, có hướng đến đạt được sứ mạng và tầm nhìn thể hiện trong các văn bản chính thức của nhà trường và cơ bản phản ánh

được yêu cầu của thị trường lao động. CTĐT có mục tiêu phù hợp với mục tiêu của GDDH quy định tại Luật GDDH.

CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CĐR của CTĐT đã nêu được cụ thể kiến thức, kỹ năng và triển vọng việc làm trong tương lai. CĐR của CTĐT được xây dựng có sự tham gia và đóng góp ý kiến của các bên liên quan, được rà soát, điều chỉnh hằng năm và được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện truyền thông khác nhau.

Bản mô tả CTĐT có đủ nội dung, thông tin, được cập nhật và tích hợp những vấn đề mới nhất liên quan ít nhất 2 năm 1 lần. Tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT có đầy đủ thông tin bao gồm thông tin GV, mô tả học phần, nội dung giảng dạy, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá. Đề cương các môn học/học phần được định kỳ bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các môn học/học phần, danh mục tài liệu hàng năm. Bản mô tả CTĐT cũng như tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, HV, cựu HV...đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương các môn học một cách dễ dàng và thuận tiện nhất.

CTĐT ngành KHCT Trường Đại học Vinh bao gồm khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành và luận văn/thực tập, đề án tốt nghiệp thuộc lĩnh vực KHCT. Chương trình được thiết kế theo hai định hướng ứng dụng và nghiên cứu đáp ứng các CĐR ngành KHCT; được định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và có sự tham gia của các bên liên quan. HV tốt nghiệp CTĐT ngành KHCT có khả năng vận dụng những kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành và cải tiến các quy trình, sản phẩm đáp ứng được yêu cầu của thế giới việc làm trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Viện NN&TN có đội ngũ cán bộ, viên chức đảm bảo chất lượng, có cơ cấu tương đối hợp lý, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Trường Đại học Vinh đã có chính sách hỗ trợ, động viên cán bộ, công chức, viên chức học tập nâng cao trình độ để thực hiện tốt công việc được giao. Đội ngũ GV trẻ, có trình độ chuyên môn tốt, tỷ lệ GV có trình độ TS đạt hơn 57%.

Viện NN&TN đã đẩy mạnh hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ, chủ động triển khai các hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ gắn kết với quá trình đào tạo. Hầu hết GV tham gia hoặc chủ trì các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài hoàn thành đúng thời hạn, có nhiều đề tài có chất lượng khá, tốt và xuất sắc. Hằng năm, số bài báo công bố quốc tế của Viện NN&TN đều tăng. Đồng thời, thông qua hoạt động NCKH và phát triển công nghệ, năng lực của cán bộ, GV được nâng cao.

Thư viện, cơ sở vật chất, thiết bị của Trường ngày càng được bổ sung số lượng, nâng cao chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của công tác đào tạo ngành KHCT và hoạt động NCKH. Thư viện của Trường được quản lý bằng phần mềm và

mạng máy tính, Nhà trường đã xây dựng thư viện điện tử, HV ngành KHCT có thể tra cứu tài liệu, cơ sở dữ liệu từ mạng LAN và mạng Internet. Hệ thống phòng học, PTN, kí túc xá đã được xây dựng đúng quy hoạch và có chất lượng. Trang thiết bị, máy tính đã cơ bản đáp ứng công tác đào tạo, NCKH, các hoạt động khác của Viện.

Bản Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành KHCT được hoàn thành bởi công sức và trí tuệ của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Viện NN&TN, các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá và Ban thư kí, có sự đóng góp ý kiến của các bên liên quan, các tập thể và cá nhân trong và ngoài trường.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

CTĐT trình độ ThS ngành KHCT từ năm 2017 được xây dựng theo Thông tư số 15/2014/TT -BGDDT ngày 15 tháng 5 năm 2014; Đến năm 2022, CTĐT trình độ ThS ngành KHCT được xây dựng theo tiếp cận năng lực CDIO theo hai định hướng nghiên cứu và ứng dụng; Năm 2023 CTĐT tiếp tục được cập nhật, tuân thủ các quy phạm pháp luật của nhà nước, các quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Vinh. CTĐT đã thể hiện mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành KHCT bao gồm kiến thức, kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, năng lực CDIO theo chuyên ngành, khối ngành và theo lĩnh vực. Các mục tiêu CĐR được xây dựng phản ánh rõ ràng sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của Nhà trường.

CTĐT ngành KHCT hiện nay được xây dựng theo phương pháp sơ đồ ngược, khởi đầu là sự xây dựng mục tiêu, CĐR với sự tham gia của tất cả các bên liên quan thông qua việc khảo sát lấy ý kiến. CTĐT thường xuyên được rà soát bổ sung, cập nhật những yêu cầu mới của xã hội cũng như những định hướng phát triển của ngành nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ vào trình độ bậc 7 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam theo quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 ; điểm C, khoản 2, điều 5 – Luật GDDH năm 2012 về mục tiêu của GDDH; điều 4 Thông tư số 17/2021/TT- BGDDT và sứ mạng, tầm nhìn của Trường Đại học Vinh thì mục tiêu tổng quát của CTĐT năm 2022 của ngành KHCT theo định hướng nghiên cứu được xác định là "Đào tạo ThS chuyên ngành KHCT có kiến thức thực tế và lý thuyết nâng cao, tiên tiến về lĩnh vực cây trồng; phát triển các kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp; có khả năng NCKH, quản lý quy trình sản xuất cây trồng; có năng lực đánh giá và cải tiến kỹ thuật để phát triển sản xuất cây trồng theo hướng nông nghiệp bền vững trong bối cảnh hội nhập quốc tế"; theo định hướng ứng dụng được xác định là "Đào tạo ThS chuyên ngành KHCT có kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên sâu về lĩnh vực cây trồng; phát triển các kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp; có khả năng ứng dụng KHCN, quản lý quy trình sản xuất cây trồng; có năng lực vận hành và cải tiến kỹ thuật để phát triển sản xuất cây trồng theo hướng nông nghiệp bền vững trong bối cảnh hội nhập quốc tế"[H1.01.01.01]

Mục tiêu CTĐT ngành KHCT được Hội đồng Khoa học và đào tạo Viện NN&TN, Ban soạn thảo CTĐT cùng với các cán bộ, GV tham gia giảng dạy trong Bộ môn KHCT xây dựng dựa trên kết quả khảo sát các bên liên quan, nhu cầu của thị trường lao động theo các bước: (1) lập kế hoạch xây dựng/rà soát mục tiêu CTĐT từ cấp Trường xuống Hội đồng Khoa học Viện; (2) Thực hiện lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan; (3) Sau

khi có kết quả khảo sát, Ban soạn thảo CTĐT sẽ phân tích kết quả khảo sát, xây dựng mục tiêu CTĐT, trình Hội đồng Khoa học Viện xem xét, góp ý, hoàn thiện, gửi cấp Trường nghiệm thu, phê duyệt và ban hành công khai trên nhiều phương thức khác nhau, [H1.01.01.02]. Công tác xây dựng, rà soát, sửa đổi, hoàn thiện mục tiêu CTĐT được thực hiện theo yêu cầu của Nhà trường và theo Quy định của Bộ GD&ĐT. Trong giai đoạn 2019 – 2023, mục tiêu CTĐT của ngành KHCT được xây dựng, rà soát, sửa đổi 3 lần năm 2017 áp dụng từ khóa 25, năm 2022 dành cho khóa 30 và năm 2023 dành cho khóa 31 [H1.01.01.03]. Vì vậy, mục tiêu CTĐT của ngành KHCT được xây dựng rõ ràng, theo quy trình từ lập kế hoạch, thực hiện, cải tiến.

Theo Điều 5 điểm 2 (Luật GDDH, 2012) mục tiêu cụ thể của đào tạo trình độ ThS là: Đào tạo trình độ ThS để HV có kiến thức khoa học nền tảng, có kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu về một lĩnh vực khoa học hoặc hoạt động nghề nghiệp hiệu quả, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo [H1.01.01.04]. Mục tiêu chung CTĐT ngành KHCT được xây dựng ở thời điểm 2017 áp dụng từ khóa 25 trở đi được ban hành theo Quyết định số 2009/QĐ-ĐHV ngày 21/09/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh xác định: “*NH sau khi tốt nghiệp CTĐT ThS chuyên ngành KHCT có kiến thức lý thuyết vững chắc; có kỹ năng chuyên sâu về nghiên cứu; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề trong thực tiễn sản xuất cây trồng*” [H1.01.01.05].

Mục tiêu này cũng phù hợp với mục a, điểm 2 Điều 1 Quyết định 1982 về phê duyệt Khung trình độ quốc gia và Điều 5 về mục tiêu GDDH của Luật GDDH 2012 số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 [H1.01.01.06].

Bên cạnh đó, khi tiến hành đối sánh mục tiêu CTĐT của ngành KHCT bậc sau đại học của Trường Đại học Vinh với mục tiêu CTĐT của ngành KHCT bậc sau đại học của Học viện nông nghiệp Việt Nam và trường đại học Oregon State, Mỹ cho thấy mục tiêu CTĐT có nhiều điểm tương đồng như mục tiêu hướng tới để NH có thể đạt được và định hướng việc làm sau tốt nghiệp là khá rõ ràng. CTĐT đều nhấn mạnh mục tiêu của chương trình được thiết kế là trang bị cho NH kiến thức sâu về chuyên môn KHCT; Đào tạo HV có phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp. Quan trọng nhất là CTĐT đều hướng đến mục tiêu đặc thù cho việc đào tạo HV có kiến thức, năng lực tự chủ và có kỹ năng tự phát triển các hướng nghiên cứu hoặc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất [H1.01.01.07]. Như vậy, mục tiêu của CTĐT ngành KHCT bậc sau đại học xây dựng phù hợp với mục tiêu GDDH được quy định trong Luật GDDH.

Mục tiêu của CTĐT ngành KHCT bậc sau đại học phù hợp với Sứ mạng và Tâm nhìn của trường Đại học Vinh. Sứ mạng và Tâm nhìn của Trường Đại học Vinh được ban hành kèm theo Quyết định số 3719/QĐ-ĐHV ngày 30 /12/2019 cụ thể: sứ mạng: “Trường Đại học Vinh là cơ sở GDDH đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, NCKH, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt

của NH; Tầm nhìn là “ Trường Đại học Vinh trở thành Đại học Vinh trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN”. Khi xây dựng mục tiêu của CTĐT, các thành viên soạn thảo gồm các chuyên gia, nhà nghiên cứu, GV của Ngành đã lồng ghép tinh thần của Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường, cũng như định hướng kế hoạch phát triển trong giai đoạn tới của Nhà trường vào mục tiêu của CTĐT [H1.01.01.08]. Như vậy, mục tiêu CTĐT ngành KHCT năm 2023 áp dụng đào tạo từ khóa 31 đã được rà soát, sửa đổi phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn của Nhà trường theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 18/10/2022 về sứ mạng: “Trường Đại học Vinh là cơ sở GDDH đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển GD&ĐT khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế”; Tầm nhìn là “ Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á vào năm 2030, hướng đến top 1000 đại học hàng đầu thế giới năm 2045” [H1.01.01.09].

Cụ thể, mục tiêu CTĐT trình độ ThS ngành KHCT được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Viện NN&TN tổ chức phản biện, thẩm định và trình Hiệu trưởng phê duyệt CTĐT năm 2023 như sau:

Mục tiêu chung theo định hướng nghiên cứu: CTĐT trình độ ThS chuyên ngành KHCT nhằm giúp NH có kiến thức lí thuyết và thực tiễn nâng cao, phương pháp nghiên cứu hiện đại về lĩnh vực cây trồng; phát triển các kĩ năng và phẩm chất nghề nghiệp; có khả năng NCKH, quản lí các quy trình, hệ thống sản xuất cây trồng; có năng lực đánh giá và cải tiến kĩ thuật để phát triển sản xuất cây trồng theo hướng nông nghiệp bền vững trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Với 04 mục tiêu cụ thể như sau: Mục tiêu 1: Áp dụng thành thạo các kiến thức lí thuyết và thực tiễn nâng cao, phương pháp nghiên cứu hiện đại về KHCT để phát triển nghề nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất cây trồng, góp phần phát triển bền vững ngành nông nghiệp; Mục tiêu 2: Hoàn thiện kĩ năng tư duy phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến; kĩ năng nghiên cứu phát triển, chuyển đổi số phù hợp trong lĩnh vực KHCT; Mục tiêu 3: Phát triển kĩ năng quản lí; kĩ năng giao tiếp để truyền đạt tri thức, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học trong lĩnh vực cây trồng phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế; Mục tiêu 4: Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai các NCKH để phát triển sản phẩm, quy trình, hệ thống sản xuất cây trồng phù hợp với bối cảnh xã hội và nghề nghiệp.

Mục tiêu chung theo định hướng ứng dụng: CTĐT trình độ ThS chuyên ngành KHCT nhằm giúp NH có kiến thức lí thuyết và thực tiễn chuyên sâu, công nghệ mới về lĩnh vực cây trồng; phát triển các kĩ năng và phẩm chất nghề nghiệp; có khả năng ứng dụng KHCN, triển khai các quy trình, hệ thống sản xuất cây trồng; có năng lực vận hành và cải tiến kĩ thuật để phát triển sản xuất cây trồng theo hướng nông nghiệp bền vững trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Với 04 mục tiêu cụ thể như sau: Mục tiêu 1: Áp dụng thành thạo các kiến thức lí thuyết và thực tiễn chuyên sâu, công nghệ mới về KHCT để phát triển nghề nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất, góp phần phát triển bền vững ngành

nông nghiệp; Mục tiêu 2: Hoàn thiện kỹ năng tư duy phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá thông tin một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng chuyển đổi số và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực KHCT; Mục tiêu 3: Phát triển kỹ năng quản lý; kỹ năng giao tiếp để tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và cập nhật công nghệ mới trong lĩnh vực KHCT phù hợp bối cảnh hội nhập quốc tế; Mục tiêu 4: Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành và cải tiến sản phẩm, quy trình, hệ thống sản xuất cây trồng phù hợp với bối cảnh xã hội và nghề nghiệp. Như vậy, mục tiêu cụ thể của CTĐT năm 2023 đã có sự cập nhật hơn so với năm 2022 thể hiện rõ ở mục tiêu vận dụng tư duy phản biện, phân tích, tổng hợp, đánh giá và phát triển kỹ năng quản lý, giao tiếp, chuyển giao... [H1.01.01.10]

2. Điểm mạnh

Mục tiêu CTĐT của ngành KHCT bậc sau đại học được xây dựng theo tiếp cận CDIO và nhấn mạnh về phát triển năng lực bao gồm: hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành và cải tiến hoạt động. Bên cạnh đó, mục tiêu CTĐT của ngành KHCT phù hợp với sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của Luật GDDH; được xác định và mô tả rõ ràng trong bản mô tả CTĐT, có Quyết định ban hành và được công khai trên website của Nhà trường; được định kỳ rà soát, chỉnh sửa và bổ sung.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành khảo sát, và lấy ý kiến góp ý các bên liên quan về Mục tiêu của CTĐT một cách rộng rãi, toàn diện hơn	Bộ phận ĐBCL, bộ môn KHCT	Năm 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, chỉnh sửa và bổ sung Mục tiêu đào tạo và CDR của CTĐT trình độ ThS ngành KHCT	Ban phát triển CTĐT, Hội đồng KH&ĐT Viện	Năm 2025	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 1.2. CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

1. Mô tả hiện trạng

CDR của CTĐT trình độ ThS ngành KHCT được xây dựng theo 02 định hướng nghiên cứu, ứng dụng và xác định những kiến thức, kỹ năng, thái độ, giá trị và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm mà HV ngành KHCT cần đạt được khi tốt nghiệp, được mô

tả cụ thể, rõ ràng, đo lường và đánh giá được, phù hợp với mục tiêu của CTĐT, phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam theo quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016, Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT và sứ mạng, tầm nhìn của Trường Đại học Vinh và được công bố rộng rãi cho NH, GV và các bên liên. CDR của CTĐT là cam kết của Nhà trường với NH và xã hội về chất lượng của ngành đào tạo [H1.01.02.01].

CDR của CTĐT ngành KHCT được mô tả năm 2017 công bố theo quyết định số 1486/QĐ-ĐHV ngày 04 tháng 5 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh [H1.01.02.02]. Hằng năm CDR được rà soát, điều chỉnh và phát triển theo quy trình chặt chẽ phù hợp với quy định theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT và dựa trên sứ mạng, mục tiêu chung của Nhà trường, mục tiêu của CTĐT đã xây dựng [H1.01.02.03]. Việc xây dựng và phát triển CDR được tiến hành bởi Hội đồng Khoa học và đào tạo Viện NN&TN, Ban soạn thảo CTĐT cùng với cán bộ, GV tham gia giảng dạy trong Bộ môn KHCT, với sự tham gia của các bên liên quan khảo sát và góp ý, được thẩm định và phê duyệt bởi hội đồng KH&ĐT Viện [H1.01.02.04].

Công tác xây dựng, rà soát, sửa đổi, hoàn thiện mục tiêu CTĐT được thực hiện sau mỗi khóa học. Trong giai đoạn 2019 – 2023 CDR CTĐT trình độ ThS của ngành KHCT được xây dựng, rà soát, cập nhật, chỉnh sửa 3 lần với các khóa 25 (năm 2017-2019), 30 (năm 2022 - 2024) và 31 (2023 -2025) [H1.01.02.05]. Vì vậy, CDR CTĐT của ngành KHCT được xây dựng theo quy trình rõ ràng, gồm các bước: (1) Thành lập Ban xây dựng CDR; (2) Xây dựng kế hoạch thực hiện; (3) Xây dựng dự thảo CDR CTĐT; (4) Khảo sát ý kiến các bên liên quan về CDR; (5) Hoàn thiện CDR sau khảo sát; (6) Hội thảo tham vấn các bên liên quan và chuyên gia; (7) Hoàn thiện, phê duyệt và công bố CDR [H1.01.02.06].

CDR đã xác định rõ ràng những yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt cho NH tốt nghiệp. CDR của CTĐT nêu cụ thể kiến thức và lập luận ngành; kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; Năng lực CDIO (Năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành và cải tiến hoạt động trong lĩnh vực KHCT). Các nội dung chủ đề CDR cấp độ 3 được phân nhiệm rõ ràng trong ma trận CDR – môn học; ma trận kỹ năng ngành KHCT và hồ sơ các sản phẩm năm 2022, đề tài CDIO 2023 và được công bố trên trang thông tin điện tử của CSGD/Viện có đề cập đến CDR của CTĐT [H1.01.02.07]. Cụ thể:

Về nội dung kiến thức và lập luận ngành, HV tốt nghiệp CTĐT ThS ngành KHCT phải vận dụng được kiến thức lý thuyết về triết học, ngoại ngữ ; phân tích được kiến thức cơ sở ngành và liên ngành; kiến thức chuyên ngành (Phân tích được kiến thức chuyên sâu, hiện đại trong nghiên cứu và ứng dụng để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn sản xuất cây trồng).

Về kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp HV tốt nghiệp ThS ngành KHCT phải hoàn thiện được kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo; Kết hợp được kỹ năng nghiên cứu phát triển, chuyển đổi số, sử dụng các công nghệ phù hợp; phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp (Tôn trọng và chấp hành đạo đức nghiên cứu,

liên chính học thuật; có ý thức tổ chức kỷ luật, tích cực, chủ động tích lũy kiến thức và phát triển nghề nghiệp thích ứng với môi trường khác nhau; Khuyến khích khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân; đưa ra những quyết định mang tính chuyên gia và chịu trách nhiệm với những kết luận chuyên môn thuộc lĩnh vực KHCT).

Về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, HV tốt nghiệp ThS ngành KHCT phải phát triển được kỹ năng hợp tác và lãnh đạo trong các hoạt động chuyên môn (Kết hợp hiệu quả với các bên liên quan; Phát triển được kỹ năng lãnh đạo nhóm để tổ chức quản lý các hoạt động trong lĩnh vực KHCT). Thành thực được kỹ năng giao tiếp để truyền đạt tri thức, thảo luận các vấn đề chuyên môn (Thành thực sử dụng các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức, thảo luận, tập huấn và chuyên giao tiến bộ kỹ thuật trong nghiên cứu, phát triển sản xuất cây trồng; Thành thực việc sử dụng ngoại ngữ bậc 4/6)

Về năng lực CDIO, NH tốt nghiệp phải phân tích được bối cảnh nghề nghiệp, xã hội; Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành hệ thống và hoạt động KHCT.

CĐR của CTĐT ngành KHCT thể hiện được triển vọng nghề nghiệp trong tương lai. Các CĐR được phân nhiệm đến từng môn học và có thang năng lực để đảm bảo đo lường đánh giá được. CTĐT trình độ ThS ngành KHCT được xây dựng theo tiếp cận CDIO và CTĐT ngành KHCT phù hợp với CĐR CTĐT quy định tại điều 5 Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT (ngày 22 tháng 6 năm 2021), Luật GDDH 2012, Luật GDDH sửa đổi 2018, Khung trình độ quốc gia (Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016) [H1.01.02.08]. Bên cạnh đó, khi xây dựng, rà soát thì Ban soạn thảo đã tiến hành đối sánh CĐR CTĐT của ngành KHCT với Học viện nông nghiệp Việt Nam và trường đại học Oregon State, Mỹ có đào tạo ngành KHCT cho thấy CĐR CTĐT có nhiều điểm tương đồng [H1.01.02.09]. Chất lượng đầu ra của HV đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về nhân lực cho các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, nghiên cứu và giảng dạy về lĩnh vực KHCT [H1.01.02.10].

2. Điểm mạnh

CĐR của ngành KHCT được xây dựng theo một quy trình khoa học, chặt chẽ, theo tiếp cận CDIO, phân chia mục tiêu thành 4 trụ cột và nhấn mạnh về Năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và cải tiến hoạt động dạy học, giáo dục và NCKH đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Bên cạnh đó, CĐR của ngành KHCT được mô tả cụ thể, rõ ràng súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT và thường xuyên được rà soát, bổ sung điều chỉnh, đảm bảo tính đo lường và đánh giá được.

3. Điểm tồn tại

Việc phân nhiệm CĐR từ cấp độ Chương trình đến CĐR từng học phần đã được thực hiện, một số học phần còn nhiều CĐR phân nhiệm, việc đánh giá một số học phần theo CĐR năng lực còn gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
----	----------	----------	------------------------	--------------------------------	---------

1	Khắc phục tồn tại	Đề xuất xây dựng quy định đánh giá theo CDR CTĐT ngành KHCT	Bộ phận ĐBCL của Viện NN&TN; Bộ môn KHCT	Năm 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện CDR theo hướng tiếp cận CDIO (tiếp cận năng lực phù hợp với nhu cầu xã hội)	Ban phát triển CTĐT, Hội đồng KH&ĐT Viện NN&TN	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 1.3. CDR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả hiện trạng

CDR của CTĐT trình độ ThS ngành KHCT là bản cam kết của Trường Đại học Vinh với NH, với xã hội về trình độ tối thiểu mà NH đạt được khi tốt nghiệp về kiến thức, kỹ năng phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, năng lực thực hành nghề nghiệp, Trong quá trình xây dựng, cập nhật CDR của CTĐT, Nhà trường đã thực hiện việc khảo sát ý kiến của các bên liên quan (nhà sử dụng lao động; nhà quản lý; GV; HV và cựu HV) [[H1.01.03.01](#)]. Thông tin phản hồi của các bên liên quan là cơ sở quan trọng để Viện xây dựng và cập nhật CDR. Vì vậy, CDR của CTĐT trình độ ThS ngành KHCT đã phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là nhà sử dụng lao động [[H1.01.03.02](#)].

CDR của CTĐT trình độ ThS ngành KHCT được rà soát, điều chỉnh và cập nhật qua các phiên bản hàng năm để phù hợp với thực tế. CDR phiên bản 2022, có sự điều chỉnh và cập nhật trên cơ sở Nhà trường xây dựng và phát triển CTĐT theo tiếp cận CDIO, CDR được xây dựng dựa trên 4 trụ cột là (1) Kiến thức và lập luận ngành; (2) Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; (3) Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; (4) Năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành (Năng lực CDIO), CDR thể hiện rõ trình độ năng lực của NH đạt được, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp và khả năng học tập suốt đời của HV (Quyết định số 1738/QĐ-ĐHV ngày 18/7/2022 về việc ban hành CTĐT trình độ ThS của Trường Đại học Vinh, theo kế hoạch số 06/KH-ĐHV ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Nhà trường về Rà soát, điều chỉnh, cập nhật các CTĐT ThS năm học 2022) [[H1.01.03.03](#)]; kế hoạch 64/KH-ĐHV ngày 6 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Nhà trường về triển khai các đề tài KHCN trọng điểm cấp trường "Phát triển CTĐT trình độ ThS theo tiếp cận CDIO năm 2023" [[H1.01.03.04](#)]. Kết quả của các lần rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CDR của CTĐT ngành KHCT từ 2019 - 2023 là CDR của CTĐT trình độ ThS đã được định lượng, súc tích, năng lực CDR đảm bảo, bám sát vào các yêu cầu kết quả khảo sát của các bên liên quan. Cụ thể, CDR cấp độ 3 được ban hành năm 2022 có 16 CDR; đến năm 2023 điều chỉnh, cập nhật và bổ sung CDR về kỹ năng phối hợp các bên liên quan, kỹ năng chuyển đổi số và năng lực

tư vấn chuyên môn về vận hành, cải tiến quy trình kỹ thuật sản xuất nên CĐR cấp độ 3 được bổ sung 18 CĐR (áp dụng từ khóa 31). Bên cạnh đó, CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHCT phiên bản năm 2023 đã tập trung nhiều vào đánh giá kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm. CĐR của CTĐT trình độ ThS theo định hướng nghiên cứu được xây dựng để NH hình thành ý tưởng, hoàn chỉnh ý tưởng, thiết kế, tổ chức triển khai và đề xuất được giải pháp nâng cao chất lượng và phát triển các hướng nghiên cứu mới về lĩnh vực cây trồng phù hợp với yêu cầu chuyên môn và thực tiễn. Trong khi đó, định hướng ứng dụng được xây dựng để NH hình thành ý tưởng, hoàn chỉnh ý tưởng, thiết kế, tổ chức triển khai, đề xuất được giải pháp vận hành, cải tiến sản phẩm, quy trình, hệ thống sản xuất cây trồng phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHCT được công bố rộng rãi, công khai cho NH và các bên liên quan trên các phương tiện như website của Nhà trường, subweb của Viện NN&TN; các tài liệu quảng bá tuyển sinh và bản in về CTĐT trình độ ThS ngành KHCT [H1.01.03.05]. CĐR của CTĐT được công bố công khai tạo điều kiện để Nhà trường, GV thiết kế và vận hành chương trình dạy học; NH xây dựng kế hoạch học tập đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực nghề nghiệp chuyên môn, vị trí việc làm có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp; là căn cứ để nhà sử dụng lao động đánh giá và tuyển dụng các vị trí công việc cũng như là để các bên liên quan kiểm tra và giám sát hoạt động đào tạo.

Trong giai đoạn 2019 - 2023, CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KHCT đã được xây dựng và thường xuyên rà soát điều chỉnh, bổ sung và cập nhật liên tục dựa trên các yêu cầu của các bên liên quan, xu hướng của thế giới và thực tiễn dạy học, được công bố công khai và rộng rãi, thể hiện sự cam kết của Nhà trường về chất lượng đào tạo của chương trình. Việc xây dựng, cập nhật và công khai CĐR của CTĐT là cơ sở để Nhà trường cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT đã được xây dựng một cách khoa học, chú trọng đến các yêu cầu của các bên liên quan và vị trí việc làm, khả năng thăng tiến của HV sau khi tốt nghiệp, được thường xuyên rà soát, chỉnh sửa và cập nhật, đáp ứng yêu cầu công tác ở các trung tâm nghiên cứu, viện nghiên cứu, cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, tập đoàn chuyên sản xuất, kinh doanh lĩnh vực sản xuất cây trồng.

CĐR của CTĐT được công bố công khai rộng rãi là cơ sở để HV xây dựng kế hoạch học tập chủ động cho toàn khóa học, phản ánh sứ mạng của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Việc thu thập thông tin phản hồi về CĐR của các GV và cựu HV, và các nhà sử dụng lao động chưa được thường xuyên và rộng rãi. Số lượng các nhà sử dụng lao động, NH góp ý kiến về CĐR đang còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người	Thời gian thực	Ghi chú
----	----------	----------	--------------	----------------	---------

			thực hiện	hiện/ hoàn thành	
1	Khắc phục tồn tại	Đề xuất điều chỉnh: Tăng số lượng, mở rộng đối tượng khảo sát đặc biệt là các nhà sử dụng lao động để đảm bảo CDR phản ánh được chính xác nhu cầu thị trường lao động.	Nhà Trường, Viện NN&TN	Năm 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ thực hiện rà soát, đa dạng các hình thức phổ biến CDR CTĐT đến các bên liên quan	Viện NN&TN	Định kỳ	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT trình độ ThS ngành KHCT đã xác định rõ ràng hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, GV nhằm hoàn thành tốt mục tiêu đề ra.

CDR của CTĐT trình độ ThS ngành KHCT được thiết kế phát huy năng lực nghề nghiệp, chủ động, sáng tạo của HV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho HV chủ động trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía GV, trợ lý đào tạo, chủ nhiệm lớp hoặc cố vấn học tập. Qua đó, HV có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như phẩm chất cá nhân cần thiết.

CDR của CTĐT trình độ ThS ngành KHCT được công bố công khai đến các bên liên quan với nhiều hình thức khác nhau, đặc biệt được phổ biến cho HV ngay từ đầu để chủ động xây dựng kế hoạch cho toàn khóa học và luôn được thể hiện cụ thể trong từng học kỳ, ở từng học phần cụ thể.

Tuy nhiên, việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu, CDR của CTĐT mới được thực hiện theo hướng dẫn, quy định của Nhà trường; số lượng nhà tuyển dụng, chuyên gia tham gia công tác xây dựng và rà soát CDR của CTĐT còn chưa nhiều; Ngành KHCT cần chủ động tiến hành công việc này theo từng năm, tạo nhiều kênh thông tin để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của HV, cựu HV, nhà tuyển dụng.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả CTĐT

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT là tài liệu chính thức của Nhà trường nhằm cung cấp thông tin đầy đủ và cần thiết về mỗi CTĐT cho NH, người dạy, nhà tuyển dụng, nhà quản lý, cho các đối tượng trong hoạt động tuyển sinh và các bên liên quan khác. Bản mô tả CTĐT được xây dựng và ban hành theo biểu mẫu quy định thống nhất của Nhà trường và phù

hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT, với đầy đủ các thông tin theo quy định, phù hợp với các quy định, sứ mạng của Nhà trường, có cấu trúc cân đối giữa các khối kiến thức trong tổng thể CTĐT, được định kỳ rà soát bổ sung (2017, 2022, 2023). Các học phần trong CTĐT đảm bảo tính logic, hợp lý, cân đối phù hợp với tổng thể đáp ứng nhu cầu NH trong bối cảnh thực tiễn. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần thể hiện CTĐT được thiết kế rõ ràng, có cấu trúc đảm bảo logic và chứng minh tính khả thi của việc thực hiện các mục tiêu và CDR, tạo điều kiện cho NH và người dạy cũng như các nhà quản lý và các bên liên quan dễ dàng triển khai thực hiện, kiểm tra đánh giá và cải tiến CTĐT.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật

1. *Mô tả hiện trạng*

Bản mô tả CTĐT trình độ ThS ngành KHCT (KHCT) năm 2017, 2022, 2023 được xây dựng dựa trên các văn bản triển khai của Nhà trường, phù hợp với quy định của Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bản mô tả CTĐT trình độ ThS ngành KHCT được Viện NN&TN thiết kế và biên soạn dựa trên các văn bản hướng dẫn được Trường Đại học Vinh ban hành, được Hiệu trưởng phê duyệt sau khi Hội đồng KH&ĐT Viện thông qua. Bản mô tả CTĐT trình độ ThS ngành KHCT năm 2017 bao gồm các nội dung chính [H2.02.01.01]:

1) Thông tin chung: giới thiệu các thông tin chung về CTĐT: tên cơ sở đào tạo và cấp bằng Trường Đại học Vinh; tên gọi văn bằng; Bằng tốt nghiệp ThS KHCT; tên CTĐT là KHCT trình độ ThS, thời gian đào tạo 2 năm, hình thức đào tạo chính qui – tập trung.

2) Mục tiêu của CTĐT

3) Kiến thức, kỹ năng và thái độ trang bị cho NH

4) Vị trí việc làm và khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

5) Tuyển sinh

6) Điều kiện bảo vệ luận văn

7) Điều kiện tốt nghiệp

8) Chương trình dạy học: cấu trúc CTDH được phân thành học phần chung (Triết học và Ngoại ngữ 6 tín chỉ), học phần cơ sở ngành (24 tín chỉ), học phần chuyên ngành (15 tín chỉ), luận văn tốt nghiệp (15 tín chỉ).

9) Chương trình dạy học được mô tả thông qua khung chương trình, đơn vị phụ trách, danh sách đội ngũ tham gia đào tạo và mô tả văn tắt học phần.

10) Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị

11) Cách thức đánh giá kết quả học tập: Năm 2017 (K25), qui định điểm học phần bao gồm điểm điểm chuyên cần và thái độ, điểm giữa kỳ (bài tiểu luận) và thi viết cuối kỳ. Điểm học phần quy định theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Năm 2018, nhằm cải tiến chất lượng dạy học và phát triển CTĐT, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra đánh giá, nhà trường hướng dẫn công tác khảo thí trong đào tạo trình độ ThS áp dụng từ khóa 26. Theo đó HV phải tham gia diễn đàn

học tập, truy cập bài giảng và học liệu được GV cung cấp qua hệ thống LMS, yêu cầu HV phải xem tối thiểu 80% bài giảng E-learning. HV phải tham dự ít nhất 80% thời gian học trên lớp và chỉ được tham dự thi kết thúc học phần nếu điểm quá trình đạt từ 5,0 trở lên. Các điểm thành phần và điểm học phần được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân [H2.02.01.02].

Trước thách thức về Hội nhập quốc tế và đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, Nhà trường đã xây dựng và phát triển CTĐT cho tất cả các ngành đào tạo đại học và chuyên ngành đào tạo sau đại học theo tiếp cận CDIO từ năm 2019, nhưng đến năm 2022, nhà trường thực hiện rà soát, chỉnh sửa, cập nhật các CTĐT trình độ ThS tiếp cận CDIO với định hướng đẩy mạnh năng lực CDIO của NH, tăng cường trải nghiệm nghề nghiệp, nâng cao chuẩn CNTT và ngoại ngữ, chú trọng dạy học dựa trên dự án, triển khai triệt để đánh giá dựa trên CDR [H2.02.01.03]. Theo đó, CTĐT trình độ ThS ngành KHCT được xây dựng theo tiếp cận năng lực CDIO theo hai định hướng nghiên cứu và ứng dụng [H2.02.01.01]. Website của Trường có trang thông tin và hướng dẫn về xây dựng CTĐT theo tiếp cận CDIO [H2.02.01.03]. Bản mô tả CTĐT được xây dựng mới theo tiếp cận năng lực CDIO trên cơ sở đóng góp ý kiến của các bên liên quan [H2.02.01.04] và có sự đối sánh CTĐT trong và ngoài nước [H2.02.01.05]. Bản mô tả CTĐT năm 2022 được xây dựng và cập nhật theo văn bản hướng dẫn bao gồm các nội dung chính: (1) Giới thiệu về trường Đại học Vinh, Viện NN&TN, ngành KHCT. (2) CTĐT gồm: (i) Thông tin chung: Tên ngành đào tạo – KHCT; Mã số ngành đào tạo 8620110; Trình độ đào tạo – ThS; Thời gian đào tạo 1,5-2 năm. Tên văn bằng tốt nghiệp – ThS KHCT; hình thức đào tạo – chính qui tập trung; Số tín chỉ đào tạo 60; đánh giá theo thang điểm 10. (ii) Mục tiêu của CTĐT: bao gồm mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể; (iii) CDR; (iiii) Đối sánh với khung trình độ quốc gia; (iv) Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; (v) Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp; (vi) Phương pháp giảng dạy và học tập; (viii) Phương pháp kiểm tra, đánh giá; (ix) Đối sánh CTĐT trình độ ThS KHCT trong và ngoài nước. (3) Cấu trúc chương trình dạy học: Cấu trúc chương trình dạy học; Các học phần theo mô-đun; Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT; Kế hoạch giảng dạy; Sơ đồ cấu trúc của chương trình dạy học; Ma trận kỹ năng. (4). Mô tả tóm tắt các nhóm học phần.

Bản mô tả CTĐT được công bố công khai, dễ tiếp cận với nhiều hình thức khác nhau [H2.02.01.06] và được định kỳ cập nhật những vấn đề mới nhất.

Bảng 2.1. Điểm thay đổi trong các Bản mô tả CTĐT trình độ ThS ngành KHCT giai đoạn 2017 - 2023

Nội dung	Khóa 25 (2017 -2019)	Khóa 30 (2022-2024)	Khóa 31 (2023 - 2025)
Thời gian đào tạo	2 năm	1,5-2 năm	2 năm
Mục tiêu và CDR, ma trận	Đào tạo theo học chế tín chỉ	Theo 4 trụ cột của CDIO gồm 3 cấp độ	Theo 4 trụ cột của CDIO gồm 3 cấp độ

			Có sự cập nhật thể hiện rõ ở mục tiêu vận dụng tư duy phản biện, phân tích, tổng hợp, đánh giá và phát triển kỹ năng quản lý, giao tiếp, chuyển giao
		CDR được đối sánh với khung trình độ quốc gia Việt Nam; ma trận phân nhiệm CDR của CTĐT cho từng học phần Mục tiêu - CDR được đối sánh với với trường Đại học trong và ngoài nước	CDR được đối sánh với khung trình độ quốc gia Việt Nam; CDR cấp độ 3 được phân nhiệm rõ ràng trong ma trận CDR – môn học; ma trận kỹ năng ngành KHCT
Số tín chỉ	60 tín chỉ	60 tín chỉ	60 tín chỉ
Số học phần	20 học phần	23 học phần bao gồm luận văn tốt nghiệp	23 học phần (khung ứng dụng) 22 học phần (khung nghiên cứu) bao gồm luận văn/thực tập, đồ án

Năm 2023, bản mô tả CTĐT của ngành ThS KHCT tiếp tục được rà soát, điều chỉnh và cập nhật theo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và của trường Đại học Vinh. Bản mô tả CTĐT trình độ ThS KHCT được điều chỉnh một số nội dung so với phiên bản trước. Trong đó, thời gian đào tạo 2 năm, tổng số lượng tín chỉ toàn bộ khóa học là 60 với tổng số 23 học phần cho khung ứng dụng (trong đó số học phần thực học là 17), 22 học phần cho khung nghiên cứu (trong đó số học phần thực học là 16) [H2.02.01.07]. Bản mô tả CTĐT đã thể hiện mục tiêu và CDR CTĐT trình độ ThS ngành KHCT bao gồm kiến thức, kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp, năng lực CDIO theo chuyên ngành, khối ngành và theo lĩnh vực.

Như vậy, từ năm 2017 đến nay, CTĐT trình độ ThS KHCT đã được rà soát, cập nhật 3 lần (năm 2017-2021; 2022; 2023), qua đó đã cập nhật các yêu cầu về nội dung

và hình thức nhằm tăng tính logic giữa CDR của CTĐT, phân nhiệm cho các học phần, chất lượng các sản phẩm liên quan; tăng tính gắn kết nội dung dạy học của một số học phần với mục tiêu học phần và CDR học phần; đa dạng hình thức tổ chức dạy học, thể hiện nổi bật các hoạt động dạy học tích cực, phát huy năng lực NH thông qua làm việc nhóm, học tập trải nghiệm, học tập bằng phương pháp đồ án, dự án; CTĐT được tăng thời lượng thực hành, thực tập nghề... Qua các lần rà soát, các nội dung CDR được đối sánh với một số CTĐT trong và ngoài nước, qua đó cập nhật các năng lực cần thiết vào CDR của CTĐT.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT trình độ ThS ngành KHCT đã trình bày đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện chương trình giảng dạy, hỗ trợ NH trong quá trình đào tạo, đảm bảo các yêu cầu trong công tác quản lý. Bản mô tả CTĐT trình độ ThS ngành KHCT cũng thường xuyên được cập nhật về nội dung và hình thức nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ đào tạo và nhu cầu xã hội.

3. Điểm tồn tại

Quá trình cập nhật CTĐT có tham chiếu và đối sánh với CTĐT trong nước và của các nước trên thế giới nhưng chưa nhiều, thông tin phản hồi từ các bên liên quan làm cơ sở cho việc cập nhật chưa phong phú.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Thu thập đầy đủ thông tin phản hồi từ HV, cựu HV, nhà tuyển dụng, GV và cán bộ tham gia đào tạo	Trung tâm ĐBCL, Ban phát triển CTĐT Bộ môn KHCT	Định kỳ hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, chỉnh sửa, cập nhật bản mô tả CTĐT ngành ThS KHCT	Bộ môn KHCT Viện NN&TN Ban phát triển CTĐT; Phòng ĐT Sau đại học	Định kỳ 2 năm/ lần	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Đề cương các học phần trong CTĐT trình độ ThS ngành KHCT được trình bày theo biểu mẫu của Nhà trường ban hành phù hợp với yêu cầu hiện hành của Bộ GD&ĐT. Năm 2017, CTĐT trình độ ThS KHCT xây dựng theo Thông tư số 15/2014/TT -BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 [H2.02.02.01]. Đến năm 2022, CTĐT trình độ ThS ngành

KHCT được rà soát, điều chỉnh theo tiếp cận năng lực CDIO theo hai định hướng nghiên cứu và ứng dụng. Bộ môn KHCT, Viện NN&TN đã phân công cán bộ biên soạn đề cương môn học theo yêu cầu, hướng dẫn của Nhà trường. 100% đề cương môn học trong CTĐT có đầy đủ các thông tin như sau:

1) Thông tin tổng quát đảm bảo đầy đủ các thông tin cơ bản về GV đảm nhiệm giảng dạy học phần; thông tin về học phần thuộc học phần bắt buộc hay tự chọn, học phần học trước....

2) Mô tả học phần: Khái quát được các thông tin về vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT; khái quát được những điểm đặc trưng của học phần; mô tả tóm tắt kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm mà NH sẽ đạt được sau khi hoàn thành học phần.

3) Mục tiêu của học phần: Trình bày tổng quát về kiến thức/kỹ năng/thái độ sẽ đạt được (phù hợp với CĐR CTĐT và TĐNL phân bổ cho học phần); thể hiện được sự học tập chủ động của NH (lấy NH làm trung tâm).

4) CĐR của học phần, PPDH, phương pháp đánh giá: mô tả rõ ánh xạ CĐR học phần với CĐR CTĐT; nội dung CĐR, PPDH và phương pháp đánh giá học phần cụ thể theo từng CĐR.

5) Đánh giá môn học: (i) Đánh giá học tập gồm đánh giá thường xuyên (50%) và đánh giá cuối kì (50%); Bài đánh giá thể hiện rõ những CĐR học phần được đánh giá và trọng số đóng góp của mỗi CĐR cho bài đánh giá..., nơi lưu bài kiểm tra. (ii) Các bộ tiêu chí đánh giá .

6) Tài liệu học tập

7) Kế hoạch dạy học: bao gồm i) Nội dung giảng dạy được trình bày theo chương mục, tham chiếu với các CĐR và các bài đánh giá tương ứng; ii) Kế hoạch giảng dạy được mô tả từng tuần, nêu rõ các nội dung và hình thức tổ chức dạy học, nội dung tự học và nghiên cứu của HV, tham chiếu với các CĐR và các bài đánh giá, iii) Phương tiện hỗ trợ dạy học: nêu rõ các trang thiết bị, điều kiện đặc thù để thực hiện các bài dạy học của học phần.

8) Thông tin ngày phê duyệt.

9) Thông tin cấp phê duyệt.

ĐCCT học phần được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT trình độ ThS theo tiếp cận CDIO, phải tích hợp giảng dạy kỹ năng với kiến thức, các CĐR của học phần thể hiện rõ thông qua ma trận CĐR của CTĐT. Các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá được lập kế hoạch và thiết kế dựa vào CĐR của học phần, đảm bảo cung cấp các hoạt động giảng dạy thúc đẩy việc học tập đáp ứng CĐR [H2.02.02.02]. Đây cũng là những yêu cầu mà ĐCCT học phần cần phải đạt được và cũng là điểm khác biệt so với đề cương của năm 2017.

Với những thông tin và cách mô tả như trên, cả GV và HV đều nắm vững những nội dung và mức độ yêu cầu cũng như các hướng dẫn cần thiết để thực hiện một cách chủ động các hoạt động dạy và học đảm bảo đạt CĐR mong muốn. Theo yêu cầu của

đề cương, mỗi HV sẽ có một hồ sơ học phần bao gồm các minh chứng về hoạt động học tập và kết quả tương ứng, giúp cho việc đánh giá mức độ đạt CĐR có cơ sở rõ ràng và minh bạch [H2.02.02.03]. Trong quá trình xây dựng và biên soạn đề cương học phần, bộ môn đã tổ chức các buổi semina để thảo luận góp ý xây dựng CĐR, bài đánh giá, nội dung của học phần, rubric đánh giá phù hợp cho từng học phần, đồng thời tổ chức nghiệm thu đề cương học phần trước khi đưa vào giảng dạy [H2.02.02.04].

Thực hiện kế hoạch năm 2023, Nhà trường ban hành Kế hoạch triển khai các đề tài KHCN trọng điểm cấp trường về “Phát triển CTĐT trình độ ThS theo tiếp cận CDIO năm 2023”. Theo đó đề cương học phần thuộc CTĐT trình độ ThS ngành KHCT được định kỳ rà soát, chỉnh sửa theo yêu cầu của Nhà trường. Điểm khác biệt của ĐCCT học phần năm 2023 (áp dụng từ K31) so với đề cương học phần năm 2022 (áp dụng cho K30) đó là CĐR học phần thể hiện rõ trọng số đóng góp của CĐR học phần cho CĐR của CTĐT và xây dựng ma trận tỷ lệ đánh giá mức năng lực của CĐR [H2.02.02.05].

ĐCCT học phần CTĐT trình độ ThS KHCT năm 2023 có đầy đủ các thông tin cần thiết giúp cho đơn vị quản lý đào tạo và phòng ban chức năng dễ dàng trong việc quản lý chất lượng và phục vụ đào tạo đáp ứng các yêu cầu của môn học, đồng thời giúp cho các bên liên quan có thông tin đầy đủ và minh bạch về môn học để giám sát quá trình đào tạo của chương trình. Đề cương học phần được chuẩn hóa trong toàn bộ CTĐT. Việc xây dựng đề cương học phần theo CĐR được rà soát, cập nhật. Đề cương học phần được rà soát, cập nhật thông tin về môn học, bổ sung CĐR, danh mục tài liệu, một số đề cương học phần dạy học theo đồ án/dự án được xây dựng [H2.02.02.06]. Các đề cương học phần đều tuân thủ quy định của trường, được tham chiếu, so sánh, tiếp thu và cập nhật từ những đề cương học phần trong các CTĐT của trường đại học tiên tiến trong và ngoài nước, có sự chọn lọc phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.

2. Điểm mạnh

Tất cả ĐCCT các học phần thuộc CTĐT đều được thiết kế khoa học, mô tả đầy đủ các thông tin và nội dung cần thiết cho người dạy, NH, người quản lý và các bộ phận hỗ trợ đào tạo, cũng như cho các bên liên quan để giám sát. ĐCCT được thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung về nội dung, bài đánh giá, bộ tiêu chí đánh giá, học liệu.

3. Điểm tồn tại

Phân tích dữ liệu đánh giá kết quả học tập của HV sau mỗi học phần chưa được tiến hành sâu đến các nội dung kiến thức trong mỗi học phần để có cơ sở cải tiến nội dung cụ thể và kế hoạch dạy học của từng học phần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Phân tích dữ liệu, thi kiểm tra và đánh giá một cách chi tiết	Trung tâm ĐBCL	Hàng năm	

		hơn, cung cấp thông tin cho GV để điều chỉnh ĐCCT			
2	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, cập nhật ĐCCT các học phần hằng năm, truyền thông rộng rãi đến từng HV và GV để thực hiện	Ban phát triển CTĐT, Hội đồng KH&ĐT ngành	Định kì 2 năm/lần	

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. *Mô tả hiện trạng*

Bản mô tả CTĐT trình độ ThS ngành KHCT đã phê duyệt được công bố công khai và giới thiệu bằng nhiều hình thức khác nhau. Bản mô tả CTĐT đã phê duyệt được công bố công khai theo quy định cho NH, cơ quan chủ quản, nhà sử dụng lao động thông qua nhiều hình thức khác nhau, như công bố trên website Nhà trường và Viện NN&TN, công bố trên trang đăng ký học của học viên [[H2.02.03.01](#)]. Viện NN&TN tổ chức gặp mặt và giới thiệu về các CTĐT cũng như truyền thống lịch sử phát triển của Viện NN&TN, qua đó CTĐT được truyền thông một cách hiệu quả. Một số thông tin về CTĐT được cung cấp cho các bên liên quan qua tài liệu quảng bá tuyển sinh, qua bài viết giới thiệu ngành đào tạo trên website [[H2.02.03.02](#)].

Tất cả ĐCCT của các học phần đều được cung cấp kèm theo bản mô tả CTĐT và 100% đề cương các môn học được các GV công bố công khai cho học viên tại lớp học trước khi bắt đầu môn học đó. Theo quy định của Nhà trường, ĐCCT của học phần phải được GV cung cấp và giới thiệu cụ thể cho học viên vào buổi đầu tiên của học phần, qua đó học viên nắm rõ thông tin học phần và nhận thức đầy đủ mục tiêu, CDR và các nội dung hoạt động dạy học, tiêu chí đánh giá của các bài đánh giá, nhiệm vụ học tập cũng như các sản phẩm học tập trong hồ sơ học phần của mình cần đạt được [[H2.02.03.03](#)]. Ngoài ra, Nhà trường đã sử dụng hệ thống quản lý học tập (LMS, Learning Management System), qua đó thông tin về học phần và giao tiếp dạy học của GV và học viên được kết nối và lưu trữ phục vụ quản lý và đánh giá kết quả dạy học một cách thuận lợi [[H2.02.03.04](#)].

Như vậy, với việc các thông tin của bản mô tả CTĐT được công khai trên các website của Nhà trường, các bên liên quan như cơ quan quản lý nhà nước, nhà sử dụng lao động, GV, NH, NH đã tốt nghiệp đều có thể tiếp cận bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng và thuận tiện nhất. Ngoài ra, để nhất quán trong quản lý, triển khai, điều hành và thực hiện dạy học CTĐT một cách đồng bộ, các bộ phận liên quan như Phòng đào tạo, trung tâm TH-TN, trung tâm ĐBCL, trường các Khoa/Viện, trường bộ môn, trợ lý đào tạo các Khoa/Viện đều có bản in toàn văn bản mô tả CTĐT.

2. *Điểm mạnh*

Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình lưu trữ và truyền tải các dữ liệu cần thiết liên quan đến CTĐT trên trang website của nhà trường, hệ thống phần mềm CMC, hệ thống LMS để học viên, GV, các nhà quản lý, doanh nghiệp và xã hội có thể dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu, nghiên cứu phục vụ cho quá trình làm việc, giảng dạy và học tập. Trong thời gian qua trường đã có nhiều biện pháp cải tiến để các dữ liệu liên quan đến CTĐT ngày càng dễ tiếp cận hơn nữa.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT và đề cương môn học được công bố công khai trên nhiều phương tiện và được cải tiến để các dữ liệu càng ngày càng dễ tiếp cận hơn đặc biệt là cơ sở dữ liệu trên các nền tảng công nghệ thông tin, tuy nhiên việc cập nhật những thay đổi trong bản mô tả và đề cương học phần vẫn còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp nhận và phản hồi thông tin về bản mô tả CTĐT từ doanh nghiệp, cơ quan quản lý và các đơn vị sử dụng lao động vào việc xây dựng, đánh giá CTĐT Cập nhật ngay khi có những thay đổi trong bản mô tả CTĐT và đề cương học phần	Hỗ trợ SV và quan hệ doanh nghiệp	Hàng năm	Gắn kết các hoạt động dạy học với doanh nghiệp, nhà quản lý
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin tương tác giữa NH, GV, Nhà trường, đơn vị sử dụng lao động.	Trung tâm CNTT-Viện đào tạo trực tuyến;	Hàng năm	
		Hoàn thiện phần mềm hỗ trợ việc lưu giữ và chia sẻ thông tin phục vụ quá trình tiếp cận, tìm hiểu thông tin, nghiên cứu, làm việc và học tập của học viên, giảng viên, doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu khoa học	Trung tâm thư viện Nguyễn Thúc Hào	Hàng năm,	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT trình độ ThS ngành KHCT đã trình bày đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện chương trình giảng dạy, hỗ trợ NH trong quá trình đào tạo, đảm bảo các yêu cầu trong công tác quản lý. Bản mô tả CTĐT trình độ ThS ngành KHCT cũng thường xuyên được cập nhật về nội dung và hình thức nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ đào tạo và nhu cầu xã hội. 100% đề cương học phần trong CTĐT trình độ ThS ngành KHCT đầy đủ thông tin và được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh và cập nhật chuẩn hóa theo quy định của Trường Đại học Vinh. Trong quá trình biên soạn, cập nhật đề cương đã có sự tham gia của các bên liên quan. Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình lưu trữ và truyền tải các dữ liệu cần thiết liên quan đến CTĐT trên trang website của nhà trường, hệ thống CMC, hệ thống LMS để sinh viên, HV, GV, các nhà quản lý, doanh nghiệp và xã hội có thể dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu, nghiên cứu phục vụ cho quá trình làm việc, giảng dạy và học tập.

Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại: việc ban hành và thông tin bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần tới các các bên liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách thường xuyên, dữ liệu phản hồi từ các bên liên quan làm cơ sở cho việc cập nhật chưa thực sự phong phú. Phân tích dữ liệu đánh giá kết quả học tập của HV sau mỗi học phần chưa được tiến hành sâu đến các nội dung kiến thức để có cơ sở cải tiến nội dung cụ thể và kế hoạch dạy học của từng học phần. Tốc độ cải tiến, cập nhật cơ sở dữ liệu của bản mô tả CTĐT vẫn còn chậm, chưa ban hành công khai kịp thời các bản cập nhật mới nhất.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Chương trình dạy học ngành KHCT bậc sau đại học được thiết kế theo hướng tiên tiến hiện đại (theo hướng tiếp cận CDIO), dựa trên CĐR với việc tích hợp kiến thức, kỹ năng, năng lực và thái độ, phù hợp với nhu cầu xã hội. Các học phần có sự đóng góp rõ ràng cho CĐR, các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập được sử dụng hiệu quả nhằm đảm bảo NH đạt được CĐR của từng học phần và CĐR của CTĐT. Chương trình dạy học có cấu trúc khoa học, trình tự logic từ thấp lên cao và mang tính tích hợp, nội dung được cập nhật thường xuyên đảm bảo tính hiệu quả cho việc tiếp thu của NH theo trình tự: đi từ kiến thức cơ sở đến kiến thức chuyên ngành.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên CĐR

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình dạy học (CTDH) ngành KHCT được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR (CĐR) về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm được thể hiện rõ trong bản mô tả CTDH và ĐCCT các học phần năm 2017, 2022 và 2023 [H3.03.01.01]. Bản mô tả CTDH năm 2017 (áp dụng khóa 26-29) được thiết kế theo hệ thống tín chỉ phù hợp với Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT và Quyết định số 863/QĐ-ĐHV của hiệu trưởng trường Đại học Vinh [H3.03.01.02]. Năm 2022, CTDH

ngành KHCT (áp dụng khóa 30) được thiết kế theo hướng tiếp cận CDIO đảm bảo các yêu cầu về CĐR phù hợp với Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, Khung trình độ Quốc gia Việt Nam bậc 7 (2016) và Quyết định số 655/QĐ-ĐHV ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Vinh [H3.03.01.03]. Tính đến thời điểm hiện tại (năm 2023), CTDH đảm bảo tính hiện đại, cập nhật, cung cấp cho NH nhiều thông tin về ngành KHCT theo hướng dẫn số 05/HD-ĐHV ngày 6 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Vinh. Chương trình dạy học bao gồm các nội dung: Mục tiêu đào tạo; Phương pháp kiểm tra đánh giá, thời lượng đào tạo của ngành và của mỗi học phần. Trong các phiên bản chương trình có kế hoạch phân bố các học phần theo từng học kì, có tiến trình đào tạo để thể hiện quá trình thực hiện giảng dạy. Cụ thể, với ngành KHCT trình độ ThS, thời gian đào tạo là 2 năm gồm 60 tín chỉ tương ứng với 4 học kì [H3.03.01.04].

CĐR được thiết kế theo tiếp cận CDIO gồm 4 trụ cột: Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; Kỹ năng phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành, vận hành kế hoạch học tập và NCKH ở cấp độ 2 và cấp độ 3 được phân nhiệm cho các học phần nhằm đạt được CĐR. Mỗi học phần được phân nhiệm từ 2 đến 6 CĐR của CTDH [H3.03.01.05].

CTDH được cụ thể hóa trong ĐCCT môn học với các thông tin về học phần; thông tin về tổ chức dạy và học; mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá học phần, tiến trình giảng dạy. Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập và phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH được thực hiện dựa trên ma trận kỹ năng phân nhiệm cho từng học phần tạo thành một khối thống nhất từ CĐR cấp chương trình đến CĐR của học phần nhằm đạt được CĐR của CTĐT [H3.03.01.06]. Sau nhiều lần điều chỉnh, CTDH của ngành KHCT đã thể hiện tính chất thực tiễn, hiện đại và cập nhật. Toàn bộ các học phần được xây dựng dựa trên CĐR về kiến thức, kỹ năng và năng lực.

Bảng 3.1. Bảng tỷ lệ phần trăm các khối kiến thức kỹ năng các học phần bắt buộc, tự chọn trong cấu trúc CTDH năm 2023

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn	Tổng số tín chỉ	Tỉ lệ (%)
1	Khối kiến chung	6	0	6	10,0
2	Khối kiến thức cơ sở ngành	12	12	24	40,0
3	Khối kiến thức chuyên ngành	24	6	30	50,0
Tổng		42	18	60	100

Trong CTDH trình độ ThS ngành KHCT ở các học phần không tập trung vào một PPDH duy nhất mà phối kết hợp nhiều phương pháp và hình thức dạy học khác

nhau, một cách linh hoạt. Tuy nhiên, phương pháp và hình thức dạy học chủ yếu tập trung theo 2 phần, phần cơ sở lý thuyết được thiết kế thành các bài giảng E-learning để tổ chức dạy học trên hệ thống LMS trong 12 ngày và phần trải nghiệm kiến thức, kỹ năng, thái độ tùy theo đặc thù từng môn học, GV lựa chọn phần trải nghiệm này trên lớp học, phòng thí nghiệm, trại thực hành, cơ sở sản xuất. Kiểm tra/đánh giá cũng đã cải tiến đáng kể qua việc thay đổi nhiều hình thức kiểm tra linh động (trắc nghiệm, tự luận, bài tập lớn, tiểu luận, ...), các bài kiểm tra này học viên nộp minh chứng trên hệ thống LMS và GV cho điểm công khai trên hệ thống. Trước đây, điểm đánh giá học phần được chia thành (chuyên cần 10%, thảo luận 20%, bài tập 20%, đánh giá cuối kỳ 50%). Từ năm 2022, cải tiến điểm đánh giá học phần bao gồm 2 nhóm điểm (đánh giá thường xuyên 50% và đánh giá cuối kỳ 50%) trong đó điểm đánh giá thường xuyên linh động hình thức đánh giá hơn có sự chủ động của GV giảng dạy. Tổ hợp các PPDH, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH còn có sự hỗ trợ của các phần mềm dạy học và quản lý học tập. Việc kiểm tra đánh giá học phần cũng được quy định rõ ràng với từng CTDH, CTDH thường xuyên điều chỉnh thông qua việc lấy ý kiến phản hồi từ NH để phù hợp hơn với CTĐT, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt CĐR [H3.03.01.01], [H3.03.01.07].

Trong quá trình đào tạo, CTDH ngành KHCT định kỳ được điều chỉnh thông qua việc lấy ý kiến các bên liên quan gồm nhà tuyển dụng, GV, NH và NH đã tốt nghiệp về chương trình dạy học [H3.03.01.08]. Mặt khác, CTDH được thực hiện đối sánh với các CTDH ngành KHCT của các Học viện Nông Nghiệp Việt Nam và Đại học Oregon (USA) [H3.03.01.09]. Từ đó, có những điều chỉnh CĐR và khung chương trình theo hướng tăng cường các môn thuộc khối kiến thức tự chọn, bổ sung các học phần đồ án (hoặc học phần giảng dạy dự án) đáp ứng CĐR đã công bố.

Định kỳ hằng năm, căn cứ kế hoạch năm học của Trường, năng lực của từng GV, Viện NN&TN và Bộ môn KHCT đã phân công các GV đảm nhận các học phần giảng dạy theo khung chương trình nhằm đảm bảo đầy đủ nguồn lực và đáp ứng tiến độ trong việc thực hiện CTDH [H3.03.01.10].

2. Điểm mạnh

Viện đã triển khai xây dựng và phát triển CTDH dựa trên CĐR của CTĐT về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm một cách khoa học theo tiếp cận CDIO; đồng tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ GD&ĐT. Các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH của tất cả các phần trong CTDH được điều chỉnh, cập nhật liên tục, góp phần đạt được CĐR đã công bố.

3. Điểm tồn tại

Do CTDH mới được xây dựng theo tiếp cận năng lực CDIO từ năm 2022, với sự kết hợp giữa hai hình thức học trực tuyến và trực tiếp đối với NH do vậy một số CĐR phân nhiệm cho các học phần dạy học đồ án khó triển khai và đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Chủ động rà soát CTDH, trong đó đặc biệt chú ý các CDR phân nhiệm phù hợp cho các học phần dạy học theo đồ án	Bộ môn/CBGD	Từ năm 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật kịp thời và có những thay đổi CTDH phù hợp với CDR đã công bố	Viện NN&TN	Từ năm 2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng

Các học phần trong CTDH ngành KHCT bậc ThS có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học nhằm đạt được CDR. Với tổng số 60 tín chỉ tích lũy của CTĐT các học phần được phân nhiệm vào các chủ đề của CDR: (1) *Về kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành* (gồm các học phần thuộc khối kiến thức chung và kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành). (2) *Về kỹ năng phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp* (Các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành). (3) *Về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp* (qua các học phần thuộc chuyên ngành KHCT; các học phần giảng dạy theo đồ án; Luận văn/Đồ án tốt nghiệp;...). (4) *Về năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành* kế hoạch học tập và NCKH (gồm các học phần chuyên ngành giảng dạy theo đồ án, các học phần luận văn/ đồ án tốt nghiệp) và xuyên suốt cả khung CTĐT [H3.03.02.01]. Mỗi học phần được xây dựng căn cứ vào mục tiêu của CTĐT về cả kiến thức và năng lực của NH sau khi hoàn thành chương trình. Sự đóng góp của mỗi học phần trong việc giúp NH đạt được CDR của CTĐT được thể hiện rõ ràng trong mục tiêu, khung năng lực, ma trận CDR [H3.03.02.02]. ĐCCT các học phần được xây dựng dựa trên CDR của CTĐT và được xây dựng chi tiết đảm bảo các phân nhiệm ITU và ma trận môn học – CDR trong CTĐT công bố thông qua bản mô tả CTĐT và bản mô tả môn học/học phần [H3.03.02.03].

CTĐT trình độ ThS của ngành KHCT được thiết kế dựa trên CDR với 3 khối kiến thức: Khối kiến thức chung; Khối cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành KHCT [H3.03.02.04]. Ở khối kiến thức chung để đạt được CDR, chương trình được thiết kế với các học phần: *Triết học và ngoại ngữ* cung cấp cho NH những kiến thức về tư tưởng đạo đức, về tình hình chính trị, văn hoá, xã hội của đất nước cũng như kiến thức, kỹ năng về ngoại ngữ. NH có hiểu biết về hệ thống tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá; chủ

động giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội theo đúng chủ trương đường lối của Đảng, nhà nước; đạt các CĐR về ngoại ngữ theo quy định của Bộ GD&ĐT [H3.03.02.05]. Ở khối kiến thức cơ sở ngành để đạt CĐR chương trình được thiết kế với các học phần: *Di truyền và chọn giống trong nông nghiệp, Công nghệ sinh học ứng dụng trong nông nghiệp, Biến đổi khí hậu và phát triển nông nghiệp bền vững, Thiết kế và quản lý dự án nông nghiệp, nông thôn và nhóm học phần tự chọn 1*. Những học phần thuộc khối kiến thức này cung cấp cho NH những kiến thức mang tính nền tảng của ngành học. NH sẽ có hiểu biết cơ bản và có khả năng ứng dụng về đặc điểm di truyền, chọn giống, công nghệ sinh học, biến đổi khí hậu và thiết kế dự án nông nghiệp [H3.03.02.06]. Ở khối kiến thức chuyên ngành để đạt được CĐR, chương trình được thiết kế với các học phần *Sản xuất cây lương thực và cây công nghiệp, Quản lý dinh dưỡng cây trồng, Kiểm soát sâu bệnh hại cây trồng và các học phần tự chọn 2 thuộc 2 định hướng nghiên cứu và ứng dụng*. Sự lựa chọn định hướng theo nghiên cứu hoặc ứng dụng sẽ làm sơ sở trong việc lựa chọn luận văn tốt nghiệp (đối với định hướng nghiên cứu) hoặc thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp (đối với định hướng ứng dụng). Các học phần này cung cấp cho NH các kiến thức cốt lõi, xương sống về ngành KHCT, các kỹ năng cơ bản, nâng cao để HV có thể giải quyết được các vấn đề chuyên môn nảy sinh trong thực tiễn sản xuất [H3.03.02.07]. Khối kiến thức chung và cơ sở ngành chiếm 50%, làm tiền đề cho khối kiến thức chuyên ngành KHCT. CTĐT tiếp cận CDIO đã được thiết kế tích hợp nhằm tinh gọn số đầu môn học và tạo điều kiện phát triển năng lực NH. Các môn chuyên ngành đã chú trọng đến đáp ứng CĐR về đo lường đánh giá trong dạy học cũng như phát triển chương trình ngành KHCT theo yêu cầu của các CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội.

Trong CTDH ngành KHCT, 100% các học phần được xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đạt được CĐR. CTDH ngành KHCT được thiết kế theo trật tự logic từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành theo trình tự mạch kiến thức và tăng dần mức độ đạt được của CĐR tạo nên một khối kiến thức liên mạch. Các môn học trong CTĐT ngoài cung cấp kiến thức chuyên môn còn hỗ trợ cho HV những kỹ năng như kỹ năng giao tiếp; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng nghề nghiệp cho HV xuyên suốt từ học kỳ đầu tiên đến khi ra trường và được thể hiện thông qua mục tiêu, khung năng lực và CĐR của CTĐT. Nhìn chung, CTĐT được thiết kế theo các khối kiến thức, kế hoạch đào tạo cụ thể cho từng học kỳ, đi từ đại cương đến chuyên ngành nên các mức độ đạt CĐR cũng tăng dần theo từng học kỳ (từ kỳ 1 đến kỳ 4) [H3.03.02.08].

Kết quả học tập của HV được đánh giá dựa trên CĐR, phù hợp với CTĐT tiếp cận CDIO, tương thích với hình thức tổ chức dạy học kết hợp. Để đánh giá NH đạt được CĐR của mỗi học phần, thì bên cạnh điểm thi kết thúc học phần (chiếm trọng số 50%) kết quả học tập còn chú trọng đến đánh giá quá trình (chiếm trọng số 50%, bao gồm điểm đánh giá Scom qua hệ thống LMS và điểm đánh giá trực tuyến/trực tiếp trong quá

trình học tập, thảo luận đóng góp trong học tập, đánh giá trắc nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn...) đáp ứng CĐR môn học. Riêng các học phần như thực tập tốt nghiệp, đồ án ... được quy định trong ĐCCT học phần. Hình thức kiểm tra, đánh giá, trọng số điểm các lần kiểm tra của từng học phần được tuân thủ theo quy định về thi, kiểm tra đánh giá NH và ĐCCT học phần [H3.03.02.09]. Bên cạnh đó, việc đánh giá cũng linh hoạt với các học phần và phương pháp đánh giá cho điểm tương ứng, đánh giá được đầy đủ và tương đối hoàn thiện trên cách thức thể hiện của NH dù ở phương thức nào (chuyên cần, thực hành, báo cáo, bài tập lớn, thi giữa kỳ và cuối kỳ, đồ án/dự án...).

Nội dung các học phần trong CTDH ngành KHCT thể hiện việc đạt được CĐR và định kỳ được lấy ý kiến các bên liên quan. ĐCCT các học phần đều dựa trên ma trận môn học – CĐR. Trong từng chương mục của đề cương môn học phiên bản 2022 và 2023 đều thể hiện rõ các CĐR. Nội dung kiểm tra đánh giá cũng được mã hoá CĐR tương ứng của môn học [H3.03.02.10]. Định kỳ, căn cứ trên sự phản hồi của người học, các bên liên quan và đối sánh CTĐT các trường trong và ngoài nước, hội đồng khoa học và đào tạo Viện NN&TN đánh giá và điều chỉnh thông qua các cuộc họp về rà soát đề cương môn học do các Bộ môn đề xuất [H3.03.02.11]. CTDH được thông báo trên các tờ rơi, tài liệu quảng bá chương trình, tuyển sinh và cũng được thể hiện đầy đủ ở kế hoạch nguồn lực, tiến độ thực hiện hàng năm [H3.03.02.12].

Như vậy, khi hoàn thành CTĐT, NH sẽ đáp ứng được CĐR về khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành và đầy đủ các kỹ năng cần thiết từ đó tiếp cận nhanh với công nghệ kỹ thuật sản xuất mới, giải quyết được các vấn đề nảy sinh trong thiết kế, triển khai, vận hành các quy trình và hệ thống KHCT.

2. Điểm mạnh

Mối liên hệ giữa CĐR của các học phần với CĐR của CTĐT được thiết kế một cách rõ ràng thông qua bảng phân nhiệm năng lực và ma trận CĐR. Các học phần trong CTĐT ngành KHCT có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR.

3. Điểm tồn tại

CTDH ngành KHCT theo hướng tiếp cận CDIO mới thực hiện trong 2 năm, áp dụng phương pháp đánh giá theo CĐR chưa được áp dụng một cách đồng bộ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
11	Khắc phục tồn tại	Nhà trường/ Viện và Bộ môn tiếp tục rà soát CĐR và phương pháp đánh giá phù hợp để triển khai đồng bộ đánh giá theo CĐR môn học và khung CTDH	Trường/ Viện/Phòng Đào tạo	Năm 2025	

12	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì rà soát CTĐT để điều chỉnh nội dung cho phù hợp CĐR	Viện/Phòng Đào tạo	Năm 2025	
----	--------------------	--	--------------------	----------	--

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. *Mô tả hiện trạng*

Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần kiến thức chung, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Cấu trúc chương trình dạy học các phiên bản từ năm 2017, 2022 và 2023 được giữ nguyên gồm 3 khối kiến thức: Kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành gồm 60 tín chỉ tương ứng với 4 kỳ học và được bố trí giảng dạy trong 2 năm. Tỷ lệ giữa các phần kiến thức chung, cơ sở ngành và chuyên ngành, tỷ lệ kiến thức lý thuyết, thảo luận, đồ án được cân đối hợp lý. Phiên bản năm 2017 áp dụng theo hệ thống tín chỉ chưa có khung năng lực và ma trận CĐR thực hiện theo Quyết định số 2009/QĐ-ĐHV ngày 21/9/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Vinh (áp dụng từ khóa 25). Trong đó, phần kiến thức chung gồm Triết học, ngoại ngữ gồm 6 tín chỉ; luận văn tốt nghiệp với 15 tín chỉ; phần kiến thức cơ sở ngành gồm 24 tín chỉ trong đó có 4 học phần tự chọn; phần kiến thức chuyên ngành gồm 15 tín chỉ trong đó có 2 học phần tự chọn [H3.03.03.01]. Năm 2022, cấu trúc có sự điều chỉnh để phù hợp đáp ứng mục tiêu đào tạo linh hoạt và theo tiếp cận CDIO áp dụng theo kế hoạch số 06/KH-ĐHV ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng trường ĐH Vinh. Theo cách tiếp cận đó, chương trình dạy học đã được thiết kế theo hai định hướng nghiên cứu và ứng dụng với cấu trúc các học phần giảng dạy phù hợp với từng định hướng trên cơ sở giữ nguyên cấu trúc khung gồm 60 tín chỉ. Cả hai khung ứng dụng và nghiên cứu được thiết kế gồm khối kiến thức chung gồm 6 tín chỉ (triết học và ngoại ngữ); khối kiến thức cơ sở ngành 24 tín chỉ trong đó có 8 học phần tự chọn; khối kiến thức chuyên ngành gồm 15 tín chỉ trong đó có 5 học phần tự chọn và Luận văn/Thực tập và đồ án tốt nghiệp với 15 tín chỉ. Trong đó, các học phần chuyên ngành (Bắt buộc và tự chọn) và học phần luận văn/đồ án tốt nghiệp được giảng dạy theo hình thức dự án. Với cấu trúc này, NH đã được trao quyền lựa chọn định hướng ngay từ khi nộp hồ sơ tuyển sinh, giúp NH chủ động trong quá trình học [H3.03.03.02]. Phiên bản năm 2023, thực hiện theo hướng dẫn số 06/HD-ĐHV ngày 6/6/2023 của hiệu trưởng trường Đại học Vinh về Hướng dẫn hoàn thiện các sản phẩm đề tài khoa học trọng điểm cấp trường trình độ ThS theo tiếp cận CDIO năm 2023, CTDH có sự điều chỉnh về hai định hướng nghiên cứu và ứng dụng trở thành phần tự chọn 2 trong các học phần chuyên ngành. Cơ bản giữ nguyên cấu trúc và tên môn học tương tự phiên bản 2022. Tuy nhiên, trong khung chương trình đã lựa chọn các học phần cốt lõi của ngành gồm các học phần bắt buộc (7 học phần); các học

phần giảng dạy theo dự án gồm Sản xuất cây lương lực và cây công nghiệp; Quản lý dinh dưỡng cây trồng; Kiểm soát sâu bệnh hại cây trồng và các học phần luận văn/ thực tập tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp [H3.03.03.03].

Các môn học/học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. Trình tự các môn học được sắp xếp logic, đảm bảo tính hiệu quả cho việc tiếp thu của HV đi từ kiến thức cơ bản, cơ sở đến kiến thức chuyên sâu, chuyên ngành, từ lý thuyết đến thực hành. HV có thời gian học tập linh hoạt giữa trực tuyến (12 ngày học) và trực tiếp. CTĐT cũng chỉ rõ loại học phần bắt buộc hay tự chọn và phân kỳ một cách cụ thể. Mặt khác, từ năm 2022 CTDH ngành KHCT được thiết kế các học phần giảng dạy theo dự án. Các học phần này ngoài cung cấp kiến thức chuyên môn còn hỗ trợ cho NH những kỹ năng như kỹ năng giao tiếp; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng nghề nghiệp cho HV xuyên suốt từ học kỳ đầu tiên đến khi tốt nghiệp và được thể hiện thông qua mục tiêu, khung năng lực và CDR của CTĐT [H3.03.03.04].

CTDH được định kỳ rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật liên tục (2022 và 2023). Để có được kết quả này, Viện NN&TN và Nhà trường luôn chú ý việc lấy ý kiến của người dạy, NH và nhà tuyển dụng về CTDH nhằm hoàn thiện hơn chương trình [H3.03.03.05]. Trên cơ sở ý kiến phản hồi từ NH và các bên liên quan khác GV đảm nhận các học phần có trách nhiệm rà soát CTDH của học phần để điều chỉnh, bổ sung và cập nhật CDR theo hướng đánh giá đúng năng lực của NH theo CDR [H3.03.03.06]. Trong quá trình thực hiện yêu cầu của Nhà trường, Viện NN&TN đã yêu cầu các Bộ môn hợp, đánh giá nội dung các học phần trong CTĐT của ngành KHCT, đồng thời tiến hành rà soát, chỉnh sửa theo các ý kiến của chuyên gia và thông qua hội đồng Viện NN&TN, hội đồng Nhà trường để tiếp tục chỉnh sửa hoàn thiện CTDH [H3.03.03.07]. Các ĐCCT học phần được nghiệm thu theo đúng quy định [H3.03.03.07] khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước hoặc quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Trong các lần điều chỉnh, CTDH ngành KHCT các tổ chuyên trách có tham khảo, đối sánh các CTĐT trong nước, quốc tế có kinh nghiệm đào tạo ThS KHCT như Học viện nông nghiệp Hà Nội, Đại học Oregon (USA)... nhằm đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp [H3.03.03.08].

Ngoài ra, trong quá trình xây dựng CDR và CTĐT tiếp cận CDIO, Trường ĐH Vinh, đã tổ chức nhiều đợt tập huấn với sự hỗ trợ của các chuyên gia trong nước và ngoài nước, qua đó đã giúp cho nhóm biên soạn có thêm kỹ năng viết CDR và thiết kế CTĐT thông qua các tài liệu, hướng dẫn, hội thảo chuyên đề [H3.03.03.09]. Mặt khác, CTDH cũng được thông báo trên các trang thông tin điện tử, tờ rơi, tài liệu quảng bá chương trình, tuyển sinh và cũng được thể hiện đầy đủ ở kế hoạch nguồn lực, tiến độ thực hiện hàng năm để cung cấp thông tin cho người dạy, NH và các bên liên quan [H3.03.03.10].

2. Điểm mạnh

Các học phần trong CTDH ngành KHCT được cấu trúc đảm bảo logic giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành; đảm bảo tính tích hợp giữa mạch

nội dung kiến thức với phát triển năng lực NH. CTDH được bố trí hợp lý, các học phần chuyên ngành và luận văn tốt nghiệp được giảng dạy theo dự án. Đồng thời, CTDH được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật liên tục và được triển khai kịp thời vào các năm học kế tiếp.

3. Điểm tồn tại

Việc bố trí giảng dạy các học phần dự án liên tục trong 1 kỳ của các học phần chuyên ngành sẽ gây khó khăn cho NH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
11	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục khảo sát ý kiến các bên liên quan về CTĐT để có thể điều chỉnh, phân bổ các học phần dạy học theo dự án phù hợp theo tiến trình giảng dạy	Viện/Phòng Đào tạo	Hàng năm	
12	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật CTDH theo hướng tích hợp và linh hoạt	Viện	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

CTDH ngành KHCT bậc ThS có tính logic, cập nhật và tích hợp đáp ứng CĐR của CTĐT. Các học phần trong CTDH được thiết kế phù hợp, bổ trợ cho nhau nhằm đảm bảo cho NH được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ khối lĩnh vực rộng đến kiến thức ngành hẹp; Chương trình còn nhấn mạnh đến việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết và năng lực phát triển nghề nghiệp cho HV; Các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành được thiết kế linh hoạt, thuận lợi với nhiều học phần tự chọn giúp cho NH chủ động đăng ký học. Đồng thời, CTDH được thường xuyên cập nhật và rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và có sự tham gia của các bên liên quan. Các học phần trong CTĐT ngành KHCT được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết, tương thích về nội dung giữa các học phần, giảm tải các nội dung hàn lâm, tích hợp về kiến thức và năng lực NH và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR đã công bố.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học

Mở đầu

Phương pháp tiếp cận trong dạy học luôn lấy NH làm trung tâm, PPDH đa dạng và sáng tạo, đáp ứng CĐR đã được Trường Đại học Vinh tuyên bố trong các CTĐT.

Chương trình ThS ngành KHCT được thiết kế theo hướng tiên tiến hiện đại bám sát mục tiêu đào tạo và CDR của chương trình, phù hợp theo nhu cầu xã hội. Kể từ năm 2022, nhà trường áp dụng việc đào tạo theo tiếp cận CDIO cho bậc đào tạo trình độ ThS, ngành KHCT đã nhấn mạnh đến phương pháp tiếp cận mới trong dạy học. Trong đó, chú trọng hơn đến PPDH phát triển năng lực HV, nhấn mạnh các CDR theo 4 nhóm mục tiêu chính: (1) Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; (2) Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; (3) Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; (4) Năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành để thích ứng với bối cảnh doanh nghiệp, xã hội và môi trường

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Vinh đã có văn bản tuyên bố chính thức về mục tiêu, Triết lý giáo dục. Triết lý giáo dục của trường được thể hiện trong Quyết định số 3719/QĐ-ĐHV ngày 30 tháng 12 năm 2019 về Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục. Với Triết lý giáo dục là **“Hợp tác – sáng tạo”** với nội dung cụ thể: *“Trường Đại học Vinh xác định **Hợp tác** (Collaboration) trong môi trường học thuật, đa văn hóa là sự kết nối, tương tác và cộng hưởng năng lực giữa các cá nhân và giữa các đơn vị, tổ chức để tạo nên sự phát triển. Hợp tác là tôn trọng sự khác biệt, sự phát triển tự do của mỗi con người, thể hiện tính nhân văn. Trường Đại học Vinh coi **Sáng tạo** (Creativity) là năng lực cốt lõi nhất của mỗi cá nhân, đảm bảo cho sự thành công trong nghề nghiệp và cuộc sống trong bối cảnh thay đổi và sự vận động của Cách mạng công nghiệp 4.0, đảm bảo khả năng học suốt đời. Sáng tạo là tạo ra những tri thức và giá trị mới. Sáng tạo là dám nghĩ, dám làm, say mê nghiên cứu, khám phá và không ngừng cải tiến. Nhà trường đào tạo NH trở thành người lao động sáng tạo thông qua quá trình “Hình thành ý tưởng – Thiết kế - Triển khai – Vận hành” trong các hoạt động nghề nghiệp, có khả năng thích ứng cao trong thế giới việc làm”*. Trong đó **Sứ mạng** được Nhà trường xác định: *“Trường Đại học Vinh là cơ sở GDDH đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, NCKH giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của NH”*. **Tầm nhìn** của trường Đại học Vinh: *“Trường Đại học Vinh trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN”* với mục tiêu tổng quát là *“Tạo dựng môi trường học thuật tốt để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng tới sự thành công”*. **Giá trị cốt lõi** là: *“Trung thực, Trách nhiệm, Say mê, Sáng tạo và Hợp tác”* [H4.04.01.01].

Triết lý giáo dục đã được lấy ý kiến phản hồi từ viên chức, người lao động toàn trường thể hiện tinh thần dân chủ và sự đồng thuận cao độ của tập thể viên chức, người lao động trong toàn trường [H4.04.01.02].

Triết lý giáo dục của nhà trường được tất cả cán bộ, GV, NH của trường hiểu rõ và thực hiện thông qua việc vận dụng vào trong việc thiết kế chương trình dạy học. Triết

lý giáo dục của Trường được cụ thể hóa trong mục tiêu đào tạo của từng Khoa, Viện và được thể hiện trong CĐR CTĐT ThS tiếp cận CDIO thể hiện rõ trong mục tiêu, CĐR và ĐCCT học phần phiên bản năm 2022 và 2023 trong đó Mục tiêu CTĐT ngành KHCT là: Đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Khoa học cây trồng có kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên sâu về lĩnh vực cây trồng; phát triển các kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp; có khả năng ứng dụng khoa học công nghệ, quản lý quy trình sản xuất cây trồng; có năng lực vận hành và cải tiến kỹ thuật để phát triển sản xuất cây trồng theo hướng nông nghiệp bền vững trong bối cảnh hội nhập quốc tế [H4.04.01.03].

Quá trình tổ chức dạy học và triển khai hệ thống các phương pháp, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học học phần đều nhằm thực hiện mục tiêu học phần, mục tiêu của CTĐT ngành KHCT và triết lý giáo dục của trường Đại học Vinh. Trong đó, mục tiêu của ngành KHCT đặt ra là NH cần đạt được các yêu cầu: (1) Phát triển được các kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học cây trồng; (2) Thiết lập được phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm thích ứng với môi trường khác nhau; (3) Phát triển được kỹ năng hợp tác và lãnh đạo trong các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực khoa học cây trồng; (4) Thành thực kỹ năng giao tiếp để tiếp cận nhanh thông tin, tập huấn và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực khoa học cây trồng phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế; (5) Phân tích được bối cảnh xã hội và nghề nghiệp thuộc lĩnh vực khoa học cây trồng; (6) Đề xuất ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành quy trình kỹ thuật sản xuất/sản phẩm cây trồng phù hợp với bối cảnh xã hội và thực tiễn nghề nghiệp [H4.04.01.04].

Triết lý giáo dục “Hợp tác – Sáng tạo” được thể hiện rõ trong CĐR của CTĐT. Trong đó “Hợp tác” được thể hiện trong xây dựng CĐR CTĐT và ĐCCT các học phần trong đó nhấn mạnh kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp cho NH như làm việc nhóm, thích ứng linh hoạt trong ứng xử nghề nghiệp và sự đóng góp của NH đối với cộng đồng thông qua đồ án tốt nghiệp [H4.04.01.05].

Hoạt động đào tạo đã thể hiện rõ triết lý “Sáng tạo” với quá trình lao động sáng tạo thông qua quá trình hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học của HV. Các học phần được thiết kế nhằm phát huy tính sáng tạo của HV đáp ứng các yêu cầu gồm (1) Phân tích được bối cảnh xã hội và nghề nghiệp thuộc lĩnh vực khoa học cây trồng; (2) Đề xuất ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành quy trình kỹ thuật sản xuất/sản phẩm cây trồng phù hợp với bối cảnh xã hội và thực tiễn nghề nghiệp. Từ đó, giúp NH sáng tạo trong tư duy và cách tiếp cận vấn đề phù hợp với bối cảnh xã hội [H4.04.01.06].

Tầm nhìn, sứ mạng, Triết lý giáo dục của Nhà trường được giới thiệu, phổ biến tới các bên liên quan, đăng công khai trên website của Nhà trường và nhiều hình thức như tập huấn, diễn đàn, các văn bản hướng dẫn, pano, bảng rôn, brochure, tờ rơi quảng bá tuyển sinh... [H4.04.01.07]

Đối với GV, mục tiêu giáo dục và CĐR được các GV quán triệt trong quá trình xây dựng CTĐT, tập huấn xây dựng CĐR của CTĐT trình độ ThS tiếp cận CDIO, xây

dựng logic của những học phần bắt buộc và tự chọn, xây dựng đề cương học phần. Đối với HV, ngay từ năm thứ nhất nhập trường, triết lý giáo dục được phổ biến tới HV trong đón tiếp nhập học, đồng thời giới thiệu về ngành đào tạo và mục tiêu đào tạo của ngành KHCT trên website và các trang thông tin điện tử khác [H4.04.01.08].

Việc xác định mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành KHCT được tiến hành xây dựng trên cơ sở kết quả của việc xử lý thông tin từ các ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Kết quả khảo sát các bên liên quan cho thấy mục tiêu giáo dục của nhà trường và của ngành được đánh giá là rõ ràng, phù hợp với nhu cầu xã hội [H4.04.01.04].

2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục, mục tiêu của CTĐT được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới NH và GV thông qua nhiều hình thức như website Trường, tập huấn, diễn đàn, các văn bản hướng dẫn, ...đồng thời được góp ý của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Việc công bố triết lý và mục tiêu giáo dục cần mở rộng đối tượng đến các nhà tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Ban truyền thông của Trường Đại học Vinh và Viện NN-TN tiếp tục triển khai truyền thông quảng bá mạnh mẽ hơn nữa với nhiều hình thức thông qua website của trường, Subwed của viện, qua mạng xã hội, trực tiếp,... để công bố rộng rãi triết lý và mục tiêu giáo dục của trường và ngành KHCT đến tất cả các nhà tuyển dụng.	-Viện NN-TN -Phòng Đào tạo trường Đại học Vinh - Ban truyền thông Viện NN&TN	Hàng năm	

	Phát huy điểm mạnh	-Tăng cường các hoạt động truyền thông nhằm phổ biến, giới thiệu tới các bên liên quan hiểu rõ Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của trường, của viện và ngành KHCT. - Trường/Viện tiếp tục có nhiều chương trình, hoạt động ở các địa phương hơn để truyền bá được mục tiêu giáo dục của Nhà trường và ngành NTTS.	Khoa	Hàng năm	
--	--------------------	---	------	----------	--

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR

1. *Mô tả hiện trạng*

Các hoạt động dạy và học của ngành KHCT được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR. Các hoạt động dạy học và công nghệ dạy học được sử dụng đa dạng như: thuyết giảng, làm việc nhóm, trình diễn, tái hiện, dạy học dự án... GV bắt buộc phải đưa phương pháp giảng dạy cụ thể vào từng bài, từng buổi học trong kế hoạch lên lớp đầu mỗi học kỳ. Xu hướng giảm thuyết giảng, tăng tỷ lệ các phương pháp khác như làm việc nhóm, trình diễn, vấn đáp... nhằm phát huy tính chủ động học tập trong HV. Các hoạt động này được thể hiện tổng hợp trong bản mô tả CTĐT (năm 2017, 2022 và 2023) [H4.04.02.01] và thể hiện chi tiết trong các ĐCCT từng học phần khóa 26, khóa 30 và khóa 31 [H4.04.02.02]. Trong quá trình giảng dạy, các GV bộ môn KHCT thường xuyên tham gia, thực hiện các buổi hội thảo, hội nghị, seminar về trao đổi kinh nghiệm dạy học nhằm cải tiến chất lượng dạy học. Các GV tham gia các hội thảo do Trường ĐH Vinh tổ chức liên quan đến việc thảo luận trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy và học tập để trau dồi kiến thức, cải thiện các vấn đề bất cập. Nhà trường tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về CTĐT, GV trẻ dạy giỏi và đặc biệt là hội nghị tổng kết 4 năm xây dựng và phát triển CTĐT tiếp cận CDIO (2016-2020) [H4.04.02.03]. Viện NN&TN và bộ môn KHCT đã tổ chức dự giờ, đánh giá các tiết thao giảng về đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm đạt CĐR [H4.04.02.04].

Các giảng viên bộ môn KHCT đã hướng dẫn người học sử dụng tổ hợp các phương pháp nghiên cứu/học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. Các sản phẩm của hoạt động giảng dạy và hoạt động học tập của sinh viên được thực hiện trên hệ thống Elearning của trường. Các học phần đều có các video bài giảng chứa nội dung của bài học được đăng tải trên hệ thống LMS. Sinh viên có tài khoản E learning đều chủ động xem trước bài giảng, làm bài tập trắc nghiệm, thảo luận trên hệ thống. Các bài tập mà GV yêu cầu được tạo trên LMS và sinh viên nộp bài tại tài khoản

cá nhân của mình [H4.04.02.05]. Việc đánh giá, cho điểm của GV được thực hiện công khai trên LMS. Các minh chứng của tiến trình dạy và học được lưu trữ công khai trên hệ thống. Nhờ sự chủ động áp dụng công nghệ số vào giảng dạy đã giúp cho hoạt động giảng dạy diễn ra bình thường khi chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19. Các quy định, hướng dẫn, thay đổi chương trình dạy và học đều được cập nhật liên tục trên website của Khoa/Viện, Trường ĐH Vinh để các bạn SV được kịp thời nắm bắt, thay đổi cho phù hợp, hoặc có vấn đề vướng mắc về chương trình học có thể hỏi đáp trực tuyến thông qua cổng thông tin này [H4.04.02.06].

Các GV bộ môn KHCT đã thiết kế, hướng dẫn NH lĩnh hội kiến thức thông qua các phương pháp học tập hiệu quả như: thực hành, thực tế, thực tập và giảng dạy đồ án. Đối với HV ngành KHCT, các học phần chuyên ngành được thiết kế giảng dạy theo dự án (mỗi học phần gồm 1 tín chỉ lý thuyết và 2 tín chỉ đồ án) [H4.04.02.07]. Đặc biệt, học phần luận văn tốt nghiệp là điều kiện tiên quyết trong hoàn thành CTĐT ThS KHCT. Hàng năm, bộ môn KHCT đều có kế hoạch thực hiện luận văn, bảo vệ đề cương, báo cáo tiến độ và tổ chức các chuyến đi kiểm tra việc thực hiện luận văn của các HV tại các địa điểm nghiên cứu nhằm đảm bảo tính khoa học, chính xác, trung thực của các đề tài tốt nghiệp. Thông qua bảo vệ luận văn tốt nghiệp hàng năm là cơ hội cho HV rèn luyện các kỹ năng phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp, nâng cao năng lực giải quyết vấn đề [H4.04.02.08].

NH hài lòng với các hoạt động dạy và học, các PPDH được sử dụng trong CTĐT. PPDH, hình thức, tài liệu, tác phong ... của GV đều được NH đánh giá và phản hồi qua sự thu thập ý kiến phản hồi của HV của Trường Đại học Vinh thông qua phiếu lấy ý kiến theo hình thức trực tuyến và trực tiếp. Đa số HV có những phản hồi tích cực đến việc tổ chức dạy học của GV và cho rằng dạy học theo tiếp cận CDIO đã mang lại hiệu quả cao trong việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp [H4.04.02.09].

Việc lấy ý kiến, phản hồi của GV về các hoạt động dạy và các phương pháp dạy được sử dụng trong CTĐT được tiến hành theo hình thức trực tuyến thông qua phiếu khảo sát. GV đều hài lòng với các hoạt động dạy và các phương pháp dạy được sử dụng trong CTĐT. Các hoạt động dạy và phương pháp giảng dạy do các GV thiết kế và chủ động hoàn toàn trong quá trình xây dựng CTĐT [H4.04.02.10].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt...Viện và các GV bộ môn đã tổ chức nhiều hoạt động dạy học phù hợp nhằm giúp HV gắn lý thuyết với thực tiễn sản xuất.

3. Điểm tồn tại

Một số HV tham gia vào quá trình học chưa thực sự thích nghi với PPDH dự án.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn	Ghi chú
----	----------	----------	-------------------------	-------------------------------	---------

				thành	
11	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các các buổi tập huấn, hội nghị/hội thảo, tọa đàm chia sẻ phương pháp học tập theo dạy học dự án; chia sẻ kinh nghiệm của các chuyên gia, cố vấn trong việc tư vấn về PPDH cho HV và GV	Viện/Phòng Đào tạo	Hàng năm	
12	Phát huy điểm mạnh	Phát huy hơn nữa các hoạt động thực hiện luận văn tốt nghiệp tại các địa điểm nghiên cứu của HV gắn với nhu cầu thực tiễn.	Viện/Phòng Đào tạo	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.

1. Mô tả hiện trạng

ĐCCT các học phần của CTĐT ngành KHCT mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/ học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Trong các đề cương môn học phiên bản 2017, 2022 và 2023 hoạt động dạy và học từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động tự học và NCKH của HV, các bài tập nhóm, bài thực hành, bài thảo luận, báo cáo thực tập, đồ án đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm cho HV.

ĐCCT môn học năm 2017 được thiết kế theo hệ thống tín chỉ, do đó trong đề cương chỉ thể hiện được mục tiêu chung của học phần, tiến trình giảng dạy, các bài đánh giá mà chưa thể hiện được các chuẩn ra của môn học và các phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá để đạt được CĐR [H4.04.03.01]. Phiên bản ĐCCT năm 2022 và 2023 đã khắc phục được điểm yếu này của phiên bản 2017. Năm 2022, đề cương đã chỉ rõ các CĐR của học phần phù hợp với hai định hướng gồm nghiên cứu và ứng dụng cho NH lựa chọn khi đăng ký đầu vào [H4.04.03.02]. Năm 2023, dựa trên phiên bản 2022, ĐCCT đã rút gọn số CĐR đặc biệt giảm các học phần đồ án (từ 5 học phần xuống còn 3 học phần) và hai định hướng ứng dụng và nghiên cứu trở thành nhóm tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành [H4.04.03.03].

Nội dung trong các học phần CTĐT chi tiết ngành KHCT thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần giúp HV tham gia vào hoạt động dạy và học nhằm rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của HV. Các hoạt động dạy và học nhằm giúp HV hình thành các kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp cần thiết gồm (1)

Phát triển được các kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học cây trồng; (2) Thiết lập được phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm thích ứng với môi trường khác nhau; (3) Phát triển được kỹ năng hợp tác và lãnh đạo trong các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực khoa học cây trồng; (4) Thành thực kỹ năng giao tiếp để tiếp cận nhanh thông tin, tập huấn và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực khoa học cây trồng phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế; (5) Phân tích được bối cảnh xã hội và nghề nghiệp thuộc lĩnh vực khoa học cây trồng; (6) Đề xuất ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành quy trình kỹ thuật sản xuất/sản phẩm cây trồng phù hợp với bối cảnh xã hội và thực tiễn nghề nghiệp.

GV sử dụng các hoạt động dạy học, phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. ĐCCT các học phần của ngành KHCT đều được thiết kế với kiến thức lý thuyết kết hợp với thảo luận/bài tập, giữa trực tuyến và trực tiếp, kết hợp trắc nghiệm, bài tập lớn nhằm giúp NH chủ động trong học tập. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên khích lệ HV tự nghiên cứu và trình bày vấn đề theo cách hiểu của mình trong những tiết thảo luận, bài tập dựa trên những vấn đề thực tiễn kích thích NH ham học hỏi, rèn luyện kỹ năng tự học để nâng cao khả năng học tập suốt đời [H4.04.03.04]. Ngoài ra, ĐCCT các học phần/môn học cũng đã trình bày cụ thể việc sử dụng hiệu quả tổ hợp các phương pháp dạy/học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho NH. Mỗi ĐCCT (ĐCCT) đều có mô tả rõ phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, các hoạt động dạy-học và kiểm tra đánh giá tương ứng với các nội dung và CĐR. Những nội dung đánh giá kỹ năng và phẩm chất được mô tả bằng các rubric tương ứng [H4.04.03.05].

Hoạt động NCKH và rèn luyện kỹ năng cá nhân và năng lực hình thành ý tưởng, triển khai, vận hành quy trình sản xuất/sản phẩm phù hợp với bối cảnh xã hội và thực tiễn sản xuất của NH được thể hiện rõ ràng thông qua học phần luận văn tốt nghiệp với 15 tín chỉ. Đây là học phần quyết định các CĐR về năng lực của NH [H4.04.03.06]. Hằng năm, bộ môn KHCT lên kế hoạch về bảo vệ đề cương, báo cáo tiến độ và bảo vệ luận văn tốt nghiệp nhằm giúp HV thực hiện đúng theo tiến độ chương trình [H4.04.03.07]. Sau khi bảo vệ đề cương, Nhà trường ra quyết định tên đề tài và giáo viên hướng dẫn cho HV. Theo kế hoạch, các HV phải báo cáo tiến độ đề tài trước hội đồng để đánh giá tình hình thực hiện đề tài. Các hồ sơ bảo vệ luận văn tốt nghiệp của HV được chuẩn bị nghiêm túc đúng quy chế đào tạo. Các yêu cầu của học phần luận văn tốt nghiệp nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, hình thành năng lực nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời [H4.04.03.08].

Về hiệu quả, chất lượng công việc, khả năng tự nghiên cứu sáng tạo của NH đã tốt nghiệp và đi làm, Trường Đại học Vinh và Viện NN&TN đã có các thông báo và kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (như: nhà sử dụng lao động, HV tốt nghiệp, HV sắp tốt nghiệp). Kết quả cho thấy, các phản hồi tích cực từ nhà tuyển dụng lao động về khả năng tự học của HV tốt nghiệp ngành KHCT (mức độ hài lòng của nhà

tuyên dụng và các thông tin tuyển dụng) từ đó để điều chỉnh phương pháp, nội dung giảng dạy, kiểm tra, đánh giá đáp ứng nhu cầu xã hội [H4.04.03.09].

Các hoạt động dạy và học của HV và GV được thông tin đầy đủ trên cổng thông tin dạy học trực tuyến và các văn bản hướng dẫn NH thực hiện để nâng cao khả năng tự học suốt đời [H4.04.03.10].

Nguồn tư liệu, sách báo cũng được các GV bổ sung liên tục thông qua các kết quả NCKH, các sách tham khảo, giáo trình giúp hỗ trợ hoạt động dạy và học, qua đó cũng thúc đẩy hướng đến khả năng học và tự học suốt đời của NH. [H4.04.03.11].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học, các chương trình hoạt động của Trường và Viện NN&TN đưa ra trong đó sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (giảng dạy học phần đồ án/ dự án) đã tạo động lực cho HV ngành KHCT rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Một số HV chưa chủ động trong việc thực hiện các yêu cầu tự học nên hiệu quả học tập chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Tổ chức nhiều hơn các buổi trao đổi trực tiếp với HV về yêu cầu tự học, tự nghiên cứu. Tăng cường sự tương tác và hỗ trợ giữa người dạy và NH.	Viện NN&TN	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	- Thiết kế thêm các hoạt động trải nghiệm gắn với đề cương học phần, tạo động lực cho SV hình thành và phát triển kỹ năng nghề nghiệp, nâng cao khả năng học tập suốt đời.	Viện NN&TN	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: : Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT ngành KHCT phù hợp, rõ ràng và được công bố công khai, rộng rãi. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng như bài giảng lý thuyết, thảo luận, thuyết trình, đồ án/dự án, thực tập, tự học và tự nghiên cứu giúp HV có khả năng học tập suốt đời. Với mục tiêu giáo dục rõ ràng, Viện NN&TN, ngành KHCT đã thường xuyên tiếp thu ý kiến đóng góp, phản hồi từ các bên liên quan để thay đổi cách tiếp cận dạy học phù hợp.

Bên cạnh đó, Viện NN&TN, ngành KHCT đã tạo ra các môi trường học tập, chương trình dạy học giúp HV có thể tìm hiểu phương pháp học tập chủ động, đáp ứng yêu cầu của CTDH nhằm đạt được CĐR.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập và NH

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của NH là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong quá trình đào tạo ThS. Công tác khảo thí cung cấp thông tin phản hồi thường xuyên và định kỳ để cải tiến chất lượng dạy học và phát triển CTĐT; giúp HV thấy được sự tiến bộ trong quá trình học tập, xác định kết quả học tập đối với từng học phần cụ thể; giúp GV điều chỉnh giảng dạy, đổi mới phương pháp dạy - học ngày càng phù hợp và hiệu quả hơn. Do đó, yêu cầu đánh giá kết quả học tập của NH phải được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của CĐR của CTĐT. Viện NN&TN, Trường Đại học Vinh luôn chú trọng ngay từ khâu tuyển sinh đầu vào cho đến khi tốt nghiệp. Quy trình đánh giá HV được thiết kế một cách có hệ thống trong quá trình đào tạo, bao quát được cả kiến thức và kỹ năng cơ bản chung cũng như của chuyên ngành, phù hợp với mục tiêu, CĐR của CTĐT.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của CĐR.

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Vinh, Viện NN và TN đã xây dựng quy trình, kế hoạch đánh giá kết quả học tập của NH được thể hiện rõ ràng và diễn ra liên tục trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của CĐR của CTĐT. Trường và Viện đã áp dụng các quy định đánh giá kết quả học tập của HV theo đúng Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS của Bộ GD và ĐT và Quy định Khung trình độ quốc gia Việt Nam của Chính phủ [[H5.05.01.01](#)].

Trên cơ sở đó, Trường Đại học Vinh đã Ban hành các quy định tuyển sinh, đào tạo trình độ ThS và triển khai kế hoạch phát triển CTĐT theo tiếp cận CDIO [[H5.05.01.02](#)]. Nhà Trường đã xây dựng và ban hành Khung CTĐT, công bố CĐR các ngành đào tạo ThS, trong đó có ThS chuyên ngành KHCT phát triển qua giai đoạn từ năm 2017 - 2021 (Khoá 25-29) theo hệ thống tín chỉ và từ năm 2022 đến nay (Khoá 30) theo tiếp cận CDIO. Cùng với sự phát triển CTĐT, việc đánh giá kết quả học tập của HV được thiết kế ngày càng đầy đủ, rõ ràng, logic, khoa học, phù hợp thực tiễn dựa trên các CĐR; chỉ rõ các tiêu chí đánh giá về kiến thức, kỹ năng, thái độ cần đạt được sau khi tốt nghiệp của ThS ngành KHCT [[H5.05.01.03](#)].

Từ Khoa 30, năm học 2022 - 2023, Nhà trường áp dụng CTĐT ThS theo tiếp cận CDIO, đã ban hành CĐR và khung CTĐT ngành KHCT từ đầu khóa học. Các phương pháp kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của NH đã được chuyên ngành KHCT thiết kế để đo lường được mức độ đạt được kiến thức về quản trị, quản lý, kiến thức ngành, liên ngành, kiến thức nâng cao, hiện đại của chuyên ngành và vận dụng được các kỹ năng để giải quyết các vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp [[H5.05.01.03](#)]. CĐR các học phần

để đánh giá kết quả học tập của HV, được xây dựng trên cơ sở CĐR của CTĐT. Trên cơ sở đó ngành KHCT đã xây dựng ma trận phân nhiệm CĐR của CTĐT cho các học phần với trình độ năng lực phù hợp với CĐR theo 2 hướng Nghiên cứu và Ứng dụng. Việc đánh giá kết quả học tập của HV được thiết kế theo một quy trình chặt chẽ, phù hợp với nội dung của các học phần và mức độ đạt được CĐR của ngành KHCT [[H5.05.01.04](#)].

Trên cơ sở quy chế của Bộ GD và ĐT về đào tạo ThS, Trường Đại học Vinh đã ban hành các quy định đào tạo ThS các ngành trong đó làm rõ nhiệm vụ, mục tiêu và quy trình kiểm tra đánh giá. Quy trình đánh giá NH phù hợp từ thi đầu vào, thi giữa kỳ hay cuối kỳ, bảo vệ luận văn tốt nghiệp. Các tiêu chí đánh giá, trọng số điểm được xây dựng rõ ràng trên cơ sở mục tiêu và CĐR học phần; kết hợp đánh giá ý thức học tập, năng lực, tính độc lập và sáng tạo của NH. Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được Nhà trường quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Quy định về hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá tạo sự chủ động cho GV, HV mà vẫn đáp ứng mục tiêu và CĐR của học phần, bao gồm: Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm, đồ án cuối kỳ,... [[H5.05.01.05](#)]. Theo Quyết định số 2592/QĐ-ĐHV ngày 2/11/2021 quy định hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp đồng thời đóng góp 30% trọng số điểm học phần. Quy định cũng đã trình bày rõ về đánh giá luận văn tốt nghiệp gồm: Tiêu chí của hội đồng đánh giá luận văn tốt nghiệp, quy trình đánh giá, cách tính điểm luận văn tốt nghiệp. Quy định CĐR ngoại ngữ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc tương đương. Đây là căn cứ để xác định NH đủ điều kiện tốt nghiệp sau khi hoàn thành CTĐT trình độ thạc sỹ chuyên ngành KHCT [[H5.05.01.02](#)].

TT ĐBCL, Phòng Thanh tra - Pháp chế, Phòng Đào tạo Sau đại học và các bộ phận liên quan sẽ rà soát và kiểm tra việc cho điểm cũng như quá trình vào điểm của HV. Kết quả học tập của HV được quản lý chặt chẽ và được thanh kiểm tra theo nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường và Viện sử dụng các phần mềm quản lý dữ liệu kiểm tra đánh giá HV, hướng dẫn GV nhập điểm trên cổng thông tin cán bộ LMS [[H5.05.01.06](#)]. Đề thi kiểm tra phù hợp với nội dung và đảm bảo mục tiêu, CĐR học phần. Việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi, công tác khảo thí đều được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ theo đúng quy trình của Trung tâm Đảm bảo chất lượng [[H5.05.01.07](#)]. Ngân hàng câu hỏi thi, đề thi của ngành KHCT được xây dựng một cách khoa học, bao quát kiến thức, phù hợp với mục tiêu và nội dung học phần. Từ Khoá 30 đề thi xây dựng theo CĐR học phần trên cơ sở thiết kế bản đặc tả ma trận câu hỏi thi, rubric đánh giá theo tiêu chí, cho phép đánh giá được mức độ đạt CĐR của các nội dung và học phần. Ngân hàng đề thi, tiểu luận, đồ án kết thúc học phần của ngành KHCT đều được Bộ môn và Viện nghiệm thu phê duyệt trên cơ sở xem xét khả năng đánh giá của đề thi theo 5 mức

độ: Biết, hiểu, vận dụng, phân tích/tổng hợp và sáng tạo; khả năng đáp ứng mục tiêu và nội dung của từng học phần; sự phù hợp về nội dung, kỹ năng, phương pháp và tính khả thi, tính mới, độ khó của đề thi. Yêu cầu và tiêu chuẩn quan trọng để thẩm định chất lượng của các đề thi là nội dung kiểm tra đánh giá đảm bảo tính chính xác, khoa học, phù hợp với nội dung môn học, độ bao quát kiến thức tương ứng mức độ đạt được CDR. Bộ môn đã thực hiện việc xây dựng tiêu chí cho các bài đánh giá học phần đảm bảo độ tin cậy trong việc đánh giá cả về kiến thức, kỹ năng, thái độ [H5.05.01.08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành các quy định hướng dẫn việc thiết kế và sử dụng các phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá phù hợp, đã triển khai thực hiện việc đánh giá kết quả học tập của NH đảm bảo tính phù hợp với mục tiêu, nội dung CDR của học phần và CDR của CTĐT.

Bộ môn KHCT đã thực hiện đánh giá kết quả học tập của HV cao học theo quy trình hướng dẫn của Nhà trường. Việc thiết kế và sử dụng các hình thức, phương pháp, công cụ đánh giá đảm bảo phù hợp với mục tiêu, CDR của học phần và CTĐT. Hoạt động đánh giá kết quả HV được rà soát định kỳ hàng năm nhằm cập nhật, cải tiến quy trình đảm bảo tính khoa học, thực tiễn và tăng cường đánh giá theo tiếp cận năng lực đối với NH phù hợp CDR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Các quy định về việc ra đề thi, tiêu chí đánh giá kết thúc học phần trong đào tạo ThS theo tiếp cận CDIO từ khoá 30 chưa được điều chỉnh và cập nhật theo các hình thức thi mới trên hệ thống LMS của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian TH/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Tiếp tục cập nhật bổ sung vào văn bản Quy định kiểm tra đánh giá học phần các hình thức kiểm tra đánh giá mới trên hệ thống LMS phù hợp với thay đổi trong CTĐT ThS theo tiếp cận CDIO của Nhà trường.	TTĐBCL/ Phòng ĐT SDH/Viện NN&TN	Hoàn thành năm 2023	Đang thực hiện
2	Phát huy điểm mạnh	- Hoàn thiện quy trình đánh giá HV theo tiếp cận CDIO, tăng cường đánh giá theo tiếp cận năng lực phù hợp CDR của CTĐT - Đa dạng các hình thức, phương pháp đánh giá, đảm bảo cập nhật thường xuyên phù hợp CDR của CTĐT.	Phòng ĐT SDH/ TTĐBCL/ Viện NN&TN/ Bộ môn KHCT	Thực hiện thường xuyên	Đang thực hiện

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH

1. Mô tả hiện trạng

Vận dụng các Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS của Bộ GD và ĐT, Trường Đại học Vinh đã ban hành các văn bản, tài liệu hướng dẫn cụ thể về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HV bao gồm về thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của HV ngành KHCT được xác định rõ ràng theo Quy chế đào tạo ThS của Trường Đại học Vinh và những văn bản hướng dẫn cụ thể của Nhà trường trong từng học kỳ phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ [[H5.05.02.01](#)].

Ngành KHCT thực hiện theo các quy định và hướng dẫn về đánh giá kết quả học tập trong đào tạo ThS theo hệ thống tín chỉ, tiếp cận theo CDIO tại Trường Đại học Vinh. Đề thi, kiểm tra phù hợp với nội dung và đảm bảo mục tiêu học phần đã xác định. Áp dụng đúng hình thức và phương pháp đánh giá đã được quy định trong ĐCCT học phần, kết hợp giữa các hình thức đánh giá như bài tập, thảo luận, tiểu luận, thi tự luận, đồ án... Kết hợp kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập với thi kết thúc học phần, kết hợp giữa đánh giá ý thức học tập chuyên cần và tính độc lập, sáng tạo của HV [[H5.05.02.02](#)].

** Đối với đào tạo theo tín chỉ được quy định (từ khoá 26):*

- Điểm học phần là tổng Điểm quá trình và Điểm thi kết thúc học phần với trọng số tương ứng là 50% và 50%.

- Điểm đánh giá quá trình (chiếm trọng số 50%), trong đó có ít nhất 3 bài đánh giá gồm: Điểm bài tập (30%), Điểm chuyên cần (10%) và Điểm thảo luận (10%).

- + Điểm bài tập được tính theo trung bình của điểm các bài tập thành phần (tự luận hoặc/và trắc nghiệm) do GV yêu cầu HV thực hiện.

- + Điểm chuyên cần tính theo tỷ lệ nội dung bài giảng SCORM do hệ thống LMS tự động chấm.

- + Điểm thảo luận do GV đánh giá mức độ tham gia của HV trên hệ thống LMS. Mỗi học phần tối thiểu có 1 chủ đề thảo luận và mỗi HV ít nhất 1 bình luận trên hệ thống LMS.

- + Học phần đạt yêu cầu khi có Điểm thi kết thúc học phần lớn hơn 0 và điểm Học phần đạt từ 4,0 trở lên.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần và các quy định về thời gian:

- + HV được tham gia thi kết thúc học phần nếu Điểm quá trình đạt 5,0 điểm trở lên, phải xem tối thiểu 80% nội dung bài giảng E-learning.

- + HV hoàn thành đầy đủ bài tập theo yêu cầu và nộp đúng hạn qua hệ thống LMS. Mỗi học phần dạy học trong 14 ngày, bài tập và thảo luận hoàn thành trong 12 ngày đầu tiên.

+ HV phải tham dự ít nhất 80% thời gian học trên lớp có GV hướng dẫn, phải có đầy đủ các điểm đánh giá quá trình.

+ GV công bố công khai điểm quá trình, danh sách HV đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần, nhập điểm trên hệ thống chậm nhất 7 ngày kể từ ngày kết thúc giảng dạy học phần. GV công khai điểm thi kết thúc học phần tự luận không quá 30 ngày sau khi thi, và tiểu luận chậm nhất 15 ngày kể từ hạn nộp bài

- Hình thức thi hết thúc học phần: Áp dụng hình thức và phương pháp đánh giá đã được quy định trong ĐCCT học phần bằng thi tự luận hoặc tiểu luận nộp qua hệ thống LMS.

** Đối với đào tạo theo tiếp cận CDIO được quy định (từ khoá 30):*

- Công thức đánh giá học phần vẫn áp dụng theo Hướng dẫn số 08/HD-ĐHV ngày 16/8/2018 về công tác khảo thí trong đào tạo ThS từ khoá 26.

- Từ khóa 30 thực hiện việc đào tạo ThS theo tiếp cận CDIO có một số thay đổi về quy định đánh giá HV.

+ Điều kiện để tham gia đánh giá cuối kỳ phải có điểm chuyên cần đạt từ 5,5/10 trở lên (điểm chuyên cần là tổng hợp từ điểm SCORM và điểm danh theo đề cương).

+ Yêu cầu HV tham dự ít nhất 80% thời gian học trên lớp, có đầy đủ các điểm đánh giá quá trình, hoàn thành các yêu cầu theo kế hoạch giảng dạy và ĐCCT.

+ Kết quả các học phần xếp loại đạt khi có điểm đánh giá cuối học kỳ lớn hơn 0 điểm và điểm kết thúc học phần đạt từ 5,5/10 điểm trở lên.

Đầu khoá học, Nhà trường và ngành KHCT thông báo cho HV về CTĐT toàn khoá, ĐCCT các học phần trong chương trình, kế hoạch học tập, kế hoạch kiểm tra, thi; thời gian tổ chức bảo vệ luận văn; các quy định của Trường Đại học Vinh có liên quan đến khoá đào tạo. Các tài liệu/hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập được công bố công khai, cụ thể tới HV trước mỗi học phần. HV ngành KHCT được phổ biến các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập rõ ràng, đầy đủ thông qua Chương trình gặp mặt, học chính trị đầu khoá và trên Website của nhà trường (<http://vinhuni.edu.vn>), của Viện và trang LMS cá nhân của HV (<http://my.vinhuni.edu.vn>), từ GV phụ trách các học phần. GV, HV được phổ biến quy định về ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng hệ thống dạy học trực tuyến E-learning trong đào tạo ThS từ khoá 26. HV được cung cấp Quy chế quản lý HV, Cẩm nang HV từ đầu khoá học trong đó có hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số và các nội dung liên quan đến công tác kiểm tra đánh giá người học. Vào buổi học đầu của mỗi học phần, HV cũng được GV thông tin đầy đủ về đề cương chi tiết, quy định về phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập cho từng học phần. Nhờ những phương án nói trên, HV ngành KHCT được tiếp cận thường xuyên, hiểu rõ các quy định về đánh giá kết quả để chủ động hơn trong kế hoạch học tập của bản thân [H5.05.02.03].

Nhà trường ban hành quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề

thi kết thúc học phần tại Trường Đại học Vinh, Quy định về các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập NH của từng học phần cụ thể trong CTĐT. Ngành KHCT áp dụng các quy định rõ ràng về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập thông qua ĐCCT của từng học phần đặc biệt trong việc biên soạn ngân hàng đề thi với các tiêu chí đánh giá cụ thể. Hàng năm, từng học kỳ, ngân hàng đề thi tự luận, tiêu chí đánh giá tiểu luận, đồ án được Bộ môn rà soát, nghiệm thu trước khi áp dụng cho thi đánh giá kết quả học tập của HV. Trong điều kiện dịch COVID19, năm học 2020-2021, Nhà trường đã có công văn hướng dẫn dạy học và đánh giá kết quả học tập trực tuyến. Từ năm 2023, Nhà trường bắt đầu triển khai đánh giá mô hình theo CDR năng lực cho HV [H5.05.01.04].

HV được phổ biến các quy định về quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ và tiếp cận CDIO của Trường Đại học Vinh. Nhà trường có hệ thống phần mềm quản lý điểm, đảm bảo quản lý kết quả học tập của HV chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao, hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của HV dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi. Kết quả học tập của HV được Nhà trường quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường, lưu trữ sổ sách tại Viện NN&TN, Trung tâm ĐBCL, Phòng Đào tạo Sau đại học. Kết quả học tập được thông báo kịp thời và công khai đến từng HV qua thông tin trên bảng tin của Trung tâm ĐBCL, Viện NN & TN và qua tài khoản cá nhân LMS của HV [H5.05.02.05].

2. Điểm mạnh

Trường Đại học Vinh đã có các quy định cụ thể, rõ ràng về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HV bao gồm: Thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi, quy trình tổ chức thi, chấm thi, quản lý kết quả và được triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình ở các bộ phận. Kết quả học tập của NH được thông báo kịp thời, công khai đến các bên liên quan, hoàn thiện phần mềm quản lý để lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn.

GV, Bộ môn KHCT và các phòng ban chức năng đều thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà trường về kiểm tra đánh giá và công khai quy trình, tiêu chí, phương pháp, thời gian đánh giá từng học phần cụ thể cho HV vào buổi học đầu tiên của mỗi học phần. Hoạt động kiểm tra, đánh giá có sự thanh tra, giám sát của Bộ môn/Viện, Trung tâm ĐBCL, Phòng Thanh tra - Pháp chế, Phòng Đào tạo Sau đại học và các bộ phận liên quan để đảm bảo tính chính xác, khách quan và minh bạch mang đến sự hài lòng, công bằng, khách quan nhất cho NH.

3. Điểm tồn tại

Việc sử dụng phương pháp, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá trong một số học phần, nội dung đặc thù của ngành KHCT chưa thống nhất do hiện tại Bộ môn đang trong quá trình xây dựng các tiêu chí đánh giá cho các học phần theo quy trình mới.

Trên hệ thống LMS mà Trường đang áp dụng cho đào tạo ThS, cách tích điểm các bài đánh giá, điểm kết thúc học phần chưa được cập nhật và điều chỉnh kịp thời theo sự

thay đổi trong đề cương học phần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian TH/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Bộ môn thống nhất xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chung cho các học phần phân nhiệm cùng CDR CTĐT của ngành. - Cập nhật, điều chỉnh cách tính điểm kiểm tra đánh giá HV trên LMS phù hợp với quy định thay đổi trong đề cương học phần của Trường	TTĐBCL/Viện NN&TN / BM KHCT/ GV	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục thực hiện quy trình đánh giá kết quả học tập theo CDR, tiếp cận năng lực (CDIO). - Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của HV và các bên liên quan để hoàn thiện và phát triển quy trình kiểm tra, đánh giá phù hợp CTĐT và HV.	- TTĐBCL/ Viện NN&TN / BM KHCT/ GV - Trung tâm CNTT; Viện NC ĐT trực tuyến	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

Trong quá trình đào tạo Nhà trường, Viện NN&TN, Bộ môn KHCT và GV đã sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HV; ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS của Trường Đại học Vinh theo hệ thống tín chỉ năm 2016 và 2021; ban hành Kế hoạch phát triển CTĐT tiếp cận CDIO giai đoạn 2020-2022 [H5.05.03.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng ban hành chi tiết các Quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Vinh năm 2014; đến năm 2018 Trường có một số điều chỉnh bổ sung về công tác khảo thí, chấm luận văn tốt nghiệp trong đào tạo trình độ ThS áp dụng từ khoá 26. Từ khoá 30, Trường Đại học Vinh bắt đầu áp dụng đào tạo ThS theo tiếp cận CDIO và có một số điều chỉnh trong đánh giá kết quả HV; đã có những cải tiến về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HV theo hướng tăng cường đánh giá năng lực, tăng độ chính xác, độ tin cậy và sự công bằng [H5.05.03.02].

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HV được Nhà trường, GV quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian và trọng số của từng bài đánh giá. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần được đa dạng hoá, tăng sự chủ động cho GV, HV như SCORM, tài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận, tiểu luận, tự luận, đồ án cuối kỳ,... Từ năm học 2017-2018, khoá 25 ngành KHCT đã thực hiện xây dựng ĐCCT các học phần theo hệ thống tín chỉ với đầy đủ mục tiêu và nội dung; quy định cụ thể về Điểm đánh giá quá trình (chiếm trọng số 50%) và Điểm thi kết thúc học phần (chiếm trọng số 50%). Trong đó, điểm quá trình phải có ít nhất 3 bài đánh giá gồm bài tập, chuyên cần và thảo luận. Từ khoá 30, năm 2022 ngành KHCT thực hiện xây dựng ĐCCT theo các quy định về đánh giá kết quả học tập trong đào tạo ThS theo tiếp cận theo CDIO, được thiết kế khoa học và chặt chẽ trên cơ sở CĐR của CTĐT, CĐR học phần. Trong ĐCCT đã quy định rõ về các nội dung đánh giá quá trình nhằm tăng cường đánh giá tiếp cận năng lực theo CĐR [[H5.05.01.03](#)]

Theo Quy định 132/QĐ-ĐHV ngày 23/2/2017 về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần tại Trường Đại học Vinh, Viên/Bộ môn KHCT thực hiện xây dựng ngân hàng đề thi học phần ThS, thiết kế hệ thống câu hỏi theo nhiều mức độ đánh giá khác nhau, đảm bảo độ bao phủ nội dung học phần và mức độ các loại câu hỏi đảm bảo đánh giá đúng năng lực HV. Trong điều kiện dịch COVID 19, từ năm 2020 một số học phần chuyển thi cuối kỳ bằng hình thức tiểu luận, Viên/bộ môn đã xây dựng và nghiệm thu bộ tiêu chí đánh giá phù hợp theo yêu cầu của Trường. Từ năm 2022, xây dựng đề cương học phần với phương pháp đánh giá theo tiếp cận CDIO. Các kết quả về xây dựng bộ tiêu chí đánh giá, đề cương học phần được thông qua với sự tham gia của các GV, bộ môn đã tổ chức buổi seminar đề thống nhất về tiêu chí đánh giá theo tiếp cận năng lực đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và công bằng. Mỗi học phần GV đều xây dựng các hình thức, phương pháp, tiêu chí đánh giá học phần và thông báo công khai cho HV khi bắt đầu giảng dạy [[H5.05.03.04](#)].

Triển khai các quy định và hướng dẫn của nhà trường, ngành KHCT đã xây dựng ĐCCT các học phần trong CTĐT, có quy định về hình thức đánh giá học phần và biên soạn ngân hàng đề thi học phần, 100% các học phần trong CTĐT có ngân hàng đề thi. Hằng năm Viện NN&TN đều triển khai rà soát tình trạng đề thi theo kế hoạch của Trường, các khâu coi thi, chấm thi được thực hiện nghiêm túc theo quy định của nhà trường [[H5.05.03.03](#)], [[H5.05.03.05](#)].

CTĐT Khóa 30 năm 2022, Bộ môn KHCT đã điều chỉnh đề cương các học phần chuyên ngành theo hình thức dạy học dự án. Mỗi học phần gồm 3 tín chỉ, trong đó 1 tín chỉ lý thuyết và 2 tín chỉ làm đồ án. GV vận dụng các phương pháp/công cụ phù hợp để kiểm tra đánh giá đối với đồ án. Trong Đánh giá thường xuyên (trọng số 50%) có 1 bài Đánh giá tiến độ đồ án, HV nạp báo cáo tiến độ trên hệ thống LMS, GV sử dụng công cụ đánh giá bằng Rubric. Đánh giá cuối kỳ (trọng số 50%) bằng báo cáo đồ án hoặc sản phẩm đồ án, HV trình bày và vấn đáp trước Hội đồng đánh giá đồ án môn học rồi nạp bài trên hệ thống LMS, sử dụng công cụ đánh giá bằng Rubric [[H5.05.03.05](#)].

Nhà Trường ban hành quy định về công tác coi thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập cũng như trách nhiệm của các đơn vị liên quan. Để đảm bảo thực hiện tốt công tác coi thi kết thúc học phần theo đúng quy định trong công tác đào tạo theo hệ thống tín chỉ, mỗi học kỳ Nhà Trường/Viện đều thành lập ban chỉ đạo để điều hành công tác coi thi. Đối với HV Cao học được dự thi kết thúc mỗi học phần tối đa 02 lần. HV vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi ở kỳ tiếp theo và được tính là lần thứ nhất, nếu vắng không có lý do chính đáng bị nhận điểm 0. HV dự thi chưa đạt yêu cầu và vắng thi không có lý do được phép thi lần 2. Lịch thi kết thúc học phần được thông báo trên website của Trường để HV biết và thực hiện, được thông báo bằng văn bản cho Khoa/Viện đào tạo. Công tác chấm thi do Trung tâm ĐBCL tổ chức điều hành, giám sát toàn bộ quy trình chấm thi. Các Khoa/Viện chuyên ngành trực tiếp kiểm tra hoạt động thi và chấm thi học phần; giám sát và kiểm tra quá trình chấm thi, vào điểm. GV chấm thi theo thang điểm, đáp án, tiêu chí đánh giá đã được bộ môn thông qua. Nhà Trường cũng có quy định trong quản lý kết quả học tập tạo sự thống nhất tại các đơn vị liên quan, đảm bảo sự chính xác, công bằng, minh bạch, tự chịu trách nhiệm nhằm nâng cao chất lượng đào tạo [H5.05.03.06].

Mỗi học kỳ, Nhà trường đều lập bộ phận thanh tra công tác coi thi, chấm thi để đảm bảo tính nghiêm túc, công bằng. Phòng Thanh tra - Pháp chế kết hợp TT ĐBCL, Phòng Đào tạo Sau đại học và các bộ phận liên quan sẽ rà soát và kiểm tra việc cho điểm vào điểm của HV. Kết quả học tập của HV được quản lý chặt chẽ và được thanh kiểm tra theo nhiều hình thức khác nhau [H5.05.03.07]. Hằng năm, Viện đều tổ chức tổng kết để đánh giá về hiệu quả sử dụng tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong CTĐT từ đó có kết luận nhằm rút kinh nghiệm trong kiểm tra, đánh giá cho các năm tiếp theo [H5.05.03.08]. Kết quả khảo sát việc đánh giá kết quả học tập ở Trường Đại học Vinh nhận được sự phản hồi tốt của NH và của các bên liên quan [H5.05.03.09].

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá kết quả học tập của NH được thực hiện đúng quy chế, phương pháp đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và và CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Công tác rà soát, đổi mới bộ đề thi, đổi mới cách ra đề thi, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá học phần bằng tiểu luận/đồ án cho một số học phần chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục để phù hợp với thực tiễn và đặc thù của môn học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn	Ghi chú

				thành	
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện rà soát thường xuyên để đảm bảo tính phù hợp giữa hình thức, phương pháp đánh giá của các nội dung với mục tiêu và CDR học phần.	Viện NN&TN/ Bộ môn KHCT/ TTĐBCL	Hàng năm/ học kỳ	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục chỉ đạo và thực hiện quy trình đánh giá theo tiếp cận năng lực (CDIO), đa dạng hóa các phương pháp đánh giá kết quả học tập và sử dụng phù hợp với đối tượng, tiến tới chuyên nghiệp hóa hoạt động kiểm tra, đánh giá trong đào tạo.	TTĐBCL	Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Đánh giá kết quả học tập của NH là yếu tố quan trọng và cần thiết nhằm cung cấp thông tin phản hồi thường xuyên và định kỳ cho hoạt động đào tạo; giúp HV có nắm bắt tình hình và có kế hoạch cải tiến phương pháp học tập hiệu quả hơn. Do đó, yêu cầu kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để HV cải thiện việc học tập. Việc đánh giá kết quả của NH được Nhà trường quy định cụ thể bằng văn bản theo đúng quy chế đào tạo ThS theo hệ thống tín chỉ, các quy định về khảo thí, thi, đánh giá [[H5.05.04.01](#)].

Theo quy định, đối với hệ đào tạo sau đại học theo hệ thống tín chỉ, kết quả điểm học phải được thông báo công khai cho HV. Trong đó, đối với điểm chuyên cần và điểm đánh giá giữa học phần, ngay sau khi kết thúc giảng dạy học phần, giảng viên phải thông báo điểm cho HV. Đối với điểm kết thúc học phần thì sau khi có kết quả điểm kết thúc học phần, TTĐBCL cùng với Viện đã chỉ đạo nhập điểm vào hệ thống quản lý đào tạo và thông báo công khai cho HV trên trang thông tin của cá nhân LMS. Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HV được Nhà trường, Bộ môn và GV quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian và trọng số của từng loại điểm cho từng bài kiểm tra, đánh giá. Các bài kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Trong đó, đối với hệ thống đào tạo theo tín chỉ được quy định điểm chuyên cần chiếm trọng số là 10% trong tổng số điểm, điểm giữa kỳ chiếm 20%; điểm thi kết thúc học phần là 70%. Từ khóa 30 thực hiện việc đào tạo theo tiếp cận CDIO, việc quy định trọng số của các học phần có sự thay đổi, cụ thể điểm đánh giá quá trình chiếm tỷ trọng 50%, điểm thi kết thúc học phần chiếm tỷ trọng 50%; quy định điều kiện để tham gia đánh giá cuối kỳ

phải có điểm chuyên cần đạt từ 5,5/10 trở lên. Mỗi học phần phải đảm bảo có đủ các điểm bộ phận và có qui định về trọng số điểm. Yêu cầu HV tham dự ít nhất 80% thời gian học trên lớp. GV công khai điểm quá trình chậm nhất 07 ngày kể từ ngày kết thúc giảng dạy; điểm thi kết thúc học phần tự luận không quá 30 ngày sau khi thi, thi vấn đáp công khai ngay sau khi thi và tiểu luận chậm nhất 15 ngày kể từ hạn nộp bài [H5.05.04.02].

Kết quả học tập của HV được quản lý chặt chẽ và được thanh kiểm tra theo nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường và Viện sử dụng các phần mềm quản lý dữ liệu kiểm tra đánh giá HV, hướng dẫn GV nhập điểm trên cổng thông tin cán bộ LMS và phản hồi thông tin tới HV. HV được hướng dẫn sử dụng Trang LMS cá nhân, website của Nhà trường để cập nhật thông tin học tập, dự thi kết thúc học phần và kết quả học tập cũng như có thể trao đổi thông tin với GV [H5.05.04.03]. Nhà trường cũng có quy định tạo điều kiện cho HV có thể học lại và học cải thiện điểm để cho HV đạt kết quả học tập tốt nhất. Đối với HV chưa dự thi kết thúc học phần vì lý do chính đáng được viết đơn đăng ký thi bổ sung kèm minh chứng vắng thi (không có lý do thì bị điểm 0). Trường hợp HV có thắc mắc về điểm thi kết thúc học phần, điểm chuyên cần, xử lý vắng thi, xử lý đi thực tập, cấp bằng điểm, làm đơn nộp Bộ phận Một cửa để được xử lý. Trường hợp gặp vấn đề dạy học trên LMS HV/GV thông báo Phòng Đào tạo Sau đại học, liên quan đến kiểm tra đánh giá thông báo với Trung tâm ĐBCL để xử lý [H5.05.04.04].

Để kịp thời nắm tình hình học tập và có phản hồi kịp thời cho HV, trong quá trình học Viện NN&TN đã thành lập bộ phận tư vấn, giám sát và hỗ trợ HV theo các khoá đào tạo; phân công cán bộ giảng dạy phụ trách các lớp. Trường/Viện phân công GV hướng dẫn HV làm đề tài luận văn tốt nghiệp [H5.05.04.05]. Viện/Bộ môn thường xuyên tiến hành cập nhật tình hình học tập của HV, rà soát điểm tổng kết của các học phần. Các trường hợp HV thuộc diện cảnh báo học tập hoặc gặp vấn đề cần xử lý trong học tập và thi xử, ... Viện/Bộ môn đều cử cán bộ nắm bắt lý do và có giải pháp hỗ trợ để HV tiếp tục tham gia học, hướng dẫn đăng ký học, thi bổ sung đúng tiến độ. Trường/Viện thông báo kết quả học tập và rèn luyện qua trang LMS cá nhân và trên website Nhà Trường để HV nắm bắt được tình hình học tập và rèn luyện để kịp thời hỗ trợ HV cải thiện kết quả. Trong quá trình đào tạo, Viện NN&TN đã triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định về đánh giá và phản hồi kết quả cho NH. Các khâu coi thi, chấm thi thực hiện theo đúng kế hoạch, các học phần thuộc CTĐT của ngành KHCT đều hoàn thành việc công bố kết quả đánh giá đúng thời gian quy định [H5.05.04.06].

Hàng năm nhà trường đều thực hiện khảo sát NH về hoạt động giảng dạy và cách đánh giá kết quả học tập của GV để rút kinh nghiệm thực hiện nhằm tăng cường việc hỗ trợ NH trong việc cải thiện kết quả học tập. Hầu hết các HV đều hài lòng về cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập, về cơ chế và các điều kiện hỗ trợ việc cải thiện kết quả học tập trong mỗi học phần và toàn khóa học [H5.05.04.07]. Viện NN&TN hàng năm đều có các báo cáo tổng kết nhằm đánh giá và rút kinh nghiệm về nội dung kiểm tra và đánh giá kết quả NH đảm bảo có giá trị, có độ tin cậy và sự công bằng cho HV [H5.05.04.08].

2. Điểm mạnh

Kết quả học tập của NH được quản lý, lưu trữ và thông báo kịp thời, chính xác thông qua hệ thống phần mềm quản lý chuyên dụng và được sự hỗ trợ tích cực, kịp thời của các bộ phận chức năng và cán bộ, GV. Các kết quả này giúp bản thân HV và Bộ môn có kế hoạch, lộ trình điều chỉnh phù hợp để cải thiện một cách hiệu quả hơn trong quá trình học tập và rèn luyện ở những giai đoạn tiếp theo.

3. Điểm tồn tại

Trên hệ thống LMS mà Trường đang áp dụng cho đào tạo ThS, chưa được cập nhật và điều chỉnh kịp thời theo sự thay đổi trong đề cương học phần, để đảm bảo kiểm soát được việc công bố, phản hồi kết quả học tập của HV trong quá trình học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Cần hoàn chỉnh hệ thống quản lý học tập LMS để đảm bảo kiểm soát được việc công bố, phản hồi kết quả học tập của HV trong quá trình học.	Trung tâm CNTT; Viện đào tạo trực tuyến	Hàng năm	Đang thực hiện
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục nâng cao công tác quản lý, lưu trữ và thông báo kịp thời, chính xác thông qua hệ thống phần mềm quản lý chuyên dụng và được sự hỗ trợ tích cực, kịp thời của các bộ phận chức năng và cán bộ, GV.	TTĐBCL; Trung tâm CNTT; Viện Đào tạo trực tuyến	Theo năm học	Đang thực hiện

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 5.5. NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

Để tạo điều kiện cho NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại kết quả học tập, Nhà trường đã có những quy định cụ thể về quy trình khiếu nại, kiểm tra kết quả thi của NH. Trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần, Trường Đại học Vinh, Viện NN&TN đã phổ biến đầy đủ các văn bản quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập cho HV từ đầu khóa [[H5.05.05.01](#)].

Đối với điểm chuyên cần, thái độ và điểm thi giữa học kỳ GV phải công bố trước lớp vào buổi học cuối cùng của học phần. Nếu NH có khiếu nại thì GV dạy học phần đó phải kiểm tra lại và thông tin kịp thời tới NH. Sau đó kết quả của điểm thi giữa kỳ và điểm chuyên cần sẽ được GV nộp cho Trưởng bộ môn kiểm tra, xác nhận, chuyển cho

văn phòng Viện và cùng với cán bộ văn phòng Viện nhập điểm vào phần mềm quản lý đào tạo. GV và cán bộ văn phòng Viện cùng ký xác nhận vào bảng điểm in sau khi nhập xong dữ liệu [[H5.05.05.02](#)].

Nhà trường điều tiến hành xử lý, giải quyết kịp thời, thỏa đáng việc xem lại kết quả học tập của NH. Đối với điểm quá trình, điểm kiểm tra giữa kỳ NH có thể xem trực tiếp trên tài khoản cá nhân của mỗi HV và khiếu nại trực tiếp với GV ngay sau khi điểm được công bố và trước khi GV chốt điểm thành phần [[H5.05.05.03](#)]. Nếu phát hiện sai lệch NH sẽ có quyền khiếu nại. Nếu sai sót trong khâu nhập điểm thì cán bộ văn phòng Viện có thể đề nghị sửa lại điểm cho NH theo quy định. Sau khi có kết quả thi kết thúc học phần, NH có quyền làm thủ tục kiểm tra điểm nếu không thỏa mãn theo quy trình kiểm tra điểm [[H5.5.05.04](#)]. Đơn đề nghị kiểm tra lại điểm thi của NH sẽ được gửi về Trung tâm ĐBCL qua Bộ phận một cửa. Thời hạn HV phản ánh sai lệch điểm thi chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày công bố điểm cuối học kỳ, sau thời gian trên nhà Trường sẽ không giải quyết. Trả kết quả, xử lý kết quả và rà soát phúc khảo điểm tối đa 20 ngày làm việc tính từ ngày HV nộp đơn. Trung tâm ĐBCL tổng hợp kết quả phúc khảo và gửi cho Bộ phận một cửa để thông báo cho HV. Viện sẽ lưu hồ sơ và cập nhật kết quả phúc khảo vào hệ thống phần mềm [[H5.05.05.05](#)], [[H5.05.05.06](#)]. Ngoài ra, đối với việc đánh giá luận văn tốt nghiệp, căn cứ vào quy trình tổ chức cho HV làm luận văn tốt nghiệp được ban hành bởi phòng Đào tạo sau đại học, NH nếu có thắc mắc sẽ được các thành viên hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp giải đáp ngay tại buổi bảo vệ [[H5.05.05.06](#)].

Quy trình khiếu nại, phúc khảo kết quả học tập của NH được Nhà trường xây dựng, bổ sung và ngày càng hoàn thiện. Theo Hướng dẫn Số 08/HD-ĐHV ngày 16/10/2018 về Công tác khảo thí trong đào tạo trình độ ThS áp dụng từ khóa 26 và Quyết định Số 2592/QĐ-ĐHV ngày 02/11/2021 Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS của Trường Đại học Vinh đã có một số quy định chung về xử lý thắc mắc, phúc khảo về đánh giá kết quả học phần. Để có quy định cụ thể và đầy đủ hơn về đánh giá kết quả và đảm bảo quyền lợi cho NH, Trường Đại học Vinh đã ban hành Quyết định Số 1336/QĐ-ĐHV ngày 31/5/2023 về Quy trình phúc khảo điểm đánh giá cuối học kỳ cho các hệ đào tạo, trong đó có đào Sau đại học. Đã có hướng dẫn cụ thể về nội dung, trách nhiệm đơn vị xử lý, kết quả kèm biểu mẫu cụ thể và thời hạn hoàn thành trong Quy trình phúc khảo điểm (PKĐ) với các bước: (1) Tiếp nhận PKĐ, (2) Thực hiện PKĐ, (3) Trả kết quả, xử lý kết quả và rà soát PKĐ, (4) Lưu hồ sơ và báo cáo [[H5.5.05.04](#)], [[H5.5.05.06](#)]. Điều này cho thấy việc đánh giá kết quả HV đảm bảo tính công bằng; đồng thời quy trình khiếu nại, phúc khảo điểm đã được phổ biến rộng rãi, dễ tiếp cận để NH có thể kịp thời xem lại và được giải quyết thỏa đáng.

Để giúp NH nắm vững quy định, quy trình khiếu nại, phúc khảo kết quả học tập, Nhà trường đã tổ chức phát Cẩm nang học sinh, sinh viên, HV, phổ biến Quy định công tác quản lý HV. Trong các tài liệu đã hướng dẫn các quy định, quy trình về khiếu nại, phúc khảo kết quả học tập để NH nắm bắt và thực hiện, đồng thời những quy định này

được Nhà trường thông báo trên cổng thông tin của bộ phận một cửa và trong sổ tay của NH giúp cho NH có thể tra cứu bất cứ khi nào [[H5.05.05.07](#)].

Tình trạng khiếu nại về kết quả học tập của NH, hằng năm được TT ĐBCL thống kê để gửi đến các đơn vị đào tạo trong toàn trường. Đặc biệt, kết quả kiểm tra điểm trong 5 năm từ 2017- 2022 từ TT ĐBCL hệ cao học ngành KHCT của Viện NN&TN không có trường hợp nào khiếu nại về kết quả học tập [[H5.05.05.08](#)]. Qua các thông tin phỏng vấn HV hằng năm cho thấy 100% HV cao học ngành KHCT biết rõ quy định về quy trình khiếu nại kết quả học tập của Nhà trường đang áp dụng hiện nay [[H5.05.05.09](#)].

2. Điểm mạnh

NH dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của mình từ CB phụ trách cấp Viện đến Bộ phận Một cửa, Trung tâm ĐBCL của Nhà trường. HV được phổ biến rõ về quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi. Trong 5 năm từ 2017 – 2022 không có HV nào khiếu nại về kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Các thủ tục, quy trình khiếu nại kết quả học tập do thực hiện qua nhiều công đoạn, bộ phận chức năng của Nhà trường nên thời gian xử lý chưa nhanh.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục thực hiện tốt các quy trình liên quan đến việc quản lý điểm và giải quyết các kết quả khiếu nại của HV. Thông báo kết quả khiếu nại của HV về kết quả học tập trên website của Nhà trường.

Hoàn thiện quy định, quy chế phối hợp trong công tác hỗ trợ người học để xử lý các vấn đề liên quan đến quy trình khiếu nại nhanh, gọn hơn.

Công tác ra đề, coi thi, chấm thi được thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc nhằm đảm bảo tính công bằng, nghiêm túc, khách quan. Việc kết hợp kiểm tra, đánh giá dựa trên kết quả đánh giá tiến trình và đánh giá tổng kết góp phần giúp Viện đánh giá được mức độ tích lũy kiến thức, kỹ năng cũng như năng lực của HV.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Trường Đại học Vinh có quy định rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của NH, có tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp. Viện NN&TN đã thực hiện đánh giá kết quả NH theo mục tiêu, CDR của CTĐT ngành KHCT, áp dụng đúng quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Vinh. Quá trình đánh giá kết quả học tập của NH được GV thiết kế bám sát các yêu cầu về mặt kiến thức, kỹ năng và thái độ, có khả năng đo lường được mức độ đạt được CDR của CTĐT. Ngành KHCT đã vận dụng các phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá vào quá trình đào tạo ThS đảm bảo sự đa dạng, độ tin cậy, nghiêm túc, khách quan và công bằng cho HV. Kết quả đánh giá được quản lý chính xác, an toàn và thông báo kịp thời, công khai đến HV nhằm giúp HV có cơ hội cải thiện kết quả. Nhà trường đã ban hành các quy định cụ thể về giải quyết khiếu nại kết quả học tập của NH, giúp NH dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại. Viện NN và TN đã có sự phân công cán bộ để hỗ

trợ HV trong suốt quá trình học tập tại Trường và giải quyết kịp thời các vấn đề khiếu nại về kết quả học tập, lên kế hoạch và triển khai học tập một cách chủ động và phù hợp nhất. Cùng với việc tiếp tục phát huy điểm mạnh, Nhà trường và Viện cũng đã chỉ ra một số điểm còn tồn tại và giải pháp khắc phục nhằm không ngừng đổi mới quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nâng cao chất lượng đào tạo ThS.

Kết quả đánh giá chung Tiêu chuẩn 5: Tiêu chuẩn 05 có 05 tiêu chí; trong đó các tiêu chí đều đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ GV

Mở đầu

Trong chiến lược phát triển của Nhà trường, phát triển đội ngũ GV được xác định là chiến lược trọng tâm, là tiền đề quan trọng để giữ vững và phát triển quy mô và nâng cao chất lượng CTĐT của Trường Đại học Vinh nói chung và của CTĐT trình độ ThS ngành KHCT (KHCT) nói riêng. Để đáp ứng về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng Nhà trường và ngành KHCT luôn chú trọng công tác quy hoạch đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao, tích cực tham gia hoạt động NCKH và tham gia các hoạt động xã hội. Việc phân công nhiệm vụ được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và kỹ năng của GV. Việc tuyển dụng đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, có tiêu chí rõ ràng, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật.

Đội ngũ GV tham gia giảng dạy và hướng dẫn CTĐT trình độ ThS của ngành KHCT được quy hoạch đầy đủ đáp ứng về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng thể hiện qua tỷ lệ GV/NH đáp ứng đúng quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường có quy định phân công cụ thể khối lượng công việc hàng năm đối với đội ngũ GV. Ngoài ra GV luôn được tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nhằm phát triển chuyên môn và kỹ năng. Bên cạnh đó việc quản lý kết quả theo công việc và ghi nhận thành tích của GV đã tạo động lực cho GV hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn góp phần thực hiện tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường và trách nhiệm đối với xã hội.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Để thực hiện thành công sứ mạng và tầm nhìn trong chiến lược phát triển của Nhà trường, đáp ứng được yêu cầu về đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu nhằm phục vụ yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Trường Đại học Vinh đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011 - 2020, Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển trường Đại học Vinh giai

đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2045, trong đó có kế hoạch /quy hoạch phát triển đội ngũ GV thông qua công tác xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự (có đề cập đến việc thu hút, tiếp nhận, tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ quản lý). Nhà trường cũng đặt ra giải pháp xây dựng đội ngũ GV cơ hữu đủ số lượng, ĐBCL, phù hợp về cơ cấu để thực hiện CTĐT và NCKH, theo đó đặt ra mục tiêu tỉ lệ GV có học vị TS tăng 5% năm, tỉ lệ GV có học hàm phó giáo sư tăng 5% năm [H6.06.01.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã ban hành các Quy chế về công tác cán bộ như: Đề án vị trí việc làm, Quy chế về tổ chức hoạt động Trường Đại học Vinh, Quy chế về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh, Quy định tuyển dụng, sử dụng đội ngũ GV, Quy định bổ nhiệm miễn nhiệm GS, PGS, GVCC, GVC, Quy định về việc chấm dứt hợp đồng, cho nghỉ hưu, kéo dài thời gian lao động... Trong Đề án vị trí việc làm có quy định rõ GV có thể làm việc tại các vị trí gắn với công việc lãnh đạo, quản lý điều hành như Trưởng khoa, Phó trưởng khoa hoặc làm việc theo vị trí gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp với các tiêu chuẩn cụ thể, [H6.06.01.02]. Trên cơ sở chiến lược và các quy định đã được ban hành. Nhà trường và Viện Nông nghiệp và TN (NN&TN) đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV tham gia giảng dạy CTĐT trình độ ThS ngành KHCT cho từng giai đoạn [H6.06.01.03]. Việc quy hoạch đội ngũ GV luôn được Viện NN&TN chú trọng, được xem như là một trong các nhiệm vụ then chốt và được thể hiện trong kế hoạch năm học, được rà soát, bổ sung hàng năm dựa trên báo cáo về nhu cầu nhân lực của từng bộ môn [H6.06.01.04].

Để thực hiện đúng kế hoạch phát triển đội ngũ GV tham gia giảng dạy CTĐT trình độ ThS ngành KHCT, đảm bảo về số lượng và chất lượng của đội ngũ. Đầu mỗi năm học, Viện NN&N và ngành KHCT đều tổ chức thống kê số liệu quy hoạch đội ngũ GV, NCV trong từng năm. Tính đến nay (tháng 12/2023), Tổng số CB, GV tham gia CTĐT trình độ ThS của ngành KHCT là 12, gồm có 9 GV cơ hữu và 3 KTV, trong đó có 0 GS (chiếm 0%), 1 PGS (chiếm 7,1%), 10 TS (chiếm 71,1%), 3 ThS (chiếm 21,5%). Ngoài ra, còn có số GV thỉnh giảng với số lượng 4 GV. Tất cả các GV ngành KHCT đều có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo đúng với chuyên ngành giảng dạy, thành thạo máy tính và có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc [H6.06.01.05]. Cơ cấu về giới tính, độ tuổi, trình độ chuyên môn của GV, NCV được thể hiện (ở bảng 6.1).

Bảng 6.1. Thống kê, phân loại GV cơ hữu, NCV đào tạo trình độ SDH ngành KHCT theo trình độ, giới tính và độ tuổi năm học 2022-2023 (tính đến tháng 4/2023)

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	0-40	41-50	1-60	60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	1	7,1	0	1	0	0	1	0	0
3	TS khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	TS	10	71,4	2	6	0	4	4	0	0
5	ThS	3	21,5	2	1	0	0	3	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	14	100	0	0	0	0	0	0	0

Trên cơ sở đó, Ban Lãnh đạo các Viện đã thảo luận, phân tích về sự thiếu hụt GV của ngành. Từ đó, xây dựng lộ trình phát triển cán bộ trong từng năm nhằm đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên khối lượng công việc đang thực hiện của GV và lực lượng cán bộ đã nghỉ hoặc sắp nghỉ hưu. Các Viện xác định số lượng GV cần tuyển dụng mới tương ứng với các vị trí thiếu hụt trong bản mô tả công việc, căn cứ vào nhu cầu công việc, chỉ tiêu biên chế, tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí việc làm cần bổ sung và tình hình thực tế đội ngũ cán bộ của Viện, Trưởng đơn vị đề xuất số lượng cần bổ sung, trình thành viên BGH phụ trách trực tiếp cho ý kiến gửi về phòng Tổ chức Cán bộ để tổng hợp nhu cầu tuyển dụng viên chức của toàn trường trình Hiệu trưởng. Hiệu trưởng thông qua chỉ tiêu cần tuyển dụng tại phiên họp giao ban BGH để thống nhất chỉ tiêu. Trên cơ sở kết luận của BGH, Hiệu trưởng báo cáo Ban thường vụ Đảng ủy xét duyệt chỉ tiêu cần tuyển. Trên cơ sở chỉ tiêu đã được duyệt, Phòng Tổ chức Cán bộ lập kế hoạch tổ chức thi tuyển, thông báo tiêu chuẩn, điều kiện, chỉ tiêu, thời hạn tuyển dụng và địa điểm tiếp nhận hồ sơ trên website trường Đại học Vinh, trên phương tiện thông tin đại chúng và tại phòng Tổ chức Cán bộ, kết quả thi tuyển được niêm yết công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường, phòng Tổ chức Cán bộ thông báo bằng văn bản gửi tới người dự tuyển kèm theo thông báo về thời gian và địa điểm người trúng tuyển đến ký hợp đồng làm việc và hoàn thiện thủ tục tuyển dụng trong thời hạn quy định [H6.06.01.06]. Nhà trường cũng đã thực hiện các chính sách thu hút, đãi ngộ và trọng dụng nhân tài để tuyển dụng được đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao. Do vậy, các Khoa/Viện và Trường không chỉ tuyển được những sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc do Trường đào tạo mà còn tuyển được những sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc do các trường

khác đào tạo [H6.06.01.07]. Trong giai đoạn vừa qua đã có 2 GV xin chuyển công tác ra Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Bộ Khoa học và Công nghệ

Hằng năm Viện/ngành KHCT cũng như Nhà trường đã tiến hành khảo sát và phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ GV. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại ngành KHCT được thực hiện theo quy hoạch các nhóm chuyên môn sâu để phù hợp với nhu cầu đào tạo của Viện [H6.06.01.08]. Trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ của GV, Nhà trường và Viện/ngành KHCT đã triển khai thực hiện các kế hoạch cho các GV đi học nâng cao trình độ cả về chuyên môn và lý luận chính trị [H6.06.01.09]. Về kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ GV, Trường Đại học Vinh có quy chế chi tiêu nội bộ quy định rõ chế độ kinh phí cho việc đào tạo, trong đó cấp học phí và kinh phí hỗ trợ, giảm giờ chuẩn cho CB, GV đi học; tặng quà và cấp máy tính xách tay cho các CB, GV hoàn thành việc bảo vệ luận án TS... [H6.06.01.10].

Việc tuyển chọn đội ngũ CB-GV-NV cũng được Nhà trường thực hiện thường xuyên để phù hợp với tình hình thực tế và năng lực của từng vị trí [H6.06.01.11].

Việc quy hoạch, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo của Viện dựa trên năng lực công tác và thành tích NCKH của CB để nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo cũng như quản lý. Quy trình bổ nhiệm CB lãnh đạo Viện đều thực hiện công khai, tiêu chí bổ nhiệm rõ ràng và được thực hiện đúng quy định của Nhà trường. [H6.06.01.12].

Việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu hay kéo dài thời gian công tác của GV cũng được thực hiện nghiêm túc, đúng kế hoạch theo quy định rõ ràng tại Quy chế công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh [H6.06.01.13].

Nhà trường thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, giám sát đối với đội ngũ GV để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Vào cuối mỗi năm học, các GV thực hiện việc tự đánh giá thông qua Bản tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học về công tác giảng dạy, NCKH, chuyên môn nghiệp vụ..., sau đó việc đánh giá được tiến hành ở Bộ môn, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Viện và cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Ngoài ra Nhà trường tiến hành lấy ý kiến của sinh viên đối với hoạt động giảng dạy của GV, cung cấp thông tin cho GV và các cán bộ quản lý để có biện pháp cải tiến chất lượng. Thông qua việc lấy ý kiến của sinh viên, HV đối với hoạt động giảng dạy của GV, Nhà trường và Viện/ngành KHCT có định hướng chiến lược thích hợp để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.01.14] [H6.06.01.15]. Nhà trường có chính sách khen thưởng đối với các GV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, được hưởng các khoản khác như: phụ cấp tăng thêm, nâng lương trước thời hạn, giấy khen, bằng khen các cấp và các hình thức khen thưởng khác... [H6.06.01.16].

Nhà trường thường xuyên rà soát xem xét sự phù hợp của các quy định cũ và ban hành các quy chế, quy định mới về công tác tổ chức, cán bộ nhằm bổ sung hoặc thay thế

các quy định cũ, thực hiện việc cải tiến về số lượng và chất lượng GV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ [H6.06.01.17].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã có kế hoạch chiến lược phát triển trường qua từng giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đáp ứng được mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường.

- Công tác quy hoạch đội ngũ của Viện/ngành KHCT được chú trọng thực hiện đồng bộ từ Trường đến Viện/ngành KHCT theo đúng quy trình, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, đảm bảo có đủ đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ.

- Quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường, quy trình và tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm đối với tất cả các vị trí đều rõ ràng, minh bạch mang lại hiệu quả cao tuyển chọn được ứng viên có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Việc tạo nguồn quy hoạch GV ngành KHCT đang gặp khó khăn. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ GV như Đề án Vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của ngành KHCT chuẩn bị cho phát triển Trường ĐH Vinh trong thời gian tới còn bị động.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Ngành KHCT cần làm rõ chính sách về nhân sự, tạo nguồn quy hoạch GV cho phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ GV như Đề án Vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Viện cần đầy đủ các nội dung cốt lõi - Xây dựng kế hoạch tăng cường năng lực NCKH cho GV;	Nhà trường, Viện, Phòng TCCB	6/2022	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	- Thường xuyên rà soát kế hoạch chiến lược phát triển trường qua từng giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để phù hợp với mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng của Nhà	Nhà trường, Viện, Phòng TCCB	6/2022	Hàng năm

		trường. - Tăng cường rà soát quy trình quy hoạch đội ngũ của ngành KHCT, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, đảm bảo có đủ đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ. - Tiếp tục công tác lập kế hoạch quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường, rà soát các quy trình và tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm đối với tất cả các vị trí để mang lại hiệu quả cao tuyển chọn được ứng viên có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của Nhà trường.			
--	--	---	--	--	--

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Công tác quy hoạch đội ngũ GV được thực hiện dựa trên kế hoạch phát triển nhân sự của Trường và kế hoạch phát triển của Viện qua các giai đoạn [H6.06.02.01] [H6.06.02.02]. Để đảm bảo tỷ lệ GV/NH, Viện NN & TN đã triển khai thực hiện các kế hoạch của Trường và kế hoạch hoạt động của Viện hàng năm. Hiện nay, tổng số GV tham gia đào tạo trình độ ThS của Ngành KHCT là 11 người, trong đó có 2 PGS (chiếm 18,2%), 9 TS (chiếm 81,8%), độ tuổi trung bình là 41,5 tuổi. Tất cả các GV đều đáp ứng được tiêu chuẩn tuyển dụng của Trường, có trình độ chuyên môn cao phù hợp với chuyên ngành đào tạo và đáp ứng được yêu cầu quy định về đào tạo SDH (TT09/2017/TT-BGDĐT, ngày 04/4/2017) [H6.06.02.03]. Định kỳ hàng năm Viện thực hiện việc rà soát, đánh giá và bổ sung đội ngũ GV đảm bảo tỷ lệ SV/GV đúng quy định theo từng khối ngành đào tạo. Hiện nay tỷ lệ GV/NH tham gia đào tạo trình độ ThS của ngành là 1/2,1, đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ ThS hiện hành theo Thông tư 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ GD&ĐT quy định. Có được kết quả này là nhờ Viện, Ngành đã thực hiện tốt công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, bố trí công việc, phát triển đội ngũ và đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ GV [H6.06.02.04] [H6.06.02.05].

Số lượng GV cần thiết để đáp ứng yêu cầu và nhu cầu giảng dạy cho ngành

KHCT được thể hiện ở bảng biểu 6.2 và bảng tỷ lệ GV/SV bảng 6.2.2 như sau:

Bảng 6.2. Số GV quy đổi của giai đoạn 2018 – 2022

Trình độ		GV cơ hữu				GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý				GV thỉnh giảng	Tổng số GV quy đổi
		GS	P.GS	TS	ThS	GS	P.GS	TS	ThS		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
Hệ số quy đổi (GV là quản lý thì nhân với hệ số 0.3)		5	3	2	1	1.5	0.9	0.6	0.3	0.2	
Năm học	Tổng số GV										
2017-2018	10			5				2		3	11,8
2018-2019	12			6				2		4	14
2019-2020	12			6				2		4	14
2020-2021	13			7				2		4	16
2021-2022	14			8				2		4	18
2022-2023	16			8				2		4	19,8

- Tổng số GV quy đổi = [(1) + (2) + ... + (9) + (10)] * Hệ số quy đổi

- Tổng số GV = (1) + (2) + ... + (9) + (10)

Bảng 6.3. Tỷ lệ GV/HV của Ngành KHCT giai đoạn 2018 – 2022

Năm	Số lượng GV quy đổi	Số lượng HV ngành KHCT trình độ ThS	Tỷ lệ GV/HV
2017-2018	11,8	48	1/4,1
2018-2019	14	55	1/3,9
2019-2020	14	38	1/2,7
2020-2021	16	38	1/2,4
2021-2022	18	37	1/2,1

Tỷ lệ GV/SV theo từng năm ở bảng 6.3 như vậy về cơ bản là đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành.

Việc quy đổi về khối lượng công việc đối với GV theo giờ chuẩn được Nhà trường ban hành, hướng dẫn chi tiết và triển khai thực hiện theo quy định hiện hành do BGD&ĐT ban hành [H6.06.02.06], trong đó có các quy định về quy đổi theo giờ chuẩn, hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo chuẩn và đo lường để giám sát, đánh giá và cải tiến. Phòng TCCB, trường Đại học Vinh là đơn vị

giám sát khối lượng công việc của GV thực hiện hàng năm bằng việc quy đổi giờ chuẩn với sự hỗ trợ của hệ thống phần mềm quản lý. Khối lượng công việc của GV đều được quy đổi thành giờ chuẩn: *giờ chuẩn giảng dạy, giờ chuẩn NCKH, giờ chuẩn các hoạt động chuyên môn khác*.

Nhà trường đã ban hành nhiều văn bản Quy định chế độ làm việc của GV, NCV trong đó có các quy định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ GV, NCV. Cụ thể về khối lượng và thời gian làm việc đối với từng đối tượng; quy định về tiết chuẩn nghĩa vụ; hướng dẫn quy đổi tiết chuẩn, tiết miễn giảm; thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác của GV, theo chuẩn và đo lường được để giám sát, đánh giá và cải tiến. Đối với mỗi GV, khối lượng công việc phải hoàn thành được phân loại theo hệ số lương, mỗi hệ số đều chia làm 3 nhóm định mức (200, 270 và 350 tiết chuẩn giảng dạy và tiết chuẩn NCKH từ 125-350 tiết), GV tùy chọn đăng ký định mức theo nguyện vọng theo từng năm. Ngoài ra, GV còn tham gia các hoạt động khác như: viết tài liệu giảng dạy học tập, hướng dẫn HV NCKH, viết ĐCCT HP và tham gia xây dựng, cập nhật, sửa đổi CTĐT, chấm thi, công tác đoàn thể, tham gia học tập bồi dưỡng để nâng cao năng lực cá nhân. Về NCKH, tùy theo chuyên môn, Viện chia nhiệm vụ NCKH phù hợp với chuyên môn và học vị của từng GV, NCV qua nhiều hình thức khác nhau: nghiên cứu các đề tài cấp Trường; viết bài đăng công bố trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín; viết các bài báo hoặc báo cáo tham luận tại các hội thảo/hội nghị; biên soạn tài liệu giảng dạy/học tập; hướng dẫn HV làm NCKH [H6.06.02.07] [H6.06.02.08].

Căn cứ vào năng lực GV, nhu cầu tuyển sinh, đào tạo, cân đối nhân lực, hàng năm ngành KHCT phân công khối lượng công tác, khối lượng hướng dẫn chuyên đề nghiên cứu, luận văn tốt nghiệp của mỗi chức danh theo đúng quy định của Nhà trường và của Bộ GD&ĐT về giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác.

Khối lượng công việc của đội ngũ GV được giám sát và đánh giá định kỳ để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Hàng kỳ, ngành KHCT thực hiện phân công chuyên môn cho GV dựa trên bản mô tả công việc của từng GV. Sau khi thực hiện theo bảng phân công chuyên môn, Nhà trường thống kê khối lượng công việc của GV theo giờ chuẩn và thực hiện qui đổi [H6.06.02.09]. Nhà trường cũng có quy định cụ thể về chất lượng công việc đối với đội ngũ GV để làm cơ sở đánh giá và phân loại công chức, viên chức; Ban hành Quy định, đánh giá phân loại viên chức và người lao động để xác định mức độ đáp ứng công việc của GV. Cuối năm học, căn cứ vào Bản mô tả vị trí công việc và phân công khối lượng giảng dạy, NCKH và các biên bản giao nhận nhiệm vụ hằng năm, các GV thực hiện việc tự đánh giá thông qua Bản tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học về công tác giảng dạy, NCKH, chuyên môn nghiệp vụ.... GV đối sánh với kế hoạch cá nhân đề ra vào đầu năm theo 4 mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Sau đó việc đánh giá được tiến hành ở Bộ môn, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Viện và cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh

giá, bình xét xếp loại thi đua. Nhà trường có chính sách đối với GV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao được hưởng các khoản khác như: phụ cấp tăng thêm, các hình thức khen thưởng khác [H6.06.02.10]. Ngoài ra, việc đo lường, giám sát khối lượng công việc của GV thực hiện hàng năm bằng việc quy đổi giờ chuẩn còn được hỗ trợ bởi Cổng thông tin cán bộ là phần mềm nằm trong hệ thống thông tin tổng thể của Trường Đại học Vinh (canbo.vinhuni.edu.vn). Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy định về quản lý các hoạt động KHCN của trường ĐH Vinh [H6.06.02.11]. Phòng thanh tra-pháp chế, Phòng ĐTSĐH, Phòng NCKH&HTQT và Viện cùng tham gia vào việc giám sát khối lượng công việc của các CB-GV-NV, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV từ đó đảm bảo cho kết quả giảng dạy, NCKH và các mặt hoạt động khác của Trường, Viện ngày càng được cải tiến và chất lượng. Việc quy định cụ thể về chất lượng công việc đối với đội ngũ GV có điều chỉnh hàng năm. Ví dụ, để tăng cường công tác NCKH và PVCĐ, Nhà trường đã thay đổi quy định về chế độ làm việc đối với GV [H6.06.02.12].

Để hỗ trợ cho công tác đánh giá chất lượng giảng dạy của GV, Nhà trường tiến hành lấy ý kiến của HV đối với hoạt động giảng dạy của GV, cung cấp thông tin cho GV và các cán bộ quản lý để có biện pháp cải tiến chất lượng. Thông qua việc lấy ý kiến của HV đối với hoạt động giảng dạy của GV, Nhà trường và ngành KHCT có định hướng chiến lược thích hợp để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Trong 5 năm gần đây, hầu hết các GV ngành KHCT đều hoàn thành hoặc vượt định mức được giao cả về giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn. Hầu hết các GV ngành KHCT đều được đánh giá ở mức lao động tiên tiến trở lên. Các GV đều rất hài lòng về khối lượng, chất lượng công việc được giao cũng như kết quả đánh giá các công việc [H6.06.02.13].

2. Điểm mạnh

- Viện có đủ đội ngũ GV cơ hữu để giảng dạy cho HV trình độ ThS ngành KHCT, đảm bảo tỷ lệ hợp lý GV/NH và thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và PVCĐ.

- Có các tiêu chí rõ ràng, minh bạch để đo lường khối lượng công việc của GV. Khối lượng công việc của GV được đo lường, giám sát thường xuyên, kết quả đánh giá việc hoàn thành khối lượng công tác làm căn cứ cho việc cải tiến các hoạt động đào tạo của Viện và Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV còn chưa được quy định rõ ràng và chưa định lượng được nên công tác đánh giá phục vụ cộng đồng còn gặp khó khăn. Nhà trường đã có văn bản quy định về chất lượng công việc của GV, tuy nhiên các tiêu chí chung chưa được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc đối với GV thỉnh giảng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt	Hoàn

				đầu	thành
1.	Khắc phục tồn tại	Các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV cần được quy định, định lượng rõ ràng và quy đổi thành giờ chuẩn. Chất lượng công việc của GV thỉnh giảng cần được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc.	Nhà trường Ngành KHCT; Phòng TCCB	6/2022	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	- Tăng cường công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của GV để đảm bảo Viện có đủ đội ngũ GV cơ hữu để giảng dạy cho HV, đảm bảo tỷ lệ hợp lý GV/HV và thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và PVCD. - Thường xuyên rà soát các tiêu chí để đo lường khối lượng công việc của GV. Định kỳ đánh giá, đo lường khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao hằng năm của GV.	Nhà trường Ngành KHCT; Phòng TCCB	6/2022	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Để thực hiện thành công sứ mạng và mục tiêu phát triển của Nhà trường. Trường Đại học Vinh đã xây dựng các kế hoạch về chiến lược phát triển qua từng giai đoạn, trong đó kế hoạch về phát triển đội ngũ GV là yếu tố cốt lõi [H6.06.03.01]. Bên cạnh đó Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV để bổ nhiệm, điều chuyển, ban hành các kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ GV [H6.06.03.02] [H6.06.03.03]. Việc tìm kiếm các ứng viên phù hợp với các yêu cầu phát triển của Viện và của Nhà trường đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Để tuyển chọn được đội ngũ GV cho các vị trí Nhà trường đã ban hành các quy trình, quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, thành tích giảng dạy, nghiên cứu, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ. Các tiêu chí tuyển dụng GV bao gồm: 1) Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; 2) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Có bằng ThS trở lên đối với GV giảng dạy các môn lý thuyết của CTĐT đại học; có bằng TS đối với GV giảng dạy và hướng dẫn chuyên đề, luận văn, luận án trong các CTĐT ThS, TS; 3) Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; 4) Đủ sức khỏe theo yêu cầu

nghề nghiệp; 5) Lý lịch bản thân rõ ràng. Các tiêu chí này có thể được điều chỉnh theo từng thời điểm, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ GV [H6.06.03.04] [H6.06.03.05]. Đầu mỗi năm học, Nhà trường tiến hành rà soát đội ngũ cán bộ, viên chức, rà soát đề án việc làm và phê duyệt kế hoạch tuyển dụng GV cho các đơn vị. Quy trình tuyển dụng được tổ chức chặt chẽ, gồm các bước: thành lập Hội đồng tuyển dụng Trường và các Tiểu ban chuyên môn chấm thi tại các đơn vị, tổ chức thi giảng và phỏng vấn (đối với cán bộ giảng dạy). Với các ứng viên thi tuyển vào ngạch GV thì phải có trình độ ngoại ngữ bậc 3/6, phải vượt qua sát hạch năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo hình thức giảng và phỏng vấn: mỗi ứng viên soạn giáo án nội dung 01 tín chỉ của chuyên ngành dự tuyển, phân chia theo tiết giảng quy định (tương đương 15 tiết), bốc thăm giảng 01 trong 15 tiết đã soạn và trả lời câu hỏi của Hội đồng tuyển dụng. Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị, Nhà trường thông báo công khai chỉ tiêu và các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV trên website của Nhà trường và các phương tiện truyền thông đại chúng... [H6.06.03.06]. Kết quả thi tuyển được thông báo trên trang thông tin của Nhà trường. Trong 1 năm tập sự, GV mới thường được Khoa/Viện phân công một GV có kinh nghiệm hướng dẫn, theo dõi, giúp đỡ. Sau khi hết 01 năm tập sự và đạt được các yêu cầu của Trường và Khoa/Viện sẽ được chính thức ký hợp đồng vào ngạch GV.

Hàng năm, Nhà Trường cũng đã mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho toàn thể CB-GV-NV trong toàn trường [H6.06.03.07].

Về việc bổ nhiệm cán bộ, Trường có các quy định hết sức cụ thể với các tiêu chí rõ ràng phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Trong đó có quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (GV chính, Giáo sư, Phó Giáo sư). Ngoài ra, Trường cũng đề ra những tiêu chuẩn cho từng chức vụ quản lý cụ thể như Viện trưởng, phó Viện trưởng, Trưởng bộ môn, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy, NCKH. Việc bổ nhiệm chức danh Lãnh đạo còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của CB và còn dựa trên công tác quy hoạch đội ngũ CB lãnh đạo quản lý của Viện và Nhà trường [H6.06.03.08][H6.06.03.09]. Việc bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý trong Viện/ngành KHCT được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định [H6.06.03.10] [H6.06.03.11]. Hàng năm, Nhà trường và Viện đã thực hiện thống kê, rà soát lại đội ngũ GV, NCV được tiếp nhận, bổ nhiệm để có cơ sở đánh giá, xác định lại các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để có những điều chỉnh cho phù hợp với xu thế phát triển của xã hội. Các nội dung quy định về tiêu chí đánh giá năng lực GV được Nhà trường triển khai đến toàn thể CB-GV-NV và lấy ý kiến thông qua các thông báo góp ý, qua các buổi sinh hoạt bộ môn, Khoa/Viện, qua khảo sát ý kiến CB-GV-NV ở tổng kết năm học, ...nhằm đảm bảo tính thống nhất và công khai các tiêu chí đánh giá năng lực CB-GV-NV trước khi ban hành chính thức [H6.06.03.12].

2. Điểm mạnh

- Trường Đại học Vinh đã ban hành những quy định cụ thể trong tuyển dụng và

lựa chọn GV, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển trên cơ sở vận dụng các văn bản pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, các nội dung các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm GV do Nhà trường ban hành cũng được thảo luận rộng rãi, công khai trước khi đưa ra quy định chính thức bằng văn bản, cập nhật trên I-office của Nhà trường.

- Công tác CB của Ngành KHCT được thực hiện theo Quy định về quy trình, tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển CB, GV rõ ràng, minh bạch, công khai. Đội ngũ GV của Viện đạt đầy đủ các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, NCKH và nghiệp vụ sư phạm.

3. Điểm tồn tại

- Việc thu thập thông tin góp ý xây dựng văn bản quy định của Nhà trường bằng hình thức thủ công, gây tốn kém thời gian và nhân lực để tổng hợp thông tin phản hồi. Dữ liệu điện tử trên I-Office khó tìm kiếm và chưa đầy đủ.

- Mặc dù các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai trên website, nhưng thông tin vẫn chưa được lan truyền rộng rãi, biểu hiện là số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng chưa phong phú.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin để thu thập các ý kiến như Google form. - Về IOffice cần tải đầy đủ hơn các văn bản cũ, phân loại thông tin, từ khóa tìm kiếm. - Đa dạng hóa các hình thức thông báo tuyển dụng để thông tin tuyển dụng rộng rãi hơn, giúp nâng cao số lượng và chất lượng ứng viên. Ngoài Website của Trường, có thể thông báo trên Báo điện tử, Truyền hình, mạng lưới cựu sinh viên.	Nhà trường Viện; Phòng TCCB		Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Phát huy và duy trì tốt những điểm mạnh đã có	Ngành KHCT		Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Chất lượng đào tạo nguồn nhân lực là yếu tố tiên quyết quyết định đến sự phát triển của Nhà trường cũng như quyết định đến chất lượng đào tạo, NCKH. Trong đó, năng lực của GV đóng vai trò then chốt. Chính vì vậy trong định hướng phát triển của Nhà trường nói chung và của ngành KHCT nói riêng, việc đầu tư đội ngũ GV cả về số lượng và chất lượng luôn là một trong những mục tiêu phân đầu hàng đầu. Nhà trường có quy định rõ ràng đối với năng lực của GV dựa trên cơ sở quy định của Bộ GD&ĐT về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức giảng dạy (số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014; số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 [H6.06.04.01], bao gồm tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, trách nhiệm giảng dạy và nghiên cứu của GV, định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng GV. Ngay từ khâu tuyển dụng, năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và đáp ứng các quy định hiện hành. Trường Đại học Vinh đã phát hành Sổ tay GV, theo đó, năng lực của GV được xác định rõ ràng, bao gồm: năng lực NCKH; năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH; năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CĐR; năng lực ứng dụng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; năng lực tổ chức cho sinh viên NCKH; năng lực ngoại ngữ. Ngoài ra tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ GV được mô tả chi tiết trong bản mô tả vị trí công việc [H6.06.04.02]. Hiện nay, tất cả các GV của ngành KHCT đều có khả năng tự thiết kế và thực hiện CTDH. Đây là cơ sở để có thể thực hiện hoạch định nguồn nhân lực, kế hoạch kế cận đồng thời hỗ trợ cho kế hoạch tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, xây dựng chế độ chính sách và đánh giá nhân sự. Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản quy định về tiêu chí tuyển dụng và phát triển đội ngũ GV, NCV [H6.06.04.03].

Năng lực của GV, NCV được đánh giá hằng năm. Nhà trường có kế hoạch và văn bản hướng dẫn để thực hiện quy trình đánh giá năng lực của GV theo quy định. Nhà trường và Viện đã xác định năng lực của mỗi GV thể hiện qua trình độ chuyên môn (TS, ThS, ...), chức danh (GS, PGS), trình độ ngoại ngữ (văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ), trình độ tin học (văn bằng chứng chỉ theo quy định), năng lực sư phạm (chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm).

Về định lượng, năng lực của GV được đánh giá trên các lĩnh vực đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Năng lực đào tạo của GV được thể hiện ở hoạt động giảng dạy trên lớp (ý kiến đánh giá nhận xét của NH và đồng nghiệp), hướng dẫn luận văn ThS và luận án TS; năng lực của GV về NCKH được xác định từ kết quả NCKH như số lượng đề tài, dự án các cấp chủ trì hoặc tham gia thực hiện, số lượng và chất lượng các công trình khoa học được công bố, các sản phẩm khoa học được ứng dụng trong thực tiễn, biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo... Đối với GV, các năng lực về giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác được quy định rất rõ trong Quy định về chế độ làm việc đối với GV. Việc đánh giá chất lượng giảng dạy của GV còn được triển khai thông qua hệ thống thanh tra, kiểm tra của Trường và Khoa/Viện..., thông qua hoạt động dự giờ

và ý kiến đánh giá của bộ môn, thông qua khảo sát ý kiến của NH về hoạt động giảng[H6.06.04.04], [H6.06.04.05].

Nhà trường ban hành các quy định và các văn bản hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV, nghiên cứu viên để đánh giá kết quả thực hiện, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thành tích lao động của CB-GV-NV [H6.06.04.06]. Các chính sách này giúp Nhà trường, Viện đánh giá được các hoạt động của đội ngũ nhân sự trong năm học để có hình thức khen thưởng, động viên xứng đáng, tạo động lực cho đội ngũ nhân sự phát huy năng lực và gắn bó hơn nữa với Nhà trường. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã ban hành các quy định, chính sách về đánh giá và khen thưởng và được cụ thể hóa trong quy chế thi đua khen thưởng, quy chế lương. Hàng năm, vào những ngày lễ lớn (*Ngày thành lập trường, ngày Khai giảng, ngày Hiến chương Nhà giáo 20/11 và Lễ tổng kết năm học*) Nhà trường tổ chức khen thưởng những cá nhân, tập thể đã đạt thành tích cao trong đào tạo, NCKH và PVCĐ [H6.06.04.07]. Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; mức độ chấp hành nội quy, kỷ luật lao động; đóng góp ý kiến, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác, làm lợi cho Trường và mức độ tham gia các hoạt động khác từ sự theo dõi của VPT, thông tin ghi nhận và báo cáo của Ban thanh tra; P.ĐT-KT, thông tin ghi nhận và báo cáo của Công đoàn, Đoàn thanh niên, kết quả tự đánh giá của cá nhân, đánh giá của BLĐ Viện đối với từng cá nhân GV ngành KHCT. Các tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể đối với các nhóm đối tượng khác nhau như:

Đối với GV: Khối lượng, chất lượng giảng dạy; Khối lượng, chất lượng NCKH; Chất lượng thực hiện các công tác chung của Viện, Trường theo sự phân công của lãnh đạo; Mức độ chấp hành nội quy của Trường. Ngoài ra, đối với các GV giảng dạy trình độ ThS trở lên có thêm tiêu chí hướng dẫn HV viết luận văn ThS, hướng dẫn nghiên cứu sinh viết chuyên đề và luận án TS (đối với GV có bằng TS).

Đối với CBQL, NV: Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao; Mức độ chấp hành nội quy của Trường; Mức độ tham gia các công tác chung, phong trào của đơn vị và Trường. Kết quả đánh giá của Hội đồng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác năm học là kết luận cuối cùng về mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác của CB-GV-NV.

Hàng năm, Trường Đại học Vinh thực hiện đánh giá năng lực của đội ngũ GV trên cơ sở bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức do Nhà trường ban hành. Cuối mỗi năm học, các GV đều tiến hành tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học theo chức danh được giao; Bộ môn và lãnh đạo Viện đánh giá; cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá; bình xét xếp loại thi đua theo các mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Sau đó, Bộ môn, lãnh đạo Viện NN&TN tiến hành họp với toàn bộ GV để thống nhất lấy ý kiến bình xét thi đua theo đúng quy định của Nhà trường và gửi kết quả cho Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá để bình xét kết quả thi đua cuối năm [H6.06.04.06]. Căn cứ vào kết luận của Hội đồng đánh giá mức độ hoàn

thành nhiệm vụ. Hiệu trưởng Nhà trường ban hành văn bản quyết định công nhận danh hiệu thi đua theo từng năm học. Kết quả đánh giá năng lực hằng năm của GV của Viện NN&TN trong 5 năm liên tiếp từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022 cho thấy, tất cả các GV của ngành KHCT đều đạt mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên [H6.06.04.07].

Ngoài ra năng lực của đội ngũ GV còn được đánh giá thông qua kết quả khảo sát HV về chất lượng giảng dạy của GV trong năm học, đây là một kênh quan trọng để xác định năng lực chuyên môn của đội ngũ GV. Sau khi tổng hợp phân tích kết quả khảo sát ý kiến của HV về hoạt động giảng dạy của GV. Nhà trường sẽ gửi kết quả cho Viện để giúp GV tổng kết lại hoạt động giảng dạy của mình [H6.06.04.05], để từ đó có thể có thể phát huy điểm mạnh và khắc phục những hạn chế nếu có, nhằm ngày càng nâng cao năng lực và có căn cứ để xây dựng kế hoạch tự học tập, bồi dưỡng để đạt chuẩn GV theo quy định.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về các tiêu chí xác định năng lực của GV, NCV có quy trình cụ thể, rõ ràng để triển khai đánh giá, đảm bảo việc đánh giá chính xác góp phần cải thiện và nâng cao năng lực đội ngũ.

- Đội ngũ GV của Viện đều hoàn thành vượt mức nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và hoạt động cộng đồng hàng năm. Nhiều GV được tặng danh hiệu thi đua bậc cao về thành tích giảng dạy và NCKH.

3. Điểm tồn tại

- Còn một số năng lực cần thiết cho GV đào tạo trình độ đại học hiện nay mà Nhà trường chưa yêu cầu cụ thể như năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế.

- Các thông tin về định mức của GV cập nhật chưa kịp thời như định mức giờ dạy, NCKH, hoạt động chuyên môn khác.

- Trình độ ngoại ngữ và năng lực NCKH của các GV trong Viện chưa đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Nhà trường cần bổ sung yêu cầu cụ thể về những năng lực cần thiết cho GV hiện nay như giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế. - Cần cập nhật thông tin về định mức giờ dạy, NCKH, hoạt động chuyên môn khác của GV vào	Nhà trường; Viện; TCCB	6/2022	Hàng năm

		đầu năm học. - Viện NN&TN cần yêu cầu tất cả các CB, GV xây dựng kế hoạch cụ thể tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng, thường xuyên nghiên cứu sách báo, tài liệu, tham gia các buổi nghiệm thu các đề tài NCKH của các đồng nghiệp để học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức, kỹ năng về NCKH cho bản thân, khắc phục những điểm còn yếu trong NCKH			
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá GV, nghiên cứu viên theo các tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT và Nhà trường đề ra	Viện NN&TN	6/2022	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế đòi hỏi Nhà trường và mỗi CB-GV-NV không ngừng nỗ lực để từng bước đổi mới và nâng cao năng lực chuyên môn, trình độ tin học ngoại ngữ để không lạc hậu so với các trường Đại học trong khu vực và trên thế giới. Nhà trường đã xây dựng và ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường theo từng giai đoạn, trong đó có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực đóng vai trò then chốt [H6.06.05.01]. Việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực là bước đầu tiên quan trọng trong xây dựng chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường. Để xác định đúng nhu cầu đào tạo, Trường Đại học Vinh và Ngành KHCT đã thực hiện khảo sát và tìm hiểu nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Việc đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ của GV chủ yếu được thực hiện trên cơ sở khảo sát nhu cầu của từng Bộ môn thông qua Kế hoạch phát triển năm học của các Bộ môn, đồng thời thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá nhu cầu trên cơ sở quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường và của Viện [H6.06.05.02], [H6.06.05.03].

Trên cơ sở xác định nhu cầu đào tạo của từng Bộ môn, Viện đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dài hạn, trung hạn và kế hoạch đào tạo hàng năm. Trên cơ sở đó, Nhà trường có kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ GV giai đoạn 2018 - 2022; Kế hoạch bổ nhiệm các chức danh GS, phó GS cũng như kế

hoạch thi thăng hạng viên chức đáp ứng nhu cầu bồi dưỡng phát triển đội ngũ của từng đơn vị. Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV của ngành KHCT được xây dựng dựa trên yêu cầu thực tế. Hàng năm, căn cứ vào thực tiễn hoạt động và nhiệm vụ của từng GV, ngành KHCT rà soát và bổ sung nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đưa vào kế hoạch năm học trình Nhà trường tổng hợp và phê duyệt. Nhà trường đã tổng hợp, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV, đặc biệt là đào tạo GV có trình độ cao.

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được triển khai thực hiện nhằm đáp ứng kế hoạch dài hạn của Viện: có đầy đủ đội ngũ GV TS chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu đào tạo đội ngũ HV chất lượng cao. Nhà trường đặc biệt khuyến khích cán bộ đi học tập, nâng cao trình độ ở nước ngoài với các chương trình học bổng, các khóa bồi dưỡng ngắn hạn được thông báo công khai và tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ GV trẻ tham gia [H6.06.05.04] [H6.06.05.05].

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, NCV được triển khai thực hiện. Có ít nhất 75% số GV, NCV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Nhà trường. Nhờ việc xác định đúng nhu cầu và có kế hoạch phù hợp, thực hiện kế hoạch hiệu quả, từ năm 2018 đến nay ngành đã có thêm 3 TS, nâng số lượng GV có trình độ TS trở lên trong ngành lên hiện nay lên 70 %. Viện và Nhà trường có chủ trương khuyến khích GV phát triển chuyên môn, trao đổi kết quả nghiên cứu thông qua việc tham gia các Hội thảo khoa học ở các Trường Đại học, các Viện nghiên cứu, các tổ chức trong nước hoặc quốc tế [H6.06.05.06].

Bảng 6.4. Danh sách GV Viện NN&TN học tập nâng cao trình độ trong giai đoạn đánh giá

TT	Họ và tên	Nâng học hàm/năm (GS,P.GS)	Bậc học (TS, Th.S)	Nước theo học	Thời gian học
1	Trần Thị Tuyền	PGS/2022			
2	Nguyễn Thị Thanh Mai		TS	Úc	2016-2020
3	Phan Thị Thu Hiền		TS	VN	2012 - 2017
4	Ngô Thị Mai Vi		TS	VN	2012 - 2017
5	Thái Thị Ngọc Lam		TS	VN	2012 - 2017
6	Hồ Thị Nhung		TS	VN	2012 - 2018
7	Nguyễn Tài Toàn		TS	VN	2011 - 2019

8	Lê Minh Hải		TS	VN	2014-2018
9	Tạ Thị Bình		TS	VN	2016-2020
10	Nguyễn Thị Hồng Thắm		TS	Úc	2014-2019
11	Nguyễn Đình Vinh		TS	VN	2014-2018
12	Hoàng Thị Mai		TS	VN	2017-2021
13	Nguyễn Thị Thanh		TS	VN	2014-2019
14	Hoàng Anh Thế		TS	Trung Quốc	2017-2022
15	Nguyễn Trần Tuấn		TS	Rumani	2018-2022
16	Trần Xuân Minh		TS	Trung Quốc	2012-2019
17	Phạm Thị Hà		TS	VN	2016-2022
18	Vũ Văn Lương		TS	VN	2015-2022
19	Nguyễn Thị Bích Thủy		TS	VN	2015-2023

Trường đã tổ chức các khóa bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, các lớp ngoại ngữ, tin học, các khóa bồi dưỡng về quản lý hành chính, lý luận chính trị, an ninh-quốc phòng cho đội ngũ GV, cán bộ quản lý cũng như cử cán bộ đi học tập, bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo khác. Nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn đã được nhà trường triển khai hoàn thành kế hoạch đặt ra hàng năm [H6.06.05.07]. Trường luôn tạo điều kiện cả vật chất và tinh thần để các GV được học tập nâng cao trình độ. Những GV đi học TS được trường miễn, giảm giờ, hỗ trợ học phí và có chế độ hỗ trợ khác. Nhà trường còn có các chế độ, chính sách khuyến khích, hỗ trợ GV tham gia học tập, nâng cao trình độ, trong đó có qui định rõ về sự hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, thanh toán tiền mua tài liệu; thanh toán tiền tàu xe; hỗ trợ sinh hoạt phí cho cán bộ, GV tham gia các đợt tập huấn, bồi dưỡng [H6.06.05.08].

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Nhà trường giám sát, đánh giá hàng năm. Phòng Tổ chức cán bộ là đơn vị được phân công thực hiện việc giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng của GV. Thông qua hoạt động báo cáo, đánh giá, phân loại viên chức cuối năm, quá trình học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của GV được giám sát và ghi nhận. Các GV tham gia các khóa đào tạo dài hạn trong và ngoài nước phải báo cáo tình hình, kết quả cũng như tiến độ học tập cho Viện và Nhà trường. Sau khi hoàn thành khóa học, GV báo cáo kết thúc chương trình để làm cơ sở cho Nhà trường

tiếp nhận và bố trí công tác hợp lý theo nhu cầu. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã có những điều chỉnh và kế hoạch triển khai cho các năm học tiếp theo giúp công tác phát triển đội ngũ nguồn nhân lực ngày càng đa dạng và đạt hiệu quả cao [H6.06.05.09].

2. Điểm mạnh

- Viện và Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến của GV về nhu cầu bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của GV.

- Nội dung đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV thiết thực, phong phú, phù hợp với nhu cầu của GV.

- Viện và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các CTĐT thạc sỹ, tiến sỹ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo, ...).

3. Điểm tồn tại

- Hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ GV được Nhà trường và ngành KHCT được tiến hành chưa đa dạng và thường xuyên, ví dụ về quản trị đại học hướng đến ĐBCL toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT, phương pháp KTĐG, kỹ năng thiết kế câu hỏi đề thi hướng tới đạt được CDR của các học phần của CTĐT chuyên khoa.

- Chưa có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho GV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ GV được Nhà trường và Viện được tiến hành chưa đa dạng và thường xuyên - Cần có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho GV.	Nhà trường, Viện NN&TN	6/2022	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục thường xuyên khảo sát lấy ý kiến của GV về nhu cầu bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của GV. - Tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cán bộ - Tiếp tục có các chính sách hỗ	Phòng TCCB, Viện NN&TN		Hàng năm

		trợ cán bộ, GV hoàn thành nhiệm vụ học tập			
--	--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Để thực hiện thành công sứ mạng và tầm nhìn trong chiến lược phát triển của Nhà trường. Việc quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ GV, NCV trong hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ đóng vai trò then chốt. Trường Đại học Vinh đã xây dựng và ban hành các quy định, quy chế với các tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của GV, NCV trong công tác giảng dạy, NCKH và PVCĐ đáp ứng theo đúng quy định hiện hành. Các tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể đối với các nhóm đối tượng khác nhau, riêng đối với GV sẽ đánh giá dựa trên: Khối lượng, chất lượng giảng dạy; Khối lượng, chất lượng NCKH; Khối lượng, chất lượng các hoạt động chuyên môn khác [H6.06.06.01] [H6.06.06.02]. Bên cạnh những quy định cụ thể về khối lượng công việc, trường cũng có các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau [H6.06.06.03] [H6.06.06.04]. Quá trình xây dựng các quy chế, quy định đánh giá hiệu quả công việc được công khai xin ý kiến của các GV trong nhà trường thông qua các buổi họp của Viện và các đợt lấy ý kiến chung của toàn trường [H6.06.06.05].

Trên cơ sở các quy định và tiêu chí đã được ban hành, Nhà trường và Viện, ngành KHCT có kế hoạch công tác cụ thể hàng năm đối với GV, trong đó có phân công cụ thể, mô tả chi tiết các công việc, nhiệm vụ cho từng ngạch cán bộ giảng dạy theo quy định đối với ngành giáo dục như hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCĐ, nhu cầu ĐTBĐ và các hoạt động khác, đồng thời đăng ký danh hiệu thi đua năm học. Đầu mỗi năm học, các Bộ môn dựa trên khối lượng giảng dạy được Nhà trường giao, phân công cho từng GV theo quy định. Từ đó, mỗi GV sẽ lập kế hoạch năm học cụ thể, thể hiện nội dung công việc của bản thân và tiến độ thời gian hoàn thành để thuận tiện cho việc quản lý, theo dõi, giám sát lao động. Hệ thống quản lý việc thực hiện của Nhà trường được thực hiện một cách khoa học từ cơ cấu quản lý, triển khai thực hiện, đào tạo bồi dưỡng đến ghi nhận kết quả và khen thưởng kỷ luật. Hệ thống các quy chế, quy định này được xây dựng và ban hành rộng rãi, đầy đủ và được cập nhật theo từng năm học. Trong đó, định

mức giờ chuẩn giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn của GV được quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ Trường Đại học Vinh. Kết quả NCKH và việc đánh giá, khen thưởng được quy định trong Quy định quản lý hoạt động KHCN [H6.06.06.06].

Nhà trường đã triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc trong hoạt động giảng dạy nghiên cứu, NCKH và hoạt động chuyên môn. Việc đánh giá kết quả công việc của CB - GV - NV luôn được công khai, minh bạch thông qua hệ thống quản lý online trên phần mềm, có minh chứng kèm theo các sản phẩm NCKH như bài báo, sách xuất bản, seminar khoa học...[H6.06.06.07]. Cuối năm học, GV thực hiện việc TĐG kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và đối sánh với kế hoạch đề ra đầu năm và TĐG mức độ hoàn thành công việc của bản thân để tự xếp loại theo các mức: *Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hoàn thành nhiệm vụ; Không hoàn thành nhiệm vụ; Không xếp loại*. Căn cứ trên kế hoạch phân công giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác từng học kỳ của GV. Bộ môn tổng hợp khối lượng công việc để tiến hành đánh giá việc thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt, sau đó trình Hội đồng thi đua Viện xem xét. Ngoài ra, lãnh đạo Viện còn căn cứ vào bản mô tả công việc của GV, trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành các công việc được giao trong năm học [H6.06.06.08]. Hội đồng thi đua Viện sẽ tiến hành đánh giá nhân sự thuộc Viện, xem xét, đánh giá, xếp loại và bình bầu các danh hiệu thi đua. Căn cứ vào đề xuất của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Viện, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Nhà trường họp xét, bỏ phiếu tín nhiệm và đề nghị Hiệu trưởng quyết định công nhận các danh hiệu thi đua và khen thưởng như: *Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua các cấp, Giấy khen của Hiệu trưởng*. Đây cũng là căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, thu nhập tăng thêm sẽ động viên, khuyến khích cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm [H6.06.06.09] [H6.06.06.10].

Tất cả các CB-GV-NV của Trường đều hài lòng về kết quả đánh giá hàng năm, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường và của các cấp có thẩm quyền (Bộ GD&ĐT, Tỉnh/Thành phố). Cuối mỗi năm học, Hội đồng thi đua của Viện, của Trường dựa trên quy chế để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác năm học của các CB-GV-NV làm cơ sở để tính tiền lương bổ sung và xem xét xếp lại ngạch, bậc lương, hệ số lương áp dụng cho năm học mới của CB-GV trong Viện. Do đó, điều này khuyến khích được các CB, GV phấn đấu hoàn thành tốt nhất các nhiệm vụ được giao, tăng cường cải tiến chất lượng giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác [H6.06.06.11] [H6.06.06.12].

Việc quản trị theo kết quả công việc đã giúp CB, GV Viện NN&TN nói chung, ngành KHCT nói riêng nâng cao được hiệu quả công việc của mình, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của ngành và nhà trường. Trong các năm học giai đoạn 2018-2022, GV của ngành KHCT luôn hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ được giao về giảng dạy theo kế hoạch năm học. 100% GV ngành KHCT hoàn thành hoặc vượt mức thực hiện giờ chuẩn, NCKH và hoạt động chuyên môn nghiệp vụ. Kết quả đánh giá viên chức hằng năm giai đoạn 2018-2022 cho thấy gần 100% GV ngành KHCT được xếp loại lao

động tiên tiến trở lên. Tất cả các CB, GV đều hài lòng với cách quản trị theo kết quả công việc của CB, GV và kết quả đánh giá viên chức hằng năm của Nhà trường[H6.06.06.13].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có hệ thống văn bản với các quy định, quy chế cụ thể với các tiêu chí rõ ràng để đánh giá hoạt động của GV, NCV trong các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác.

- Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được quy định và triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong CB, viên chức.

- Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của GV đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ của GV trong Viện.

3. Điểm tồn tại

- Việc quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị khiến cho nhiều cán bộ có thành tích nhưng không được khen thưởng.

- Một số GV có khối lượng, hiệu quả công việc chưa đồng đều, khối lượng còn đạt mức khá thấp. Chưa thấy nhiều các hoạt động phục vụ cho cộng đồng.

- Chưa có hệ thống theo dõi và đánh giá được mức độ và hiệu quả hành động của GV sau đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Nhà trường cần xem lại việc quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị để kịp thời động viên nhiều cán bộ có thành tích và tăng tính tự chủ tự chịu trách nhiệm.	Nhà trường	06/2022	
		- Viện cần điều phối hợp lý hơn để một số GV có khối lượng, hiệu quả công việc được đồng đều, đạt mức độ và hiệu quả cao. Kế hoạch cụ thể cần có nhiều các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Viện NN&TN	06/2022	
		- Nhà trường cần có hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động của GV sau đánh giá.	Nhà trường	06/2022	

2.	Phát huy điểm mạnh	- Rà soát thường xuyên hệ thống văn bản với các quy định, quy chế cụ thể để đánh giá hoạt động của GV trong các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác. - Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá GV nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. - Tăng thêm chính sách khen thưởng về kết quả công việc để tạo động lực cho GV trong hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.	Nhà trường	06/2022	
----	--------------------	--	------------	---------	--

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trong kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường, nghiên cứu, phát triển và đổi mới về KHCN là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để nâng cao chất lượng đào tạo. Các chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới được Nhà trường ban hành và tiến hành rà soát, điều chỉnh định kỳ cho phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển KHCN, phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Trường trong từng giai đoạn cụ thể và phù hợp với điều kiện về CSVN, đội ngũ nhân lực hiện tại và tương lai của Nhà trường [H6.06.07.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành các văn bản có quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV, NCV phải thực hiện, cũng như các văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN bao gồm seminar khoa học cấp Viện, Bộ môn; seminar khoa học mời chuyên gia báo cáo; tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế, quốc gia; tổ chức hội thảo, hội nghị cấp Trường. Thông qua các hội thảo, Hội nghị trao đổi học thuật với các Nhà khoa học, việc quảng bá hình ảnh của Nhà trường và của Viện ngày càng được tăng cao và hiệu quả [H6.06.07.02]. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV được xác lập rõ ràng, trong đó có quy định số giờ NCKH cho các GV theo hệ số lương như sau: hệ số lương > 6,2: 315 giờ; >5,76: 260 giờ; >4,40: 220 giờ; >4,32: 200 giờ; >3,33: 175 giờ; >2,34: 165 giờ (trích từ quy định chế độ làm việc đối với GV số 1181/QĐ-ĐHV ngày 12/5/2021) [H6.06.07.03].

Trong bản kế hoạch hàng năm, các GV luôn đề ra các mục tiêu NCKH cụ thể của từng cá nhân, trong đó ghi rõ các loại hình, các công trình nghiên cứu sẽ tham gia (tham

gia đề tài, dự án, viết báo khoa học, hướng dẫn SV NCKH) đảm bảo số giờ phải nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh, ngoài ra còn quy định rõ tiến độ, thời gian thực hiện và các nguồn lực cần thiết để hoàn thành nghiên cứu. Ban lãnh đạo Viện và Trường căn cứ vào bản kế hoạch theo dõi, giám sát, tạo động lực, thúc đẩy, hỗ trợ hoạt động NCKH của GV [H6.06.07.04].

Bảng 6.5. Tình hình NCKH của GV của Viện NN&TN

ĐVT: Tác phẩm

Năm học	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	Cộng
Sách giáo trình, tài liệu học tập	3	3	1	1	1	9
Tài liệu tham khảo	5	3	3	1	5	17
Đề tài NCKH	13	16	12	7	9	57
Tạp chí/Hội thảo trong nước	57	54	34	44	64	253
Tạp chí/Hội thảo quốc tế	5	3	9	11	10	38
Tổng	83	79	59	64	89	374

Bảng 6.6. Hình thức và số lượng ấn phẩm nghiên cứu của Viện NN&TN

Năm học	Hình thức xuất bản				Tổng số
	Tạp chí trong nước	Tạp chí quốc tế	Kỷ yếu Hội thảo trong nước	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế	
2021 – 2022	47	5	10	0	62
2020 – 2021	49	3	5	0	57
2019 – 2020	30	9	4	0	43
2018 – 2019	37	11	7	0	55
2017 – 2018	56	10	8	0	74
Cộng	219	38	34	0	291

Số lượng và các loại nghiên cứu của GV Viện trong 5 năm chu kỳ đánh giá vừa qua được thống kê cụ thể (*trong bảng 6.5; 6.6*). Từ năm 2018 - 2022, Viện NN&TN có nhiều đề tài NCKH các cấp, giáo trình, sách tham khảo được nghiệm thu, nhiều báo cáo khoa học của GV Viện NN&TN được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành [H6.06.07.05] [H6.06.07.06]. Trong thời gian qua, Trường Đại học Vinh cũng có nhiều chính sách ưu

tiên nhằm thúc đẩy hoạt động NCKH của sinh viên, HV giúp sinh viên, HV phát huy năng lực tư duy sáng tạo, hình thành năng lực tự học, tự nghiên cứu và vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra, biến các ý tưởng sáng tạo thành hiện thực, góp phần phát hiện và bồi dưỡng tài năng trẻ cho đất nước [H6.06.07.07]. Về kinh phí đầu tư cho hoạt động NCKH được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của trường [H6.06.07.08].

Các công trình nghiên cứu của đội ngũ GV luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng NCKH của Viện NN&TN và của Nhà trường cũng như các tổ chức khác trong và ngoài nước. Các ấn phẩm khoa học bao gồm sách chuyên khảo; Giáo trình phục vụ giảng dạy các môn chuyên ngành; Tài liệu học tập các học phần chuyên ngành do Viện quản lý; Các đề tài NCKH các cấp; Các bài báo được đăng trên các tạp chí chuyên ngành uy tín và các Hội thảo khoa học các cấp có Hội đồng phản biện chặt chẽ nhằm đảm bảo về chất lượng.

Kết thúc năm học, trong báo cáo tổng kết năm học, Bộ môn, Viện NN&TN và Nhà trường luôn có hoạt động đánh giá số lượng và chất lượng các hoạt động nghiên cứu của GV, NCV quy đổi sang giờ NCKH theo Quy định đối với từng chức danh công tác nhằm đảm bảo các GV đều hoàn thành nghĩa vụ NCKH. Trong giai đoạn 2018 đến 2022, các GV ngành KHCT đã thực hiện nhiều đề tài, bài báo khoa học có liên quan đến nội dung CTĐT, số lượng đề tài các cấp, các báo cáo khoa học đăng trên các Kỷ yếu hội thảo các cấp và các bài báo khoa học được đăng trên các Tạp chí khoa học chuyên ngành tăng lên đã góp phần truyền tải thông tin, kiến thức cùng với việc đưa ra những giải pháp thực tiễn về NCKH và phục vụ cộng đồng. Tất cả GV trong Viện đều hoàn thành định mức giờ chuẩn NCKH. Hầu hết GV chủ trì hoặc tham gia các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài được tiến hành và nghiệm thu đúng tiến độ, một số kết quả nghiên cứu của đề tài được ứng dụng trong thực tiễn: đổi mới phương pháp giảng dạy, hình thức đánh giá trong đào tạo ngành KHCT [H6.06.07.09] [H6.06.07.10]. Kết quả NCKH của Viện sẽ được nghiên cứu, đối sánh giờ NCKH từng GV phải thực hiện với số giờ NCKH thực tế đã thực hiện của mỗi cán bộ, từ đó nghiên cứu điều chỉnh nhằm cải tiến số lượng và chất lượng NCKH được thể hiện qua sổ tay NCKH hàng năm của GV và kết quả đánh giá, phân loại GV hàng năm. Sau mỗi lần đối sánh, số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của GV đã có sự cải thiện [H6.06.07.11][H6.06.07.12]. Nhà trường cũng có hình thức khen thưởng đối với các GV có công trình nghiên cứu đăng tải trên các tạp chí, các nhà xuất bản có uy tín để tạo động lực cho các GV [H6.06.07.13] [H6.06.07.14]. Với các thành tích về NCKH, hàng năm Viện ... đã có nhiều GV được Hội đồng thi đua cấp Trường xếp loại hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học [H6.06.07.15].

Hàng năm, thông qua các Hội nghị công chức viên chức đầu năm học, hội nghị tổng kết cuối năm, tổng kết công tác Đảng, bộ môn, Viện và Nhà trường đều lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ giảng dạy về kết quả thực hiện, những thuận lợi, khó khăn và các đề xuất trong NCKH. Việc làm thường niên này giúp từng GV đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ NCKH của mình. Từ đó, có những định hướng chiến lược thích hợp nhằm

nâng cao chất lượng, số lượng các công trình NCKH, trao đổi xu hướng mới, định hướng phát triển NCKH trong tương lai, đồng thời thúc đẩy phong trào NCKH của Viện [H6.06.07.16].

2. Điểm mạnh

- Có hệ thống văn bản cụ thể về số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH mà GV và NCV phải thực hiện.

- Các hoạt động NCKH của GV và NCV được định kỳ rà soát về số lượng và chất lượng, được giám sát và đối sánh hàng năm bởi các cá nhân, Viện, phòng KH&HTQT và có cải tiến chất lượng qua hàng năm.

- Đội ngũ GV tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau, bao gồm đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp bộ. Bên cạnh đó, các GV còn xuất bản sách chuyên khảo và sách phục vụ đào tạo. Các bài báo khoa học và công bố trên các tạp chí uy tín cũng chiếm tỷ lệ cao trong hồ sơ NCKH của GV.

3. Điểm tồn tại

- Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước còn ít, số lượng GV tham gia các đề tài nghiên cứu với đối tác nước ngoài còn hạn chế.

- Số lượng bài báo đăng ở các tạp chí quốc tế còn ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Tăng cường đầu tư các chương trình NCKH cấp tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước. - Tăng cường số lượng bài báo đăng ở các tạp chí quốc tế.	Phòng KH&HTQT, Viện NN&TN	6/2022	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	- Thường xuyên rà soát lại các hệ thống văn bản các loại hình hoạt động NCKH. - Định kỳ rà soát về số lượng và chất lượng và giám sát, đối sánh, cải tiến hàng năm các hoạt động NCKH - Thường xuyên có kế hoạch bổ sung, nâng cao số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV trong Viện	Phòng KH&HTQT, Viện NN&TN	6/2022	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

1. Điểm mạnh Tiêu chuẩn 6:

Trường ĐH Vinh đã có kế hoạch chiến lược phát triển trường qua từng giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đáp ứng được mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường. Nhà trường đã quan tâm xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ GV thực hiện các CTĐT đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Công tác quy hoạch đội ngũ của ngành KHCT được chú trọng thực hiện đồng bộ từ Trường đến Viện theo đúng quy trình, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, đảm bảo có đủ đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường, quy trình và tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm đối với tất cả các vị trí đều rõ ràng, minh bạch mang lại hiệu quả cao tuyển chọn được ứng viên có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của Nhà trường.

Viện có đủ đội ngũ GV cơ hữu để giảng dạy cho HV KHCT, đảm bảo hợp lý khối lượng công việc của đội ngũ GV/HV. Công việc của đội ngũ GV được quy đổi ra giờ chuẩn, được giám sát cả về khối lượng lẫn chất lượng làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng.

Trường có hệ thống các văn bản quy định rõ ràng và đầy đủ về tiêu chuẩn và tiêu chí lựa chọn tuyển dụng, bổ nhiệm GV, làm cơ sở cho công tác lựa chọn và tuyển dụng bổ nhiệm GV được tiến hành một cách công khai, minh bạch, xuất phát từ nhu cầu nhân lực của các đơn vị trong Trường.

Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng. Hàng năm, Viện NN&TN và Nhà trường đều thực hiện đánh giá năng lực GV với nhiều hình thức đa dạng và ở nhiều cấp độ khác nhau.

Nhà trường và Viện NN&TN đã xác định đúng nhu cầu đào tạo, có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của GV. Việc thực hiện các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được giám sát, đánh giá hàng năm.

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được quy định và triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong cán bộ, viên chức. Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của GV đã tạo động lực và hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV ngành KHCT

Do làm tốt công tác quy hoạch cán bộ cũng như bồi dưỡng và phát triển đội ngũ GV nên hoạt động NCKH của GV ngành KHCT phong phú, đa dạng với nhiều công trình có chất lượng được công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu cơ bản. Nhiều đề tài NCKH cấp Trường và cấp Bộ đã được các GV ngành KHCT hoàn thành với kết quả tốt. Chất lượng hoạt động NCKH của GV ngành KHCT được cải thiện theo từng năm.

2. Những tồn tại Tiêu chuẩn 6:

Việc tạo nguồn quy hoạch GV ngành KHCT đang gặp khó khăn. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ GV, NCV như Đề án Vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào

tạo và phát triển nguồn nhân lực của Viện chuẩn bị cho phát triển Trường ĐH Vinh trong thời gian tới chưa đầy đủ các nội dung cốt lõi. Năng lực NCKH của đội ngũ GV còn hạn chế.

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV còn chưa được quy định rõ ràng và chưa định lượng được nên công tác đánh giá phục vụ cộng đồng còn gặp khó khăn. Nhà trường đã có văn bản quy định về chất lượng công việc của GV, tuy nhiên các tiêu chí chung chưa được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc đối với GV thỉnh giảng.

Một số năng lực cần thiết cho GV đào tạo trình độ đại học hiện nay mà Nhà trường chưa yêu cầu cụ thể như năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế... Viện chưa xây dựng được Hồ sơ năng lực của GV, NCV trên hệ thống phần mềm.

Hiện tại, hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ GV được Nhà trường và ngành KHCT tiến hành nhưng chưa đa dạng, chưa thường xuyên và còn bị chậm, ví dụ về quản trị đại học hướng đến ĐBCL toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT, phương pháp KTĐG, kỹ năng thiết kế câu hỏi đề thi hướng tới đạt được CDR của các học phần của CTĐT chuyên khoa. Chưa có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho GV.

Việc quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị khiến cho nhiều cán bộ có thành tích nhưng không được khen thưởng. Qua thống kê đánh giá theo dõi cho thấy một số GV, NCV có khối lượng, hiệu quả công việc chưa đồng đều. Kế hoạch cụ thể của từng GV chưa đầy đủ và chưa có nhiều các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Chất lượng và số lượng các hoạt động NCKH của ngành chưa nhiều. Chất lượng và số lượng các hoạt động NCKH của ngành chưa nhiều chưa đáp ứng được yêu cầu; Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước còn ít, số lượng GV tham gia các đề tài nghiên cứu với đối tác nước ngoài còn hạn chế. Số bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và công bố trên các tạp chí quốc tế ở các cấp độ khác nhau trên đầu GV chưa tương xứng tiềm năng và thế mạnh của Viện. Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các khoa khác trong trường còn hạn chế. Việc đối sánh về hoạt động KHCN trong và ngoài trường chưa được triển khai nhằm tìm kiếm giải pháp để cải tiến chất lượng.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Trường Đại học Vinh có đội ngũ nhân viên trình độ chuyên môn cao, nghiệp vụ vững vàng hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo của Nhà trường nói chung và viện NN&TN nói riêng. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đội ngũ nhân viên được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, trung tâm ĐBCL, các dịch vụ hỗ trợ khác...) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên được Nhà trường thường xuyên tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Việc đánh giá chất lượng công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện qua nhiều hình thức đảm bảo tính công bằng, khách quan và ghi nhận bằng các hình thức khen thưởng hợp lý.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Để phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường trong từng giai đoạn. Trường Đại học Vinh đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011 - 2020, Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển trường Đại học Vinh giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2045, đề ra chiến lược phát triển đội ngũ thông qua công tác xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự của trường trong giai đoạn này, trong đó có giải pháp tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân viên phù hợp điều kiện thực tế [H7.07.01.01].

Để triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự, Nhà trường có phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Căn cứ vào nhu cầu và quy mô đào tạo, hàng năm Nhà trường tiến hành đánh giá, phân tích tình trạng đội ngũ nhân viên của Trường và dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên trong tương lai. Từ đó, Nhà trường thực hiện việc quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ dựa trên chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhằm đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng được các yêu cầu, Trường cũng đã xây dựng Đề án vị trí việc làm, xác định rõ nhiệm vụ, tiêu chuẩn của từng vị trí việc làm của nhân viên [H7.07.01.02]. Mặt khác, Nhà trường cũng xây dựng Quy định tuyển dụng với tiêu chí tuyển dụng, quy trình tuyển dụng chặt chẽ, công khai minh bạch để tuyển dụng được CB, nhân viên có chất lượng cho bộ máy nhân sự của nhà trường. Những cá nhân thi tuyển vào vị trí viên chức của nhà trường, sau khi trúng tuyển đều phải trải qua thời gian tập sự theo quy định. Trong thời gian tập sự viên chức được làm quen với môi trường công tác, tập làm những công việc của vị trí việc làm được tuyển dụng; người hướng dẫn và các đơn vị thuộc Trường có liên quan đến công tác tập sự của viên chức.

Trong thời gian thực hiện chế độ tập sự, Trường quan tâm cử viên chức tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng để hoàn chỉnh tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp trước khi bổ nhiệm. Thời gian tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng được tính vào thời gian thực hiện chế độ tập sự. Đối với các trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ tập sự Trường đã cho chấm dứt hợp đồng theo quy định. Vì vậy, các cán bộ, viên chức, người lao động sau khi được tuyển dụng, tiếp nhận hầu hết đã thể hiện được năng lực, khả năng đáp ứng yêu cầu công việc [H7.07.01.03].

Nhà trường có chính sách thu hút, tuyển dụng đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc tuyển dụng đội ngũ nhân viên hỗ trợ được Nhà trường ưu tiên cho những người có bằng cấp cao, phù hợp với công việc; ưu tiên ứng viên tốt nghiệp loại giỏi ở các trường Đại học; ưu tiên người có nhiều kinh nghiệm... Ngoài ra những SV tốt nghiệp tại trường có kỹ năng mềm tốt, có khả năng sử dụng ngoại ngữ và CNTT được giữ lại phục vụ ở các trung tâm thư viện, phòng thí nghiệm, phòng thực hành tin học, ngoại ngữ, phòng xử lý học vụ, hành chính [H7.07.01.04]. Về thu nhập hàng tháng, ngoài thu nhập từ tiền lương theo ngạch bậc, mỗi nhân viên còn được hưởng thêm một khoản thu nhập tăng thêm theo từng vị trí công tác Bên cạnh đó, cũng như tất cả các viên chức khác, các nhân viên hỗ trợ cũng được nhận thêm các khoản tiền hỗ trợ vào những dịp lễ, Tết. Ngoài ra, Trường cũng cam kết tạo điều kiện cho nhân viên hỗ trợ được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ khi có nhu cầu, chính sách khen thưởng, tăng lương trước thời hạn trong trường hợp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H7.07.01.05].

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên được Nhà trường thực hiện dựa trên phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên. Đầu mỗi năm học, căn cứ vào nhiệm vụ của mình, các phòng, ban, trung tâm phân tích nhu cầu về đội ngũ nhân viên đáp ứng yêu cầu về chuyên môn và phù hợp với Đề án vị trí việc làm của Nhà trường. Nhà trường tổng hợp, phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên toàn trường, đối chiếu với đề án vị trí việc làm. Trên cơ sở đó, Nhà trường phê duyệt kế hoạch tuyển dụng nhân viên cho các đơn vị [H7.07.01.06]. Bên cạnh đó, nhằm phát triển năng lực và linh hoạt đội ngũ nhân viên, Nhà trường đã có chính sách luân chuyển nhân viên hành chính. Sau 05 năm làm việc, mỗi nhân viên sẽ được luân chuyển đến đơn vị mới (trừ một số vị trí đặc thù), đảm bảo cho đội ngũ nhân viên có thể “giỏi một việc và biết làm nhiều việc”, tạo ra sự linh hoạt, tươi mới trong công việc, đồng thời cũng đảm bảo sự công bằng đối với tất cả các nhân viên, cán bộ hành chính ở các đơn vị khác nhau [H7.07.01.07].

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Công tác đào tạo thạc sỹ ngành KHCT được hỗ trợ bởi đội ngũ nhân viên làm việc tại các phòng ban, trung tâm của Nhà trường. Trường Đại học Vinh hiện có 317 nhân viên làm việc ở các trung tâm, phòng, viện, trạm, nhà xuất bản, phục vụ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và xây dựng cơ sở vật chất của Trường. Đội ngũ nhân viên làm việc ở các Trung tâm như Trung tâm Thông

tin Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm, Trung tâm ĐBCL, Trung tâm Công nghệ thông tin.... Đội ngũ nhân viên của các phòng ban như phòng ĐTSDH, phòng công tác chính trị HSSV, phòng TCCB, phòng Quản trị - Đầu tư, phòng KH&HTQT, phòng KH-TC... đa số có trình độ ThS trở lên, có nghiệp vụ chuyên môn đáp ứng tốt các yêu cầu công việc; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định theo chức danh nghề nghiệp do Nhà nước ban hành. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và đề án vị trí việc làm của mỗi đơn vị hành chính, Trưởng đơn vị mô tả công việc của từng thành viên trong đơn vị và xây dựng bản phân công nhiệm vụ từng người, công khai lên website để tiện cho người khác liên hệ công việc [H7.07.01.08]. Bên cạnh đó, ngành KHCT - viện NN&TN cũng được hỗ trợ trực tiếp bởi đội ngũ các chuyên viên chuyên quản, các chuyên viên chuyên quản có nhiệm vụ là đầu mối tiếp nhận, xử lý thông tin do các đơn vị đào tạo phản ánh thuộc lĩnh vực công tác, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị [H7.07.01.09]. Phòng ĐTSDH hỗ trợ các công tác đào tạo, hành chính, ... đây cũng là nơi liên lạc hành chính cho HV của Trường. Phối hợp với Viện, Khoa hướng dẫn HV quy trình thủ tục giao đề tài, phản biện và bảo vệ luận văn, luận án tốt nghiệp theo quy định của BGDDT và của Nhà trường; Tiếp nhận và phối hợp với các đơn vị xử lý các giấy tờ, hồ sơ liên quan đến đào tạo SDH; Đề xuất tổ chức và quản lý các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn SDH để nâng cao trình độ chuyên môn cho các đối tượng đã tốt nghiệp đại học và SDH. Ngoài ra, viện NN&TN còn có đội ngũ cán bộ hỗ trợ cấp CTĐT gồm: 01 chuyên viên phụ trách công tác văn phòng kiêm phụ trách quản lý công tác chính trị HV; có 02 trợ lý đào tạo (trợ lý đào tạo chuyên trách và trợ lý đào tạo trực tuyến) và 01 trợ lý ĐBCL; có 01 GV kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập cho các khóa đào tạo từ năm thứ nhất đến năm cuối; mỗi lớp HV cũng được phân công 1 GV làm nhiệm vụ chủ nhiệm lớp [H7.07.01.10]. Các cán bộ hỗ trợ và GV kiêm nhiệm đều được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn như kỹ năng tin học, công tác văn thư. Các nhân viên chuyên trách làm việc hành chính, các GV kiêm nhiệm chủ động đăng ký lịch trực, làm việc tùy theo yêu cầu công việc và được hưởng các chế độ theo quy định của Trường.

Định kỳ hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan khác về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên. Kết quả khảo sát chất lượng hoạt động hỗ trợ của đội ngũ NV cho thấy người học khá hài lòng với sự phục vụ, hỗ trợ của đội ngũ NV của Nhà trường nói chung và của Viện NN&TN nói riêng trong công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD [H7.07.01.09]. Kết quả phản hồi từ các bên liên quan giúp Nhà trường và các đơn vị có liên quan có thêm cơ sở để quy hoạch, phát triển đội ngũ nhân viên.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành các chính sách thu hút, tuyển dụng để đảm bảo đội ngũ nhân viên đủ về số lượng và ĐBCL, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBVC, NV cụ thể đáp ứng yêu cầu công việc theo từng năm từng giai đoạn rõ ràng.

Từ những chính sách chung về quy hoạch đội ngũ nhân viên của Trường, Viện NN&TN đã có những chính sách về nhân sự cho nhân viên hỗ trợ như bản mô tả vị trí công việc của nhân viên hỗ trợ trong Quy chế làm việc của Viện. Cán bộ hỗ trợ cấp CTĐT của khoa làm việc rất hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu công việc trong các lĩnh vực đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ NH.

3. Điểm tồn tại

Tính chuyên nghiệp và năng lực của một vài nhân viên cung cấp các dịch vụ hỗ trợ (quản lý nhà học, thư viện...) còn hạn chế, đặc biệt là năng lực về công nghệ thông tin. Vẫn còn một số đơn vị chưa thực hiện mô tả thật cụ thể vị trí việc làm, những yêu cầu có tính chất đặc thù của đơn vị mình.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên tổ chức rèn luyện, bồi dưỡng chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, tính chuyên nghiệp cho đội ngũ nhân viên phục vụ. Trường đẩy mạnh phát triển đội ngũ nhân viên trẻ, có năng lực về CNTT để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của Trường. Rà soát hoàn thiện và cập nhật đề án vị trí việc làm của nhân viên từng đơn vị và trong toàn Trường.	Phòng Tổ chức cán bộ	Định kỳ hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Làm tốt công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên dựa trên nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tiếp tục định kỳ rà	Ban giám hiệu; Phòng Tổ chức cán bộ	Định kỳ hàng Năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		soát, điều chỉnh, bổ sung đề án vị trí việc làm đối với đội ngũ chuyên viên/nhân viên/kỹ thuật viên làm việc tại các đơn vị hành chính cũng như ở các đơn vị đào tạo, bảo đảm về số lượng, tiêu chuẩn phù hợp với sự phát triển của Trường cũng như các yêu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.			

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ vào Điều lệ Trường đại học được Thủ tướng Chính phủ ban hành năm 2010, Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 và Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, Trường đại học Vinh đã ban hành các quy định cụ thể về việc tuyển dụng bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên như: Nghị quyết ban hành quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động của Trường Đại học Vinh số 07/NQ-HĐT ngày 27/3/2023; Quy định về luân chuyển cán bộ của Trường Đại học Vinh số 06/QĐ-ĐU ngày 27/2/2023,....trong đó nêu rõ phạm vi áp dụng, điều kiện, tiêu chuẩn, hội đồng tuyển dụng, hình thức tuyển dụng..., xác định rõ ràng các tiêu chí và quy trình chặt chẽ để tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên. Về tiêu chuẩn tuyển dụng, ngoài tiêu chuẩn chung, còn có các tiêu chuẩn cụ thể đối với từng chức danh.

Tiêu chuẩn chung: Được quy định tại điều 4 Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 27/3/2023 của Trường Đại học Vinh.

Tiêu chuẩn cụ thể: Đối với chức viên chức hành chính: được quy định cụ thể tại điều 6, điều 7 Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 27/3/2023.

Trong đó, tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, trình độ chuyên môn

[H7.07.02.01]. Các yêu cầu, mô tả công việc của đội ngũ nhân viên ở các trung tâm, phòng ban chức năng được mô tả tại mục chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và phân công nhiệm vụ trên Subweb của từng đơn vị chức năng của Trường [H7.07.02.02].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Trường xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích/ khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý rộng rãi trong toàn Trường.

Nhà trường gửi Bản dự thảo cho các đơn vị trong Trường góp ý. Sau góp ý của các đơn vị trong Trường, Phòng Tổ chức Cán bộ tiến hành bổ sung, chỉnh sửa nội dung Quy chế. Hồ sơ góp ý cho bản Quy chế được gửi về Trường (qua phòng Tổ chức Cán bộ) hoặc qua địa chỉ Email, ngoài ra toàn văn dự thảo được đăng trên trang Web của Phòng Tổ chức Cán bộ, địa chỉ: <https://vinhuni.edu.vn> và eoffice của Trường. Căn cứ đề xuất tuyển dụng mới nhân sự của các phòng, ban, trung tâm và khoa, Nhà trường tiến hành rà soát đội ngũ nhân viên, phê duyệt kế hoạch tuyển dụng cho các đơn vị; đồng thời, ban hành Thông báo tuyển dụng viên chức, lao động hợp đồng với các tiêu chí cụ thể cho từng vị trí việc làm. [H7.07.02.03]. Cụ thể, đối với ngạch chuyên viên gồm các tiêu chí sau: Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy loại khá trở lên, chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác, ưu tiên người có kinh nghiệm đúng chuyên môn với vị trí việc làm cần tuyển; có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương bậc 2 (A2) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT; có chứng chỉ tin học trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT. Quy trình tuyển dụng đội ngũ nhân viên được tổ chức chặt chẽ, gồm các bước theo quy trình tuyển dụng: thành lập Hội đồng tuyển dụng Trường và các Tiểu ban chuyên môn chấm thi tại các đơn vị; tổ chức thi chuyên môn nghiệp vụ; thi phỏng vấn tại Hội đồng tuyển dụng Trường.

Đội ngũ cán bộ quản lý các phòng ban chức năng của Trường chủ yếu được lựa chọn từ lực lượng GV, được bồi dưỡng thêm về công tác quản lý. Trường thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ quản lý cho các đơn vị phòng ban chức năng, đảm bảo tính kế thừa liên tục về độ tuổi, trình độ chính trị, phù hợp về chuyên môn, nghiệp vụ và chú trọng tới đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ [H7.07.02.04]. Việc xác lập tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển chủ yếu chỉ dựa trên nhu cầu cụ thể từng năm của các đơn vị nên còn thiếu sự đồng bộ, thống nhất. Hiện nay, Nhà trường đã triển khai tái cấu trúc lại bộ máy để góp phần tinh giản đội ngũ cán bộ, giảm số lượng các tổ chức không cần thiết, đặc biệt là đội ngũ cán bộ hành chính để tạo tiền đề cho việc tự chủ của trường trong vài năm tới theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT [H7.07.02.05].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, GV, nhân viên và công khai bằng nhiều hình thức bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của Trường, trên hệ thống thông tin eOffice và trên các phương tiện thông tin đại chúng [H7.07.02.06]. Việc làm này đã giúp cho công tác tuyển dụng nhân viên của Nhà trường được công khai, minh bạch và công bằng. Vì vậy, cho đến nay, Nhà trường không nhận được các khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến tuyển dụng, bổ

nhiệm và điều chuyển nhân viên.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống văn bản quy định về tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển. Các tiêu chí này được phổ biến công khai. Nhờ vậy, đội ngũ nhân viên hỗ trợ CTĐT của Viện NN&TN đảm bảo về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Việc phân tích, khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về các tiêu chí để tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên. Việc sử dụng kết quả của các hoạt động này để xác định tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển còn chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Định kỳ phân tích, kết quả khảo sát ý kiến góp ý của các bên để ban hành bộ tiêu chí tuyển dụng nhân viên thống nhất, hiệu quả.	Phòng Tổ chức cán bộ	Năm 2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Hoàn thiện và cập nhật các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên để đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Nhà trường trong từng thời điểm và giai đoạn.	Phòng Tổ chức cán bộ, Các phòng, ban, trung tâm và Viện NN&TN.	Định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định rõ ràng trong Quy chế về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh và được xác định rõ ràng từng vị trí trong Đề án vị trí

việc làm và vị trí công việc tại các đơn vị [H7.07.03.01]. Đối với nhân viên làm việc tại Trung tâm thông tin thư viện Nguyễn Thúc Hào thì đội ngũ Thư viện viên, Chuyên viên làm việc phải đạt trình độ Đại học trở lên; Kỹ thuật viên tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật. Nhân viên làm việc tại Trung tâm công nghệ thông tin yêu cầu đối với Chuyên viên là tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành công nghệ thông tin; kỹ thuật viên phải tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật, có trình độ tin học và khả năng sử dụng thành thạo các trang thiết bị phục vụ công tác. Đội ngũ nhân viên làm việc tại Trung tâm THPTN yêu cầu đối với Chuyên viên là trình độ Đại học trở lên các chuyên ngành có thực hành, thí nghiệm; đối với cán sự, nhân viên yêu cầu tốt nghiệp trung cấp nghề trở lên, sử dụng thành thạo các phương tiện phục vụ THPTN và các thiết bị văn phòng. Bên cạnh đó, nhân viên phải nắm vững các quy định pháp luật, chế độ chính sách của ngành, lĩnh vực và các kiến thức cơ bản về lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ được giao.

Nhà trường có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên. Nhà trường ban hành các văn bản quy định tiêu chí đánh giá, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên [H7.07.03.02]. Phiếu đánh giá được thiết kế rõ ràng, thể hiện đầy đủ các tiêu chí đánh giá về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ [H7.07.03.03]. Các tiêu chí này là căn cứ để Viện NN&TN, các phòng, ban Nhà trường đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên của đơn vị mình theo quy trình chặt chẽ, góp phần xây dựng được đội ngũ nhân viên có đủ phẩm chất và năng lực để nâng cao chất lượng đào tạo.

Việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc được xếp loại hằng tháng và hằng năm theo 04 mức: A (Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ); B (Hoàn thành tốt nhiệm vụ); C (Hoàn thành nhiệm vụ từ 70% trở lên); D (Hoàn thành dưới 70% nhiệm vụ). Công tác đánh giá được tổ chức thường xuyên theo quy trình chặt chẽ, thống nhất qua các bước: nhân viên tự đánh giá, cấp trên đánh giá, đồng nghiệp đánh giá, NH đánh giá. Hằng tháng, các đơn vị tổ chức đánh giá xếp loại viên chức cho các nhân viên làm cơ sở để thực hiện chế độ thu nhập tăng thêm. Quy trình đánh giá, xếp loại được thực hiện qua 5 bước: *Bước 1.* Tập hợp lỗi vi phạm (theo mẫu) của các cá nhân trong tháng (nếu có) từ các phòng ban liên quan, gửi về các đơn vị có cá nhân vi phạm và Phòng Tổ chức Cán bộ trước ngày 02 hằng tháng; *Bước 2.* Các đơn vị tự đánh giá, xếp loại kết quả lao động của tháng trước căn cứ theo các tiêu chí, thực hiện từ ngày 03 đến 05 hằng tháng; *Bước 3.* Các đơn vị gửi kết quả đánh giá, xếp loại về phòng Tổ chức cán bộ trước ngày 8 hằng tháng; *Bước 4.* Phòng Tổ chức cán bộ có trách nhiệm tổng hợp, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra; *Bước 5.* Phòng Tổ chức Cán bộ trình Hiệu trưởng ký bằng kết quả tổng hợp, đánh giá, xếp loại lao động và phối hợp với Phòng Kế hoạch - Tài chính tính toán thanh toán thu nhập tăng thêm vào tháng sau liền kề theo quy định [H7.07.03.04]. Định kỳ cuối năm học, cán bộ được đánh giá xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học gồm 4 bước: (i)

cán bộ tự đánh giá; (ii) tổ chuyên môn họp đánh giá xếp loại; (iii) ban lãnh đạo đơn vị đánh giá xếp loại và đệ trình lên Trường; (iv) Hội đồng thi đua - khen thưởng của Trường đánh giá và phê duyệt xếp loại. Nhân viên hỗ trợ tự đánh giá bằng phiếu chấm điểm thi đua cá nhân dành cho khối CB hành chính theo tiêu chí thi đua của Nhà trường, bao gồm các tiêu chí về *Tư tưởng, chính trị, phẩm chất, đạo đức lối sống; Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; Tổ chức kỷ luật, chế độ báo cáo, hội họp, tham gia các hoạt động tập thể, xây dựng khối đoàn kết; Học tập, bồi dưỡng chuyên môn, ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ*. Sau đó, Viện NN&TN và Trường sẽ lần lượt đánh giá thông qua các cuộc họp Hội đồng Thi đua; đưa ra kết luận về điểm số và xếp loại được năng lực của đội ngũ nhân viên bao gồm năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan [H7.07.03.05]. Tuy nhiên, đối với tiêu chí, công cụ đánh giá riêng cho các GV kiêm nhiệm công tác hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, hoạt động đoàn thể còn chưa có. Việc đánh giá này cũng gặp khó khăn do giờ làm việc của GV kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập, hoạt động đoàn, công đoàn chưa ổn định do phụ thuộc vào lịch giảng dạy của những GV kiêm nhiệm này trong các kỳ học.

Nhà trường cũng định kỳ lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động của các đơn vị hành chính và hoạt động chung của Nhà trường. NH thực hiện khảo sát trực tuyến trong trang cá nhân trên phần mềm CMC của trường. Các mức đánh giá bao gồm: *Tốt* (mức độ đáp ứng từ 80% trở lên); *Khá* (mức độ đáp ứng từ 65 đến 79%); *Trung bình* (mức độ đáp ứng từ 50 đến 64%); *Chưa đạt* (mức độ đáp ứng dưới 50%). *Chưa tiếp xúc*. Từ đó, Nhà trường có báo cáo về việc phản hồi NH đối với các đơn vị hành chính. Việc đánh giá giúp các đơn vị hành chính cũng như Nhà trường có thể quản lý chất lượng phục vụ tốt hơn và là một cơ sở để đánh giá xếp loại nhân viên [H7.07.03.06]. Kết quả đánh giá thi đua hàng năm cũng cho thấy năng lực đội ngũ nhân viên hỗ trợ của ngành đều đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ, 100% đội ngũ này đều đáp ứng tiêu chuẩn năng lực yêu cầu về vị trí việc làm [H7.07.03.07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có quy trình và phương pháp đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên chặt chẽ, hiệu quả. Việc đánh giá được thực hiện thường xuyên.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về mức độ hài lòng đối với đội ngũ chuyên viên, nhân viên mới chỉ tiến hành đối với việc lấy ý kiến của NH. Chưa triển khai lấy ý kiến của đội ngũ GV về hoạt động của đội ngũ nhân viên.

Chưa có tiêu chí, công cụ đánh giá riêng cụ thể cho các GV kiêm nhiệm công tác hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, hoạt động đoàn thể. Việc sử dụng các kết quả đánh giá làm căn cứ để cải tiến, nâng cao năng lực của đội ngũ nhân viên chưa thực sự triệt để.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Trường cần mở rộng đối tượng khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với đội ngũ chuyên viên, nhân viên để có kết quả khách quan hơn và chính xác hơn Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực cho từng đối tượng cụ thể (GV, GV kiêm nhiệm công tác hoạt động hỗ trợ đào tạo và nhân viên). Cần nghiên cứu kỹ các kết quả đánh giá, từ đó xây dựng các giải pháp phù hợp để nâng cao chất lượng của đội ngũ nhân viên	Phòng TCCB	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá đội nhân viên các phòng ban, trung tâm và cán bộ chuyên trách các Khoa/Viện qua nhiều hình thức khác nhau.	Phòng TCCB	Định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Để thực hiện thành công sứ mạng và mục tiêu phát triển của Nhà trường. Trường Đại học Vinh đã xây dựng các kế hoạch về chiến lược phát triển qua từng giai đoạn, trong đó kế hoạch về phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, viên chức là

yếu tố cốt lõi. Chính vì vậy trong định hướng phát triển của Nhà trường nói chung và của ngành KHCT- Viện NN&TN nói riêng, việc đầu tư đội ngũ cán bộ, viên chức cả về số lượng và chất lượng luôn là một trong những mục tiêu phấn đấu hàng đầu. Bên cạnh đó Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản quy định về việc đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, viên chức và người lao động [H7.07.04.01].

Để xác định đúng nhu cầu đào tạo, Nhà trường đã tiến hành khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc cho từng chức danh. Hằng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức theo nội dung đào tạo, bồi dưỡng. Trường gửi thông báo và các biểu mẫu hướng dẫn các đơn vị, cá nhân đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn đến tất cả các đơn vị trong trường. Các đơn vị tổ chức lấy ý kiến nhân viên trong đơn vị, tổng hợp danh sách đăng ký đào tạo, bồi dưỡng gửi về Phòng Tổ chức - Cán bộ. Trên cơ sở đó, Phòng Tổ chức - Cán bộ đã thống kê, phân tích kết quả khảo sát, sắp xếp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng theo thứ tự ưu tiên, trong đó có yêu cầu về bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.... Ngoài ra, Hàng năm vào cuối năm học Viện NN&TN cũng đánh giá khối lượng công việc, khảo sát và tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên. Kết quả khảo sát này được thể hiện trong kế hoạch năm học của Viện NN&TN [H7.07.04.02][H7.07.04.03].

Viện NN&TN và Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển nâng cao chất lượng cán bộ, nhân viên và kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ căn cứ trên kết quả khảo sát nhu cầu bồi dưỡng của nhân viên [H7.07.04.04]. Để đáp ứng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, Nhà trường và Khoa tạo mọi điều kiện thuận lợi, hỗ trợ kinh phí để nhân viên được học tập, rèn luyện. Ngân sách phân bổ cho đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Ngân sách này được phê duyệt tăng dần theo từng năm, thể hiện Nhà trường rất quan tâm đến nhu cầu đào tạo cán bộ hỗ trợ trong vòng 5 năm gần đây (2018-2022), Nhà trường đã chi ... triệu đồng (bình quân hơn ... triệu đồng/năm) dành riêng cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nhân viên của Trường. Bên cạnh các chính sách hỗ trợ nêu trên, Nhà trường còn hỗ trợ tìm học bổng và thực hiện các thủ tục cần thiết đối với cán bộ, viên chức cơ hữu có nguyện vọng và năng lực theo học các CTĐT TS, ThS theo chương trình học bổng trong hoặc ngoài nước. Sau khi hoàn thành khóa học, các cán bộ, viên chức này sẽ được tiếp nhận và bố trí công tác tại đơn vị cũ hoặc bổ nhiệm vào các vị trí cao hơn, đồng thời được hưởng các chế độ đãi ngộ tương đương học hàm, học vị mới. Thời gian theo học các chương trình này vẫn được tính vào thâm niên công tác tại Trường. Nhờ vậy Nhà trường đã kịp thời đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên, đáp ứng nhu cầu của Nhà trường trong việc phục vụ đào tạo, NCKH và PVCD [H7.07.04.05].

Nhà trường triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên dựa trên kế hoạch đã được thông qua. Các lĩnh vực bồi dưỡng bao gồm: Bồi dưỡng chuyên môn (học thạc sĩ, TS đúng chuyên ngành);

Bồi dưỡng lý luận chính trị (trung cấp, cao cấp chính trị); chuyên môn nghiệp vụ quản lý như: Quản lý hành chính Nhà nước, Quốc phòng - an ninh (đối với cán bộ nhân viên kiêm nhiệm chức vụ quản lý); ngoại ngữ; tin học [H7.07.04.06]. Hàng năm Nhà trường cử các đoàn cán bộ đi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tham quan, học hỏi kinh nghiệm quản lý của các cơ sở đào tạo ở trong và ngoài nước. Ngoài ra, Nhà trường có chính sách hỗ trợ đội ngũ nhân viên học lên bậc ThS, TS, tạo điều kiện và khuyến khích nhân viên thi thăng hạng khi đủ điều kiện [H7.07.04.07].

Kết quả, trong 5 năm qua, toàn trường đã có hơn nhân viên được cử đi đào tạo ThS, TS, tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong nước và ở nước ngoài, tham gia thực hiện các đề tài NCKH... Về phía Viện NN&TN tính đến năm 2022, trong số 11 nhân viên hỗ trợ chuyên trách có 04 nhân viên hỗ trợ đã đạt học vị TS [H7.07.04.08]. Đến nay, Trường và Viện NN&TN có đội ngũ nhân viên hỗ trợ có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp để hoàn thành công việc hành chính, quản lý sinh viên và các hoạt động khác liên quan đến công tác giảng dạy và NCKH của GV, sinh viên và HV.

2. Điểm mạnh

Hàng năm, Nhà trường và Khoa luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ nhân viên hỗ trợ và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

3. Điểm tồn tại

Công tác khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên chưa được tiến hành thường xuyên để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ. Việc triển khai hoạt động bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên chủ yếu lồng ghép trong công tác đào tạo bồi dưỡng chung của toàn Trường nên hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV kiêm nhiệm nhằm xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ.	Phòng Tổ chức cán bộ và Viện NN&TN	Định kỳ hàng năm	

Khoa phát huy hiệu quả quyền tự chủ đề xuất về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, phù hợp với vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên tại đơn vị.

Triển khai mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngay khi có nhu cầu.

Tạo điều kiện về thời gian, hỗ trợ tài chính để đội ngũ nhân viên có thể tham gia đầy đủ các khóa tập huấn, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

2 Phát huy điểm mạnh

Phòng
TCCB
Viện
NN&TN

Định kì
hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Chất lượng, hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên trong toàn Trường đóng vai trò rất quan trọng đối với chất lượng đào tạo và sự phát triển của Nhà Trường. Nhằm đảm bảo và góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác của đội ngũ, Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ này, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Hệ thống các quy định, quy chế này được xây dựng và ban hành rộng rãi, đầy đủ và được cập nhật theo từng năm học, bao gồm: Quy định về tổ chức hoạt động của Trường; Quy định về chế độ làm việc đối với cán bộ, viên chức; Quy chế thi đua khen thưởng, quy chế lương. Kế hoạch công việc của từng NV được quy định cụ thể về nội dung, khối lượng công việc, tiến độ thực hiện, nguồn lực thực hiện, thời gian hoàn thành trong bảng phân công nhiệm vụ chi tiết của Viện NN&TN

Ngoài ra, để việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên đạt hiệu quả, Trường Đại học Vinh ban hành quy định về chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, trung tâm, nhân viên làm việc tại văn phòng khoa, đặc biệt là đối với Phòng ĐT SDH là

đơn vị trực tiếp hỗ trợ công tác đào tạo, hành chính đối với các CTĐT ThS và TS. Với từng chức danh công việc, Trường có quy định cụ thể về khối lượng công việc cho từng đối tượng nhân viên [H7.07.05.01]. Bên cạnh đó, Trường cũng ban hành quy định về theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên bao gồm các quy định về đánh giá xếp loại cán bộ và bình xét thi đua khen thưởng, các chính sách về đánh giá và khen thưởng được cụ thể hóa trong quy chế thi đua khen thưởng, quy chế lương đã giúp Nhà trường đánh giá được các hoạt động của đội ngũ nhân sự trong năm học để có hình thức khen thưởng, động viên xứng đáng, tạo động lực cho đội ngũ nhân sự phát huy năng lực và gắn bó hơn nữa với Nhà trường. Hàng năm, vào những ngày lễ lớn (*Ngày thành lập trường, ngày Khai giảng, ngày Hiến chương Nhà giáo 20/11 và Tổng kết năm học, ...*) Nhà trường tổ chức khen thưởng những cá nhân, tập thể đạt thành tích cao trong công tác các cấp (*Trường, Thành phố, Trung ương, ...*). Đây chính là yếu tố động lực cho đội ngũ NV hỗ trợ tích cực hơn trong công tác, sẵn sàng đóng góp công sức cho hoạt động của Khoa và Nhà trường. Ngoài việc công nhận và khen thưởng, Nhà trường còn có quy định về việc xét nâng bậc lương trước hạn đối với các cán bộ nhân viên đạt được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp nhằm khuyến khích, động viên và tạo động lực cho đội ngũ NV phấn đấu hoàn thành thành xuất sắc nhiệm vụ được giao qua từng năm học [H7.07.05.02].

Nhà trường và Viện NN&TN đã triển khai theo dõi, giám sát và đánh giá công việc của đội ngũ cán bộ, nhân viên dựa trên các quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công, dựa trên kế hoạch công tác cá nhân mà mỗi cán bộ, nhân viên đã xây dựng. Công tác đánh giá nhân sự được Nhà trường và BLĐ Viện NN&TN thực hiện nghiêm túc, khoa học và thông qua hệ thống đánh giá đồng cấp và hệ thống phần mềm quản lý nhân sự. Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; mức độ chấp hành nội quy, kỷ luật lao động; đóng góp ý kiến, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác, làm lợi cho Trường và mức độ tham gia các hoạt động khác từ sự theo dõi đánh giá của Phòng TCCB, thông tin ghi nhận và báo cáo của Phòng Thanh tra - Pháp chế; Phòng ĐTSDH..., thông tin ghi nhận và báo cáo của Công đoàn, Đoàn thanh niên, kết quả tự đánh giá của cá nhân, đánh giá của BCN Khoa và Hội đồng thi đua khen thưởng Nhà trường đánh giá hiệu quả công việc của mỗi cán bộ, nhân viên hỗ trợ [H7.07.05.03]. Định kỳ hàng tháng và kết thúc năm học, Khoa và Nhà trường triển khai xếp loại nhân viên dựa trên khối lượng và chất lượng công việc được giao đã hoàn thành và bình xét các danh hiệu thi đua [H7.07.05.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn tổ chức các đợt lấy ý kiến NH và các bên liên quan về hoạt động phục vụ NH của các phòng ban chức năng và đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Kết quả được tổng hợp thông báo đến từng đơn vị [H7.07.05.05]. Việc đánh giá đúng đắn và khen thưởng hàng năm được triển khai góp phần tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ tích cực hơn trong công tác.

Tất cả nhân viên có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết... để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo

động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Khối lượng, tiến độ công việc của đội ngũ nhân viên được xác định chủ yếu dựa vào việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ mà đơn vị phân công. Ngoài ra, đầu mỗi năm học, tất cả các nhân viên hỗ trợ đều phải đăng ký danh hiệu thi đua để xác định các mức độ hoàn thành công việc, làm cơ sở cho đánh giá cuối năm. Danh hiệu thi đua cá nhân gồm: Lao động tiên tiến; Chiến sĩ thi đua cơ sở; Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; Chiến sĩ thi đua toàn quốc. Để quản trị theo kết quả công việc, Nhà trường xây dựng kế hoạch công tác tháng với các yêu cầu rõ ràng, được triển khai, giám sát và đánh giá đến từng đơn vị trong Trường qua hội nghị giao ban cơ quan hàng tháng. Trong các buổi họp Viện NN&TN, các nhân viên cũng thường xuyên được nhắc nhở, theo dõi tiến độ hoàn thành công việc [H7.07.05.06].

Hàng năm, nhằm đạt sự đồng thuận và thống nhất của đội ngũ NV trong Nhà trường về các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác, trước khi ban hành các văn bản quy định chính thức, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của tất cả cán bộ, nhân viên trong trường góp ý cho các quy chế quy định mà Nhà trường đã ban hành để có những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy định cho phù hợp. Qua đó, tất cả cán bộ, nhân viên đều được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Điều đó giúp Nhà trường có đầy đủ thông tin khách quan xây dựng các quy chế quy định giúp quản trị kết quả công việc của cán bộ, nhân viên được hiệu quả [H7.07.05.07].

Cán bộ, nhân viên trong toàn trường đều hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường và các cấp có thẩm quyền. Kết quả đánh giá và bình xét thi đua được thông báo rộng rãi công khai trong toàn Trường, các ý kiến phản hồi từ đội ngũ nhân viên được Trường tiếp thu và giải trình thông qua Hội đồng thi đua khen thưởng và Hội nghị viên chức toàn trường hằng năm. Cuối năm học, Viện NN&TN và Nhà trường triển khai việc đánh giá kết quả thực hiện công việc và xây dựng kế hoạch cho năm học tiếp theo. Những nhân viên có hiệu quả công việc tốt được xét khen thưởng xứng đáng. Vì vậy, đội ngũ nhân viên luôn thống nhất ý kiến với tập thể, hài lòng về việc quản trị công việc này [H7.07.05.08]. Tuy nhiên, ngoài kênh lấy ý kiến phản hồi trực tiếp trong các cuộc họp đánh giá, hiện nay Trường vẫn chưa có cơ chế khảo sát sự hài lòng của nhân viên về kết quả đánh giá và kết quả thi đua, khen thưởng của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ cũng như có cơ chế giám sát hiệu quả thực hiện công việc chặt chẽ.

3. Điểm tồn tại

Việc xác định khối lượng công việc của đội ngũ nhân viên chưa mang tính định lượng rõ ràng. Nhà Trường chưa tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của đội ngũ nhân viên về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của cơ sở giáo dục và các cấp có thẩm quyền.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Nghiên cứu xây dựng các định mức, khối lượng công việc cho đội ngũ nhân viên - Định kỳ tiến hành khảo sát sự hài lòng của nhân viên về kết quả đánh giá và kết quả thi đua khen thưởng của Khoa và Nhà trường. Trên cơ sở kết quả khảo sát Trường và Khoa xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc cải tiến công tác quản lý của Trường trong những năm tiếp theo.	Phòng TCCB, Viện NN&TN	Định kỳ hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị; hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch công tác hàng năm của đội ngũ NV. Trong đó, cần thể hiện đầy đủ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết,... để lượng hóa trong việc theo dõi, giám sát, đánh giá, bình xét, tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	Phòng TCCB, Viện NN&TN	Định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Viện NN&TN và của Trường Đại học Vinh đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, được tuyển dụng đúng quy định của Nhà trường một cách công khai, minh bạch, rõ ràng. Nhà trường và Khoa luôn khuyến khích và tạo điều kiện để nhân viên hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa hiện nay đảm bảo nhiệm vụ phục vụ công tác đào tạo ThS ngành KHCT và NCKH của Khoa và Nhà trường. Tuy nhiên, vẫn còn một vài hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới như mô tả thật cụ thể vị trí việc làm; rà soát tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc và tăng cường bồi dưỡng kỹ năng mềm cho

đội ngũ nhân viên.

Tiêu chuẩn 8. NH và hoạt động hỗ trợ NH

Mở đầu

Chính sách tuyển sinh trình độ ThS ngành KHCT luôn được xác định rõ ràng, công khai, minh bạch và được cập nhật tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có đầy đủ thông tin để lựa chọn chuyên ngành theo học. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn HV cũng được xác định rõ ràng và được đánh giá, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. Bên cạnh đó, sự tiến bộ trong học tập, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH chuyên ngành KHCT được theo dõi, giám sát một cách có hệ thống bởi đội ngũ bao gồm Ban chủ nhiệm khoa, phụ trách chuyên ngành, GV chủ nhiệm lớp, GV trực tiếp giảng dạy, nhân viên hỗ trợ, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị liên quan của nhà trường. Hiệu quả công tác giám sát được nâng cao nhờ ứng dụng phần mềm quản lý đào tạo. Vấn đề chất lượng đào tạo, khả năng có việc làm của HV sau khi tốt nghiệp luôn được chú trọng thông qua hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa và các dịch vụ hỗ trợ khác. Trường cũng xây dựng môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan thoáng mát nhằm phát huy sự sáng tạo và thoải mái cho HV khi học tập tại trường.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Chính sách tuyển sinh của Trường Đại học Vinh nói chung và của CTĐT Thạc sỹ ngành KHCT được xác định rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm. Chính sách tuyển sinh của ngành KHCT được xác định rõ ràng trong Thông báo tuyển sinh [H8.08.01.01]; Kế hoạch tuyển sinh [H8.08.01.02] và có sự điều chỉnh hằng năm. Quy định về tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh, chính sách ưu tiên, thông tin về các điều kiện đảm bảo đều thống nhất theo quy định của Bộ GD&ĐT và Trường Đại học Vinh. Chính sách, đề án tuyển sinh cho chuyên ngành KHCT được cập nhật hằng năm căn cứ vào Quy chế tuyển sinh đào tạo trình độ ThS của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Vinh [H8.08.01.03; dữ liệu báo cáo của Phòng Đào tạo Sau đại học về kết quả số liệu tuyển sinh năm trước [H8.08.01.04], dự báo nhu cầu nguồn nhân lực của năm tới phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và chiến lược phát triển của trường [H8.08.01.05].

Bảng 8.1. Tình hình nhập học của NH chuyên ngành KHCT trong giai đoạn đánh giá 2018 -2023

Khóa học	Ứng viên			
	Số lượng nộp đơn dự tuyển	Số lượng được chấp nhận thi tuyển/xét tuyển	Số lượng trúng tuyển	Số lượng nhập học
Khóa 2018 – 2020 (K26)	24	24	22	18
Năm 2019 – 2021 (K27)	21	21	21	19
Năm 2020 – 2021 (K28)	21	21	21	20

Năm 2021 – 2023 (K29)	5	5	3	3
Năm 2022 – 2024 (K30)	11	11	11	7

Trường Đại học Vinh đã ban hành Quy định đào tạo trình độ ThS rõ ràng, đầy đủ, chi tiết, được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác. Viện NN&TN là đơn vị trực thuộc Trường, chính sách tuyển sinh của Khoa được thực hiện theo quy định của Trường Đại học Vinh [H8.08.01.06]. Hàng năm, dựa trên Quy định đào tạo, Quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường ban hành Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ, trong đó ghi rõ số lượng tuyển cho từng ngành, điều kiện thi tuyển, xét tuyển, thời gian, hình thức đào tạo, thời gian đào tạo, môn thi tuyển, xét tuyển cho từng ngành, đối tượng điều kiện dự tuyển, chính sách ưu tiên, tiêu chí xét tuyển cho các ngành đào tạo của trường. Quy trình và kế hoạch tuyển sinh được các đơn vị trong trường góp ý và Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh phê duyệt. Phương thức thi tuyển của trường từ năm 2017 đến 2021: thi viết 3 môn (gồm: môn cơ sở, môn cơ bản và môn ngoại ngữ). Đây là các phương thức phổ biến, tin cậy trong tuyển sinh đào tạo ThS được các trường đại học trong nước sử dụng [H8.08.01.07]. Từ năm 2022, căn cứ vào kết quả học tập bậc đại học, kết quả học bổ sung kiến thức, kinh nghiệm công tác, năng lực ngoại ngữ của thí sinh, nhà trường chuyển sang hình thức xét tuyển [H8.08.01.01]. Điểm trúng tuyển trong tuyển sinh đào tạo trình độ ThS của Trường Đại học Vinh nói chung và chuyên ngành KHCT nói riêng hàng năm đều cao hơn điểm ngưỡng ĐBCL đầu vào của Bộ GD&ĐT quy định. [H8.08.01.08].

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, Trường tổ chức họp đánh giá, rà soát công tác tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh tiến hành lấy ý kiến của các thành viên về kết quả công tác tư vấn, truyền thông tuyển sinh; chỉ tiêu tuyển sinh; kết quả thí sinh đăng ký xét tuyển; kết quả thí sinh nhập học; Phòng Đào tạo SDH thực hiện khảo sát HV về công tác tuyển sinh, truyền thông tuyển sinh. Số liệu phản hồi của các bên liên quan về công tác quảng bá, tư vấn tuyển sinh, quy trình nhập học, hướng dẫn nhập học cho HV được thu thập làm căn cứ xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho năm học sau. Ngoài ra, nhà trường căn cứ vào dữ liệu dự báo nhu cầu nhân lực của chuyên ngành KHCT cũng như ý kiến của các bên liên quan để điều chỉnh chính sách tuyển sinh, đảm bảo sự linh hoạt, phù hợp và cập nhật với tình hình và nhu cầu nhân lực thực tế [H8.08.01.09].

Trải qua 64 năm thành lập và phát triển, Trường Đại học Vinh có một số lượng cựu NH đông đảo, rất nhiều trong số đó là những người thành công, đang làm việc và giữ các vị trí trọng trách trong hệ thống các cơ quan, doanh nghiệp trong cả nước. Tuy nhiên, việc liên kết với cựu NH của Trường Đại học Vinh chưa được thực hiện bài bản, có quy trình và tính hiệu quả chưa cao. Việc kết nối tới cựu NH vừa giúp trường kết nối với nhà tuyển dụng, các cơ quan, doanh nghiệp tạo điều kiện thực tập, việc làm thông qua cơ quan, doanh nghiệp và các mối quan hệ của cựu NH. Trường chưa tận dụng được

kênh thông tin từ đội ngũ cựu NH và nhà tuyển dụng trong việc quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh của trường cũng như của chuyên ngành KHCT [H8.08.01.10].

2. Điểm mạnh

Công tác tuyển sinh của Trường Đại học Vinh được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, phù hợp với bối cảnh của Trường và được công bố công khai trong toàn xã hội. Đặc biệt, chính sách tuyển sinh rõ ràng cụ thể, đáp ứng yêu cầu cần tuyển sinh cho CTĐT ThS chuyên ngành KHCT được cập nhật và rõ ràng qua các năm trên các phương tiện truyền thông để NH có thể nắm bắt được thông tin kịp thời và đầy đủ nhất về ngành học.

Nhà trường cũng như Viện NN&TN luôn hỗ trợ tốt nhất cho các HV từ khâu làm hồ sơ tuyển sinh trong đào tạo đến sau đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Việc liên kết với cựu NH của ngành KHCT chưa được thực hiện bài bản, có quy trình và tính hiệu quả chưa cao.

Chưa tận dụng được kênh thông tin từ đội ngũ cựu NH và nhà tuyển dụng trong việc quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh của trường cũng như của chuyên ngành KHCT

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Có kế hoạch cụ thể và liên kết với cựu NH của ngành. - Đưa công tác quảng bá tuyển sinh lên trang thông tin thông tin điện tử của tỉnh Nghệ An. - Tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cựu NH về chính sách tuyển sinh của chuyên ngành nhằm tận dụng kênh thông tin từ đội ngũ cựu NH và nhà tuyển dụng trong việc quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh	Trung tâm DV, HTSV&QHDN, Khoa... - Phòng Đào tạo Sau đại học và Viện NN&TN	Hàng năm	
2	Phát huy	Làm tốt công tác truyền	Bộ phận Truyền	Hàng năm	

	điểm mạnh	thông, quảng bá rộng rãi CTĐT ThS chuyên ngành KHCT	thông, Phòng Đào tạo Sau đại học, Viện NN&TN		
--	-----------	---	--	--	--

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. *Mô tả hiện trạng*

Tiêu chí tuyển chọn HV học CTĐT ThS chuyên ngành KHCT được xác định rõ ràng theo quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Vinh. Nhà trường quy định rõ ràng trong Quy định đào tạo trình độ ThS và Thông báo tuyển sinh hàng năm về đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến, điều kiện dự thi, chính sách ưu tiên, tuyển thẳng, hồ sơ đăng kí, thời gian đăng kí, lệ phí thi tuyển [H8.08.02.01]. Bên cạnh đó, các thông tin về điểm trúng tuyển các năm gần nhất với năm tuyển sinh, tình hình việc làm của HV sau khi tốt nghiệp được cung cấp để thí sinh có căn cứ lựa chọn ngành học [H8.08.02.02]. Ví dụ, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn HV cao học chuyên ngành KHCT đợt 2 năm 2023 được xác định rõ ràng như sau:

Đối tượng tuyển sinh và điều kiện dự thi	Đối tượng dự thi đào tạo trình độ ThS là công dân nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng được điều kiện sau: <i>Về văn bằng:</i> người dự thi cần phải thỏa mãn một trong những điều kiện sau: a) Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng kí dự thi đào tạo trình độ ThS. b) Đã tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng kí dự thi đào tạo trình độ ThS và đã học bổ sung kiến thức ngành của chương trình đại học trước khi dự thi theo quy định của nhà trường. c) Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục quản lí chất lượng (trước đây là Cục Khảo thí và KCĐCLGD)- Bộ GD&ĐT công nhận. <i>Về kinh nghiệm công tác chuyên môn:</i> a) Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng kí dự thi được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp. b) Những đối tượng còn lại phải có ít nhất 1.0 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng kí thi kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự thi. <i>Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ</i>
---	---

	luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận. <i>Có đủ sức khoẻ để học tập.</i> Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, nhà trường xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tuỳ tình trạng sức khoẻ và yêu cầu của ngành học. Ngoài ra, thí sinh phải nộp hồ sơ, lệ phí đăng kí dự tuyển và lệ phí dự thi đầy đủ, đúng hạn theo quy định.
Phương thức tuyển sinh	Xét tuyển
Chính sách ưu tiên, tuyển thẳng	1. Đối tượng ưu tiên a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; c) Con liệt sĩ; d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động; đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành; e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học. 2. Mức ưu tiên Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng 10 điểm (thang điểm 100) vào kết quả thi môn Tiếng Anh (nếu phải thi) và cộng 1 điểm (thang điểm 10) vào kết quả thi môn Cơ bản.
Hồ sơ đăng ký	Hồ sơ tuyển sinh do Trường Đại học Vinh quy định và nộp bằng hình thức online, bao gồm: - 01 phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu của Trường). - 01 bản lý lịch có cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận (theo mẫu của Trường). - 01 bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học.

	- 01 bản sao hợp lệ bảng điểm toàn khóa đại học. - 01 bản sao hợp lệ chứng chỉ hoặc bảng điểm các môn học bổ sung kiến thức (nếu có). - Văn bằng, chứng chỉ Tiếng Anh (nếu thuộc diện miễn thi Tiếng Anh). - Bản sao hợp lệ các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động dài hạn hoặc giấy xác nhận đủ thời gian kinh nghiệm làm việc chuyên môn để chứng nhận thâm niên công tác. - Công văn giới thiệu đi dự thi của thủ trưởng cơ quan quản lý đối với những người đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp (nếu thí sinh thuộc diện cơ quan cử đi dự thi). - 04 ảnh 3x4cm ghi rõ họ tên, ngày sinh, chuyên ngành dự thi. - Các giấy tờ ưu tiên (nếu có).
Thời gian nhận hồ sơ tuyển sinh	Thời gian nhận hồ sơ đến hết ngày
Lệ phí thi tuyển	Lệ phí đăng ký dự thi, lệ phí thi tuyển sinh theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Nguồn: Trường Đại học Vinh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được rà soát, đánh giá hàng năm. Nhà trường cũng thực hiện việc rà soát, đánh giá các đề thi/quy trình/phương pháp thi tuyển/phương pháp xét tuyển; thực hiện các quy định tại Thông tư 41/2011/TT-BGD&ĐT ngày 22/9/2011 về việc Quy định chế độ thống kê, thông tin, báo cáo về tổ chức, hoạt động giáo dục [H8.08.02.03]; tích cực thu thập ý kiến của các bên liên quan để lấy cơ sở xây dựng tiêu chí, phương pháp tuyển chọn NH phù hợp [H8.08.02.04]. Hàng năm, Nhà trường có báo cáo thống kê về công tác tuyển sinh, số lượng HV học. Trên cơ sở đó Trường đã phân tích và dự báo được xu hướng tuyển sinh của các chuyên ngành và có kế hoạch thực hiện tuyển sinh dựa vào nhu cầu thực tế, chủ động giảm chỉ tiêu tuyển sinh để nâng cao chất lượng [H8.08.02.05].

Bên cạnh đó, CSDL, thống kê kết quả tuyển sinh, quyết định phê duyệt điểm trúng tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển các chuyên ngành đào tạo thông báo điểm trúng tuyển, gửi giấy báo trúng tuyển và thời hạn xác nhận nhập học, quyết định công nhận HV cao học [H8.08.01.06] cũng thể hiện rõ.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương thức lựa chọn NH được nhà trường xác định rõ ràng, được rà soát đánh giá nhằm nâng cao chất lượng NH, phù hợp với đặc điểm của chuyên ngành đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động tuyển sinh của ngành KHCT đang tập trung chủ yếu ở địa bàn truyền thống; việc tiếp cận và mở rộng đối tượng, khu vực tuyển sinh hàng năm chưa nhiều; thông tin tiêu chí và phương thức tuyển chọn NH chưa phổ biến rộng rãi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Mở rộng đối tượng, khu vực tuyển sinh; tiếp cận sớm hơn với NH có nhu cầu; tăng cường quảng bá thông tin tiêu chí và phương thức tuyển sinh của ngành	Trung tâm CNTT, Phòng Đào tạo Sau đại học, Viện NN&TN	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường khảo sát các bên liên quan; cập nhật, đánh giá và hoàn thiện các tiêu chí và phương thức lựa chọn NH nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng với nhu cầu xã hội.	Phòng Đào tạo Sau đại học, Viện NN&TN	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH.

1. Mô tả hiện trạng

Quá trình đào tạo Thạc sĩ của Trường Đại học Vinh nói chung, của chuyên ngành KHCT nói riêng có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện. Nhà trường đã phân công một phó hiệu trưởng phụ trách công tác đào tạo sau đại học và quản lý khoa học [H8.08.03.01]; Hoạt động tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, nhà trường giao cho Phòng Đào tạo SDH phụ trách, có sự phối hợp tham gia của Trung tâm ĐBCL và các khoa đào tạo. Chức năng, nhiệm vụ của Phòng Đào tạo SDH và Trung tâm ĐBCL được quy định rõ ràng, cụ thể [H8.08.03.02]. Trường Khoa SDH đã phân công nhiệm vụ cho các chuyên viên phòng phụ trách nhóm công việc [H8.08.03.03]. Ngoài ra, Nhà trường còn có quyết định bổ nhiệm phụ trách chuyên ngành cao học cho từng chuyên ngành. Chuyên ngành KHCT của Viện NNTN do Viện trưởng phụ trách và Trưởng bộ môn KHCT kiêm chủ nhiệm chuyên ngành cao học [H8.08.03.04]. Đối với chuyên ngành KHCT ngoài phụ trách chuyên ngành còn có các chủ nhiệm lớp cao học, trợ lý quản lý sinh viên, HV, văn phòng viện. Chủ nhiệm chuyên ngành và Trợ lý quản lý sinh viên, HV của Viện được phân công giám sát sự tiến bộ

trong học tập và rèn luyện của NH, xử lý học vụ, cảnh báo kết quả học tập, có trách nhiệm hỗ trợ NH và báo cáo kịp thời với lãnh đạo Phòng ĐT SDH và Viện để giải quyết [H8.08.03.05].

Bên cạnh đó, Nhà trường, Viện luôn có kế hoạch và triển khai các hoạt động phù hợp nhằm giám sát kết quả học tập, khuyến khích tinh thần học tập của HV. Có quy trình giám sát sự tiến bộ trong học tập, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH. Để giám sát tiến trình học tập của NH trong hệ thống đào tạo theo CDR, Trường Đại học Vinh đã ban hành nhiều quy định, thực hiện nhiều biện pháp và các hoạt động phù hợp khác cụ thể là: trường sử dụng phần mềm quản lý CMC, phần mềm quản lý người học LMS, hệ thống đào tạo trực tuyến E-learning và phần mềm USmart để theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện, thành lập hội đồng và các quyết định về công tác quản lý NH (công tác hỗ trợ, tư vấn, giám sát NH), quy định xét cảnh báo học tập và buộc thôi học. Hằng năm Viện NNTN đã thực hiện rà soát để xét cảnh báo với HV học bị chậm tiến độ và đề nghị xóa tên đối với các HV không tham gia học tập hoặc vì các lý do đặc biệt không nhập học [H8.08.03.06]. Bên cạnh đó, sau mỗi kì học, Phòng Đào tạo SDH sẽ thống kê và báo cáo kết quả học tập của HV thuộc diện cảnh báo khẩn cấp và cảnh báo kết quả học tập cho phụ trách chuyên ngành và HV. Bộ phận cán bộ chuyên trách tư vấn, giám sát hỗ trợ của Viện NNTN đã tiếp cận và hỗ trợ HV để hoàn thành tiến độ học tập theo đúng kế hoạch [H8.08.03.07].

Kế hoạch đào tạo Thạc sỹ ngành KHCT được tổ chức thành 04 kì học, trong đó 03 học kì đầu là học các học phần trình độ ThS, học kì 4 là thời gian thực hiện luận văn của HV, mỗi học kì kéo dài 4 - 6 tháng, thời gian học tập toàn khóa từ khoảng 24 tháng. Khung thời gian và kế hoạch đào tạo được phổ biến công khai đến từng HV, đảm bảo cho HV có học lực bình thường theo đuổi và hoàn tất chương trình học. Ngay khi nhập học, HV được phổ biến các nội dung như nội quy của Nhà trường và CTĐT. Đối với chuyên ngành KHCT, NH đều sẽ phải hoàn thành 60 tín chỉ: 6 tín chỉ khối kiến thức chung, 24 tín chỉ khối kiến thức cơ sở và 15 tín chỉ khối kiến thức chuyên ngành, 15 tín chỉ luận văn tốt nghiệp [H8.08.03.08]. Vào giữa học kì 2 hoặc sang học kì 3, Phòng Đào tạo Sau đại học phối hợp với Viện tổ chức phân công người hướng dẫn và xác định đề tài luận văn, tổ chức duyệt đề cương nghiên cứu. HV thực hiện đúng các quy định về viết luận văn, bảo vệ luận văn.

Các yêu cầu về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH được quy định trong *Quy định đào tạo trình độ ThS* của trường, trong *Tài liệu hướng dẫn HV cao học*. Ngoài ra, trong đề cương các học phần được sử dụng đào tạo HV trong các năm học, các loại hình, cách thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH thường được nêu rõ. Cụ thể, điểm kiểm tra học phần/thường kì có trọng số 0,4, điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6. Mỗi học kì Trường tổ chức một kì thi chính và một kì thi phụ vào thời gian thích hợp. Kì thi phụ dành cho các HV không tham dự được kì thi chính có lí do chính đáng, có đơn xin hoãn thi [H8.08.03.09]. Trường hợp không tổ chức được kì thi phụ, HV sẽ phải dự thi kết thúc học phần cùng với khóa tiếp theo. Hình thức thi kết thúc học phần

có thể là tự luận, trắc nghiệm hoặc tiểu luận được thể hiện rõ trong đề cương, bài giảng của GV. Mục đích, phương pháp kiểm tra, đánh giá, thời gian làm bài, cũng được nêu rõ. Về thời gian làm bài, tùy theo số tín chỉ của học phần và phương pháp kiểm tra đánh giá cũng được ghi cụ thể. Vào đầu mỗi kì học, khi lên lớp, GV sẽ đưa đề cương học phần, đề cương bài giảng lên hệ thống E-Learning để HV nắm được khối lượng kiến thức, số lượng các bài kiểm tra, hình thức kiểm tra và thi kết thúc học phần. Quy định về điểm thường xuyên, điểm chuyên cần, điểm thi kết thúc học phần đạt yêu cầu cũng được ghi rõ trong các tài liệu hướng dẫn HV. Với hệ thống thông tin rõ ràng, cụ thể kể trên, NH có thể chủ động lập kế hoạch học tập để đảm bảo sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện [H8.08.03.10]. Ngoài ra, đối với học phần ngoại ngữ, căn cứ vào khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, mỗi năm Trường Đại học Vinh tổ chức nhiều lần đánh giá học phần ngoại ngữ chung cho HV ThS trong toàn trường. Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ được sử dụng làm điều kiện để HV bảo vệ luận văn.

HV làm luận văn trong kì 4 (đợt 1) hoặc cuối kì 4 (đợt 2). Các nội dung hướng dẫn về việc chọn đề tài luận văn, yêu cầu với luận văn, điều kiện bảo vệ luận văn, người hướng dẫn và Hội đồng đánh giá luận văn, trường hợp thẩm định luận văn đều được thông báo trước cho HV từ khi bắt đầu tiến trình học tập [H8.08.03.11].

Kết thúc mỗi năm học, phòng Đào tạo Sau đại học và Trung tâm CNTT thuộc Viện NC&ĐTTTT sẽ cung cấp cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện. Sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của NH được giám sát bởi các bên liên quan. Kết quả học tập của NH được Phòng đào tạo Sau đại học quản lý giám sát bằng hồ sơ điểm học tập. Đồng thời, trong từng môn học, HV còn được người dạy giám sát chất lượng học tập qua nhiều đầu điểm như điểm tiểu luận, điểm bài tập nhóm, điểm kiểm tra định kì, điểm thi. Phụ trách chuyên ngành, chủ nhiệm lớp, bộ phận giám sát hỗ trợ học tập cấp Viện phối hợp cùng các GV giảng dạy theo dõi, giám sát tiến độ học tập của NH, đôn đốc, nhắc nhở NH hoàn thành tiến độ kế hoạch học tập, cũng như nắm bắt thông tin về NH để có biện pháp đáp ứng kịp thời [H8.08.03.12].

2. Điểm mạnh

Trường và Viện xác định rõ các yêu cầu về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH và triển khai nhiều hình thức giám sát phù hợp với sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH.

3. Điểm tồn tại

Chưa có tiêu chí cụ thể giám sát thường xuyên sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú

1	Khắc phục tồn tại	- Xây dựng các tiêu chí cụ thể giám sát rèn luyện của NH hàng tuần, hàng tháng	Phòng Đào tạo Sau đại học, Viện NN&TN	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Giúp đội ngũ cố vấn học tập nâng cao năng lực tư vấn, có thêm cơ sở dữ liệu để giám sát sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện hiệu quả hơn	Viện NN&TN	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH

Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Vinh, Viện NN và TN có bộ phận cũng như cán bộ chuyên trách chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm cải thiện việc học tập và tư vấn việc làm cho HV cao học. Cụ thể: ở đơn vị cấp trường là Phòng ĐT SDH, Trung tâm DV, HTSV&QHĐN, Phòng CTCT - HSSV chịu trách nhiệm hỗ trợ, tư vấn việc làm cho HV, về phía Viện NN và TN có Ban lãnh đạo viện, chủ nhiệm chuyên ngành, chủ nhiệm lớp, các GV trực tiếp giảng dạy chuyên ngành chịu trách nhiệm hỗ trợ HV trong việc cải thiện học tập [H8.08.04.01].

Hàng năm, Nhà trường và Viện NN và TN có kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của HV. Thông qua kế hoạch đào tạo của Nhà trường cho các khóa cao học, các buổi học theo thời khóa biểu, các nhóm zalo, facebook, email, chủ nhiệm chuyên ngành, GV chủ nhiệm lớp, cán bộ được phân công tư vấn hỗ trợ học tập và đội ngũ GV giảng dạy các học phần thường xuyên tư vấn cho HV về phương pháp học, lựa chọn hướng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, rèn luyện, kỹ năng mềm... cho HV [H8.08.04.02]. Đối với các khóa mới nhập học, trường cử đại diện cán bộ Phòng Đào tạo SDH, phụ trách chuyên ngành, GV giảng dạy tham gia buổi “Gặp mặt đầu khóa” nhằm giới thiệu, trang bị cho HV góc nhìn tổng quan về chuyên ngành học, CTĐT cũng như quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT và các quy định của Nhà trường; phổ biến các quy định về văn hóa ứng xử, trách nhiệm xây dựng môi trường văn hóa học đường, các hoạt động xã hội khác... [H8.08.04.03]. Bên cạnh đó, trường có đội ngũ GV, các nhà khoa học có học hàm, học vị với chuyên môn vững vàng, sẵn sàng tham gia hướng dẫn

HV chuyên ngành KHCT thực hiện tốt hoạt động nghiên cứu như hướng dẫn HV làm luận văn tốt nghiệp và cao hơn là tham gia viết bài báo khoa học, đề tài nghiên cứu cấp trường... [H8.08.04.04]. Trường hợp HV có bài báo đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành sẽ được cộng điểm bài báo trong kết quả bảo vệ luận văn [H8.08.04.05], đối với đề tài cấp Trường nếu HV có tham gia sẽ được cấp kinh phí theo quy định. Ngoài ra, HV cao học của Nhà trường sau khi học xong 1 năm học nếu đạt các kết quả theo yêu cầu của Nhà trường sẽ được nhận học bổng với mức tối đa 3 triệu đồng/năm [H8.08.04.06]. Bên cạnh đó, trường và Viện có tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hội thảo cho HV cao học, nhằm tạo điều kiện giao lưu giữa HV các khóa, các ngành đào tạo và giữa HV với GV, viên chức Trường và các chuyên gia có trình độ cao [H8.08.04.07].

Trường luôn đảm bảo cho HV được tiếp cận đầy đủ nguồn giáo trình, tài liệu học tập liên quan đến CTĐT đang học thông qua hệ thống sách, báo, tạp chí... phong phú tại thư viện trường cũng như nguồn tài liệu trực tuyến. Đối với hoạt động hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho HV, nhà trường bố trí Trạm Y tế trong khuôn viên trường, có bác sỹ và cán bộ y tế trực thường xuyên, sơ cấp cứu và xử lý ban đầu các trường hợp HV gặp vấn đề về sức khỏe [H8.08.04.08].

Đối với hoạt động hỗ trợ việc làm cho HV cao học, Nhà trường và Viện NNTN đều có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho HV. Tuy nhiên, hầu hết HV của chuyên ngành KHCT đều đang đi làm tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, do đó vấn đề tìm kiếm việc làm không phải là ưu tiên đối với HV, vấn đề quan trọng là năng lực của HV sau khóa học. Vì vậy, định kỳ Nhà trường có tổ chức lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động để đánh giá năng lực của HV sau khóa học [H8.08.04.09]. Đối với những HV chưa có việc làm, Viện và cán bộ giảng dạy quan tâm, tích cực tìm kiếm thông tin và giới thiệu những vị trí việc làm phù hợp với năng lực của HV. Trung tâm DV, HTSV&QHĐN thường xuyên hỗ trợ các thông tin về việc làm nếu HV có nhu cầu, liên hệ trao đổi, hợp tác với doanh nghiệp, các tổ chức, các lớp tập huấn kiến thức khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo trong trường [H8.08.04.09].

Hàng năm, Trường có tổ chức thu thập ý kiến đánh giá của HV đang học các học phần, HV sắp tốt nghiệp, HV đã tốt nghiệp về hoạt động của Nhà trường tại cơ sở 2, về chất lượng và hiệu quả đối với các hoạt động hỗ trợ, tư vấn NH. Qua đợt khảo sát gần nhất, hầu hết các kết quả phản hồi đạt từ mức hài lòng trở lên. Các HV sau khi tốt nghiệp trình độ ThS thì cơ hội làm việc tốt hơn rất nhiều (84%) so với khi tốt nghiệp đại học và đặc biệt các ThS có cơ hội thăng tiến vị trí việc làm chiếm 64% [H8.08.04.10].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác của Nhà trường cũng như Viện NN và TN được tổ chức một cách đa dạng, hiệu quả giúp cải thiện kết quả học tập, đạt CDR của CTĐT.

Trường và Viện NNTN có sự kết nối tốt với các doanh nghiệp, giúp hỗ trợ hiệu quả việc học tập, tham quan, giao lưu, học hỏi kinh nghiệm thực tế.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động trao đổi học thuật seminar, hội thảo khoa học còn ít. Chưa có nhiều các hoạt động thể thao phong trào cho HV cao học để tạo điều kiện giao lưu, học tập.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Phát huy vai trò của bộ phận tư vấn hỗ trợ HV. Nâng cao hiệu quả hoạt động ngoại khóa và dịch vụ hỗ trợ NH.	Trường Đại học Vinh, Viện NN và TN	Hàng năm
2	Khắc phục tồn tại	Tăng cường tổ chức hội thảo, seminar và các hoạt động thể thao phong trào cho HV cao học để tạo điều kiện giao lưu, học tập cho HV.	Trường Đại học Vinh, Viện NN và TN	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Vinh có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu của HV. Trường Đại học Vinh đã xây dựng giá trị cốt lõi: *Trung thực - Trách nhiệm - Say mê - Sáng tạo - Hợp tác*, với triết lý giáo dục: *Hợp tác - Sáng tạo*. Với giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục như vậy, cán bộ GV trường đại học Vinh là những con người tâm huyết với nghề nghiệp; luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao với NH, với Nhà trường; đam mê sáng tạo trong công tác. Sinh viên, HV Trường Đại học Vinh được đào tạo trong môi trường giáo dục chuyên nghiệp, luôn thể hiện sự văn minh, say mê sáng tạo trong học tập và rèn luyện. Cán bộ GV và NH đều hướng tới giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường, tạo nên một môi trường tâm lý, xã hội thân thiện, hợp tác giữa cán bộ GV và NH; tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu [H8.08.05.01]. Về quy hoạch hệ thống tòa nhà phục vụ công tác, tổng diện tích đất của Nhà trường là 44,12 ha với tổng diện tích sàn xây dựng 140212 m², trong đó cơ sở 1 tại số 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh có diện tích 14 ha với đầy đủ các tòa nhà cho GV và NH: Khu hiệu bộ, giảng đường, khu làm việc của các Viện, Thư viện, Phòng thí nghiệm, không gian học tập phục vụ cho nhu cầu tự học, Nhà tập luyện và thi đấu thể thao, sân vận động, ký túc xá. Tất cả được quy hoạch, bố trí khoa học, hiện đại, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH. Nhà trường có 6 giảng đường lớn tại các cơ sở chính (Khu nhà A, B, D) bao gồm 221 phòng học với tổng diện tích sử dụng là 51054 m², bố trí

được khoảng 8460 chỗ ngồi trong 1 ca với diện tích bình quân 5,9 m²/chỗ ngồi [H8.08.05.02]. Hầu hết phòng học của HV được trang bị máy điều hòa, quạt, hệ thống chiếu sáng đạt chất lượng cao, có trên 80% các phòng học có các thiết bị hỗ trợ giảng dạy như: projector, loa và 1 số thiết bị khác [H8.08.05.03]. Ký túc xá sinh viên có 775 phòng ở, đáp ứng nhu cầu phục vụ cho hơn 4.200 học sinh, sinh viên, HV; trong đó: Ký túc xá Cơ sở I có 315 phòng ở; Khu nhà ở Hưng Bình có 136 phòng ở; Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Vinh có 84 phòng ở và Làng Sinh viên Cơ sở II có 240 phòng ở, bình quân diện tích 8,3 m² sử dụng/1 HV theo định mức 4-6-8 người/1 phòng. Cơ sở vật chất tại Ký túc xá được đầu tư khang trang, sạch đẹp, các phòng đều có máy nước nóng lạnh, điều hòa nhiệt độ... an ninh trật tự được đảm bảo. Ngoài ra, Nhà trường có 6 sân bóng chuyên, 6 sân bóng đá mini, 1 sân bóng đá lớn và nhiều sân thể thao phục vụ cho cán bộ, SV, HV với tổng diện tích 29.589 m², 1 nhà thi đấu đa năng với 1.000 chỗ ngồi cơ bản đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí cho cán bộ và NH [H8.08.05.04]. Từ năm 2016, Nhà trường tiếp tục hoàn thiện việc đầu tư xây dựng cơ bản theo quy hoạch tổng thể của Trường để hình thành hệ thống giảng đường, nhà làm việc, kí túc xá, các công trình phụ trợ đồng bộ, đáp ứng quy mô đào tạo và NCKH, đặc biệt là đào tạo tiếp cận năng lực CDIO. Tất cả đều tạo nên môi trường làm việc thân thiện, thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nhà trường có cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn Trường. Với hệ thống thoát nước tốt, trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên trường và thường xuyên phát động phong trào bảo vệ cây xanh, bảo vệ môi trường, đến nay, cảnh quan môi trường của trường Đại học Vinh có sự thay đổi vượt bậc, đạt yêu cầu xanh, sạch, đẹp và phù hợp cho các hoạt động học tập, sinh hoạt, vui chơi của NH [H8.08.05.05]. Nhà trường ban hành các quy định về môi trường, sức khỏe, an toàn ở Trường Đại học Vinh [H8.08.05.05], các kế hoạch tổ chức Hội nghị - tập huấn công tác đảm bảo an ninh, trật tự trường học và công tác HS, SV, HV [H8.08.05.06]; ban hành bộ quy tắc ứng xử văn hóa của học sinh, sinh viên, HV trường Đại học Vinh [H8.08.05.07]. Ngoài ra, Nhà trường cũng thực hiện tốt các công tác giáo dục pháp luật về an toàn giao thông [H8.08.05.08], công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn học đường và an toàn vệ sinh thực phẩm [H8.08.05.09]. Trạm Y tế của Trường với đầy đủ cơ sở vật chất có thể thực hiện tốt công tác kiểm tra sức khỏe và chữa bệnh thông thường cho cán bộ GV, SV, HV. Công tác vệ sinh môi trường được thực hiện bởi công ty môi trường ký hợp đồng với Nhà trường, thực hiện dưới sự kiểm tra và giám sát của phòng Quản trị - Đầu tư. Ngoài ra, Nhà trường còn điều động SV của các Khoa/Viện tham gia dọn vệ sinh trong khuôn viên Trường, với mục đích vừa làm sạch môi trường, vừa giáo dục ý thức vệ sinh môi trường và rèn luyện ý thức lao động. Đảm bảo an ninh chính trị trong Nhà trường là đội bảo vệ, do Nhà trường ký hợp đồng với công ty vệ sĩ [H8.08.05.10].

Để có những phản biện, góp ý tốt, Nhà trường đã tổ chức khảo sát, lấy ý kiến NH và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường, theo phiếu khảo sát chung của Nhà trường, từ đó đưa ra các giải pháp cụ thể để ngày càng hoàn thiện

môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường. Đối với HV chuyên ngành KHCT được khảo sát có kết quả như sau:

+ Tất cả các HV tham gia khảo sát đều đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý với ý kiến cho rằng giảng đường, phòng học, khu tự học của nhà trường đầy đủ, rộng rãi, thoáng mát, thuận lợi cho việc học tập. Trong đó, trung bình trên 85% HV hoàn toàn đồng ý với ý kiến cho rằng giảng đường, phòng học, khu tự học của nhà trường đầy đủ, rộng rãi, thoáng mát, thuận lợi cho việc học tập (Mức độ đáp ứng từ 80% trở lên), mức độ đồng ý chiếm khoảng 12.5% và không có HV nào không đồng ý, đồng ý một phần hay hoàn toàn không đồng ý [[H8.08.05.11](#)].

+ Tất cả các HV tham gia khảo sát đồng ý rằng trang thiết bị trong phòng học, phòng thực hành/thí nghiệm có đầy đủ, hoạt động tốt và hiệu quả. Trong đó, mức độ đồng ý hoàn toàn chiếm 87.5% và mức độ đồng ý chiếm 12.5%, không có HV nào không đồng ý, đồng ý một phần hay hoàn toàn không đồng ý [[H8.08.05.11](#)]

+ Đối với môi trường sinh hoạt và xung quanh khuôn viên trường được các HV đánh giá là an toàn, thân thiện, sạch sẽ và văn minh với tỷ lệ là trên 85% hoàn toàn đồng ý, và trên 10% đồng ý và không có HV nào không đồng ý, đồng ý một phần hay hoàn toàn không đồng ý [[H8.08.05.11](#)]

+ Đối với hoạt động liên quan đến việc giải đáp thắc mắc của HV, tất cả các HV tham gia khảo sát đều hoàn toàn đồng ý (tỷ lệ 87.5%) và đồng ý (tỷ lệ 12.5%) với ý kiến cho rằng các hoạt động này hiệu quả thân thiện [[H8.08.05.11](#)]

+ Thái độ phục vụ của các cán bộ quản lý và nhân viên đơn vị chắc chắn được đánh giá là nhiệt tình và thân thiện với tỷ lệ hoàn toàn đồng ý và đồng ý lần lượt là 87.5% và 12.5%.

2. Điểm mạnh

Trường và Viện NN&TN có môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi đảm bảo phục vụ các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Một vài phòng học có bàn, ghế và tường nhà còn có vết vẽ bẩn, do ý thức của NH còn chưa tốt.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện đề án quy hoạch tổng thể trường ĐH Vinh	Phòng Quản trị-Đầu tư	Tiếp tục từ năm 2020
2	Khắc phục	+ Tuyên truyền, nâng cao ý thức của NH trong việc giữ gìn cơ sở vật chất,	Đoàn thanh niên	Hàng năm

	tồn tại	cảnh quan, môi trường trong Nhà trường; + Thực hiện có hiệu quả các hình thức kỷ luật đối với NH viết, vẽ bẩn lên bàn ghế phòng học, cố ý hủy hoại tài sản của Nhà trường.		
--	---------	---	--	--

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí:

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Nhà trường và Viện NN&TN đã có chính sách tuyển sinh rõ ràng, được công khai và cập nhật hằng năm, đảm bảo tuyển được số lượng HV có kết quả và năng lực tốt, thu hút được HV tham gia thi tuyển vào ngành KHCT. Các hoạt động tư vấn học tập được Viện NN&TN và Phòng đào tạo SDH triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của HV. Hệ thống giám sát về sự tiến bộ trong học tập, về kết quả học tập và khối lượng học tập của HV tương đối hiệu quả. Môi trường học tập và nghiên cứu xanh, sạch đẹp, an toàn, không bạo lực, không tệ nạn xã hội tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho HV. Tuy nhiên, nhà trường chưa tận dụng được kênh thông tin từ đội ngũ cựu NH và nhà tuyển dụng trong việc quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh của trường cũng như của ngành KHCT, Viện NN&TN chưa tận dụng triệt để và hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu để giám sát tốt hơn quá trình học tập, rèn luyện cũng như tiến trình tiến bộ của NH.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trường Đại học Vinh, Viện NN&TN luôn đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để cán bộ và sinh viên, HV ngành KHCT (KHCT) đảm bảo các hoạt động đào tạo và NCKH nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Điều này được thể hiện thông qua hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp, thư viện và các nguồn học liệu đầy đủ và được cập nhật thường xuyên, có phòng thí nghiệm thực hành, trại thực hành với trang thiết bị hiện đại, hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật. Bên cạnh đó, nhà trường và Viện NN&TN luôn đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn cho sinh viên, HV ngành KHCT.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo

1. Mô tả hiện trạng

Trường có diện tích sử dụng đất đáp ứng quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-1985 với diện tích đất tại 05 cơ sở trên địa bàn 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh được giao sử dụng với đầy đủ các giấy tờ hợp pháp theo luật định với diện tích trên 44,61 ha trong tổng thể quy hoạch 118 ha. Nhà trường đã có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của Trường. Các quy hoạch đã được phê duyệt bởi các cấp thẩm quyền là Bộ GD&ĐT, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An [H9.09.01.01]. Hiện nay, Nhà trường đang thực hiện chiến lược về phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2045, trong đó có Chiến lược về phát triển cơ sở vật chất hiện đại với mục tiêu xây dựng cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị đảm bảo đồng bộ, hiện đại, từng bước xây dựng khuôn viên thông minh, phù hợp với quy mô và các hình thức đào tạo, NCKH và mô hình quản trị Nhà trường số (giai đoạn 2022-2025) và tập trung đầu tư vào hệ thống CNTT phục vụ giảng dạy và quản trị đại học theo hướng Đại học thông minh; tăng cường đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất cần thiết (cơ sở hạ tầng, văn phòng làm việc, trang thiết bị...) để trở thành Trung tâm hệ sinh thái ĐMST khu vực Bắc trung bộ và cả nước (giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn 2045). Trên cơ sở Chiến lược phát triển được đề ra, Nhà trường tiếp tục rà soát, điều chỉnh các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn để phù hợp hơn với tình hình thực tiễn và tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường [H9.09.01.02].

Trong những năm qua, với sự quan tâm đầu tư của Chính phủ, Bộ GD&ĐT và sự giúp đỡ của tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh. Nhà trường đã có CSVC hiện đại, cơ bản đáp ứng được yêu cầu của Nhà trường trong thời kỳ hội nhập, được đánh giá là CSGD đại học có CSVC vào tốp đầu của cả nước. Cùng với sự mở rộng qui mô đào tạo, Nhà trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn đáp ứng được nhu cầu của công tác đào tạo và NCKH của cán bộ, GV và NH. Nhà trường có phòng làm việc cho các đơn vị, với diện tích 15.864 m², đạt xấp xỉ 15m²/1 cán bộ, GV, nhân viên; có hệ thống phòng sinh hoạt bộ môn, phòng làm việc cho GV cao cấp, phó giáo sư, giáo sư. Năm 2015, với việc đưa

vào sử dụng tòa nhà điều hành 8 tầng, Nhà trường đã có khu điều hành hành chính tập trung; phòng làm việc cho các giáo sư, phó giáo sư, GV cao cấp; phòng Seminar và sinh hoạt của bộ môn. Trường có: 10 hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ; 36 phòng học từ 100 đến 200 chỗ; 85 phòng học từ 50 đến 100 chỗ; 155 phòng học dưới 50 chỗ; 16 phòng học đa phương tiện; 78 phòng làm việc của các đơn vị chức năng; 14 phòng làm việc của GS, PGS, GV cơ hữu; 2 thư viện, trung tâm học liệu; 3 trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập. Trường đã đảm bảo tỉ lệ diện tích/NH theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT (phải đảm bảo quy định tối thiểu 2,8m²/HV).

Bảng 9.1. Thống kê số lượng phòng TN-TH, phòng học toàn Trường

Cơ sở đào tạo	DT sàn xây dựng (m ²)	Số phòng làm việc	Số phòng họp	Số Hội trường lớn	Số phòng học	Số phòng, cơ sở, Thí nghiệm, Thực hành
Số phòng		211	10	10	282	154
Diện tích sàn xây dựng (m ²)	191.778	11.054	413	3.026	51.054	43,860

Toàn bộ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT. Các phòng làm việc, phòng họp, phòng THTN...được trang bị đầy đủ điện, quạt, điều hòa không khí, bàn, ghế, tủ làm việc, máy tính nối mạng ... Trong các phòng học, hội trường đều được trang bị đầy đủ máy chiếu, lắp đặt hệ thống âm thanh, đầy đủ hệ thống quạt, hệ thống điều hoà, hệ thống chiếu sáng, hệ thống camera, góp phần đáp ứng tốt cho công tác đào tạo của Trường. Phần lớn các thiết bị trong Nhà trường được quản lý theo phương thức dùng chung cơ sở vật chất giữa các đơn vị và được thống nhất quản lý bởi phòng Quản trị và Đầu tư và được kiểm kê hàng năm. Nhờ đó, tăng tần suất và hiệu quả sử dụng thiết bị, linh hoạt trong quản lý cơ sở vật chất của Nhà trường [[H9.09.01.03](#)].

Riêng đối với Viện NN&TN có hệ thống phòng làm việc với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hiện nay, Viện đang sử dụng tầng 2 và 3 tòa nhà B – Cơ sở 2 của trường với 3 phòng làm việc, bao gồm 02 phòng dành cho Ban lãnh đạo Viện, 01 văn phòng Viện. Phòng sinh hoạt chuyên môn của bộ môn KHCT hiện tại đang sử dụng phòng học của Nhà trường. Các phòng làm việc đều được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc như: Hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, máy tính, máy in, điện thoại, fax, bàn ghế v.v.. [[H9.09.01.03](#)].

Về phòng học, ngành KHCT đảm nhận việc giảng dạy các học phần cho HV

chuyên ngành, với số lượng sinh viên, HV từ 15-40 HV/ lớp, được bố trí tại các phòng học nhà A và C (cơ sở 2) và nhà A của cơ sở 1, được sử dụng linh hoạt theo mục đích của giảng dạy theo từng học phần. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Nhà trường được đầu tư các trang thiết bị hiện đại phù hợp với việc nghiên cứu và phát triển CTĐT [H9.09.01.03].

Trang thiết bị và các phương tiện học tập được trang bị có chất lượng, sử dụng có hiệu quả, cơ bản đáp ứng được các yêu cầu dạy học và NCKH cho GV và HV cao học ngành KHCT. Các thiết bị hỗ trợ trang bị ở các phòng học đã góp phần nâng cao hiệu quả của dạy - học, góp phần đổi mới PPDH bằng các bài giảng điện tử, đáp ứng yêu cầu đào tạo. Ngoài ra, HV ngành KHCT còn sử dụng hệ thống phòng học có trang thiết bị hiện đại với hệ thống bảng tương tác và thư viện số kết nối [H9.09.01.04].

Nhà trường rất chú trọng đến việc bố trí không gian học tập chung, phòng học, phòng họp trực tuyến. Năm 2020, Nhà trường đã thành lập Trung tâm sản xuất học liệu với thiết bị hiện đại để hỗ trợ trong công tác dạy và học trực tuyến. Giai đoạn 2 của tái cấu trúc, Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến được thành lập năm 2021 nhằm quản lý vận hành hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường, hỗ trợ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng các bậc học theo hình thức trực tuyến [H9.09.01.04].

Công tác đầu tư nâng cấp CSVC trong thời gian qua đã đầu tư được 01 công trình Trung tâm khảo thí cao 7 tầng để phục vụ công tác khảo thí, đánh giá kết quả đào tạo; dự án "Nâng cấp, sửa chữa và đầu tư CSVC, thiết bị hạ tầng CNTT" của Trường Đại học Vinh để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý CSGD phổ thông; Cải tạo sửa chữa công trình nhà học B - Viện NN&TN; công trình xây dựng và cung cấp thiết bị hệ thống xử lý nước thải tại Cơ sở 2... tính đến nay, tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng tại các cơ sở của Nhà trường là: 229.150 m², tỷ lệ 5,99 m²/sinh viên. Cơ sở hạ tầng CNTT, phòng thí nghiệm, thực hành đã được đầu tư hệ thống trang thiết bị hiện đại, đồng bộ phục vụ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Nhà trường đã ban hành các quy định về quản lý tài sản, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đề cập đến cách thức quản lý, kinh phí đầu tư, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng và các trang thiết bị phục vụ cho CTĐT các ngành học, trong đó có ngành KHCT [H9.09.01.05]. Công tác kiểm kê tài sản được diễn ra hàng năm sẽ làm căn cứ để Nhà trường xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung tài sản phục vụ cho công tác đào tạo và phát triển các CTĐT [H9.09.01.06]. Kinh phí dành cho đầu tư, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất và trang thiết bị được lập dự toán đầu tư, mua sắm và rà soát hàng năm nhằm nâng cao chất lượng cơ sở vật chất và trang thiết bị đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Nhà trường thực hiện công tác duy tu và bảo trì bảo dưỡng thường xuyên cơ sở vật chất nhằm đảm bảo phục vụ công tác đào tạo được diễn ra thuận lợi [H9.09.01.07].

Nhà trường đã triển khai thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ NH về hệ thống phòng học, giảng đường lớn, thư viện và hệ thống trang thiết bị phục vụ CTĐT ngành

KHCT. Hệ thống phòng học, giảng đường lớn và hệ thống trang thiết bị thư viện phục vụ CTĐT ngành KHCT của nhà trường cơ bản đáp ứng yêu cầu của NH. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ NH qua các năm về cơ bản đáp ứng tốt yêu cầu [H9.09.01.08].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có đủ diện tích lớp học, đủ số phòng học hiện đại, giảng đường lớn, các phòng chức năng phù hợp, phục vụ cho việc giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH ngành KHCT.

- Nhà trường đáp ứng trang thiết bị hiện đại theo yêu cầu của ngành KHCT phục vụ NCKH và thực hiện các đề tài, dự án, đáp ứng kịp thời việc sửa chữa, thay thế các trang thiết bị khi có yêu cầu.

3. Điểm tồn tại

- Ngành KHCT chưa có phòng sinh hoạt chuyên môn riêng để phục vụ công tác seminar, sinh hoạt học thuật. Hiện nay, ngành cơ bản sử dụng văn phòng Viện và phòng học nên đôi khi việc bố trí kế hoạch sinh hoạt chuyên môn còn chưa tiện lợi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Nhà trường cần quy hoạch và bổ sung thêm các phòng sinh hoạt chuyên môn, phòng tập giảng cho GV, SV, HV ngành KHCT nói riêng và các bộ môn/ngành trong trường Đại học Vinh nói chung	Phòng QT &ĐT Phòng KHTC	Hàng năm	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị, phòng học, giảng đường, phòng chức năng.	Phòng QT &ĐT Phòng KHTC	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo

1. Mô tả hiện trạng

Thư viện của phân hiệu Trường Đại học Sư phạm Vinh được thành lập năm 1959. Trong giai đoạn từ năm 1959 đến 1997, vốn tài liệu, trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị còn hạn chế, phương thức hoạt động chủ yếu theo mô hình của thư viện truyền thống.

Năm 2001 cùng với sự kiện đổi tên trường, để đáp ứng yêu cầu xây dựng Trường

Đại học Vinh đa ngành, ngày 04 tháng 9 năm 2001, Bộ GD&ĐT đã ban hành Quyết định số: 4947/QĐ-BGDĐT-TCCB thành lập Trung tâm Thông tin Tư liệu và Thư viện trên cơ sở đơn vị Thư viện và Xưởng in của trường. Năm 2009, Trường Đại học Vinh đã có Quyết định số 2327/TCCB ngày 08/10/2009 đổi tên Trung tâm Thông tin Tư liệu và Thư viện Trường Đại học Vinh thành Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào [H9.09.02.01].

Thư viện cơ sở 1 là tòa nhà 7 tầng có 3 cầu thang máy với diện tích sàn gần 9000 m², sức chứa khoảng 1.800 bạn đọc. Toàn Thư viện có 8 phòng đọc, 6 phòng máy tính, 01 hội trường và 1 sảnh dùng chung tại tầng 1. Thư viện tại cơ sở 2 với diện tích sàn 677 m², sức chứa khoảng 100 bạn đọc. Thư viện có 1 phòng đọc và 24 bộ máy tính phục vụ nhu cầu học tập. Các phòng/khu trong thư viện được trang bị đầy đủ điện, ánh sáng, quạt, băng, bàn, ghế.... đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người đọc [H9.09.02.01].

Thư viện, phòng đọc có nội quy/quy định/hướng dẫn, được trang bị các trang thiết bị để hoạt động. Về cơ sở vật chất, thiết bị và hạ tầng thông tin, Thư viện và phòng đọc được trang bị đồng bộ (*chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính, thiết bị in ấn, phần mềm tra cứu, nội quy Thư viện và hướng dẫn tra cứu sử dụng*.) phù hợp và hệ thống các phòng đọc được kết nối liên hoàn và phủ sóng Wifi, đáp ứng nhu cầu của một thư viện hiện đại. Để phục vụ người sử dụng một cách có hiệu quả, thư viện đã xây dựng các quy định về mượn trả tài liệu, quy định về xử phạt, quy định về việc sử dụng và thời gian mở cửa. Công tác tổ chức phục vụ bạn đọc được thực hiện từ thứ 2 đến chủ nhật trong tuần từ 7h30 đến 21h30 nhằm phục vụ tốt các CTĐT, đáp ứng nhu cầu về học liệu, nguồn thông tin khoa học của cán bộ, GV và NH [H9.09.02.02]. Ngoài ra, vào đầu năm học hàng năm, Thư viện đều tổ chức hướng dẫn sử dụng khai thác thông tin và sử dụng thư viện cho HV cao học, SV chính quy vừa nhập học. Đây là hoạt động có ý nghĩa thiết thực cho học sinh, sinh viên và HV của Nhà trường trong việc khai thác thông tin và sử dụng thư viện có hiệu quả [H9.09.02.03].

Thư viện trường Đại học Vinh được xây dựng và phát triển theo xu hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tự động hóa trên quan điểm phục vụ hướng tới người sử dụng, tạo điều kiện cho sinh viên khai thác thông tin thuận lợi, nhanh chóng, chính xác. Thư viện được đầu tư các hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, với đầy đủ trang thiết bị và các phương tiện kỹ thuật như hệ thống mượn - trả tài liệu tự động 24/7; phần mềm quản lý thư viện Kipos tiên tiến, máy scan - số hóa, đầu kỹ thuật số, điều hòa, hệ thống máy chiếu, máy photocopy, máy vi tính, màn hình ti vi đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, GV và NH ngành KHCT nói riêng và trường Đại học Vinh nói chung [H9.09.02.04].

Cùng với các đơn vị khác trong toàn trường, hằng năm tại trung tâm Thư viện tổ chức kiểm kê tài sản và cơ sở vật chất. Đây là hoạt động thường xuyên nhằm đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản của Nhà trường [H9.09.02.04]. Căn cứ vào hoạt động kiểm kê, Nhà trường thực hiện đầu tư nâng cấp và bảo dưỡng thường xuyên hệ thống cơ sở vật chất của các đơn vị [H9.09.02.05].

Thư viện trường cung cấp tương đối đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, GV và HV cao học ngành KHCT nói riêng, Viện NN&TN và Nhà trường nói chung. Tính đến tháng 06/2023, về tài liệu truyền thống, thư viện có trên 15.000 tên tài liệu với hơn 160.000 cuốn phục vụ cho các ngành đào tạo trong trường, bao gồm luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp, đề tài NCKH, tài liệu tham khảo và giáo trình. Trong đó, danh sách học liệu phục vụ đào tạo ngành KHCT được đảm bảo đáp ứng nhu cầu dạy và học cho giáo viên và sinh viên, HV. Các đầu sách của thư viện đảm bảo theo ĐCCT học phần ngành KHCT, tài liệu phục vụ cho chương trình cao học chuyên ngành KHCT: 368 đầu sách gồm giáo trình, ngoại văn, tham khảo, chuyên khảo và trên 184 luận văn, cùng với đầy đủ các tài liệu phục vụ cho khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và các cơ sở dữ liệu dùng chung [H9.09.02.06].

Bảng 9.2. Thống kê số lượng sách tham khảo và giáo trình chuyên ngành

Cơ sở đào tạo	Số lượng sách tham khảo quốc văn (cuốn)	Số lượng sách tham khảo ngoại văn (cuốn)	Số lượng đầu báo, tạp chí chuyên ngành	Số lượng Luận văn ThS và ĐH	Số lượng đề tài NCKH	Số lượng sách điện tử
Trung tâm TT-TV NTH	17.340	10.056	64	25.334	142	25.935
Ngành KHCT	226	142		184		

Dựa trên yêu cầu đổi mới CTĐT, hàng năm thư viện tiến hành lập kế hoạch, dự toán, hoá đơn và thanh quyết toán các khoản đầu tư cho thư viện (sách, báo, tạp chí, tài liệu...) [H9.09.02.07].

Bảng 9.3. Thống kê tình hình chi mua sách và giáo trình của Trường

(đơn vị tính: triệu đồng)

Năm	2018	2019	2020	2021	2022
Kinh phí mua tài liệu giáo trình của thư viện	1006.30	2220.42	536.55	132.611	187.418

Các nguồn tài liệu, giáo trình phục vụ đào tạo của Nhà trường ở trong thư viện đều đảm bảo tính pháp lý và bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ [H9.09.02.08].

Công tác bổ sung giáo trình, học liệu được tiến hành thường xuyên, khoa học theo đúng quy trình bổ sung học liệu của nhà trường. Các đầu sách của Thư viện được

bổ sung căn cứ theo danh mục học liệu có trong ĐCCT các học phần của các ngành đào tạo. Dựa trên yêu cầu đổi mới CTĐT, hàng năm Thư viện bổ sung cập nhật nguồn tài liệu mới nhằm đáp ứng nhu cầu của GV và NH [H9.09.02.08]. Nguồn học liệu của thư viện được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện Kipos. Nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin khoa học phục vụ tốt CTĐT, Thư viện đã đưa vào sử dụng cơ sở dữ liệu điện tử trực tuyến online và thư viện số giúp GV và NH có thể tìm kiếm các tài liệu chuyên ngành của các cơ sở giáo dục khác như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh... Ngoài ra, nhằm tăng cường khả năng hợp tác, trao đổi thông tin và kết nối, thư viện Trường đã tích cực tham gia các tổ chức, Hiệp hội nghề nghiệp như Liên hiệp thư viện Việt Nam; ...Liên kết với các Trường Đại học Cần Thơ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Kinh tế quốc dân.. [H9.09.02.09].

Hàng năm, Nhà trường theo dõi các hoạt động của thư viện qua các dữ liệu như thống kê số lượt bạn đọc tới thư viện, số lượt mượn tài liệu [H9.09.02.10]. Ngoài ra, Nhà trường còn thực hiện đánh giá hiệu quả các hoạt động của Thư viện qua Phiếu trưng cầu ý kiến bạn đọc và đánh giá phản hồi của NH, giáo viên và các bên liên quan về mức độ phù hợp của thư viện và các nguồn học liệu trong việc hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Kết quả thăm dò lấy ý kiến về mức độ đáp ứng của thư viện đối với CTĐT ngành KHCT cho thấy GV và sinh viên, HV ngành KHCT nói riêng và sinh viên, HV trường Đại học Vinh nói chung hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện [H9.09.02.11].

2. Điểm mạnh

- Thư viện của Trường hiện nay cơ bản đã có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng cơ bản nhu cầu cho NH và GV.
- Thư viện điện tử Nhà trường cho phép GV tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và download cơ sở dữ liệu của Nhà trường, các thư viện trong và ngoài nước.
- Hệ thống mượn trả sách tự động 24/7 tạo điều kiện cho bạn đọc chủ động về thời gian.

3. Điểm tồn tại

- Giáo trình, tài liệu phục vụ nhu cầu đọc thêm của GV, sinh viên và HV ngành KHCT chưa đa dạng và cập nhật.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Ngoài giáo trình, tài liệu phục vụ nhu cầu dạy và học theo khung chương trình, thư viện nên cập nhật, bổ sung thêm các tài liệu đáp ứng nhu cầu đọc thêm của người đọc.	Trung tâm TTTV Viện NN và TN.	Hàng năm	Hàng năm
2.	Phát	- Tiếp tục cập nhật ý kiến của GV,	Trung tâm	Hàng	Hàng

	huy điểm mạnh	NH để đáp ứng và cập nhật sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, đặc biệt sau mỗi lần rà soát CTĐT. - Tiếp tục thực hiện các buổi hướng dẫn khai thác thông tin thư viện đến các sinh viên, GV, đặc biệt sinh viên năm thứ nhất.	TTTV Viện NN và TN.	năm	năm
--	---------------------	--	---------------------------	-----	-----

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí:

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. *Mô tả hiện trạng*

Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm (TH-TN) được thành lập theo Quyết định số 706/QĐ-ĐHV ngày 04/4/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh trên cơ sở sát nhập các phòng thí nghiệm, thực hành, xưởng, trại trong toàn trường. Có chức năng chính là phục vụ đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ của cán bộ, GV, HV, sinh viên trong trường. Từ đó, Nhà trường đã ban hành các văn bản về quy chế tổ chức và hoạt động của riêng Trung tâm cũng như quy chế phối hợp giữa các đơn vị trong toàn trường với Trung tâm THTN [H9.09.03.01].

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác đầu tư thiết bị thí nghiệm, thực hành hiện đại phục vụ cho việc học tập, giảng dạy, gắn liền với thực tế nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu của GV, NH trong công tác NCKH, chuyển giao công nghệ và kỹ năng thực hành, đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của xã hội. Nhà trường trang bị đầy đủ phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị để phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Toàn bộ hệ thống phòng thí nghiệm thực hành được bố trí tại 05 tòa nhà, được quy hoạch và xây dựng đúng tiêu chuẩn phòng THTN của Bộ GD&ĐT [H9.09.03.02]. Hiện nay, toàn trung tâm THTN có 86 phòng THTN được chia thành 8 nhóm ngành, diện tích bình quân phòng THTN/NH là 4,48m²/người. HV có thể phát triển kỹ năng thực hành, thực hiện đồ án môn học và đề tài NCKH ngoài giờ học chính khóa. Tất cả các ngày trong tuần đều mở cửa, kể cả Thứ Bảy và Chủ nhật. Hầu hết các đơn vị đều bố trí thời khóa biểu và các lịch học thí nghiệm, thực hành, làm NCKH theo hướng khai thác tối đa công suất sử dụng các phòng học, phòng TN-TH [H9.09.03.03].

Ngoài ra, Nhà trường đã xây dựng Trung tâm đào tạo thực hành Ngân hàng, Chứng khoán và Công ty mô phỏng tại tầng 7 tòa nhà điều hành của trường dành cho sinh viên khối ngành kinh tế. Nhà trường cũng đã đầu tư xây dựng Trung tâm thực hành pháp luật tại nhà A0; Phòng xử án mô phỏng tại tầng 7 Trung tâm Thông tin - Thư viện. Đối với Viện NN&TN, Nhà trường bố trí tòa nhà D thuộc cơ sở 2 là khu THTN bao gồm tầng 1, 2 là các phòng TH-TN thuộc các ngành KHCT, Bảo vệ thực vật, Công nghệ sinh học nông nghiệp, Nuôi trồng thủy sản, Công nghệ sinh học thủy sản; tầng 3 là phòng thực hành Khuyến nông; tầng 4 là phòng thực hành máy tính và phòng kho thiết

bị. Tất cả đều được trang bị tài liệu và cơ sở vật chất gồm máy lạnh, máy chiếu, bàn ghế, tủ tài liệu, các trang thiết bị văn phòng phẩm,... đáp ứng nhu cầu học tập, hoạt động của HV và sinh viên [H9.09.03.03].

Hệ thống phòng học máy tính của nhà trường đáp ứng yêu cầu của đào tạo và NCKH của NH. Trong các phòng học máy tính, nhà trường trang bị hệ thống máy tính, hệ thống âm thanh, máy chiếu, màn chiếu điện, điều hòa phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH của GV và NH. Hệ thống phòng học được quản lý sử dụng bằng mạng máy tính, đảm bảo sử dụng hợp lý, hết tần suất 9h mỗi ngày từ thứ 2 đến thứ 6 và 40% vào hai ngày cuối tuần [H9.09.03.03].

Trung tâm THPTN là đơn vị có hệ thống tài sản và thiết bị phục vụ đào tạo lớn nhất Trường Đại học Vinh, do đó công tác quản lý tài sản rất được chú trọng. Năm 2017, được sự đồng ý của Nhà trường, Trung tâm đã xây dựng và ban hành quy trình quản lý tài sản, máy móc thiết bị tại Trung tâm THPTN. Ngoài ra còn ban hành quy định làm việc tại Phòng thí nghiệm và mỗi phòng thí nghiệm, thực hành đều có bản nội quy cụ thể [H9.09.03.04].

Tại các phòng học, phòng TH-TN đều có nội quy và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị trong phòng. Tại mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành đều có bảng công khai tài sản, bên cạnh đó danh mục tài sản tại Trung tâm TH-TN còn được công khai trên Website của đơn vị. Bên cạnh đó, Trường có sổ theo dõi tần suất khai thác các trang thiết bị của các Phòng TH-TN. Qua sổ theo dõi cho thấy, các trang thiết bị được sử dụng với tần suất sử dụng 10 tiết/ngày vẫn hoạt động tốt, công tác điều hành kế hoạch giảng dạy hợp lý nên các phòng phòng TH-TN được khai thác tối đa công suất sử dụng khi có sự cố đều được tổ kỹ thuật bảo trì sửa chữa kịp thời. Hằng năm, Nhà trường đều thực hiện công tác rà soát và kiểm kê tài sản tại Trung tâm THPTN làm căn cứ để mua sắm bổ sung cho năm học sau [H9.09.03.05].

Các trang thiết bị của các phòng thí nghiệm, thực hành của Nhà trường luôn được cập nhật và duy tu, bảo dưỡng để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu.

Các trang thiết bị phục vụ dạy, học và NCKH được lập dự toán đầu tư, sửa chữa, bảo dưỡng theo quy trình. Cuối mỗi năm học P.QT và DT phối hợp với các đơn vị sử dụng tài sản, CSVC tiến hành kiểm kê và đánh giá hiệu quả chất lượng từng tài sản, trang thiết bị tại trường, theo từng hạng mục để tổng hợp báo cáo gửi về HĐQT và BGH, từ đó có kế hoạch đầu tư, bổ sung trang thiết bị cùng với việc nâng cấp CSVC và cơ sở hạ tầng đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo và NCKH. Vào đầu năm học, P.QT và DT thông báo cho các đơn vị lập Báo cáo tổng kết CSVC, công cụ dụng cụ, vật tư tiêu hao, vật tư thay thế, năm học cũ và lập kế hoạch trang bị CSVC, vật tư TH-TN, in ấn, văn phòng phẩm, dự án đầu tư trang thiết bị cho năm học mới. Về phía, Trung tâm TH-TN có nhiệm vụ tổng hợp và đề nghị mua sắm tài sản, thiết bị vật tư phục vụ TH-TN cũng như đề xuất sửa chữa và thanh lý các tài sản hàng năm tại đơn vị quản lý [H9.09.03.06].

Hiện nay, tại Trung tâm TH-TN có 4 tổ chuyên môn, Ban Giám đốc gồm 3 cán bộ, có 28 cán bộ làm việc trực tiếp tại các phòng thí nghiệm, với phương châm 1 người

phụ trách ít nhất 02 phòng thí nghiệm, thực hành và 02 học phần THPT. Cán bộ phụ trách phòng thực hành được phân công nhiệm vụ thực hiện chức năng quản lý việc sử dụng các trang thiết bị của trung tâm THPT. Nhiệm vụ và lịch làm việc cụ thể của từng cán bộ được cập nhật trên Website của đơn vị. Ngoài ra, tại mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành đều có nhật ký ghi lại quá trình làm việc hàng ngày của cán bộ phụ trách và nhật ký sử dụng thiết bị đối với các thiết bị từ 15 triệu đồng trở lên. Tần suất sử dụng, thời gian hoạt động/không hoạt động, số giờ vận hành của phòng học máy tính được theo dõi trong sổ nhật ký phòng máy tính [H9.09.03.07].

Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ công tác THPT cũng như đáp ứng tốt về mặt trang thiết bị phục vụ THPT, hàng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của phòng THPT và các trang thiết bị. Kết quả khảo sát ý kiến NH về khóa học đối với các HP sử dụng phòng THPT luôn được Nhà trường, Khoa/ Viện phân tích, đánh giá và đưa ra những điều chỉnh cần thiết và kịp thời. Điều này đánh giá được những nỗ lực của Trường và Khoa/viện trong việc tích cực xây dựng mới, mở rộng, nâng cấp phòng THPT trong những năm qua nhằm đáp ứng tốt hiệu quả sử dụng CSVN và thực hiện theo Kế hoạch đảm bảo chất lượng của Trường [H9.09.03.08].

2. Điểm mạnh

Hệ thống phòng học máy tính cơ bản đáp ứng nhu cầu đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH của Nhà trường và của HV ngành KHCT. Việc sửa chữa, thay thế các trang thiết bị được đáp ứng kịp thời khi có yêu cầu.

3. Điểm tồn tại

Một số máy tính đã cũ ảnh hưởng đến việc khai thác, sử dụng trong dạy và học của GV và HV.

Để nâng cao hiệu quả của hoạt động đào tạo, cần thiết phải có trại thực hành đồng ruộng. Trong những năm 2018 trở về trước trại thực hành Nông học được nhà trường giao cho Viện NN và TN quản lý với qui mô trên 2ha. Tuy nhiên do đặc thù của ngành nghề trong các năm gần đây, công tác tuyển sinh các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nông nghiệp nói chung và ngành Nông học/ KHCT gặp nhiều khó khăn ở các trường Đại học trong cả nước trong đó có trường Đại học Vinh. Đến nay, trại thực hành Nông học đã được nhà trường đưa vào một số hoạt động khác.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Rà soát các máy tính đã cũ để đề xuất bổ sung, thay thế Rà soát, bổ sung một	Phòng KHTC, Phòng QT & ĐT. Nhà trường	Hàng năm	Hàng năm

		số trang thiết bị hiện đại phục vụ cho NCKH ngành KHCT Cần có trại thực hành để phục vụ cho các hoạt động NCKH ngành KHCT	Viện NN&TN, Bộ môn KHCT		
2.	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị, phòng thực hành, thí nghiệm	Phòng KHTC, Phòng QT & ĐT Trung tâm THPTN	Hàng năm	Hàng năm

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí:

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. *Mô tả hiện trạng*

Trung tâm CNTT được thành lập năm 2012 theo quyết định số 300/QĐ-ĐHV ngày 29/3/2012 của Hiệu trưởng Trường đại học Vinh, với chức năng nhiệm vụ chính là quản lý các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng công nghệ thông tin của Trường. Năm 2021, Trường đại học Vinh thành lập Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến và sáp nhập Trung tâm CNTT vào Viện để giao nhiệm vụ phụ trách công tác CNTT của toàn Trường được thể hiện qua chức năng và nhiệm vụ của Trung tâm CNTT, website đơn vị <https://vienncdttt.vinhuni.edu.vn/co-cau-to-chuc/trung-tam-cong-nghe-thong-tin>. Viện NC&ĐTTT có chức năng tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong việc thực hiện công tác hoạch định, phát triển hệ thống CNTT; quản lý, tư vấn, hỗ trợ vận hành, ứng dụng và phát triển hệ thống CNTT; quản lý cổng thông tin điện tử của trường (website: <https://vinhuni.edu.vn/>); tổ chức đào tạo trực tuyến (e-Learning) và đào tạo từ xa. Trung tâm CNTT của Trường cùng với các đơn vị chức năng xây dựng phần mềm quản lý tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ toàn trường để đảm bảo công tác quản lý, kiểm kê, thanh lý tài sản hàng năm đúng quy định. Đội ngũ cán bộ của Viện là những người đã được đào tạo chuyên sâu về CNTT và được phân công nhiệm vụ cụ thể phụ trách hệ thống CNTT toàn trường, đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt, đảm bảo các phần mềm quản lý được cập nhật thường xuyên phù hợp với yêu cầu quản lý mới của Nhà trường [H9.09.04.01].

Nhà trường đã nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng và tác động của công nghệ thông tin sẽ làm thay đổi, nâng cao năng suất lao động, đồng thời quyết định sự thành công trong công tác đào tạo, NCKH và công tác quản lý các trình độ đại học cũng như sau đại học thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0. Vì vậy, Nhà trường xây dựng hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống

mạng Internet, trang thông tin điện tử, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và quản lý.

Nhà trường đầu tư và cung cấp đầy đủ thiết bị CNTT cho công tác giảng dạy đào tạo, NCKH của Trường và hệ thống CNTT, các thiết bị tin học được Nhà trường đầu tư đang hoạt động rất hiệu quả. Trường hiện có gần 2.000 máy tính tại các phòng thực hành CNTT, có 08 phòng máy chuyên dụng đáp ứng tốt cho việc học ngoại ngữ và thi trắc nghiệm. Thư viện trường có hơn 100 máy tính được nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho NH. Cán bộ của Nhà trường từ học vị TS trở lên được cấp máy tính xách tay để phục vụ công tác, hỗ trợ cho công việc giảng dạy và các công tác khác [H9.09.04.02].

Công tác tin học hóa trong các hoạt động của Nhà trường rất được chú trọng. Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị tin học, sử dụng các phần mềm quản lý để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động quản lý của trường (quản lý nhân sự, đào tạo, NCKH, tài khoản, tài sản, điểm, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác) và đáp ứng nhu cầu dạy học của GV, sinh viên trong đổi mới PPDH. Các hoạt động dạy học trực tuyến được áp dụng rộng rãi từ hệ chính quy, hệ tại chức; từ bậc đại học và sau đại học của Nhà trường. Công tác quản lý của trường thực hiện thông qua hệ thống thông tin tổng thể phần mềm Trí Nam; e-office, CMC, LMS; các lĩnh vực đều sử dụng các phần mềm quản lý để quản lý nhân sự, đào tạo, NCKH, tài khoản, tài sản, điểm, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác. Cán bộ GV giảng dạy ngành KHCT trình độ SĐH nói riêng và cán bộ toàn trường nói chung được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng là @vinhuni.edu.vn. Các hoạt động của nhà trường, được quản lý bằng hệ thống phần mềm một cách khoa học và hợp lý. Các dữ liệu về quản lý nhà trường và quản lý đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ. Nhà trường đã và đang áp dụng Cổng thông tin dạy và học để đảm bảo tương tác trực tuyến giữa GV và NH đáp ứng nhu cầu đổi mới PPDH. Nhà trường có hệ thống các phòng học trực tuyến gồm 16 phòng, chia 3 cụm có thể đáp ứng cho việc học tập đồng thời cho hơn 1.000 NH. Với hệ thống phòng học trực tuyến đảm bảo sự trao đổi giao tiếp tốt giữa người dạy và NH và ở tất cả các bậc học được đào tạo của Trường. Nhà trường đang đưa và áp dụng Cổng thông tin dạy và học để đảm bảo tương tác trực tuyến giữa GV và NH như GV đưa bài giảng, bài tập, chia nhóm, nhiệm vụ nhóm/cá nhân lên phần mềm và NH tự tải về bài giảng, bài tập, nhiệm vụ nhóm/cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ và đưa kết quả thực hiện nhiệm vụ nhóm/cá nhân lên để GV đánh giá. Năm học 2019 - 2020, 2020 – 2021, hệ thống dạy – học trực tuyến cùng phần mềm dạy học Zoom và nền tảng quản lý học tập trực tuyến LMS đã phát huy hiệu quả, đảm bảo tiến độ, kế hoạch đào tạo trong tình hình đại dịch covid hoành hành [H9.09.04.03].

Tất cả hệ thống máy tính trong Nhà trường được nối mạng Internet, mạng Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV và NH. Nhà trường cũng đã thực hiện triển khai tối ưu hoá hệ thống mạng máy tính toàn trường, lắp đặt camera tại các phòng THPTN, giảng đường và KTX [H9.09.04.04].

Trường Đại học Vinh quản lý, theo dõi việc vận hành và bảo trì phòng máy tính

cũng như cần bổ sung, nâng cấp các hệ thống phần cứng cũng như phần mềm của hệ thống CNTT qua sổ nhật ký làm việc tại các phòng thực hành, qua sổ theo dõi vận hành tại các hệ thống chuyên trách của trung tâm CNTT quản lý [H9.09.04.05].

Nhà trường có quy định quản lý, khai thác sử dụng hệ thống CNTT, đảm bảo hệ thống làm việc thường xuyên, liên tục, đáp ứng cho GV và NH sử dụng hiệu quả [H9.09.04.06]. Hệ thống CNTT của trường hàng năm được lập kế hoạch về việc bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa và nâng cấp nằm trong kế hoạch mua sắm, sửa chữa như: Triển khai các dịch vụ đảm bảo an toàn, an ninh mạng, nâng cấp phần cứng để đáp ứng nhu cầu hoạt động quản lý đào tạo và bồi dưỡng.

Hàng năm, trên cơ sở đề nghị của các đơn vị gửi về và định hướng phát triển của Nhà trường, Viện NC&ĐTTT lập kế hoạch về công tác đầu tư, mua sắm trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực CNTT và được tập hợp trong Kế hoạch đầu tư CSVC hàng năm. Dựa trên kế hoạch này Nhà trường đã thường xuyên thực hiện các hoạt động đầu tư, nâng cấp thiết bị, phần mềm CNTT. Việc đầu tư, mua sắm, nâng cấp các trang thiết bị liên quan đến CNTT đều thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, tất cả đều có hồ sơ cung cấp, lắp đặt hạ tầng và thường xuyên bảo trì, sửa chữa, thay thế [H9.09.04.07].

* Quy trình lập kế hoạch mua sắm, nâng cấp như sau:

1. Đơn vị sử dụng gửi nhu cầu cho Viện NC&ĐTTT tiếp nhận và lập kế hoạch.
2. Căn cứ nhu cầu của Nhà trường, Viện NC&ĐTTT lập kế hoạch đề xuất và phối hợp với Phòng Quản trị và Đầu tư, Phòng Kế hoạch - Tài chính trình Ban Giám hiệu phê duyệt chủ trương tổ chức thực hiện.

Kế hoạch trung hạn được giao cho Viện NC&ĐTTT và Phòng Quản trị và Đầu tư, Phòng Kế hoạch - Tài chính. Lập danh mục trang thiết bị, xây dựng hồ sơ pháp lý, quản lý, vận hành hạ tầng CNTT và dịch vụ CNTT bao gồm: Hệ thống máy chủ và các thiết bị mạng, phòng thực hành máy tính, hạ tầng mạng và đường truyền internet, hệ thống dự phòng, hệ thống bảo mật và quyền truy cập, các phần mềm ứng dụng và điều hành, nhằm phục vụ công tác trao đổi thông tin, tác nghiệp, đào tạo, NKCH và phục vụ cộng đồng [H9.09.04.08].

Căn cứ vào nhu cầu và kế hoạch hàng năm của các đơn vị, Viện NC&ĐTTT, Phòng Quản trị và Đầu tư, Phòng Kế hoạch - Tài chính phối hợp với các đơn vị trong toàn trường xây dựng kế hoạch và thực hiện lập hồ sơ cung cấp lắp đặt hạ tầng, bảo trì, sửa chữa thay thế. Bên cạnh việc kiểm tra thường xuyên về cơ sở hạ tầng và trang thiết bị CNTT; Viện NC&ĐTTT lên kế hoạch đầu tư, sửa chữa bảo trì, nâng cấp hạ tầng CNTT và trang thiết CNTT.

Các hoạt động bảo trì về CNTT thường xuyên được thực hiện, bao gồm hệ thống sever máy chủ, điều hòa, phòng cháy chữa cháy, đèn, lưu điện, phòng trung tâm dữ liệu, bảo trì website, trang thiết bị máy tính phòng làm việc...[H9.09.04.09]. Nhờ vậy, hệ thống CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT được thường xuyên đáp ứng ngày càng tốt hơn cho các nhu cầu.

Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan khác về chất lượng cũng như mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống công nghệ thông tin. Qua khảo sát cho thấy ý kiến các bên liên quan đều hài lòng về hệ thống thông tin phục vụ dạy và học, NCKH, công tác quản lý của Nhà trường và hệ thống thông tin phục vụ dạy và học, NCKH và công tác quản lý của Viện NN&TN cũng như của ngành KHCT SDH, qua đó Nhà trường có kế hoạch cải tiến hệ thống CNTT/môi trường trực tuyến nhằm cập nhật và nâng cấp thường xuyên [H9.09.04.10].

2. Điểm mạnh

Hệ thống CNTT của Nhà trường được trang bị đầy đủ, đồng bộ, duy tu sửa chữa và cập nhật thường xuyên đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH của GV và NH.

3. Điểm tồn tại

- Tốc độ truy cập vào website và hệ thống dữ liệu của nhà trường có lúc còn chậm.
- Chất lượng mạng internet ở một số khu vực phòng học chưa tốt, ảnh hưởng tới hoạt động tương tác trực tuyến của GV và NH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Nghiên cứu phương thức phân luồng, tổ chức lại quyền truy cập, sử dụng các nội dung của phần mềm để đảm bảo tốc độ truy cập vào dữ liệu, hạn chế tối đa tình trạng nghẽn mạng trong một số thời điểm. - Nâng cao chất lượng đường truyền internet tại hệ thống phòng học, đảm bảo tốc độ truy cập đồng đều ở tất cả các khu vực trong nhà trường.	Trung tâm CNTT	Hàng năm	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống CNTT và hạ tầng CNTT	Trung tâm CNTT	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Vinh luôn tuân thủ Quy định các tiêu chuẩn về môi trường, sức

khỏe và an toàn được xác định theo quy định hiện hành của Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ như: Nghị định của Chính phủ về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường, Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Phòng cháy Chữa cháy, Thông tư số 14/2013/TT-BYT..., cũng như quy định về thiết kế và xây dựng nhà trường theo đúng tiêu chuẩn thiết kế trường đại học, trong đó có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật [H9.09.05.01].

Trên cơ sở quy định chung của Nhà nước, Trường đã cụ thể hóa thành các nội quy, quy chế để đảm bảo các tiêu chuẩn về cảnh quan môi trường sư phạm như: quy định về sử dụng các trang thiết bị CSVC, quy định về nội quy giảng đường, phòng làm việc, nội quy sử dụng các phòng thực hành, quy định về an toàn phòng chống cháy nổ, quy định về công tác đảm bảo an ninh trật tự trường học và KTX, quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm đối với nhà ăn của Trường... Những quy định, quy chế này hoàn toàn phù hợp với các Nghị định và Thông tư hướng dẫn quy định tại Đề án bảo vệ môi trường của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường. Nhà trường đã tổ chức các cuộc tập huấn các biện pháp ứng phó khẩn cấp và ban hành các văn bản hướng dẫn và sử dụng các hệ thống thiết bị nhằm thực hiện ứng phó khẩn cấp, đảm bảo an toàn trường học. Đồng thời, trường thực hiện báo cáo tổng kết/sơ kết đánh giá việc thực hiện tiêu chuẩn về các biện pháp ứng phó khẩn cấp. Nhà trường cũng thành lập Ban chỉ đạo công tác an ninh, trật tự trường học, an toàn giao thông, lập kế hoạch và ban hành các công văn triển khai công tác an ninh trường học, tăng cường phòng, chống bạo lực học đường, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trên mạng máy tính [H9.09.05.02].

Trường đã bê tông hóa kiên cố hệ thống đường đi, sân trường giúp khuôn viên trường được thông thoáng, cảnh quan cây xanh được đầu tư chăm sóc và đảm bảo tốt về vệ sinh - môi trường. Kí túc xá cho NH được đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo qui định. Hành lang, khuôn viên giảng đường, nhà làm việc và KTX đều được thiết kế và xây dựng có khu vực cho người khuyết tật. Hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch để cải tiến nâng cao chất lượng cảnh quan môi trường nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học [H9.09.05.03].

Trường có khuôn viên đẹp, có căng tin và nhà ăn phục vụ đáp ứng các hoạt động thể dục thể thao và văn hóa, văn nghệ của NH. Nhà trường có hệ thống sân chơi, phòng tập đa năng gồm 6 sân bóng chuyền, 6 sân bóng đá mini, 1 sân bóng đá lớn và nhiều sân thể thao phục vụ cho cán bộ, sinh viên với diện tích 35.000m² và nhà thi đấu với 1000 chỗ ngồi phục vụ cho các nhu cầu vui chơi giải trí và các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao của SV. Bên cạnh đó, Nhà trường có bố trí các nhà để xe và căn tin phục vụ cho người dạy và học ở các hướng rất thuận tiện. Nhằm tạo điều kiện cho NH, Nhà trường có 05 tòa KTX với đầy đủ các trang thiết bị bên trong. Hàng năm các trang thiết bị đều được rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng và bổ sung thay thế nhằm đảm bảo an toàn cho người ở hàng năm. Nhà trường có đội ngũ nhân viên vệ sinh đảm bảo vệ sinh môi trường trong các giảng đường, khu vệ sinh, hội trường, đường bộ. Bộ phận phục vụ

và công ty dịch vụ vệ sinh thực hiện thường xuyên hàng ngày giúp cho người dạy và học cảm thấy an toàn, thoải mái trong khuôn viên của trường. Về vấn đề môi trường: để đảm bảo vệ sinh chung, Trường đã ký hợp đồng với một số công ty vệ sinh để đảm bảo các phòng học và phòng làm việc luôn được vệ sinh sạch sẽ trước và sau mỗi buổi học, cảnh quan môi trường sư phạm: “xanh - sạch - đẹp”. Bên cạnh đó, Trường đã ký hợp đồng với Công ty môi trường đô thị để thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt đến nơi quy định của Thành phố để đảm bảo vệ sinh, cảnh quan môi trường [H9.09.05.03].

Nhà trường có Trạm y tế đảm bảo tiêu chuẩn theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT, được ban hành theo Quyết định số 428/QĐ-ĐHV, ngày 21/4/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh. Trạm y tế được đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị, nhân lực, đáp ứng nhu cầu được trợ giúp kịp thời cho sinh viên khi gặp vấn đề về sức khỏe. Cán bộ và HV ngành KHCT nói riêng và toàn trường nói chung có thể khám chữa bệnh định kỳ và được cấp phát thuốc tại Trạm y tế. Đây cũng là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức thực hiện vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường, phòng chống các dịch bệnh, bệnh tật học đường, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống HIV và AIDS, các bệnh xã hội và các hoạt động khác về y tế trường học. HV ngành KHCT được triển khai việc khám sức khỏe định kỳ, được tuyên truyền, truyền thông, tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản. Hằng năm, để phòng chống dịch bệnh, Trường đều tiến hành công tác phun thuốc khử khuẩn, phòng dịch bệnh vào thời điểm giao mùa hoặc khi có dấu hiệu dịch đột xuất. Để kịp thời ứng phó khi dịch bệnh xảy ra, Trường đã ban hành các thông báo hướng dẫn đơn vị, VC, NH thực hiện công tác phòng chống dịch. Khi dịch Covid - 19 xảy ra, Trường đã nhanh chóng thành lập Ban chỉ đạo phòng chống Covid - 19, kịp thời có các biện pháp chỉ đạo ứng phó với diễn biến của tình hình dịch bệnh. Trạm Y tế lên kế hoạch trình Ban Giám hiệu ký duyệt, đồng thời kết hợp với các đơn vị chức năng để phát hiện, tuyên truyền sâu rộng tới VC và NH. Trạm Y tế là đầu mối, thường xuyên cung cấp một số thuốc cơ bản như: oresol, biseptol, paracetamol, cloraminB, NaCl 0,9%, nước rửa tay sát khuẩn, để kịp thời ứng phó với các dịch bệnh. Đối với công tác quản lý và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm tại Nhà ăn, Trường thường xuyên lưu mẫu nấu ăn hằng ngày, được cơ quan quản lý cấp giấy chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm. Trong 5 năm qua, Nhà ăn của Trường không để xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm đối với GV và NH [H9.09.05.04].

Về vấn đề an toàn: công tác an ninh trật tự luôn được Trường chú trọng. Lực lượng bảo vệ của Trường tại các cơ sở có nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tài sản và con người trong Trường, trực bảo vệ 24/24 giờ trong tất cả các ngày, kể cả ngày lễ, Tết. Hằng năm, lực lượng này đều được tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ. Trong các dịp nghỉ lễ, nghỉ Tết, Trường đều có phân công trực lãnh đạo và thông báo kế hoạch bảo vệ đến tất cả các đơn vị và VC, GV. Trường đã phối hợp tốt với Công an Phường Bến Thủy và các phường lân cận trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự; giải quyết kịp thời những sự vụ, góp phần giữ gìn trật tự an toàn tại khu vực Trường. Đội ngũ bảo vệ, ngoài nhiệm vụ bảo vệ tài sản còn có chức năng hướng dẫn cho NH, cán bộ

và người đến làm việc với Nhà trường những vấn đề về an ninh trong trường học. Bên cạnh đó, Nhà trường còn có các lực lượng hỗ trợ vào thời điểm diễn ra các hoạt động đông người như Trung đội tự vệ chiến đấu (gồm các đồng chí do Thành đội thành phố Vinh thành lập), Đội Thanh niên xung kích gồm các HV, sinh viên của Trường. Hệ thống an toàn của Trường đạt qui định hiện hành. Bên cạnh đó, Trường còn lắp đặt hệ thống camera bảo vệ tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Trường, trong Tòa nhà Công nghệ cao và trong các phòng THPT. Công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh trong Trường được bảo đảm, tạo tâm lý yên tâm cho người dạy và NH về một môi trường an toàn, an ninh đảm bảo [H9.09.05.05].

Nhà Trường kết hợp với Công an Thành phố Vinh trong công tác bảo đảm an ninh, vì vậy khi có sự việc xảy ra đều có sự tham gia khẩn trương của các lực lượng chức năng của Phường, Thành phố góp phần giữ gìn trật tự an toàn tại khu vực trường. Trường đặc biệt quan tâm đến công tác an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ. Công tác phòng cháy, chữa cháy của Trường luôn được đảm bảo và thực hiện triệt để trong khuôn viên toàn Trường. Trường đã thành lập Ban chỉ huy phòng chống bão lụt - phòng chống cháy nổ, tổ chức các hoạt động PCCC, tuyên truyền công tác PCCC cho VC, quản lý các trang thiết bị PCCC và các hoạt động PCCC của đơn vị, xây dựng phương án PCCC, chuẩn bị lực lượng và phương tiện chữa cháy, dự trù kinh phí cho hoạt động PCCC hằng năm. Cán bộ các đơn vị được tập huấn PCCC, an toàn lao động, an toàn PTN, an toàn phóng xạ theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Hàng năm, Nhà trường còn thực hiện đúng các chế độ báo cáo về phân tích chất lượng môi trường của Nhà trường [H9.09.05.05].

Nhà trường đã lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về CSVC và môi trường cảnh quan phục vụ NH. Báo cáo kết quả khảo sát về mức độ hài lòng từ các bên liên quan, Trường luôn nhận được các phản hồi tích cực về tính phù hợp của môi trường, sức khỏe, an toàn. Với các ý kiến đóng góp, Nhà trường cũng đã thực hiện các biện pháp cải tiến và nâng cao chất lượng về môi trường và cảnh quan trong Nhà trường [H9.09.05.06].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có diện tích sử dụng, cơ sở hạ tầng được xây dựng theo qui định tiêu chuẩn xây dựng trường đại học hiện hành (TCVN: 3981-1985).

- Nhà trường có bộ phận vệ sĩ và các biện pháp hữu hiệu để bảo vệ an ninh, trật tự, tài sản cho cán bộ, viên chức Nhà trường và cho NH, có hệ thống camera theo dõi tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Nhà trường.

- Trạm y tế của Trường đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị y tế và nhân lực đáp ứng yêu cầu về chăm sóc sức khỏe cho GV và HV ngành KHCT nói riêng và toàn trường nói chung.

3. Điểm tồn tại

Các chương trình tập huấn, tuyên truyền, giáo dục sức khỏe chưa riêng biệt hơn với nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Các chương trình tập huấn, tuyên truyền, giáo dục sức khỏe cần lưu ý, riêng biệt hơn với nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.	Trạm y tế	Hàng năm	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện và triển khai các tiêu chuẩn về môi trường an ninh, trật tự, an toàn và chăm sóc sức khỏe.	Trạm y tế, Phòng QT & ĐT, Phòng CTCTHSSV	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Điểm mạnh là Nhà trường đã đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập phục vụ CTĐT ngành KHCT bao gồm hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với đầy đủ các trang thiết bị. Thư viện và các nguồn học liệu, hệ thống CNTT, hạ tầng trực tuyến, phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp, được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa đã hình thành và xác định cụ thể các điều kiện về môi trường, sức khỏe, an toàn nhằm hỗ trợ và đảm bảo các hoạt động đào tạo và NCKH, đáp ứng nhu cầu của GV và NH, đạt được các mục tiêu đề ra của Nhà trường nói chung và ngành KHCT, Viện NN&TN nói riêng.

Điểm tồn tại đó là một số máy tính phục vụ cho dạy học chưa được thay thế kịp thời, một số tài liệu mới thuộc lĩnh vực chuyên ngành KHCT cần được thư viện bổ sung cập nhật mới. Đồng thời, Nhà trường cần quan tâm đến việc bố trí các không gian sinh hoạt chuyên môn, seminar cho bộ môn và trại thực hành giảng dạy cho sinh viên, HV trong đào tạo kỹ sư trình độ đại học, ThS KHCT.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Nâng cao chất lượng đào tạo luôn được Trường Đại học Vinh và Viện NN&TN rất chú trọng, nhất là trong giai đoạn hiện nay. Điều này thể hiện rõ thông qua việc xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan để thiết kế và phát triển chương trình dạy học đến việc ĐBCL trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan. Từ việc thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan để thiết kế và phát triển CTDH, ĐBCL trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan (GV, NH, cựu HV, đơn vị sử dụng HV).

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường xây dựng hệ thống địa chỉ, các kênh thu thập thông tin về nhu cầu xã hội và phản hồi từ các bên liên quan, thiết kế phiếu khảo sát để xin ý kiến NH, các doanh nghiệp, GV,... đảm bảo thu thập đầy đủ và cập nhật kịp thời các dữ liệu cần thiết, có tính khoa học, độ tin cậy trong quá trình xây dựng CTĐT [H10.10.01.01].

Trong quá trình đào tạo HV, hàng năm Nhà trường thường lấy ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy, các hoạt động của nhà trường và đơn vị hành chính của GV. Đối với HV, Trường đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của HV đang học tập tại Viện về chất lượng học phần và hoạt động giảng dạy của GV để thu thập thông tin nhằm đánh giá chất lượng CTĐT, CTDH định kỳ [H10.10.01.02]. Nhà trường đã xây dựng công cụ điều tra trực tuyến để thực hiện việc lấy ý kiến NH nói riêng, các bên liên quan đến quá trình đào tạo nói chung một cách nhanh chóng hơn. Các tiêu chí đánh giá được thể hiện đầy đủ trên bộ mẫu phiếu bao gồm: Hoạt động giảng dạy, hoạt động kiểm tra đánh giá và điều kiện cơ sở vật chất. Kết quả điều tra cho thấy hầu hết HV (trên 90%) được hỏi ý kiến hài lòng với phương pháp và năng lực giảng dạy của GV. Hầu hết HV hài lòng với điều kiện học tập, với cách thức tổ chức, quản lý của Trường và hài lòng đã chọn học tập tại Trường [H10.10.01.03].

Việc bổ sung và điều chỉnh chương trình được thực hiện định kỳ có tham khảo ý kiến phản hồi của đơn vị HV công tác, HV tốt nghiệp. Trong giai đoạn 2017 – 2022, ngành KHCT đã tiến hành các đợt khảo sát từ khóa 25 – 30 và nhận được nhiều ý kiến phản hồi của 22 nhà tuyển dụng, lãnh đạo quản lý; 14 GV, nhà khoa học, chuyên gia; 38 cựu HV; 8 HV sắp tốt nghiệp [H10.10.01.04]. Viện và Bộ môn đã triển khai thực hiện nghiệm thu đề tài KHCN cấp Trường trọng điểm liên quan đến đề cương môn học theo tiếp cận CDIO; tiến hành xây dựng, rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện Khung chương trình, mục tiêu; khảo sát các bên liên quan về CĐR và CTĐT ngành Cao học KHCT [H10.10.01.05]. Ý kiến của các bên liên quan là cơ sở dữ liệu phản hồi quan trọng được

lựa chọn, xử lý là căn cứ quan trọng trong việc thiết kế, xây dựng, điều chỉnh khung CTĐT và phát triển CTDH đối với ngành KHCT.

Việc rà soát, điều chỉnh CTĐT, CTDH được thực hiện định kỳ theo quy trình cụ thể, trong đó các bước khảo sát và tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan để xây dựng và phát triển CT được Viện rất chú trọng. Từ năm học 2022-2023, Nhà trường đã triển khai xây dựng và áp dụng CTĐT sau đại học ngành KHCT theo tiếp cận CDIO. Ngành KHCT đã xây dựng bản mô tả CTDH năm 2017, sửa đổi bổ sung năm 2022 và tiếp cận CDIO vào năm 2023 [H10.10.01.06].

2. Điểm mạnh

Trường đã tổ chức thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT, CTDH bằng nhiều hình thức khác nhau. Các thông tin phản hồi được Nhà trường, Viện phân tích lựa chọn để sử dụng trong xây dựng, điều chỉnh và phát triển chương trình.

3. Điểm tồn tại

Ý kiến phản hồi từ nhà đơn vị công tác, nhà quản lý và các chuyên gia gắn với ngành đào tạo cao học KHCT tuy đã thực hiện nhưng chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Từ năm học 2023-2024, Viện sẽ xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi hoạt động hiệu quả đảm bảo thu thập đầy đủ các dữ liệu cần thiết, có tính khoa học, độ tin cậy làm căn cứ để phát triển CTDH.	Viện NN&TN; Phòng QL HSSV.	2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục lấy ý kiến phản hồi từ HV về quá trình đào tạo, hợp tác chặt chẽ với các cơ sở thực tập, doanh nghiệp, đơn vị công tác để nhận được các ý kiến phản hồi thường xuyên về công tác thực tập và làm việc của HV. Định kỳ tiến hành đánh giá lại CTĐT và điều chỉnh nếu cần thiết. Mở rộng các đối tượng lấy ý kiến	Viện NN&TN; Phòng QL HSSV.	Thực hiện thường xuyên

		trong quá trình khảo sát.		
--	--	---------------------------	--	--

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. *Mô tả hiện trạng*

Trường Đại học Vinh có quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Nhà trường bám sát Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ GD&ĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục sau đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ sau đại học, ThS, TS. Từ việc xác định mục tiêu, CDR đến việc tổ chức thực hiện, đánh giá, cải tiến chất lượng; các hướng phát triển chương trình, đổi mới trong nước, quốc tế,... Nhà trường ban hành hướng dẫn hoàn thiện các sản phẩm đề tài khoa học trọng điểm cấp trường trình độ ThS theo tiếp cận CDIO năm 2023 trong công văn số 05/HD-ĐHV ngày 6/6/2023 [H10.10.02.01].

Từ năm học 2018 – 2019 đến nay, Nhà trường và Viện, tổ bộ môn KHCT đã thực hiện lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy; lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan: NH, doanh nghiệp nhà tuyển dụng về chương trình dạy học ThS ngành KHCT. Căn cứ vào kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi, Viện NN&TN và Bộ môn KHCT đã đưa ra các giải pháp nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTDH phù hợp với khung chương trình, ĐBCL đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội theo các mốc cải tiến chương trình năm 2017, 2022 và 2023, trong đó năm 2023 xây dựng CDR chương trình bám sát với nhu cầu thực tiễn xã hội và các kỹ năng thiết yếu của nghề nghiệp [H10.10.02.02].

Trường Đại học Vinh, Viện Nông nghiệp và Tài nguyên và Tổ bộ môn KHCT thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo, sinh hoạt chuyên môn về đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá theo tiếp cận CDIO: như Hội thảo, tập huấn về xây dựng và phát triển khung CTĐT theo tiếp cận CDIO; . Nhà Trường tổ chức các chương trình thi tìm hiểu về CTĐT, GV trẻ dạy giỏi, thiết kế bài giảng E-learning năm 2018... [H10.10.02.03].

Căn cứ vào kế hoạch biên soạn và điều chỉnh chương trình của Trường đại học Vinh, nhu cầu thực tiễn của xã hội, ý kiến của các bên liên quan, Viện NN và TN , Hội đồng KH và ĐT của Viện, tổ bộ môn KHCT, đã thảo luận và thống nhất các vấn đề liên quan để hoàn thiện CTĐT. Bộ môn KHCT và Viện xây dựng, rà soát, điều chỉnh khung chương trình, mục tiêu, CDR. Các nội dung chỉnh sửa, cải tiến trong CTĐT dự thảo được gửi đến GV, các nghiên cứu viên, các cán bộ quản lý đào tạo để lấy ý kiến góp ý, phản biện trước khi Hội đồng khoa học thẩm định [H10.10.02.04].

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được Nhà trường thực hiện một cách bài bản, tiếp cận mô hình tiên tiến của thế giới (CDIO). CTDH được thiết lập, đánh giá và cải tiến định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường, được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

CTDH một số học phần vẫn còn nặng về kiến thức lý thuyết, thiếu thực hành, thực tế, kỹ năng thực tiễn chưa thể hiện rõ; các hoạt động dạy học chưa đa dạng; một số tiêu chí đánh giá chưa thống nhất giữa các học phần, chưa đánh giá đầy đủ CDR CTĐT tiếp cận CDIO.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Từ năm 2023, Viện tổ chức rà soát nội dung CTDH của các học phần đồng bộ với yêu cầu của CTĐT.	- Phòng CT CTHSSV; - TT ĐBCL; - TT TTTV Nguyễn Thúc Hào - Viện NN&TN	Hàng năm, kể từ năm 2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đánh giá và cải tiến định kỳ CTDH cũng như cập nhật, điều chỉnh CTĐT nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu của xã hội.	- Phòng Đào tạo; - Bộ phận ĐBCL Viện	Hàng năm, từ năm 2023

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR, quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của NH được Nhà trường quy định rõ ràng và chặt chẽ, như: (1) Các quy định về việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học; kết quả học tập của NH và (2) Công tác triển khai rà soát, đánh giá quá trình dạy và học; kết quả học tập của NH [H10.10.03.01].

Trong quá trình đào tạo, Nhà trường, Viện, Bộ môn KHCT và các phòng ban liên quan triển khai rà soát đánh giá việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập, phương pháp đánh giá kết quả của NH trong CTĐT để đảm bảo sự phù hợp với CDR. Trên cơ sở kế hoạch của năm học được phê duyệt về kế hoạch dự giờ thăm lớp, kế hoạch giám sát kiểm tra mà Viện và GV phải thực hiện. Nhà trường thực hiện rà soát ĐCCT

môn học và thanh tra bài giảng của GV, giám sát hoạt động giảng dạy của GV. Bộ môn phân công cán bộ giảng dạy các học phần trong năm, biên soạn ngân hàng đề thi học phần; tổ chức các buổi dự giờ kiểm tra, sermina đánh giá nhằm đóng góp ý kiến và trao đổi kinh nghiệm cho các GV để hoàn thiện bài giảng về nội dung, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HV [H10.10.03.03].

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HV được Nhà trường quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ [H10.10.03.04].

Quy định về hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của GV và đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận... Kết quả học tập của HV được quản lý chặt chẽ và được thanh kiểm tra theo nhiều hình thức khác nhau [H10.10.03.06]. Nhà trường và Viện sử dụng phần mềm quản lý dữ liệu kiểm tra đánh giá HV [H10.10.03.07]. Trong điều kiện dịch COVID19, năm học 2020-2021 Nhà trường đã có công văn hướng dẫn dạy học và đánh giá kết quả học tập trực tuyến [H10.10.03.08].

Việc ra đề, chấm thi đều được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ theo đúng quy trình của Trung tâm ĐBCL. Nội dung ngân hàng đề thi được GV rà soát và đánh giá thường xuyên trong quá trình giảng dạy nhằm cân đối giữa các kiến thức lý thuyết và thực tiễn, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR [H10.10.03.09]. Việc chấm thi, vào điểm và công bố kết quả được thực hiện nghiêm túc theo quy định [H10.10.03.10].

Việc thực hiện khảo sát các bên liên quan nhằm thu thập thông tin đánh giá chất lượng đào tạo. Qua đó, GV xác định được những điểm mạnh, điểm yếu và những mặt còn tồn tại cần khắc phục. Nhà trường, Viện cũng có những điều chỉnh phương pháp giảng dạy và học, kiểm tra đánh giá nhằm tổ chức và thực hiện quá trình dạy học ngày càng bài bản, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR [H10.10.03.11].

Các chương trình hội thảo do Viện NN&TN, do Trường Đại học Vinh tổ chức liên quan đến các nội dung về đổi mới nội dung giảng dạy, bổ sung hình thức giảng dạy, đánh giá được tổ chức đã góp phần giúp GV cập nhật thêm kiến thức chuyên ngành, kỹ năng về nghiệp vụ giảng dạy nói chung, giảng dạy cao học nói riêng và đánh giá NH theo định hướng của Nhà trường [H10.10.03.12].

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy học, đánh giá kết quả học tập NH ngày càng được tổ chức và thực hiện bài bản và có chất lượng. Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả GV và NH.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá chất lượng giảng dạy từ ý kiến NH, đồng nghiệp; lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng dạy – học để đảm bảo sự tương thích với CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục trong năm học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện /hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Việc đánh giá chất lượng giảng dạy từ ý kiến NH, đồng nghiệp; lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng dạy – học để đảm bảo sự tương thích với CTĐT phải được thực hiện thường xuyên, liên tục trong năm học.	Phòng ĐT/TTĐBCL/Viện	Hoàn thành năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy phương pháp và hình thức dạy học, kiểm tra đánh giá theo tiếp cận năng lực.	Phòng ĐT/TTĐBCL/Viện Viện	Thực hiện thường xuyên

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả hiện trạng

Bên cạnh hoạt động dạy và học, NCKH là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cơ bản và quan trọng trong trường đại học, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. NCKH giúp GV củng cố được kiến thức chuyên môn vừa có điều kiện phát triển kiến thức sâu rộng, liên ngành và chuyên ngành, gắn lý thuyết với thực tiễn. Hoạt động NCKH tại Trường đại học Vinh được xem là một trong những hoạt động mũi nhọn trong việc nâng cao chất lượng dạy và học thể hiện qua chiến lược và kế hoạch trong từng giai đoạn, năm học của trường.

Để thực hiện được nhiệm vụ NCKH, phát huy vai trò của NCKH trong đào tạo, Nhà trường và Viện đã có các quy định và cơ chế chính sách khuyến khích công tác NCKH của GV và HV. Hằng năm, GV và HV của Viện được tham gia thực hiện các đề tài NCKH, giúp HV bổ sung và nâng cao kiến thức, góp phần nâng cao kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp. Nhà trường đưa ra các quy định và văn bản hướng dẫn việc hỗ trợ hay công nhận các đề tài có chất lượng tốt để phục vụ việc dạy và học [H10.10.04.01].

Các công trình nghiên cứu đề tài các cấp của đội ngũ cán bộ luôn gắn với việc dạy và học. Các hoạt động NCKH được giám sát chất lượng bởi Hội đồng khoa học và đào tạo của Viện, Trường [H10.10.04.02]. Số lượng đề tài các cấp, giáo trình, sách tham khảo

và các báo cáo khoa học đăng trên Tạp chí Khoa học chuyên ngành ngày càng tăng [H10.10.04.03]. Kết quả và sản phẩm của các công trình NCKH sau khi nghiệm thu và công bố được vận dụng trong hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của NH tùy theo từng chuyên môn, lĩnh vực liên quan [H10.10.04.04]. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV luôn được xác lập rõ ràng. Trong bản kế hoạch năm học, các GV luôn đề ra những mục tiêu NCKH cụ thể như tham gia đề tài, dự án, viết bài báo, hướng dẫn HV NCKH,... [H10.10.04.05], (bảng 10.1 và bảng 10.2). Nội dung trong các đề tài thực hiện đã bổ sung các kiến thức thông tin chuyên ngành cập nhật với thực tiễn vào bài giảng, ĐCCT học phần để trao đổi với HV.

Bảng 10.1. Số lượng đề tài NCKH và chuyên giao KHCT của ngành KHCT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng	Tổng (đã quy đổi)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	3	3,0
3	Đề tài cấp tỉnh	1,0	7	7,0
4	Đề tài cấp trường	0,5	15	7,5
	Tổng			17,5

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 17,5

Bảng 10.2. Số lượng bào báo của cán bộ ngành KHCT đăng trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	8	12
2	Tạp chí khoa học cấp Ngành trong nước	1,0	73	73
3	Sách, giáo trình	1,0	14	14
Tổng				99

Tổng số bài báo quy đổi: 99

Nhà trường và Viện thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học và các đề tài nghiên cứu về nâng cao chất lượng phương pháp giảng dạy và khơi dậy tinh thần NCKH của GV và NH trong toàn trường, như các hội thảo cấp Trường tập huấn về xây dựng và phát triển CTĐT theo tiếp cận CDIO, Hội nghị trao đổi kinh nghiệm đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá tiếp cận CDIO của Viện, bộ môn có buổi seminar trao đổi kinh nghiệm giảng dạy. Đặc biệt đề tài khoa học trọng điểm cấp trường trình độ ThS theo tiếp cận CDIO năm 2023 đã góp phần lớn trong việc điều chỉnh CĐR, cải tiến đề cương nội dung dạy học và PPDH [H10.10.04.06].

2. Điểm mạnh

Viện NN&TN có đội ngũ GV có năng lực và tích cực tham gia NCKH, có cơ chế

khuyến khích sự tham gia của GV cũng như HV giúp phát huy tinh thần sáng tạo, say mê NCKH theo hướng ứng dụng, phục vụ công tác giảng dạy và học tập.

Đội ngũ GV tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau và kết quả nghiên cứu của nhiều đề tài gắn kết với hoạt động giảng dạy và học tập; giúp GV có nhiều ví dụ vận dụng vào bài giảng để SV hiểu và nắm bắt kiến thức.

3. Điểm tồn tại

Số lượng GV có bài công bố quốc tế, hợp tác với nước ngoài còn ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	- Phát triển các nhóm nghiên cứu theo từng lĩnh vực thuộc ngành đào tạo.	- Phòng KH&HTQT; - Viện NN&TN	2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng cơ chế khuyến khích CBGD tích cực tham gia NCKH, lựa chọn các đề tài có ý nghĩa khoa học và kết quả NC của nhiều đề tài đã gắn kết các hoạt động giảng dạy và học tập.	- Trường đại học Vinh; - Viện NN&TN	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho các ngành học nói chung, ngành cao học KHCT nói riêng đang được Nhà trường quan tâm đầu tư nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn, dịch vụ, hỗ trợ và tiện ích, tạo điều kiện cho HV được tương tác thuận lợi phục vụ cho việc giảng dạy và học tập và NCKH. Nhà trường đã thành lập và quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị chuyên trách cung cấp các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ cho NH như Ban quản lý cơ sở II, Trung tâm thông tin thư viện; Trung tâm Dịch vụ; HTSV và Quan hệ doanh nghiệp; Trung tâm Nghiên cứu – Khởi nghiệp sáng tạo; Trung tâm Công nghệ thông tin; Bộ phận một cửa [H10.10.05.01].

Định kỳ, vào cuối học kỳ của năm học, Trung tâm ĐBCL phối hợp với Phòng Công tác chính trị HSSV, Ban quản lý cơ sở II tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH đang học tập tại Trường về hoạt động giảng dạy của GV, các hoạt động của Nhà trường cũng như chất lượng các dịch vụ hỗ trợ tiện ích [H10.10.5.02].

Quy trình tổ chức hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thực

hiện theo các quyết định số 1307/QĐ-ĐHV quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của NH về cán bộ viên chức và các hoạt động của Trường đại học Vinh. Nhà trường đã tổ chức triển khai lấy ý kiến NH theo hình thức phiếu bằng giấy và hình thức trực tuyến. [H10.10.05.03]. Theo các báo cáo kết quả thì 100% các học phần trong CTĐT đều được lấy ý kiến NH. Nhìn chung, HV có xu hướng đánh giá theo hướng tích cực về các dịch vụ tiện ích, cơ sở vật chất phục vụ cho việc học, nghiên cứu [H10.10.5.04].

Nhà Trường đã ra Quyết định Số 706/QĐ-ĐHV ngày 04/04/2011 về thành lập Trung tâm THTN, ban hành những quy định về chức năng, nhiệm vụ, quy chế tổ chức hoạt động và quy chế phối hợp giữa các đơn vị liên quan trong hỗ trợ các hoạt động cho HV; quy hoạch phòng THTN Trường đại học Vinh giai đoạn 2016-2020 [H10.10.04.05]. Sau khi Ban Quản lý Cơ sở II được thành lập theo chủ trương tái cấu trúc của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường, cán bộ hành chính phụ trách công tác thực hành – thí nghiệm, thư viện của các đơn vị về làm việc tại Ban Quản lý Cơ sở II. Các học phần thực hành – thí nghiệm gồm: thực hành, thực tập rèn nghề và thực tập tốt nghiệp của các ngành học ở các khoa, viện nói chung, Viện NN&TN nói riêng chiếm khoảng 20 – 25% tổng số tín chỉ ngành học [H10.10.05.06].

Nhà trường đã ra Quyết định 2327/TCCB ngày 08/10/2009 về thành lập Trung tâm thư viện Nguyễn Thúc Hào [H10.10.05.07]. Thư viện thống kê danh mục sách, giáo trình, tài liệu, học liệu; Hệ thống tài liệu điện tử. Đầu mỗi khoá học Trường đều có tổ chức hướng dẫn sử dụng thư viện cho NH, phối hợp với các đơn vị trong trường tổ chức Ngày sách Việt Nam, hội nghị bạn đọc [H10.10.05.08]. Trường cũng tổ chức lấy ý kiến đánh giá phản hồi của NH, giáo viên và các bên liên quan về mức độ phù hợp của thư viện và các nguồn học liệu trong việc hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Thư viện tiến hành thăm dò lấy ý kiến góp ý của bạn đọc về tất cả các ngành [H10.10.05.09]. Hàng năm, thư viện tiến hành kiểm kê đánh giá và bổ sung nguồn tài liệu phục vụ GV và học tập của HV [H10.10.05.10]. Hệ thống tài liệu tại thư viện đảm bảo phục vụ cho GV và HV chuyên ngành Nuôi trồng thủy sản sử dụng trong học tập và nghiên cứu [H10.10.05.11].

Về hệ thống công nghệ thông tin, tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet. Hệ thống mạng Internet và Wifi được phủ sóng và sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV và NH. Nhà trường trang bị đầy đủ hạ tầng công nghệ thông tin để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học của Trường [H10.10.05.12]. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng (Trung tâm Công nghệ thông tin), đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt [H10.10.05.13]. Nhà trường đã quan tâm đầu tư, từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các hoạt động đào tạo tại Cơ sở II: khu thực hành – thí nghiệm, thư viện, nhà học thể dục – thể thao, lắp đặt hệ thống phòng máy tính phục vụ thực hành và thi test online; nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, đường truyền Internet, máy tính, hệ thống camera an ninh,... [H10.10.05.14]. Nhà trường đã chỉ đạo hoàn thiện và chính thức đưa Làng HV Cơ sở II vào hoạt động (2/2019) nhằm phục vụ kịp thời cho công tác đào tạo; bố trí,

sắp xếp chỗ ở cho SV và làm tốt công tác quản lý tại Làng HV Cơ sở II [H10.10.05.15]. Việc nâng cấp và bảo trì các hệ thống phần mềm phục vụ, hỗ trợ công tác dạy và học được thực hiện thường xuyên nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và nghiên cứu, theo dõi phản hồi NH và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống CNTT [H10.10.05.16].

2. Điểm mạnh

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được đánh giá và cải tiến định kỳ. Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được thực hiện hàng năm theo một quy trình thống nhất của Trường đại học Vinh.

Nhà trường có các kênh phản hồi thông tin đa dạng và nhiều chương trình hỗ trợ thiết thực dành cho NH.

3. Điểm tồn tại

Các phản hồi của NH về dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác có thời điểm chưa được khắc phục ngay do phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Từ năm học 2023-2024 cần rà soát lại chất lượng của các thiết bị máy móc ở các giảng đường và thay thế những thiết bị đã sử dụng lâu, không còn tốt; đồng thời nâng cấp hệ thống mạng wifi ổn định hơn nhằm phục vụ công tác dạy và học.	Phòng QT&ĐT; TT CNTT	2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai lấy ý kiến phản hồi của NH sau mỗi học phần. Tiếp tục lấy ý kiến rộng rãi các bên (người dạy, NH, nhà tuyển dụng)	TT Thư viện, CNTT, Phòng QT&ĐT.	Thực hiện thường xuyên

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan để phát triển chương trình dạy học, tăng cường dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của NH ngành cao học KHCT được thực hiện có tính hệ thống cao. Nhà trường ban hành các văn bản quy định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc trong việc lấy ý kiến của các bên liên quan. Quy trình và

các kế hoạch khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan được Trường đại học Vinh ban hành với những hướng dẫn cụ thể, rõ ràng tới các bộ phận cũng như các đối tượng khảo sát. Nội dung lấy ý kiến phản hồi bao quát được các hoạt động của Nhà trường, bao gồm lấy ý kiến phản hồi từ NH đối với GV, giáo viên; đối với cán bộ, viên chức hành chính; đối với các hoạt động cơ bản của Nhà trường [H10.10.06.01]. Việc đa dạng hoá hình thức thu thập bằng đối thoại trực tiếp, khảo sát trực tuyến dựa trên sự tích hợp ở phần mềm quản lý đào tạo, gửi phiếu điều tra bản cứng, trao đổi nhóm, phản hồi online từ trang web, Facebook của Nhà trường và của Viện đảm bảo thông tin được cập nhật nhanh chóng, khách quan, thiết thực và toàn diện [H10.10.06.02].

Viện và Bộ môn đã tiến hành khảo sát các bên liên quan về CTĐT ngành cao học KHCT các khóa 25 đến 30. Dựa trên kế hoạch đã đề ra, Nhà trường thông báo chính thức tới các đơn vị liên quan, hướng dẫn cụ thể đến các đối tượng khảo sát và triển khai thực hiện khảo sát lấy ý kiến về CTĐT, hoạt động dạy học và các hoạt động hỗ trợ nhằm cải tiến chất lượng đào tạo. Ngành KHCT bậc học ThS cũng có những hoạt động thiết thực nhằm lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. Một trong những hoạt động lấy ý kiến quy mô lớn đó chính là việc phát phiếu điều tra cho HV, GV, nhà khoa học, đơn vị quản lý HV, cựu HV sau khi tốt nghiệp [H10.10.06.03].

Căn cứ vào kết quả thông tin thu thập được, bộ môn KHCT phân tích và làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến CTĐT, hoạt động dạy học, các hoạt động hỗ trợ nhằm phát triển CTĐT. Ngành thường tổ chức các cuộc họp nhằm đánh giá lại, điều chỉnh, cải tiến các CTĐT, hoạt động dạy học, các hoạt động hỗ trợ HV. Cuộc họp không chỉ bàn luận về ý kiến khảo sát của NH mà còn là nơi trao đổi thẳng thắn ý kiến của GV về công tác dạy học và các hoạt động của Nhà trường [H10.10.06.04].

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được Nhà trường, Viện và Bộ môn KHCT thiết lập có tính hệ thống với đa dạng đối tượng và hình thức khảo sát một cách công khai, minh bạch. Cơ chế lấy ý kiến phản hồi được Nhà trường và Viện thực hiện đầy đủ quy trình đánh giá, cải tiến chất lượng của các hình thức tổ chức và thông tin thu thập được từ các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Một số hình thức lấy ý kiến phản hồi (đặc biệt là kênh chưa chính thống như Facebook) chưa được đánh giá, phân tích về mức độ hiệu quả và độ tin cậy của thông tin. Một số NH chưa ý thức được trách nhiệm, quyền lợi của mình khi thực hiện lấy ý kiến NH nên chưa thực hiện (hoặc thực hiện với tư tưởng đối phó).

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
----	----------	----------	------------------	---------------------

1	Khắc phục tồn tại	Từ năm học 2023-2024 sẽ sử dụng các kênh lấy ý kiến phản hồi chính thống như điều tra, phỏng vấn, thiết lập phần mềm,...	Khoa/Viện và các phòng ban chức năng	Từ năm 2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện một cách có hệ thống cơ chế phản hồi của các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Tiếp tục cải tiến, đánh giá cơ chế phản hồi nhằm nâng cao chất lượng hoạt động dạy học và phát triển chương trình dạy học đáp ứng nhu cầu xã hội.	Phòng Đào tạo, TT ĐBCL, Khoa/Viện, bộ môn	Thực hiện thường xuyên

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo ngành KHCT bậc học ThS xem là nhiệm vụ trọng tâm để phát triển ngành học, đã được Nhà trường và Ban lãnh đạo Viện thiết lập một cách bài bản, định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Nhà trường, Viện đã triển khai lấy thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan, sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT và CTDH. Cụ thể, việc thiết kế CTDH căn cứ vào CTĐT ngành KHCT bậc sau đại học và kế hoạch biên soạn, xây dựng chương trình giáo dục sau đại học hệ chính quy của Nhà trường. Thông tin phản hồi từ các nhà tuyển dụng, cựu HV là căn cứ để Nhà trường tiến hành cập nhật, điều chỉnh CTDH cho phù hợp; ứng dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội. Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra đa dạng, linh hoạt đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của NH ở từng học phần. GV, HV ngành cao học KHCT tham gia tích cực trong NCKH và vận dụng có hiệu quả kết quả nghiên cứu để cải tiến công tác dạy và học. Đội ngũ GV có nhiều đề tài đã gắn liền với các hoạt động giảng dạy và học tập, giúp nâng cao hiệu quả của công tác giảng dạy và học tập của ngành cao học KHCT. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đã đáp ứng được nhu cầu của NH, đảm bảo cho việc học tập của HV đạt kết quả tốt. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống và được áp dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ dạy và học.

Điểm tồn tại đó là ý kiến phản hồi từ nhà đơn vị công tác, nhà quản lý và các chuyên gia, từ NH gắn với ngành đào tạo KHCT bậc sau đại học tuy đã thực hiện nhưng chưa được thường xuyên. Số lượng GV có bài công bố quốc tế, hợp tác với nước ngoài còn ít.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu

Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục cung cấp nhân lực bậc cao cho vùng Bắc Trung Bộ và cả nước. Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống ĐBCL của Nhà trường. HV sau khi trúng tuyển được Sau đại học bài bản, được thực tập, thực tế tại địa điểm ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao có sự giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình học tại Trường, Viện. Hàng năm, Nhà Trường và Viện thực hiện đánh giá mức độ đạt được các CĐR, tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm của NH sau khi tốt nghiệp, mức độ tham gia và kết quả NCKH của làm cơ sở cải tiến chất lượng.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Phòng CTCT- HSSV và đội ngũ Quản lý SV chịu trách nhiệm quản lý tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp của NH nói chung, HV cao học các ngành nói riêng [H11.11.01.01]. Hàng năm, tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của HV ngành KHCT được xác lập và giám sát chặt chẽ. Trên cơ sở số liệu tổng hợp từ phòng CTCT- HSSV, biên bản họp cấp Viện để xác lập và giám sát tỷ lệ này [H11.11.01.02].

Phòng CTCT- HSSV và phòng ĐT SDH của Nhà trường là đơn vị đầu mối trong việc xác lập tỷ lệ NH tốt nghiệp đúng hạn. Quy trình xét công nhận tốt nghiệp cho NH được tổ chức chặt chẽ. Định kỳ, căn cứ vào kế hoạch xét công nhận tốt nghiệp của Nhà trường, Hội đồng cấp Viện họp rà soát điều kiện tốt nghiệp cho NH, chuyển kết quả về Phòng ĐT SDH; Phòng ĐT SDH phối hợp cùng Trung tâm ĐBCL và các đơn vị liên quan tiến hành tổng hợp và trình Hội đồng xét tốt nghiệp cấp Trường [H11.11.01.03]. Hệ thống dữ liệu NH thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hàng kỳ học, được theo dõi, quản lý tại Viện, các phòng/ban đầu mối và trên hệ thống phần mềm quản lý Sau đại học (CMC, Trí Nam) [H11.11.01.04].

Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của NH ngành KHCT được Viện và Nhà trường thường xuyên đánh giá, phân tích nguyên nhân và giám sát để cải tiến chất lượng. Chuyên viên văn phòng Viện, trợ lý QLSV, trợ lý đào tạo, cố vấn học tập là các bộ phận hỗ trợ cho Viện trong việc xác lập, đánh giá và giám sát các chỉ tiêu này [H11.11.01.05]. Trong mỗi đợt xét thôi học, cảnh báo kết quả học tập tại Viện, trợ lý QLSV thực hiện thống kê danh sách, nêu lý do thôi học của từng HV [H11.11.01.06]. Trên cơ sở đó Hội đồng Sau đại học cấp Viện họp đánh giá, phân tích nguyên nhân thôi học và đưa ra các biện pháp nhằm hạn chế tỷ lệ thôi học. Đối với công tác xét tốt nghiệp cho từng khóa học, Viện cũng đã đưa ra tỷ lệ tốt nghiệp, đánh giá, phân tích và tìm nguyên nhân chậm tốt nghiệp của NH. Sau đó đưa ra danh sách và thông báo cho HV thuộc diện tồn đọng, cảnh báo hàng năm của ngành KHCT [H11.11.01.07].

Hàng năm, Viện thực hiện đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học giữa các khóa HV ngành KHCT và với các ngành KHCT của Trường đại học khác nhằm đối chiếu kết

quả, phân tích nguyên nhân để làm cơ sở cải tiến nâng cao chất lượng [H11.11.01.08]. Theo bảng 11.1 thấy rằng tỷ lệ HV tốt nghiệp trung bình trong 5 khóa học gần nhất đã tốt nghiệp, thì tỷ lệ trung bình của trường Đại học Vinh là 95,1% cao gần như tương đương với ngành cao học KHCT của trường Đại học Tây Nguyên. Về tỷ lệ HV thôi học của ngành KHCT của trường ĐH Vinh và trường ĐH Tây Nguyên theo bảng 11.1 cho thấy, tỷ lệ thôi học của ngành này ở cả hai trường đều ở mức thấp, trường ĐH Tây Nguyên, tỷ lệ trung bình thôi học của HV trong 5 khóa gần đây nhất đã tốt nghiệp là 1,1%, của trường Đại học Vinh là 4,9%.

Như vậy, kết quả đối sánh cho thấy các tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của HV được xác lập, giám sát chặt chẽ do đó nên nhìn chung tỷ lệ HV tốt nghiệp cao trên 90% và tỷ lệ HV thôi học thấp trung bình dưới 5%.

Bảng 11.1. Đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn (2 năm) của HV ngành KHCT Trường ĐH Vinh và Trường ĐH Tây Nguyên

Ngành Năm học		Ngành KHCT Trường ĐH Vinh	Ngành KHCT Trường ĐH Tây Nguyên
2018	SLHVĐV (HV)	13	25
	TLTN (%)	92,3	100
2018-2019	SLHVĐV (HV)	39	24
	TLTN (%)	97,4	100
2019-2020	SLHVĐV (HV)	18	18
	TLTN (%)	100,0	94,4
2020- 2021	SLHVĐV (HV)	21	7
	TLTN (%)	90,5	100
2021-2022	SLHVĐV (HV)	21	8
	TLTN (%)	95,2	100
TLTN TB của ngành (%)		95,1	98,9

Ghi chú: SLHVĐV: Số lượng HV đầu vào; TLTN: Tỷ lệ tốt nghiệp; SV: HV

Bảng 11.2. Đối sánh tỷ lệ thôi học của HV ngành KHCT trường ĐH Vinh với trường ĐH Tây Nguyên

Ngành Khóa		Ngành KHCT Trường ĐH Vinh	Ngành KHCT Trường ĐH Tây Nguyên
Khóa 24	SLHVĐV (HV)	13	25
	TLTH (%)	7,7	0
Khóa 25	SLHVĐV (HV)	39	24
	TLTH (%)	2,6	0

Khóa 26	SLHVĐV (HV)	18	18
	TLTH (%)	0	5,6
Khóa 27	SLHVĐV (HV)	21	7
	TLTH (%)	9,5	0
Khóa 28	SLHVĐV (HV)	21	8
	TLTH (%)	4,8	0
TLTH TB của ngành (%)		4,9	1,1

Ghi chú: SLHVĐV: Số lượng HV đầu vào; TLTH: Tỷ lệ thôi học; HV: HV

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống quản lý và hỗ trợ HV đến cấp Khoa/Viện, có các quy định, quy trình cụ thể và phần mềm hỗ trợ để xác lập, giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học nhằm mục đích cải tiến chất lượng.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường, Viện cần có thêm cơ chế chính sách hỗ trợ, khích lệ HV để giảm tỷ lệ thôi học của ngành.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành phân tích, dự đoán xu thế tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của NH chính xác để có quy trình, kế hoạch giám sát ngay chủ động, phù hợp.	Viện NN&TN	Năm 2023
2	Phát huy điểm mạnh	Chủ nhiệm chuyên ngành, trợ lý đào tạo, cố vấn học tập tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình học tập của HV.	Viện NN&TN	Năm 2023

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Trong chu kỳ đánh giá 2019-2023, thời gian tốt nghiệp trung bình trong CTĐT ThS ngành KHCT được tính toán đối với tất cả các hình thức đào tạo trong chu kỳ đánh giá. Từ năm 2015, Viện NN&TN bắt đầu thực hiện quy định đào tạo hệ cao học ngành KHCT theo niên chế, đến năm 2017 bắt đầu đào tạo theo tín chỉ, từ năm 2023

đào tạo theo tiếp cận CDIO. Thời gian đào tạo của HV ngành KHCT 1,5 - 2 năm và tối đa không quá 2 năm để tốt nghiệp [H11.11.02.01]. Thời gian tốt nghiệp trung bình của từng khóa học được Viện, Bộ môn quan tâm và giám sát nhằm đưa ra cảnh báo những HV tụt đọng hàng năm và tốt nghiệp muộn, hạn chế HV thôi học [H11.11.02.02]. Từ năm 2018 – 2022 đã có 112 HV hoàn thành CTĐT sau đại học, tỉ lệ tốt nghiệp ThS trên 90%.

Để giám sát và cải thiện thời gian tốt nghiệp trung bình của khóa học, Nhà trường và Viện NN&TN đã thực hiện thống kê tình hình kết quả học tập của NH, tìm hiểu và phân tích nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn để hỗ trợ kịp thời NH nhằm giảm tối đa thời lượng học tập và hạn chế HV nào thôi học [H11.11.02.03]. Kết quả cho thấy việc chậm tốt nghiệp là do các HV vừa học vừa làm; một số HV công việc chưa thực sự ổn định, điều kiện kinh tế còn rất khó khăn; một số học việc di chuyển khá xa, đường đi lại khó khăn do vùng sâu; thí nghiệm đồng ruộng phụ thuộc vào mùa vụ, có khi mất mùa phải bố trí lại thí nghiệm.... Với tất cả những nguyên nhân chủ quan và khách quan trên đã làm cho học viện chậm tốt nghiệp, thậm chí còn bỏ học có khi lên tới 30% (bảng 11.2.1).

Bảng 11.3 Tỷ lệ thôi học của HV ngành KHCT

Khóa	Số lượng HV	Số lượng thôi học	Số lượng tốt nghiệp	Tỉ lệ tốt nghiệp (%)
K24	13	1	12	92,3
K25	39	1	38	97,4
K26	18	0	18	100,0
K27	21	2	19	90,5
K28	21	1	20	95,2

Trên cơ sở phân tích nguyên nhân chậm tốt nghiệp, Trường Đại học Vinh và Viện NN&TN đã thực hiện một số biện pháp nhằm cải tiến thời gian tốt nghiệp của NH đó là: ra quy định chức năng, nhiệm vụ của cán bộ văn phòng khoa và trợ lý hỗ trợ và quản lý sinh viên, HV; quy định chức năng, nhiệm vụ của cố vấn học tập cho các HV; quy định chức năng, nhiệm vụ của trợ lý đào tạo hỗ trợ cho HV; Quyết định thành lập bộ phận tư vấn, giám sát, hỗ trợ; Quyết định giáo viên chủ nhiệm chuyên ngành nhằm nắm bắt những thông tin liên quan đến viên thuộc diện cảnh báo học tập, tổ chức gọi điện hoặc gặp gỡ các em để tư vấn, hướng dẫn cụ thể tiến trình học tập, phương pháp học tập hiệu quả, lựa chọn môn học phù hợp,... giúp HV có kế hoạch học tập theo tiến độ CTĐT [H11.11.02.04]. Ngoài ra, Bộ môn KHCT, Viện NN&TN đã đề xuất và áp dụng các biện pháp học trực tuyến khi thời tiết cực đoan, làm các bài thi tiểu luận để giảm thiểu thời gian đi lại của HV; đồng thời khi vào học năm nhất, các giáo viên hướng dẫn đã chủ động hướng dẫn các HV làm thí nghiệm đồng ruộng để kịp thời gian tốt nghiệp.

Bên cạnh đó, Viện thường xuyên tổ chức một số hoạt động khởi nghiệp sáng tạo để định hướng phương pháp học tập hiệu quả cho HV, hướng dẫn HV tham gia các đề tài NCKH, đồng thời tăng cường hoạt động thực tế kết nối doanh nghiệp nhằm khích lệ lòng yêu nghề, tạo môi trường bổ ích để tăng cường chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cho HV [H11.11.02.05].

Để giúp Nhà trường có thông tin để điều chỉnh các nội dung giảng dạy, cách thức quản lý, tổ chức CTĐT ThS, nhà Trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi NH về GV và các hoạt động của Trường nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của trường Đại học Vinh [H11.11.02.06]

2. Điểm mạnh

Ban lãnh đạo Viện luôn chỉ đạo bộ môn KHCT nắm được tiến độ học tập của HV thông qua Chủ nhiệm chuyên ngành đào tạo KHCT, trợ lý đào tạo, cố vấn học tập để hỗ trợ HV kịp thời và hoàn thành được CTĐT đúng hạn. Hàng năm, Bộ môn KHCT và Viện NN và TN họp và làm biên bản, thông báo tới HV bị chậm hoặc chưa hoàn thành chương trình học... để NH nắm thông tin và có kế hoạch hoàn thành chương trình học kịp tiến độ. Tỷ lệ tốt nghiệp từ khóa K24-K28 đạt trên 90% (bảng 11.3).

3. Điểm tồn tại

Ngành KHCT cần kịp thời có những phân tích, dự báo tỷ lệ tốt nghiệp, điều chỉnh linh hoạt về CTĐT, nhất là các điều kiện đầu ra (chứng chỉ ngoại ngữ B1) cho các HV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện kế hoạch phối hợp với Chủ nhiệm chuyên ngành tiến hành rà soát, nhắc nhở HV thường xuyên, kịp thời hoàn thành các điều kiện đầu ra; đề xuất việc học các chứng chỉ xét điều kiện tốt nghiệp được tiến hành sớm hơn và có lộ trình học và học lại kịp thời với những HV chưa đạt	Viện/Khoa	Từ năm 2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy HV có ý thức với tiến độ học tập của bản thân. Ban lãnh đạo Viện luôn nắm được tiến độ học tập của HV thông qua chủ nhiệm chuyên ngành để hỗ trợ HV kịp thời.	Viện/Khoa	Từ năm 2023

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

So với đối tượng sinh viên bậc đào tạo đại học thì HV của các CTĐT thạc sĩ nói chung, chuyên ngành KHCT nói riêng có đặc thù về tình hình việc làm, đó là đại đa số học viên cao học đều đã và đang làm việc tại các cơ quan nhà nước hoặc tại các doanh nghiệp. Do đó, mối quan tâm của học viên không phải là việc làm mà là nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn trong lĩnh vực công tác và sự thăng tiến của vị trí công tác mà HV đang đảm nhận.

Từ khi nhập học, Nhà trường đã xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin học viên, trong đó có nội dung đơn vị công tác và vị trí công tác [H11.11.03.01]. Sau khi HV tốt nghiệp Nhà trường đã giao Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp chủ trì đầu mối thực hiện đồng thời phân cấp đến Khoa/Viện chỉ đạo trực tiếp các bộ phận chức năng tiến hành thu thập thông tin việc làm của 100% HV sau khi ra trường trong vòng 6 tháng và 1 năm theo quy định [H11.11.03.02]. Định kỳ, Trung tâm DV, HTSVQHDN đã triển khai thực hiện việc điều tra khảo sát HV sau tốt nghiệp theo chủ trương của Nhà trường [H11.11.03.03].

Về tỷ lệ việc làm sau tốt nghiệp, hầu như các HV chuyên ngành KHCT đăng ký học đã có việc làm từ trước, chỉ một số ít HV đăng ký học để nâng cao khả năng tìm việc. Theo báo cáo số liệu khảo sát của Nhà trường từ năm 2019 đến 2023 cho thấy HV ngành KHCT có việc làm với tỷ lệ 100%, tập trung chủ yếu làm việc trong khu vực cán bộ kỹ thuật, quản lý xã, huyện hoặc tỉnh. Qua khảo sát vị trí việc làm của HV K26, K27, K28 như bảng 11.4 sau:

Bảng 11.4. Kết quả khảo sát việc làm của HV K26-28

Khóa học	Năm học	Số lượng HV tốt nghiệp	Số HV có việc làm	Tỷ lệ việc làm (%)
K26	2018-2020	18	18	100
K27	2019-2021	19	19	100
K28	2020-2022	20	20	100

Như vậy, K26-K28 là các khóa đào tạo từ năm 2019-2022 thì hầu như các HV đã có việc làm và ở các vị trí công chức, chuyên viên trong cơ quan Nhà nước.

Nhằm nâng cao chuyên môn và các hoạt động thực tế, Bộ môn đã tổ chức cho các lớp đi hoạt động ngoại khóa. Đồng thời, thường xuyên báo cáo tiến độ học tập và thực hiện đề tài của các HV [H11.11.03.04].

Bộ môn KHCT đã kết hợp 12 đơn vị đào tạo để nâng cao kỹ năng chuyên môn và nghề nghiệp cho HV, cũng như tìm hiểu nhu cầu của các nhà tuyển dụng về phương pháp đào tạo NH. Quá trình đào tạo Bộ môn KHCT đã tiến hành khảo sát sát 88 cơ quan

Nhà nước và doanh nghiệp tư nhân về nhu cầu lao động thuộc ngành KHCT và cho thấy tiềm năng về sử dụng nguồn lao động thuộc lĩnh vực KHCT rất cao [H11.11.03.05].

Tỷ lệ HV tốt nghiệp có việc làm của ngành KHCT đạt rất cao, tuy nhiên để nâng cao hơn nữa tỷ lệ này thì Nhà trường và Khoa/Viện đã có nhiều biện pháp tích cực và thường xuyên như:

+ Tổ chức các khóa huấn luyện kỹ năng mềm với các chuyên gia có uy tín trong nước, tổ chức các chương trình rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho HV, tổ chức các chương trình tham quan thực tế, hoạt động cộng đồng, hoạt động thực tập nghề và thực tập tốt nghiệp của sinh viên ngành KHCT [H11.11.03.06].

+ Thường xuyên phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp tổ chức các diễn đàn tư vấn về tuyển dụng, hội thảo nghề nghiệp, hội chợ việc làm, tổ chức chương trình tư vấn và chia sẻ kinh nghiệm nghề nghiệp cho sinh viên cuối khoá; kết nối, giới thiệu việc làm cho HV cuối khoá [H11.11.03.07].

+ Các khóa đào tạo chương trình ThS KHCT kết thúc sau khi hoàn thành Khóa luận tốt nghiệp trong 6 tháng. Trước khi thực hiện, Bộ môn sẽ lên kế hoạch phân công giáo viên hướng dẫn luận văn cho các HV và trình lên nhà trường để ra quyết định giao đề tài và giáo viên hướng dẫn thực tập tốt nghiệp. Các HV được khuyến khích xây dựng đề tài nghiên cứu hoặc dưới sự gợi ý, giới thiệu địa điểm thực tập ở các cơ sở nhằm tạo điều kiện tìm hiểu và có cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp hoặc chuyển đổi vị trí việc làm sau này. Các tiến trình thực hiện được làm theo kế hoạch đã phê duyệt [H11.11.03.08].

2. Điểm mạnh

Trường có đơn vị chuyên trách về các hoạt động hỗ trợ NH tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp; tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ, tư vấn, giới thiệu việc làm cho NH.

Hầu như HV sau khi tốt nghiệp được làm đúng ngành nghề, làm tốt công việc được giao và hài lòng về mức thu nhập.

3. Điểm tồn tại

Viện và Nhà trường tiến hành khảo sát đối với HV tốt nghiệp về tình trạng việc làm nhưng số lượng phân tích đối sánh với các ngành khác ngoài ngành KHCT trong cả nước còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và khảo sát việc làm của HV tốt nghiệp ở diện rộng và thêm nhiều đối	- Trung tâm DV, HTSV & QHDN - Viện NN và TN	Hàng năm, kể từ năm 2023	

		sánh.			
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên thu thập thông tin phản hồi, cung cấp và hỗ trợ thông tin việc làm cho HV đã tốt nghiệp.	- Trung tâm DV, HTSV & QHDN - Viện NN và TN	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động NCKH của NH luôn được nhà trường quan tâm, điều này thể hiện trong quyết định ban hành Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018-2025, số 766/QĐ-ĐHV ngày 31/8/2018 [H11.11.04.01]. Trường ĐH Vinh có bộ phận chuyên trách quản lý KHCN (phòng KH&HTQT) tham mưu cho Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển KHCN phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ nhân lực hiện có cũng như với sứ mạng phát triển của Nhà trường [H11.11.04.02]. Hoạt động nghiên cứu khoa học của người học được quy định tại công văn số 480/QĐ-ĐHV ngày 09/5/201 Quy định về quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Vinh. Năm 2022 Nhà trường ban hành quy định về hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong đó Hoạt động nghiên cứu khoa học của người học được đề cập đến tại Điều 52 [H11.11.04.03].

Hoạt động nghiên cứu của NH được hướng dẫn và giám sát. Căn cứ vào nhiệm vụ trong quy định về quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Vinh, chiến lược phát triển KHCN của trường giai đoạn 2018-2025, nhà trường ban hành các văn bản hướng dẫn về việc thực hiện và giám sát hoạt động NCKH của NH. Các đơn vị chịu trách nhiệm giám sát bao gồm: Phòng KH&HTQT, Phòng Đào tạo, Phòng Kế hoạch Tài chính, Phòng CTCT-HSSV, phòng HCTH và Ban chủ nhiệm, Hội đồng khoa học và đào tạo các Khoa/Viện [H11.11.04.04].

Trường đã thành lập Trung tâm THTN, sắp xếp lại hệ thống PTN và trang thiết bị, nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động NCKH của HV, giúp NH phát huy tối đa khả năng tự học, tự nghiên cứu. Thêm vào đó, Trường cũng đẩy mạnh số hóa nguồn tài liệu tham khảo đồng thời luôn bổ sung, cập nhật hàng năm nhằm giúp NH tìm kiếm thông tin khoa học một cách dễ dàng, thuận tiện [H11.11.04.05].

Phòng KH&HTQT có nhiệm vụ hướng dẫn lập hồ sơ theo dõi tiến độ cũng như hỗ trợ NH trong thời gian thực hiện đề tài và hướng dẫn nghiệm thu theo quy định. Toàn bộ quá trình thực hiện các đề tài NCKH đều được thông báo tới các cá nhân, đơn vị liên quan bằng văn bản, email, website của Nhà trường [H11.11.04.06].

Để hoạt động NCKH của HV ngành KHCT diễn ra thuận lợi, Trường giao trách

nhiệm cho bộ phận chuyên môn – Bộ môn KHCT, thuộc Viện Nông nghiệp - Tài nguyên (NN và TN) đảm nhiệm việc hướng dẫn, hỗ trợ, giám sát HV trong quá trình thực hiện đề tài. Để đảm nhiệm trọng trách mà nhà trường giao phó, Bộ môn KHCT với đội ngũ GV, các nhà khoa học có học vị và chuyên môn vững vàng tham gia hướng dẫn NH thực hiện tốt hoạt động NCKH, viết các tài liệu tham khảo, bài báo khoa học có sự tham gia của NH [H11.11.04.07].

Kết quả hoạt động NCKH của HV ngành KHCT thể hiện ở nhiều hoạt động khác nhau như tham gia các sinh hoạt học thuật (seminar khoa học của bộ môn), tham gia báo cáo khoa học của các đề tài nghiên cứu. Một quy định của CTĐT trình độ ThS là học viên bắt buộc phải thực hiện luận văn tốt nghiệp và theo quy định luận văn ThS là một báo cáo khoa học [H11.11.04.08]. Thêm vào đó, HV còn tham gia viết bài công bố trên các tạp chí khoa học của tỉnh Nghệ An và ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Cụ thể, giai đoạn từ 2018 – 2023, có 6 HV có bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước có uy tín [H11.11.04.09].

Bảng 11.5. Kết quả NCKH của HV giai đoạn 2018 - 2023

TT	Loại hình NCKH	Năm học				
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1	Số bài báo công bố	2	0	1	2	
2	Số giải thưởng NCKH	5	5	5	5	

Đặc biệt, các bài báo của HV đều gắn liền với công trình nghiên cứu luận văn ThS và một trong những nội dung quan trọng thuộc đề tài KHCVN cấp tỉnh, cấp trường của GV.

Ngoài ra, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường và Viện NN và TN luôn có chính sách khuyến khích, động viên và khích lệ hoạt động NCKH kịp thời nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, góp phần giúp NH có kiến thức chuyên sâu, có động lực học tập, khả năng sáng tạo, linh hoạt và chủ động vận dụng kiến thức đã học vào các hoạt động nghiên cứu cụ thể. Hằng năm Viện tổ chức trao giải thưởng cho hoạt động nghiên cứu xuất sắc và từ năm học 2019 – 2022, mỗi năm đều có 5 HV nhận được các giải thưởng cho hoạt động NCKH xuất sắc. [H11.11.04.10].

Thêm vào đó, hằng năm, Đoàn trường đại học Vinh còn tổ chức cuộc thi khởi nghiệp – sáng tạo nhằm giúp NH phát huy các ý tưởng KHCVN và khả năng vận dụng chúng vào thực tiễn. Đồng thời giúp NH tăng cường tính tự chủ, độc lập và sáng tạo [H11.11.04.11].

Qua việc so sánh hoạt động NCKH của HV học tại Trường Đại học Vinh với CDR của trường uy tín trên thế giới (Trường Oregon, Mỹ) cho thấy có nhiều điểm tương đồng về việc khuyến khích, tăng cường hoạt động NCKH cho NH. Mặc dù Trường Oregon không công bố con số cụ thể về số công trình nghiên cứu và số bài báo được đăng qua các năm, nhưng Trường nhấn mạnh hoạt động nghiên cứu, kết quả nghiên cứu của HV thông

qua CDR cần đạt [H11.11.04.12]. Trong khi đó, Trường Đại học Vinh giao nhiệm vụ cho tổ chuyên môn hướng dẫn HV NCKH, thông qua việc khuyến khích HV tham gia các đề tài nghiên cứu, tham gia hoạt động seminar, viết báo cáo khoa học... Điều này chứng tỏ Trường Đại học Vinh đã và đang nỗ lực trong việc cập nhật xu hướng của thế giới về hoạt động NCKH của NH để có các giải pháp và chiến lược phát triển phù hợp.

1. Điểm mạnh

Dưới sự hướng dẫn của GV hướng dẫn, các HV luôn chủ động, độc lập trong quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu của mình. Kết quả thu được, được xử lý thống kê, sắp xếp khoa học và viết báo. Trong giai đoạn từ 2018 – 2022, hằng năm Viện NN-TN đều trao giải thưởng cho các HV có thành tích NCKH xuất sắc và đặc biệt có 6 bài báo được xuất bản trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín trong nước.

2. Điểm tồn tại

Tỷ lệ HV có công trình nghiên cứu còn thấp.

3. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường nguồn lực cho hoạt động NCKH của NH.	- Phòng KH&HTQT - Phòng KHTC - Viện NN và TN	Hàng năm, từ năm 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tăng cường các đề xuất NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phục vụ thực tiễn địa phương và phù hợp với chiến lược phát triển KHCN của nhà trường. - Tăng cường khuyến khích HV tham gia các đề tài các cấp, giải quyết các vấn đề mang tính thực tiễn.	- Phòng KH&HTQT - Phòng KHTC - Viện NN và TN	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Để đo lường sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động ĐT SDH, NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NV, cơ sở vật chất, Nhà trường đã ban hành các quy định và quy trình

lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Trên cơ sở đó, Phòng ĐT SDH và Viện NN&TN phối hợp với Trung tâm ĐBCL thực hiện khảo sát lấy ý kiến HV các nội dung liên quan như: hoạt động hỗ trợ người học, cơ sở vật chất, chất lượng giảng dạy của GV, chất lượng khóa học [H11.11.05.01]. Bên cạnh đó, việc tổ chức các hội nghị CB, viên chức, Hội nghị CB chủ chốt, Hội nghị cán bộ trẻ là hoạt động hàng năm của Nhà trường nhằm lấy ý kiến đóng góp về việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch năm học mới để cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt đối với công tác tổ chức và quản lý đào tạo. GV và chuyên viên của Viện NN và TN được tham dự các Hội nghị CB viên chức và tham gia đối thoại với lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo các Phòng, Ban để tạo môi trường dân chủ, thẳng thắn đóng góp ý kiến của cán bộ trong việc hoạch định chính sách, trong đó đặc biệt lưu ý đến việc nâng cao chất lượng CTĐT [H11.11.05.02].

Mỗi học kỳ, Trường đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH (sinh viên, HV các khóa đang học tại trường) về chất lượng giảng dạy các học phần nhằm thu thập thông tin phản hồi để làm cơ sở phân tích, đánh giá học phần và CTĐT cũng như các dịch vụ công để có sự điều chỉnh, cải tiến chương trình dạy học và dịch vụ hỗ trợ [H11.11.05.03]. Để hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan đi vào chiều sâu và thực chất. Từ năm 2018, Nhà trường tiến hành khảo sát đo lường sự hài lòng của các bên liên quan đối với dịch vụ giáo dục công tại trường Đại học Vinh [H11.11.05.04]. Nội dung khảo sát được phân chia thành 4 nhóm chủ đề chính, bao gồm ý kiến đánh giá về: (1) CTĐT, (2) GV, (3) Tổ chức đào tạo và cơ sở vật chất cho đào tạo, (4) Mức độ đáp ứng mong đợi của HV. Kết quả khảo sát được thể hiện ở bảng 11.6.

Bảng 11.6. Tổng hợp kết quả đánh giá của NH về dịch vụ dạy học tại trường Đại học Vinh

Năm	Tỷ lệ NH trả lời ở mức độ tốt (mức độ đáp ứng NH từ 90% trở lên) (%)	Tỷ lệ NH trả lời ở mức độ khá (mức độ đáp ứng NH từ 70-89%) (%)	Tỷ lệ NH trả lời ở mức độ trung bình (mức độ đáp ứng NH từ 50-69%) (%)	Tỷ lệ NH trả lời ở mức độ chưa đạt (mức độ đáp ứng NH dưới 50%) (%)
2016-2017	80,3	14,4	3,2	2,1
2017-2018	85,4	2,2	11,7	0,7
2018-2019	87,3	10,3	1,7	0,7
2019-2020	86,3	10,8	2	0,9
2020-2021	86,6	10,4	2,1	0,9
2021-2022	89,1	9,0	1,4	0,5

Năm 2018, với tổng số phiếu NH trả lời là 78.224, trong đó có 62.853 (khoảng 80%) phiếu đánh giá tốt (với mức độ đáp ứng NH từ 80% trở lên). Đặc biệt trong những năm học gần đây (từ 2019 – 2022), tỷ lệ NH đánh giá tốt về CTĐT, chất lượng đội ngũ

giáo viên và dịch vụ công của trường với mức trên 85%, thậm chí năm 2022 đạt 89,1% [H11.11.05.05].

Năm 2023, Trường và Viện NN-TN còn tiến hành khảo sát mức độ hài lòng về CTĐT, hoạt động đào tạo trình độ ThS ngành KHCT của HV đang theo học tại Viện NN, HV sắp tốt nghiệp (K30), nhà tuyển dụng, cựu HV cho kết quả tốt. Kết quả khảo sát đánh giá của các nhà tuyển dụng lao động về kiến thức và kỹ năng của HV sau khi tốt nghiệp CTĐT ThS ngành KHCT với 13 nội dung cho thấy: mức điểm trung bình dao động từ 3,86-4,86 điểm, đa số các kỹ năng được đánh giá ở mức đồng ý (4 điểm) và hoàn toàn đồng ý (5 điểm). Kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của HV, cựu HV về CTĐT, đa số các kỹ năng được đánh giá ở mức đồng ý (4 điểm) và hoàn toàn đồng ý (5 điểm) [H11.11.05.06]. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập thông tin phản hồi từ các cựu HV, Nhà trường và Viện NN và TN đã xây dựng mạng lưới liên kết cựu sinh viên, HV nhằm lấy ý kiến về CTĐT và CDR [H11.11.05.07] để làm cơ sở đánh giá, cải tiến CTĐT và CDR của ngành.

Ngoài ra, Trường và Viện NN và TN hàng năm đã tiến hành khảo sát vị trí việc làm của cựu HV để đánh giá được tỷ lệ HV ra trường có việc làm, lĩnh vực làm việc và vị trí công tác. Qua kết quả điều tra của Viện Nông nghiệp Tài nguyên về vị trí việc làm của HV 3 khóa K26, K27 và K28 cho thấy 100% HV đều có việc làm trong các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp. Trong đó, có một số HV đã và đang giữ các vị trí quan trọng như trưởng phòng, trưởng phó các xã... [H11.11.05.08].

Nhà trường thực hiện việc đối sánh kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan giữa các CTĐT trong Trường theo từng năm học [H11.11.05.09]. Tuy nhiên chưa có sự đối sánh giữa các năm học với nhau với các cơ sở giáo dục khác. Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên được thông báo đến các đơn vị trong toàn trường để tự điều chỉnh hoạt động của mình trong thực hiện chức năng nhiệm vụ.

2. Điểm mạnh

Kết quả khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát là cơ sở để Viện NN & TN và Nhà trường nâng cao chất lượng dạy học, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Các ý kiến phản biện từ các bên liên quan hàng năm được Viện NN và TN nghiêm túc tiếp thu, thực hiện phân tích, đối sánh và điều chỉnh, nhưng chưa có một kế hoạch chiến lược tổng thể phân tích cả chu kỳ để cải tiến chất lượng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú

1	Khắc phục tồn tại	Từ năm 2023, Nhà trường phối hợp với Viện NN-TN để khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để xây dựng kế hoạch tổng thể nhằm cải tiến chất lượng chương trình.	Trường ĐH Vinh; Viện NN và TN	Từ năm 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện định kỳ, thường xuyên và xử lý đầy đủ thông tin phản hồi của các bên liên quan cho mục đích cải tiến chất lượng CTĐT và nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo của nhà trường	Bộ phận ĐBCL, các GV Khoa/Viện	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Nhà trường có hệ thống quản lý và hỗ trợ NH đến cấp Khoa/Viện, với các quy định, quy trình cụ thể và phần mềm hỗ trợ để xác lập, giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học. Trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi và đã triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi từ NH, GV, CB, nhà tuyển dụng; có quy định rõ ràng về xử lý thông tin phản hồi và sử dụng nhằm mục đích cải tiến chất lượng CTĐT. Ban lãnh đạo Viện NN&TN luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua Chủ nhiệm chuyên ngành, Trợ lý Đào tạo, Cố vấn học tập và các phòng ban liên quan, nên tỷ lệ NH ngành KHCT bị buộc thôi học thấp, tỷ lệ NH tốt nghiệp ra Trường khá cao. Đa số HV đã có việc làm từ trước khi tham gia học tập, việc học tập sau đại học giúp HV được gia tăng kiến thức chuyên ngành, kỹ năng mềm để nâng cao chất lượng cho công việc đang công tác hiện tại. Viện có nhiều cơ chế khuyến khích, hỗ trợ cho HV tham gia NCKH cấp Viện. Các ý kiến phản hồi của các bên liên quan hàng năm được Viện nghiêm túc tiếp thu, đánh giá, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT của ngành KHCT. Tuy nhiên, tỷ lệ HV tham gia NCKH chưa cao, chưa tương xứng với tiềm năng của ngành.

Điểm tồn tại đó là tỷ lệ HV có công trình nghiên cứu còn thấp. Các ý kiến phản biện từ các bên liên quan chưa có một kế hoạch chiến lược tổng thể phân tích cả chu kỳ để cải tiến chất lượng. Nhà trường, Viện cần có thêm cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích HV: điều chỉnh linh hoạt về CTĐT, nhất là các điều kiện đầu ra (chứng chỉ ngoại ngữ B1) để giảm tỷ lệ thôi học của ngành.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Viện NN&TN, trường Đại học Vinh đã triển khai Tự đánh giá CTĐT trình độ ThS ngành KHCT theo bộ tiêu chuẩn ban hành kèm thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT. Nhận thức rõ tầm quan trọng của hoạt động này Nhà trường đã triển khai đồng bộ và có sự tham gia của tất cả thành viên Hội đồng tự đánh giá, phòng ban chức năng và Viện NN&TN. Với mục đích của Nhà trường trong lần tự đánh giá này là có được một bức tranh toàn cảnh được đánh giá chân thực về ngành đào tạo KHCT, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hướng tới đạt được yêu cầu đối với một trường đại học trọng điểm, một trung tâm lớn của quốc gia về đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và đổi mới sáng tạo, hoàn thành trọng trách đối với Đảng, Nhà nước, Bộ GD-ĐT và toàn xã hội.

Trong quá trình thực hiện, Nhà trường và Viện NN&TN phụ trách ngành KHCT đã nhận được sự đồng thuận cao từ cán bộ, HV của Nhà trường cũng như tất cả các bên liên quan. Quá trình thực hiện tự đánh giá theo đúng hướng dẫn quy định.

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT

- Viện NN&TN đã xây dựng, định kì rà soát, bổ sung sứ mạng và mục tiêu cho các ngành đào tạo trong đó có ngành KHCT, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cung cấp cho khu vực Bắc Trung bộ và cả nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước cũng như của các tỉnh Bắc Trung bộ. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng hướng đào tạo chuyên sâu và có hướng đến đạt được sứ mạng và tầm nhìn thể hiện trong các văn bản chính thức của Nhà trường và cơ bản phản ánh được yêu cầu của thị trường lao động. CTĐT có mục tiêu phù hợp với mục tiêu của GDDH quy định tại Luật GDDH. CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CDR của CTĐT đã nêu được cụ thể kiến thức, kỹ năng và triển vọng việc làm trong tương lai của HV. CDR của CTĐT được xây dựng có sự tham gia và đóng góp ý kiến của các bên liên quan, được rà soát, điều chỉnh hàng năm và được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau.

- Bản mô tả CTĐT ThS ngành KHCT đã trình bày đầy đủ các nội dung, thông tin, được cập nhật và tích hợp những vấn đề mới nhất liên quan. Tất cả đề cương các học phần trong CTĐT có đầy đủ thông tin. Đề cương học phần được định kỳ bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các học phần, danh mục tài liệu hàng năm. Bản mô tả CTĐT cũng như tất cả đề cương các học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau và được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, HV, cựu HV... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần một cách dễ dàng và thuận tiện nhất.

- CTĐT trình độ ThS ngành KHCT được thiết kế dựa trên khối kiến thức chung,

kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Chương trình được thiết kế đáp ứng các tiêu chuẩn của đào tạo trình độ ThS ngành KHCT, được định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và có sự tham gia của các bên liên quan. Các học phần trong CTĐT ngành KHCT được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết sự phát triển và đánh giá CĐR, kỹ năng. Các học phần trong CTĐT trình độ ThS ngành KHCT có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR của CTĐT.

- Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Nhà trường được tuyên bố rõ ràng và phổ biến rộng rãi cho các bên liên quan và NH nắm rõ trên hệ thống website của Nhà trường. Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường được tất cả cán bộ, GV và NH của trường hiểu rõ và thực hiện thông qua việc thay đổi PPDH theo hướng tiếp cận CDIO từ khóa 30 của trường và triển khai dạy học theo đề án một số học phần trong CTĐT.

- Viện NN&TN đã và đang quan tâm rất lớn đến việc học tập của HV như việc triển khai thực tế, thực tập tại các cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất ngoài trường. Đội ngũ cán bộ, viên chức của Viện NN&TN thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, đạo đức nhà giáo, phương pháp giáo dục đa dạng và phong phú, có nhiều công trình NCKH được ứng dụng cho sự phát triển kinh tế, sản xuất nông nghiệp khu vực Bắc Trung bộ, có nhiều buổi sinh hoạt chuyên đề về đổi mới phương pháp giảng dạy tích cực, rút ra được những kinh nghiệm, nâng cao chất lượng dạy và học để đạt được CĐR của CTĐT.

- Các hoạt động dạy và học, các chương trình hoạt động của Trường và Viện NN&TN đưa ra đã tạo động lực cho HV ngành KHCT rèn luyện các kỹ năng, giúp HV có thói quen độc lập suy nghĩ, giải quyết vấn đề trong học tập, tự tin trong việc lựa chọn nghề nghiệp của mình. GV đã sử dụng các PPDH tích cực, thiết kế các hoạt động học tập trải nghiệm, thực tế, thực tập tại cơ sở sản xuất, doanh nghiệp hàng đầu về ngành nghề nhằm rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

- Việc đánh giá kết quả học tập của ngành KHCT đảm bảo tính phù hợp với CĐR của học phần cũng như CĐR của CTĐT. Những kiến thức, kỹ năng cần thiết trong thực tiễn công việc được giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và đồng thời có sự điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tiễn của NH sau khi tốt nghiệp. Kế hoạch và các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả NH theo CTĐT trình độ ThS ngành KHCT rõ ràng, đúng kế hoạch và thông báo tới NH. Công tác đánh giá kết quả học tập của NH được thực hiện theo đúng quy trình. Phương pháp đánh giá, các quy trình đánh giá được thiết kế khoa học dựa theo CĐR, dựa trên các tiêu chí đánh giá theo tiếp cận năng lực nhằm đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và hướng tới sự công bằng.

- Công tác quy hoạch đội ngũ của ngành KHCT được chú trọng thực hiện đồng bộ từ Trường đến Viện theo đúng quy trình, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, đảm bảo có đủ đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD. Nhà

trường luôn chú trọng công tác đo lường, giám sát cả về khối lượng lẫn chất lượng công việc của GV theo định kỳ, làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH phục vụ cộng đồng.

- Nhà Trường có hệ thống các văn bản quy định rõ ràng và đầy đủ về tiêu chuẩn và tiêu chí lựa chọn tuyển dụng, bổ nhiệm GV, làm cơ sở cho công tác lựa chọn và tuyển dụng bổ nhiệm GV được tiến hành một cách công khai, minh bạch, xuất phát từ nhu cầu nhân lực của các đơn vị trong Trường. Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng. Hàng năm, Viện NN&TN và Nhà trường đều thực hiện đánh giá năng lực GV với nhiều hình thức đa dạng và ở nhiều cấp độ khác nhau. Nhà trường và Viện NN&TN đã xác định đúng nhu cầu đào tạo, có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của GV. Việc thực hiện các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được giám sát, đánh giá hàng năm. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được quy định và triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong cán bộ, viên chức. Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của GV đã tạo động lực và hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV ngành KHCT.

- Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Viện NN&TN và của Trường Đại học Vinh đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, được tuyển dụng đúng quy định của Nhà trường một cách công khai, minh bạch, rõ ràng. Nhà trường và Khoa luôn khuyến khích và tạo điều kiện để nhân viên hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa hiện nay đảm bảo nhiệm vụ phục vụ công tác đào tạo ThS ngành KHCT và NCKH của Khoa và Nhà trường. Tuy nhiên, vẫn còn một vài hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới như mô tả thật cụ thể vị trí việc làm; rà soát tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc và tăng cường bồi dưỡng kỹ năng mềm cho đội ngũ nhân viên.

- Nhà trường và Viện NN&TN đã có chính sách tuyển sinh rõ ràng, được công khai và cập nhật hằng năm, đảm bảo tuyển được số lượng HV có kết quả và năng lực tốt, thu hút được HV tham gia thi tuyển vào ngành KHCT Các hoạt động tư vấn học tập được Viện NN&TN và Phòng đào tạo SDH triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của HV. Hệ thống giám sát về sự tiến bộ trong học tập, về kết quả học tập và khối lượng học tập của HV tương đối hiệu quả. Môi trường học tập và nghiên cứu xanh, sạch đẹp, an toàn, không bạo lực, không tệ nạn xã hội tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho HV.

- Nhà trường đã đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập phục vụ CTĐT ngành KHCT bao gồm hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với đầy đủ các trang thiết bị. Thư viện và các nguồn học liệu, hệ thống CNTT, hạ tầng trực tuyến, phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp, được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa đã hình thành và xác định cụ thể các điều kiện về môi

trường, sức khỏe, an toàn nhằm hỗ trợ và đảm bảo các hoạt động đào tạo và NCKH, đáp ứng nhu cầu của GV và NH, đạt được các mục tiêu đề ra của Nhà trường nói chung và ngành KHCT, Viện NN&TN nói riêng.

- Việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo ngành cao học KHCT xem là nhiệm vụ trọng tâm để phát triển ngành học, đã được Nhà trường và Ban lãnh đạo Viện thiết lập một cách bài bản, định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Nhà trường, Viện đã triển khai lấy thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan, sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT và CTDH. Cụ thể, việc thiết kế CTDH căn cứ vào CTĐT trình độ ThS ngành KHCT và kế hoạch biên soạn, xây dựng chương trình giáo dục sau đại học hệ chính quy của Nhà trường. Thông tin phản hồi từ các nhà tuyển dụng, cựu HV là căn cứ để Nhà trường tiến hành cập nhật, điều chỉnh CTDH cho phù hợp; ứng dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội. Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra đa dạng, linh hoạt đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của NH ở từng học phần. GV, HV ngành KHCT tham gia tích cực trong NCKH và vận dụng có hiệu quả kết quả nghiên cứu để cải tiến công tác dạy và học. Đội ngũ GV có nhiều đề tài đã gắn liền với các hoạt động giảng dạy và học tập, giúp nâng cao hiệu quả của công tác giảng dạy và học tập của ngành KHCT. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đã đáp ứng được nhu cầu của NH, đảm bảo cho việc học tập của HV đạt kết quả tốt. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống và được áp dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ dạy và học.

- Nhà trường có hệ thống quản lý và hỗ trợ NH đến cấp Khoa/Viện, với các quy định, quy trình cụ thể và phần mềm hỗ trợ để xác lập, giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học. Trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi và đã triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi từ NH, GV, CB, nhà tuyển dụng; có quy định rõ ràng về xử lý thông tin phản hồi và sử dụng nhằm mục đích cải tiến chất lượng CTĐT. Ban lãnh đạo Viện NN&TN luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua Chủ nhiệm chuyên ngành, Trợ lý Đào tạo, Cố vấn học tập và các phòng ban liên quan, nên tỷ lệ NH ngành KHCT bị buộc thôi học thấp, tỷ lệ NH tốt nghiệp ra Trường khá cao. Đa số HV đã có việc làm từ trước khi tham gia học tập, việc học tập sau đại học giúp HV được gia tăng kiến thức chuyên ngành, kỹ năng mềm để nâng cao chất lượng cho công việc đang công tác hiện tại. Viện có nhiều cơ chế khuyến khích, hỗ trợ cho HV tham gia NCKH cấp Viện. Các ý kiến phản hồi của các bên liên quan hàng năm được Viện nghiêm túc tiếp thu, đánh giá, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT của ngành KHCT

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT

- Việc khảo sát các bên liên quan về mục tiêu CTĐT còn hạn chế. Quá trình khảo

sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CDR còn chưa thường xuyên đầy đủ.

- Quá trình cập nhật CTĐT có tham chiếu và đối sánh với các CTĐT trong nước chưa nhiều và thường xuyên, dữ liệu phản hồi từ các bên liên quan làm cơ sở cho việc cập nhật chưa thực sự phong phú. Phân tích dữ liệu đánh giá kết quả học tập của HV sau mỗi học phần chưa được tiến hành sâu đến các nội dung kiến thức để có cơ sở cải tiến nội dung cụ thể và kế hoạch dạy học của từng học phần. Tốc độ cải tiến, cập nhật cơ sở dữ liệu của bản mô tả CTĐT vẫn còn chậm, chưa ban hành công khai kịp thời các bản cập nhật mới nhất.

- Việc bố trí giảng dạy các học phần dự án liên tục trong 1 kỳ của các học phần chuyên ngành sẽ gây khó khăn cho NH.

- Công tác quảng bá, truyền thông về triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường, của Viện đôi khi chưa hiệu quả tới các bên liên quan và cần mở rộng đối tượng đến các nhà tuyển dụng. HV tham gia vào quá trình học còn có thói quen học tập theo tiếp cận nội dung thay vì tiếp cận năng lực và chưa thực sự chủ động trong việc tự học nên hiệu quả học tập chưa cao.

- Các quy định về việc ra đề thi, tiêu chí đánh giá kết thúc học phần trong đào tạo ThS theo tiếp cận CDIO từ khoá 30 chưa được điều chỉnh và cập nhật theo các hình thức thi mới trên hệ thống LMS của Nhà trường. Công tác rà soát, đổi mới bộ đề thi, đổi mới cách ra đề thi, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá học phần bằng tiểu luận/đồ án cho một số học phần chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục để phù hợp với thực tiễn và đặc thù của môn học. Các thủ tục, quy trình khiếu nại kết quả học tập do thực hiện qua nhiều công đoạn, bộ phận chức năng của Nhà trường nên thời gian xử lý chưa nhanh.

- Việc thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao năng lực ngoại ngữ cho cán bộ GV, NCKH ứng dụng thực tiễn vùng miền còn chưa thực sự có hiệu quả.

- Nhà trường, Viện NN&TN chưa thực sự mô tả cụ thể vị trí việc làm; rà soát tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc và tăng cường bồi dưỡng kỹ năng mềm cho đội ngũ nhân viên.

- Nhà trường chưa tận dụng được kênh thông tin từ đội ngũ cựu NH và nhà tuyển dụng trong việc quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh của trường cũng như của ngành KHCT, Viện NN&TN chưa tận dụng triệt để và hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu để giám sát tốt hơn quá trình học tập, rèn luyện cũng như tiến trình tiến bộ của NH.

- Một số máy tính phục vụ cho dạy học chưa được thay thế kịp thời, một số tài liệu mới thuộc lĩnh vực chuyên ngành KHCT cần được thư viện bổ sung cập nhật mới. Đồng thời, Nhà trường cần quan tâm đến việc bố trí các không gian sinh hoạt chuyên môn, seminar cho bộ môn và trại thực hành giảng dạy cho sinh viên, HV trong đào tạo kỹ sư trình độ đại học, ThS KHCT

- Một số hình thức lấy ý kiến phản hồi chưa được đánh giá, phân tích về mức độ hiệu quả và độ tin cậy của thông tin. Một số NH chưa ý thức được trách nhiệm, quyền

lợi của mình khi thực hiện lấy ý kiến NH nên chưa thực hiện. Một số học phần vẫn còn nặng về kiến thức lý thuyết, thiếu thực hành, thực tế, kỹ năng thực tiễn chưa thể hiện rõ; các hoạt động dạy học chưa đa dạng; một số tiêu chí đánh giá chưa thống nhất giữa các học phần, chưa đánh giá đầy đủ CĐR CTĐT tiếp cận CDIO. Bên cạnh đó, số lượng GV có bài công bố quốc tế, hợp tác với nước ngoài còn ít.

- Trường và Viện chưa có một kế hoạch tổng thể để phân tích cả chu kỳ cải tiến chất lượng, chưa có phân tích dự báo tỷ lệ HV thôi học của ngành sát thực tế để có chính sách hỗ trợ phù hợp. Một số HV chưa chủ động lập kế hoạch học tập của cá nhân, nhất là điều kiện để đạt CĐR ngoại ngữ B2. Tỷ lệ HV tham gia NCKH chưa cao dẫn đến số lượng công trình công bố còn ít, chưa tương xứng với tiềm năng của ngành

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT

Khắc phục những tồn tại ở trên nhằm cải tiến chất lượng CTĐT trình độ ThS ngành KHCT thì cần thiết phải thực hiện một số nội dung sau:

- Tiến hành khảo sát các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT một cách rộng rãi, toàn diện hơn đối với các bên liên quan. Lấy ý kiến phản hồi thường xuyên và đầy đủ các bên liên quan về CTĐT, CĐR, bản mô tả để xây dựng báo cáo phân tích dữ liệu phục vụ rà soát, điều chỉnh CTĐT. Thường xuyên cập nhật các chương trình tiên tiến ở trong và ngoài nước và chỉnh sửa bổ sung các học phần trong CTĐT cần có sự tham gia của các bên liên quan. Thường xuyên điều chỉnh, cập nhật đề cương học phần để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ của bản đề cương nhằm cải tiến chất lượng.

- Cần tổ chức các buổi tập huấn, hội nghị/hội thảo, tọa đàm về phương pháp giảng dạy và học tập cho GV, HV.

- Tăng cường cơ sở hạ tầng, hệ thống mạng và tài liệu đảm bảo thuận lợi cho GV, HV tra cứu, phản hồi trong giảng dạy, học tập, nghiên cứu.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ thu nhập cho đội ngũ nhân viên theo vị trí việc làm, đặc biệt là cán bộ làm ở các cơ sở 2 của Nhà trường. Cần thường xuyên có sự công khai quy hoạch các vị trí việc làm trong toàn trường để có tạo điều kiện cho các cán bộ có sự phát triển năng lực hướng tới.

- Thực hiện đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp và tỉ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ có việc làm của NH sau khi tốt nghiệp. Phân tích dự báo, báo cáo tiến độ học tập của HV ngành KHCT.

- Tăng cường khảo sát sự hài lòng đối với nhà sử dụng lao động và cựu HV, thực hiện thống kê, phân tích và báo cáo các kết quả khảo sát cho Viện, các đơn vị liên quan để nâng cao chất lượng.

4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Vinh

Mã: TDV

Tên CTĐT: KHCT

Mã CTĐT: 8620110

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								5,00	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2										
Tiêu chí 2.1					5			5,00	3	100%
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3										
Tiêu chí 3.1					5			5,00	3	100%
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4										
Tiêu chí 4.1					5			5,00	3	100%
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5										
Tiêu chí 5.1					5			5,00	5	100%
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6										
Tiêu chí 6.1					5			5,00	7	100%
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
Tiêu chuẩn 7										

Tiêu chí 7.1					5			5,00	5	100%
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu chuẩn 8										
Tiêu chí 8.1					5			5,00	5	100%
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9										
Tiêu chí 9.1					5			5,00	5	100%
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1					5			5,00	6	100%
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11										
Tiêu chí 11.1					5			5,00	5	100%
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								5,00		100%

Nghệ An, ngày 15 tháng 01 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

PHẦN IV. PHỤ LỤC

1) Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT:

(Thời điểm báo cáo: tính đến 12 /2023):

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Trường Đại học Vinh
 - Tiếng Anh: Vinh University
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: TDV
 - Tiếng Anh: VinhUni
3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Vinh
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ GD&ĐT
5. Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 0238 3855 452 (số máy lẻ 238) Số fax: 038 3855 269
7. E-mail: vinhuni@vinhuni.edu.vn Website: www.vinhuni.edu.vn
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1959
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1959
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1961
11. Loại hình cơ sở giáo dục:
 - Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thực ☐

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện CTĐT

12. Tên đơn vị thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Viện NN&TN
 - Tiếng Anh: School of Agriculture and Natural resources
13. Tên viết tắt của Bộ môn thực hiện CTĐT:
 - Tiếng Việt: Bộ môn KHCT
 - Tiếng Anh: Department of Plant science
14. Tên trước đây (nếu có): Bộ môn Nông học
15. Mã CTĐT: 8620110
16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): ThS trồng trọt
17. Địa chỉ của Viện NN&TN thực hiện CTĐT: Tầng 2 nhà điều hành Cơ sở 2 - Trường ĐH Vinh.
18. Số điện thoại liên hệ: 02383.855.452; Số fax: 02388.552.269
- E-mail: viennnntn@vinhuni.edu.vn; Website: <https://viennnntn.vinhuni.edu.vn/>
19. Năm thành lập ngành KHCT: 2009; Năm thành lập Viện NN&TN: 2017
20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2009
21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2012

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện CTĐT

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT:

Lịch sử phát triển và cơ cấu tổ chức

Ngày 17 tháng 4 năm 2002 Bộ trưởng Bộ GD&ĐT đã ký Quyết định Số 1715/QĐ-TCCB, về việc thành lập khoa Nông Lâm Ngư, thuộc Trường Đại học Vinh trên cơ sở Bộ môn Sinh - Kỹ thuật Nông nghiệp, Khoa Sinh học. Khoa Nông Lâm Ngư ra đời với nhiệm vụ Đào tạo đại học và sau đại học; NCKH và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Trên cơ sở đó, ngành Nông học được Trường Đại học Vinh được thành lập vào năm 2002, trực thuộc khoa Nông Lâm Ngư và tuyển sinh đào tạo trình độ đại học khóa đầu tiên năm 2002-2007; tiếp đến ngành đào tạo trình độ ThS KHCT được Trường Đại học Vinh được thành lập năm 2009 trực thuộc khoa Nông Lâm Ngư và tuyển sinh khóa đầu tiên năm học 2009-2010.

Thực hiện Đề án tổng thể tái cấu trúc Nhà trường theo ý kiến chỉ đạo của Bộ GD&ĐT và Tỉnh ủy Nghệ An, đến năm 2017, Nhà trường thành lập một số Viện trực thuộc, cụ thể ngày 08 tháng 06 năm 2017, Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh đã có Quyết định số 565/QĐ-ĐHV về việc thành lập Viện NN&TN trên cơ sở Khoa Nông Lâm Ngư có 38 cán bộ với 04 bộ môn gồm: Bộ môn KHCT; Bộ môn Bảo vệ thực vật; Bộ môn thủy sản ngọt; Bộ môn thủy sản mặn và phát triển nông thôn. Tại thời điểm thành lập, Viện NN và TN bao gồm bộ môn Thủy sản và Chăn nuôi, Bộ môn KHCT, bộ môn Khuyến nông và PTNT. Ngày 20 tháng 06 năm 2018, Nhà trường đã có quyết định 517/QĐ-ĐHV về việc chuyển 02 Bộ môn Quản lý đất đai, Quản lý Tài nguyên và Môi trường thuộc khoa Địa lý - Quản lý tài nguyên về Viện NN&TN.

Tính đến tháng 12/2023, Viện có 05 Bộ môn (KHCT, Thủy sản, Chăn nuôi – Thú y, Quản lý đất đai, Quản lý Tài nguyên và Môi trường), 02 trại thực nghiệm (Trại thực hành Hải sản, Trại thực nghiệm thủy sản ngọt Hưng Nguyên) với tổng số 39 cán bộ (01 PGS, 07 GVC; 26 GV, 02 cán bộ kỹ thuật trại, 01 CBVP), trong đó có 24 Tiến sỹ; 11 Thạc sỹ; 03 cử nhân và có 04 cán bộ đang học NCS (02 NCS nước ngoài, 02 NCS trong nước).

Như vậy, sau 6 năm được thành lập, cơ cấu tổ chức của Viện NN&TN hiện nay như sau:

1) Ban lãnh đạo Viện:

- TS. Nguyễn Đình Vinh, Viện trưởng;
- TS. Lê Minh Hải, Phó Viện trưởng;
- ThS Đậu Khắc Tài, Phó Viện trưởng;

2) Bí thư chi bộ cán bộ: TS. Lê Minh Hải

3) Bí thư chi bộ SVHV: ThS. Cao Thị Thu Dung

4) Chủ tịch công đoàn: ThS. Nguyễn Văn Hoàn

5) Bí thư đoàn thanh niên: ThS. Hoàng Thị Thủy

6) Số bộ môn: 05

7) Số cán bộ: 39 (1 PGS; 24 TS; 11 ThS; 3 cử nhân)

Một số thành tựu nổi bật của Viện NN&TN trong giai đoạn 2018 - 2023

(*) Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ:

Trong giai đoạn 2018 - 2023 Viện NN và TN có 14 GV bảo vệ thành công luận án TS, nâng tổng số toàn Viện lên 24 chiếm tỷ lệ GV có trình độ TS chiếm 63,16%. Một GV được phong học hàm PGS, 08 cán bộ được công nhận chức danh GVC (Hạng II), 9 cán bộ hoàn thành chương trình bồi dưỡng Trung cấp lý luận chính trị. Hàng năm có 1-2 cán bộ đi trao đổi giảng dạy, nghiên cứu tại Ba Lan. Nhiều lượt cán bộ GV đã tham gia các khóa học về Nghiệp vụ GV, Quản lý hành chính nhà nước, Quốc phòng An ninh, các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ tiếng Anh. Đây là một minh chứng rõ ràng cho kết quả của công tác đào tạo đội ngũ GV của Viện trong những năm qua đồng thời cũng là minh chứng cho sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ khối ngành Kỹ thuật của Nhà trường.

(*) Về hoạt động KHCN: trong giai đoạn 2018 - 2023, công đoàn đã tổ chức được 133 buổi seminar cấp Bộ môn, trong đó có nhiều seminar về Đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá theo tiếp cận CIDO, giảng dạy theo phương pháp dự án, đánh giá theo CDR năng lực, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo theo tiếp cận CIDO, đã nghiệm thu được 20 đề tài cấp trường, 20 đề tài/nhiệm vụ cấp Bộ/Nhà nước, cấp tỉnh; 269 bài báo khoa học, trong đó có nhiều bài đăng trên tạp chí nước ngoài.

GV Viện NN và TN cũng đạt được nhiều thành tích, khen thưởng trong NCKH như: Năm 2023, có 02 cá nhân đã được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An về có đóng góp trong NCKH phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An (TS. Thái Thị Ngọc Lam, TS. Hồ Thị Nhung). Năm 2022, Giải Nhì Giải thưởng KH & CN cấp Bộ dành cho sinh viên trong các cơ sở GDĐH (nhóm TS. Thái Thị Ngọc Lam), giải Nhì tại cuộc thi Ý tưởng, dự án khởi nghiệp thanh niên tỉnh Nghệ An năm 2022 (nhóm TS. Nguyễn Tài Toàn), 1 đoàn viên được vinh danh Nhà khoa học của Nhà nông năm 2022 (TS. Nguyễn Hữu Hiền). Năm 2020, Giải Nhì Giải thưởng KH & CN cấp Bộ dành cho sinh viên trong các cơ sở GDĐH (nhóm TS. Nguyễn Thị Thúy), 2 đoàn viên được tặng bằng khen của UBND tỉnh Nghệ An vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động KH và CN của tỉnh năm 2020 (TS. Nguyễn Hữu Hiền, TS. Nguyễn Tài Toàn); Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An cho TS. Lê Minh Hải đã có nhiều thành tích trong NCKH cho tỉnh nhà.

Hiệu quả ứng dụng vào thực tiễn các sản phẩm KHCN của cán bộ, GV, sinh viên Viện NN&TN đã và đang góp phần tích cực cho sự nghiệp phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn.

(*) Hợp tác quốc tế và quan hệ doanh nghiệp: Hợp tác quốc tế và quan hệ doanh nghiệp là một trong những điểm mạnh để xây dựng và phát triển của Viện NN&TN. Hoạt động này đã và đang góp phần đáng kể vào việc tăng cường tiềm lực, nâng cao trình độ và tạo cơ hội tiếp cận thị trường lao động cho sinh viên sau khi tốt nghiệp. Cụ

thể, Viện đang có quan hệ hợp tác với các Trường Đại học, Viện nghiên cứu và các tổ chức khác của một số nước như Hàn Quốc, Israel, Hà Lan, Thái Lan, Nhật Bản, Úc, Ba Lan,... để triển khai NCKH, hợp tác đào tạo đại học và sau đại học. Ở trong nước, hình thức hợp tác trong đào tạo, NCKH và tuyển dụng ngày càng đa dạng, phong phú và đi vào thực chất với các Trường Đại học, Viện nghiên cứu và các tổ chức khác.

Từ việc ký kết các thoả thuận hợp tác, mở rộng quan hệ theo “chiều rộng” với hơn 40 doanh nghiệp trong và ngoài nước, Viện NN&TN dần tiến tới việc thực hiện hoá các cam kết, thoả thuận theo “chiều sâu”. Các nội dung hợp tác đã xuất phát từ các yêu cầu thực tiễn của hai bên, giải quyết được nhiều vấn đề cấp bách, phục vụ cho sự nghiệp phát triển nông nghiệp và nông thôn, góp phần hoàn thiện CTĐT của các ngành theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội. Trong đó Viện đã tham mưu cho nhà trường Ký thoả thuận hợp tác với Công ty Cổ phần chăn nuôi C.P. Việt Nam, Công ty TNHH DE HEUS, Tập đoàn Hải Nguyên, Công ty OLECO, Tập đoàn TH, Công ty TNHH Thông Thuận. Trong các hoạt động này, sinh viên và HV vừa được tiếp cận với các hoạt động thực tiễn vừa được tài trợ kinh phí học tập và sinh viên có việc làm ổn định ngay sau khi tốt nghiệp.

Năm 2023, viện cũng đã tham mưu cho Hiệu trưởng nhà trường thành lập Ban thực hiện dự án “Đào tạo ngành Thú y tiên tiến tại Trường Đại học Vinh” trong khuôn khổ dự án ODA do Chính phủ Hàn Quốc tài trợ, trong đó Viện có 04 cán bộ tham gia ban.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC VIỆN NN&TN



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT

(*Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng*).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
I.	Ban lãnh đạo Trường Đại học Vinh					
1	Chủ tịch HĐ Trường	Nguyễn Ngọc Hiền	1975	TS	091359796	hiennn@vinhuni.edu.vn
2	Hiệu trưởng	Nguyễn Huy Bằng	1977	GS.TS	0383733888	bangnh@vinhuni.edu.vn
3	Phó Hiệu trưởng	Trần Bá Tiến	1972	PGS.TS	0943299777	tientb@vinhuni.edu.vn
4	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Thị Thu Cúc	1978	PGS.TS	0238.3855452	cucntt@vinhuni.edu.vn
5	Chủ tịch Công đoàn	Phạm Thị Bình	1971	TS	0983551387	binhpt@vinhuni.edu.vn
II	Khoa/ Viện					
II.1	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1	Viện trưởng	Nguyễn Đình Vinh	1980	TS	0915970709	vinhnd@vinhuni.edu.vn
2	Phó Viện trưởng	Lê Minh Hải	1979	TS	0912383216	hailm@vinhuni.edu.vn
3	Phó Viện trưởng	Đậu Khắc Tài	1976	ThS	0989302236	taidk@vinhuni.edu.vn
II.2	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1	Đảng bộ BP	Nguyễn Đình Vinh	1980	TS	0915970709	vinhnd@vinhuni.edu.vn
2	Công đoàn	Nguyễn Văn Hoàn	1982	ThS. NCS	0919563971	hoannv@vinhuni.edu.vn
3	Đoàn viên	Cao Thị Thu Dung	1985	ThS	0944364479	dungctt@vinhuni.edu.vn
4	Liên chi hội SV	Bùi Công Cường				
II.3	Các trợ lý hành chính của Viện					

	Trợ lý đào tạo	Thái Thị Ngọc Lam	1986	TS		lamtn@vinhuni.edu.vn
	Trợ lý QLSV – Văn phòng Viện	Hoàng Thị Hằng	1985	CN	0973398718	hanght@vinhuni.edu.vn
II.4	Bộ môn ngành KHCT					
1	Trưởng bộ môn	Nguyễn Hữu Hiền	1982	TS	0978038777	hiennh@vinhuni.edu.vn
2	Trợ lý đào tạo	Thái Thị Ngọc Lam	1986	TS.GVC	0973059838	lamtn@vinhuni.edu.vn
3	Chủ tịch Công Đoàn BP	Nguyễn Văn Hoàn	1982	ThS.NCS	0989199719	hoannv@vinhuni.edu.vn
4	Bí thư đoàn viện, TL đào tạo trực tuyến	Cao Thị Thu Dung	1985	ThS	0944364479	dungct@vinhuni.edu.vn
5		Phan Thị Thu Hiền	1982	TS.GVC	0983798286	hienpt@vinhuni.edu.vn
6	Cố vấn học tập	Nguyễn Thị Thúy	1985	TS.GCV	0975801366	thuynt@vinhuni.edu.vn
7		Hồ Thị Nhung	1986	TS.GVC	0983246871	nhunght@vinhuni.edu.vn
8		Nguyễn Thị Thanh Mai	1981	TS	0941260345	maintt@vinhuni.edu.vn
9		Nguyễn Thị Bích Thủy	1977	TS	0979698047	thuyntb@vinhuni.edu.vn
10		Nguyễn Tài Toàn	1981	TS.GVC	0946777676	toannt@vinhuni.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (Viện Nông nghiệp và TN)

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo TS: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo ThS: 02

28. Số lượng ngành đào tạo DH: 06

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☐	☒
Từ xa	☐	☒
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☒
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☒

32. Tổng số các ngành đào tạo: 06

IV. Cán bộ, GV, nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

33. Thống kê số lượng cán bộ, GV và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu ¹ <i>Trong đó:</i>	5	9	14
I.1	Cán bộ trong biên chế	5	9	14
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	5	9	14
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng ²)	0	0	0
	Tổng số	5	9	14

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại GV

¹Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	1	1	0	1	0	0
3	TS khoa học	0	0	0	0	0	0
4	TS	10	10	0	4	0	0
5	ThS	3	0	0	0	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	14	11	0	4	0	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những GV vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số GV cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 11 người

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $11/11 = 100\%$

35. Quy đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (nếu đơn vị có GV có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	1	1	0	1	0	0	3
3	TS khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	TS	2	10	10	0	3	0	0	20
5	ThS	1	3	0	0	3	0	0	3
6	Đại học	0,5	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng		14	11	0	7	0	0	26

Cách tính: $\text{Cột 10} = \text{cột 3} * (\text{cột 5} + \text{cột 6} + 0,3 * \text{cột 7} + 0,2 * \text{cột 8} + 0,2 * \text{cột 9})$

36. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	1	7,1	0	1	0	0	1	0	0
3	TS khoa học	0	0,0	0	0	0	0	0	0	0
4	TS	10	71,1	4	6	0	5	5	0	0
5	ThS	3	21,5	1	2	0	1	2	0	0
6	Đại học	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	14	100	5	9	0	6	8	0	0

36.1. Tuổi trung bình của GV cơ hữu: **40,48** tuổi

36.2. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: **78,57%**

36.3. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ ThS trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: **24,42%**

37. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	4	8
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	24	92
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	64	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	8	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

IV. NH (chỉ tính số lượng NH của CTĐT)

38. NH bao gồm học sinh, sinh viên, HV cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số NH trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Khóa học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của HV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
Khóa 2018 - 2020 (K26)	24	22	0,92/1	18	10,5	12,5	2
Khóa 2019 - 2021 (K27)	21	21	1/1	19	11,0	13,5	0
Khóa 2020 - 2022 (K28)	21	21	1/1	20	10,5	13,8	0
Khóa 2021 - 2023 (K29)	5	3	0,60/1	3	11,0	13,5	0
Khóa 2022 - 2024 (K30)	11	11	1/1	7	6,0	6,4	0

39. Thống kê, phân loại số lượng NH theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. HV cao học	48	55	38	38	37
3. SV đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	92	58	41	41	28
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. SV cao đẳng	0	0	0	0	0
6. Khác...					

40. Số SV quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Số lượng (người)	2	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số NH	11,1%	0%	0%	0%	0%

41. NH của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số NH có nhu cầu:

Các tiêu chí	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600
2. NH có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	94	60	41	41	28
3. NH được ở trong ký túc xá (người)	94	60	41	41	28
4. Tỷ số diện tích trên đầu NH ở trong ký túc xá (m ² /người)	3,8	3,8	3,8	3,8	3,8

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) NH của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Số lượng (người)	-	5	5	5	5

Tỷ lệ (%) trên tổng số HV	-	9,1	13,2	13,2	13,5
---------------------------	---	-----	------	------	------

43. Thống kê số lượng NH của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
1. NCS bảo vệ thành công luận án TS	0	0	0	0	0
2. HV tốt nghiệp cao học	12	38	18	19	20
3. SV tốt nghiệp ĐH					
Trong đó:					
Hệ chính quy	39	43	17	8	23
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. SV tốt nghiệp cao đẳng	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

(Tính cả những NH đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của HV hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
1. Số lượng NH tốt nghiệp (người).	12	36	18	19	20
2. Tỷ lệ NH tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	92,3	97,4	100	90,5	95,2
3. Đánh giá của NH tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:					
A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4	B	B	B	B	-
B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ NH trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	100	100	100	100	100
3.2. Tỷ lệ NH trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	0	0	0	0	0
3.3. Tỷ lệ NH trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho	0	0	0	0	0

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. NH có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:	B	B	B	B	
4.1. Tỷ lệ NH có việc làm đúng ngành đào tạo (%).	72	81	67,85	95,23	
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.					
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.					
4.2. Tỷ lệ NH có việc làm khác ngành đào tạo (%).	14	16,37	14,28	0	
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của NH có việc làm. (triệu/người/tháng)	14	14	15	15	15
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về NH tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:	A	A	A	A	A
5.1. Tỷ lệ NH đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					
5.2. Tỷ lệ NH cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					
5.3. Tỷ lệ NH phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

Ghi chú:

- NH tốt nghiệp là NH có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những NH chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- NH có việc làm là NH tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

V. NCKH và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao KHCN của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0		0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	2	1		0	0	3,0
3	Đề tài cấp tỉnh	1,0	2	1	1	1	2	7,0
4	Đề tài cấp trường	0,5	2	5	7	0	1	7,5
	Tổng		6	7	8	1	3	17,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: **17,5**

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao KHCN (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: **1,25**

46. Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2017	2.700		192,86
2	2018	1.707		121,93
3	2019	1.307		93,36
4	2020	987		70,5
5	2021	1.035		73,92

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	7	8	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	3	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	7	11	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018	2019	2020	2021	2022	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	1	2	1	1	1	9
3	Sách tham khảo	1,0	2	3	1	1	1	8
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng		3	5	2	2	2	17,0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): **17,5**

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **1,25**

49. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	8	10	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	8	10	0

50. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017 - 2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	1	1	2	2	2	12
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	11	13	15	12	22	73
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	1	2	1	0	1	2,5
	Tổng		13	16	17	14	25	87,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): **87,5**

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **6,25**

51. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí /tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	10	6	7
Từ 6 đến 10 bài báo	0	5	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	10	11	7

52. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017 - 2018	2018 - 2019	2019-2020	2020-2021	2021 - 2022	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	0	0	0	
2	Hội thảo trong nước	0,5	04	02	02	03	13	12

3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	0
4	Tổng		04	02	02	3	13	12

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): **12**

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **0,85**

53. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	0	8	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	3	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	11	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (lưu ý ngành KHCT đánh giá từ 2017 – 2022)

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2017 -2018	0
2018-2019	0
2019-2020	0
2020-2021	0
2021-2022	0

55. NCKH của NH

55.1. Số lượng NH của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng NH tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	35	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	

Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số NH tham gia			35	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích NCKH của HV:

(Thống kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích NCKH	Số lượng				
		2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022
1	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	1	2	0	1	2

VI. Cơ sở vật chất, thư viện

- Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng ha): 44,12 ha
 - Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 180 m²
 - Diện tích sử dụng cho một số hạng mục (tính bằng m²):
 - Nơi làm việc: 3.266 m²
 - Phòng học: 51.054 m²
 - Xưởng thực tập, thực hành: 8.368 m²
 - Phòng thí nghiệm: 10,143 m²
 - Phòng thực hành CNTT, ngoại ngữ, nhạc họa...: 7,886 m²
 - Thư viện: 9,952 m²
 - Sân chơi, bãi tập: Diện tích sân tập, thi đấu TDTT 26,823 m²: Diện tích nhà thi đấu đa năng: 2,766 m²
 - Ký túc xá: 48,799 m²
 - Diện tích phòng học (tính bằng m²)
 - Tổng diện tích phòng học: 51.054 m²
 - Tỷ số diện tích phòng học trên NH chính quy: 2,6 m²/1 sv
 - Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 368 đầu sách
 - Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:
 - Dùng cho hệ thống văn phòng: 330 bộ cho toàn trường (Số máy tính dùng cho hệ thống văn phòng khoa: 06 bộ)
 - Dùng cho NH học tập: 1.116 bộ cho toàn bộ NH chính quy của trường
 - Tỷ số số máy tính dùng cho NH/NH chính quy: 0,057 máy tính/ 1 NH chính quy
56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng ha): 44,12 ha
57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 180 m²
58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²): Thống kê ở mục IV. Cơ sở vật

chất, thư viện

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²): Thống kê ở mục IV. Cơ sở vật chất, thư viện 60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: hơn 700

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): hơn 226 đầu sách.

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 330 bộ cho toàn trường (Số máy tính dùng cho văn phòng Viện: 06 bộ

- Dùng cho NH học tập: 1116 bộ cho SV chính quy toàn trường

Tỷ số số máy tính dùng cho NH/NH chính quy: 0,06 máy tính/SV

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. GV:

Tổng số GV cơ hữu (người): 14

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100%

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 78,57%

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ ThS trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 21,42%

2. NH:

Tổng số NH chính quy (người): 112

Tỷ số NH chính quy trên GV: 8,0

Tỷ lệ NH tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 95,1%.

3. Đánh giá của NH tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ NH trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 95,4%

Tỷ lệ NH trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 4,1%.

4. NH có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ NH có việc làm đúng ngành đào tạo (%): trên 92%

Tỷ lệ NH có việc làm trái ngành đào tạo (%): 8%

Thu nhập bình quân/tháng của NH có việc làm (triệu VNĐ): 9,5 triệu đồng/tháng

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về NH tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ NH đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 94,1

Tỷ lệ NH cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 5,9

6. NCKH và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao KHCN (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,25

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 110,5 triệu đồng/1 cán bộ

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,25

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 6,25

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,85

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho NH trên NH chính quy: 0,06.

Tỷ số diện tích phòng học trên NH chính quy: 2,6 m²

Tỷ số diện tích ký túc xá trên NH chính quy: 3,8 m²

2) Các tư liệu, tài liệu liên quan: Các quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban thư ký; Kế hoạch TĐG, Các bảng biểu tổng hợp, thống kê,...

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **23** /QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày **06** tháng **01** năm **2023**

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo trình độ sau đại học
Quản lý giáo dục, Khoa học cây trồng và
Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

Căn cứ Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12/5/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Kế hoạch số 41/KH-ĐHV ngày 22/4/2022 của Trường Đại học Vinh về việc tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo Trường Đại học Vinh giai đoạn 2022 - 2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá và Ban thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo trình độ sau đại học: Quản lý giáo dục, Khoa học cây trồng và Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật của Trường Đại học Vinh gồm các ông (bà) có tên sau đây (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai công tác tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Đảm bảo chất lượng, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, ĐBCL. ✓



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DANH SÁCH

**Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Sau đại học
ngành Khoa học cây trồng**

(Kèm theo Quyết định số: **23** /QĐ-ĐHV ngày **06** tháng 01 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Nguyễn Huy Bằng	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Nguyễn Thị Thu Cúc	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Ông Nguyễn Đình Vinh	Viện trưởng Viện NN&TN	Phó Chủ tịch
4	Ông Nguyễn Thanh Diệu	Phó Giám đốc PT Trung tâm ĐBCL	Thư ký
5	Bà Hoàng Phan Hải Yến	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
6	Ông Đinh Phan Khôi	Trưởng phòng Đào tạo SDH	Thành viên
7	Ông Thiều Đình Phong	Trưởng phòng TCCB	Thành viên
8	Bà Đặng Thị Thu	Trưởng phòng CTCT-HSSV	Thành viên
9	Ông Mai Văn Chung	Trưởng phòng KH&HTQT	Thành viên
10	Ông Hoàng Việt Dũng	Trưởng phòng KH-TC	Thành viên
11	Ông Nguyễn Đức Bình	Giám đốc Trung tâm TT-TV NTH	Thành viên
12	Ông Trần Đình Luân	Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên
13	Ông Lê Công Đức	Giám đốc Trung tâm DV, HTSV & QHDN	Thành viên
14	Ông Lê Minh Hải	Phó Viện trưởng Viện NN&TN	Thành viên
15	Ông Nguyễn Hữu Hiền	Trưởng Bộ môn Khoa học cây trồng	Thành viên
16	Bà Nguyễn Thị Thúy	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thành viên
17	Bà Thái Thị Ngọc Lam	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thành viên
18	Bà Phan Thị Thu Hiền	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thành viên
19	Ông Ngô Trung Thành	HVCH Khóa 29, Khoa học cây trồng	Thành viên

Danh sách này gồm có 19 người./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DANH SÁCH

**Ban Thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Sau đại học
ngành Khoa học cây trồng**

(Kèm theo Quyết định số: 23 /QĐ-ĐHV ngày 06 tháng 01 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Nguyễn Thanh Diệu	Phó Giám đốc PT Trung tâm ĐBCL	Trưởng ban
2	Bà Nguyễn Thị Xuân Lộc	Phó Trưởng phòng TCCB	Thành viên
3	Bà Nguyễn Thị Hương	Phó Trưởng phòng Đào tạo SDH	Thành viên
4	Ông Nguyễn Tiến Cường	Chuyên viên phòng Đào tạo SDH	Thành viên
5	Bà Phan Thị Thu Hiền	Chuyên viên phòng QT&ĐT	Thành viên
6	Bà Phạm Thị Quỳnh Như	Chuyên viên Trung tâm DV, HTSV & QHDN	Thành viên
7	Bà Lâm Thu Trang	Chuyên viên Trung tâm TT-TV NTH	Thành viên
8	Bà Đinh Thị Nga	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
9	Ông Nguyễn Hoàng An	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
10	Bà Nguyễn Thị Hương Trà	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
11	Ông Nguyễn Lê Ái Vĩnh	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
12	Bà Trần Thị Thu Liên	Chuyên viên Phòng KH-TC	Thành viên
13	Bà Trần Thị Thái	Chuyên viên Phòng KH&HTQT	Thành viên
14	Bà Hồ Thị Nhung	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thành viên
15	Ông Nguyễn Tài Toàn	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thành viên
16	Bà Cao Thị Thu Dung	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thành viên
17	Ông Nguyễn Văn Hoàn	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thành viên
18	Bà Phạm Mỹ Dung	Trưởng Bộ môn Nuôi trồng thủy sản	Thành viên
19	Bà Nguyễn Thị Thanh Mai	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thành viên
20	Bà Ngô Thị Mai Vi	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thành viên
21	Bà Nguyễn Thị Thanh	Giảng viên Nuôi trồng thủy sản	Thành viên
22	Bà Nguyễn Bích Thủy	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thành viên
23	Ông Trần Xuân Minh	Giảng viên Chăn nuôi - Thú y	Thành viên

Danh sách này gồm có 23 người./.



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH
(Ngành Khoa học cây trồng)

(Kèm theo Quyết định số: 23 /QĐ-ĐHV ngày 06 tháng 01 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
NHÓM 1:			
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.			(6 tiêu chí)
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo.			
1	Ông Nguyễn Hữu Hiền	Trưởng Bộ môn Khoa học cây trồng	Trưởng nhóm
2	Bà Phan Thị Thu Hiền	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thư ký
3	Bà Phạm Mỹ Dung	Trưởng Bộ môn Nuôi trồng thủy sản	Thành viên
4	Ông Đinh Phan Khôi	Trưởng phòng Đào tạo SDH	Thành viên
5	Ông Nguyễn Tiến Cường	Chuyên viên phòng Đào tạo SDH	Thành viên
NHÓM 2:			
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.			(6 tiêu chí)
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.			
1	Bà Thái Thị Ngọc Lam	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Trưởng nhóm
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Mai	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thư ký
3	Bà Ngô Thị Mai Vi	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thành viên
4	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thành viên
5	Ông Đinh Phan Khôi	Trưởng phòng Đào tạo SDH	Thành viên
NHÓM 3:			
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học.			(10 tiêu chí)
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học.			
1	Bà Nguyễn Thị Thúy	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Trưởng nhóm
2	Bà Phan Thị Thu Hiền	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thư ký
3	Bà Nguyễn Thị Thanh	Giảng viên Bộ môn Nuôi trồng thủy sản	Thành viên
4	Bà Nguyễn Thị Hương	Phó Trưởng phòng Đào tạo SDH	Thành viên
5	Bà Nguyễn Thị Hương Trà	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
NHÓM 4:			
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.			(12 tiêu chí)
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên.			
1	Ông Nguyễn Đình Vinh	Viện trưởng Viện NN&TN	Trưởng nhóm
2	Ông Nguyễn Văn Hoàn	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thư ký
3	Bà Nguyễn Thị Xuân Lộc	Phó Trưởng phòng TCCB	Thành viên
4	Ông Nguyễn Hoàng An	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
5	Bà Trần Thị Thu Liên	Chuyên viên phòng KH-TC	Thành viên
NHÓM 5:			
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị.			(5 tiêu chí)
1	Bà Phan Thị Thu Hiền	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Trưởng nhóm
2	Ông Trần Xuân Minh	Giảng viên Bộ môn Chăn nuôi thú y	Thư ký
3	Ông Nguyễn Tài Toàn	Chuyên viên Phòng Thanh tra pháp chế	Thành viên
4	Bà Phan Thị Thu Hiền	Chuyên viên phòng QT&ĐT	Thành viên
5	Bà Lâm Thu Trang	Chuyên viên Trung tâm TT-TV NTH	Thành viên
NHÓM 6:			(11 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng.			
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra.			
1	Bà Hồ Thị Nhung	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Trưởng nhóm
2	Bà Nguyễn Bích Thủy	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thư ký
3	Ông Lê Minh Hải	Phó Viện trưởng Viện NN&TN	Thành viên
4	Ông Nguyễn Hoàng An	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
5	Bà Hoàng Phan Hải Yến	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
NHÓM 7: - Viết báo cáo tự đánh giá. - Lập danh mục minh chứng kèm theo Báo cáo tự đánh giá. - Lập cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.			(3 sản phẩm)
1	Ông Nguyễn Hữu Hiền	Trưởng Bộ môn Khoa học cây trồng	Trưởng nhóm
2	Bà Cao Thị Thu Dung	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thư ký
3	Bà Nguyễn Thị Hương	Phó Trưởng phòng Đào tạo SDH	Thành viên
4	Ông Nguyễn Thanh Diệu	Phó Giám đốc PT Trung tâm ĐBCL	Thành viên
5	Bà Đinh Thị Nga	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 05/KH-ĐHV

Nghệ An, ngày 09 tháng 01 năm 2023

KẾ HOẠCH

Tự đánh giá các chương trình đào tạo trình độ sau đại học Quản lý giáo dục, Khoa học cây trồng, Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật

Căn cứ Quyết định số 23/QĐ-ĐHV ngày 06/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học: Quản lý giáo dục, Khoa học cây trồng và Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật. Nhà trường xây dựng Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo các ngành như sau:

1. Mục đích, yêu cầu tự đánh giá

1.1. Mục đích

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng, giải trình với cơ quan chức năng, xã hội về các chương trình đào tạo sau đại học: Quản lý giáo dục, Khoa học cây trồng và Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật và để đăng ký kiểm định chất lượng chương trình đào tạo giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/12/2022.

1.2. Yêu cầu

- Các đơn vị, cá nhân được phân công nhiệm vụ chủ động kết nối, triển khai, giám sát việc thực hiện công việc được giao đúng tiến độ.
- Các đơn vị, cá nhân được giao chủ trì chịu trách nhiệm chính trong việc lập kế hoạch chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể, triển khai, giám sát việc thực hiện phần việc được giao.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của các ngành sau đại học: Quản lý giáo dục, Khoa học cây trồng và Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng (01/01/2018 đến 30/12/2022).

3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và căn cứ vào các tài liệu hướng dẫn sau:

- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

- Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 của Cục Quản lý chất lượng về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD;

- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

4. Nội dung tự đánh giá

Tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học: Quản lý giáo dục, Khoa học cây trồng và Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật Trường Đại học Vinh theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Hội đồng tự đánh giá

5.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học: Quản lý giáo dục, Khoa học cây trồng và Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật được thành lập theo Quyết định số 23/QĐ-ĐHV ngày 06/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh gồm có các thành viên *(có danh sách kèm theo Quyết định thành lập)*.

5.2. Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách

Ban thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học: Quản lý giáo dục, Khoa học cây trồng và Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật và các nhóm công tác chuyên trách được thành lập theo Quyết định số 23/QĐ-ĐHV ngày 06/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh gồm có các thành viên *(có danh sách kèm theo Quyết định thành lập)*.

5.3. Tổ chức thực hiện

5.3.1. Hội đồng tự đánh giá

- Chủ tịch Hội đồng: chịu trách nhiệm về các hoạt động của Hội đồng, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, trong đó xác định những công việc phải thực hiện tương ứng với từng tiêu chuẩn đánh giá, thời gian bắt đầu và kết thúc, người chịu trách nhiệm chính và những người phối hợp; triệu tập và điều hành các phiên họp của Hội đồng; phê duyệt kế hoạch tự đánh giá; chỉ đạo quá trình thu thập thông tin, minh chứng, xử lý, phân tích và viết báo cáo tự đánh giá; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai tự đánh giá.

- Phó Chủ tịch Hội đồng khi được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền, có nhiệm vụ điều hành Hội đồng và chịu trách nhiệm về công việc được ủy quyền.

- Các thành viên khác của Hội đồng có nhiệm vụ thực hiện những công việc do Chủ tịch Hội đồng phân công và chịu trách nhiệm về công việc được giao.

5.3.2. Ban thư ký

Trưởng ban thư ký: Chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo dự thảo, báo cáo chính thức và trình Hội đồng tự đánh giá.

Các ủy viên thư ký: Chịu trách nhiệm tổng hợp bản thảo báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn của nhóm mình phụ trách. Góp ý cho dự thảo báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung

5.3.3. Các nhóm chuyên trách

Trưởng nhóm: Điều hành chung, chủ động tổ chức họp nhóm để phân công nhiệm vụ cho các thành viên nhóm tìm thông tin, minh chứng, viết báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công. Chịu trách nhiệm đối với các tiêu chuẩn của nhóm mình phụ trách, kế hoạch triển khai thực hiện và báo cáo Hội đồng tự đánh giá.

Thư ký nhóm: Giúp trưởng nhóm quản lý các hoạt động của nhóm, góp ý các báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo tổng hợp, lập biên bản, phân loại và lưu trữ minh chứng, phác thảo báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn do nhóm mình phụ trách.

Các thành viên: Chịu trách nhiệm hoàn thành hồ sơ các Phụ lục theo Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD, ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng, bao gồm: Phiếu phân tích tiêu chí, tìm thông tin, minh chứng (Phụ lục 3); Phiếu đánh giá tiêu chí (Phụ lục 4a). Viết báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn thuộc nhóm mình phụ trách và phân biện các nhóm khác theo phân công.

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác chuyên trách	Thời gian thu thập thông tin và MC	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1 Tiêu chuẩn 2	Nhóm 1	10/01/2023-09/07/2023	
2	Tiêu chuẩn 3 Tiêu chuẩn 4	Nhóm 2	10/01/2023-09/07/2023	
3	Tiêu chuẩn 5 Tiêu chuẩn 8	Nhóm 3	10/01/2023-09/07/2023	
4	Tiêu chuẩn 6 Tiêu chuẩn 7	Nhóm 4	10/01/2023-09/07/2023	
5	Tiêu chuẩn 9	Nhóm 5	10/01/2023-09/07/2023	
6	Tiêu chuẩn 10 Tiêu chuẩn 11	Nhóm 6	10/01/2023-09/07/2023	
7	Báo cáo tự đánh giá,	Nhóm 7	10/01/2023-09/07/2023	

	Danh mục MC Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT			
--	---	--	--	--

6. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

- Thời gian: Dự kiến thời gian tập huấn là 1 ngày.
- Thành phần: Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký giúp việc Hội đồng tự đánh giá và các cán bộ, giảng viên,... trong trường có quan tâm.
- Nội dung chương trình tập huấn: Tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ triển khai công tác tự đánh giá và kỹ thuật viết báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính,...) và thời điểm cần huy động/cung cấp

- Nguồn nhân lực chính: Bao gồm các thành viên Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học: Quản lý giáo dục, Khoa học cây trồng và Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách. Hội đồng có thể huy động thêm nhân sự từ các đơn vị (phòng, khoa, trung tâm).
- Tài chính: Kinh phí phục vụ công tác tự đánh giá thực hiện theo dự toán được duyệt.

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian
1	Tiêu chuẩn 1 và 2	- Phân tích tiêu chí (1-6); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Xây dựng hồ sơ minh chứng online; - Đánh giá tiêu chí (1-6); - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng Khoa, phòng Đào tạo; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	10/01/2023-09/07/2023
2	Tiêu chuẩn 3 và 4	- Phân tích tiêu chí (7-12); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Xây dựng hồ sơ minh chứng online; - Đánh giá tiêu chí (7-12); - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng Khoa, phòng Đào tạo; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	10/01/2023-09/07/2023
3	Tiêu chuẩn 5 và 8	- Phân tích tiêu chí (13-34); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Xây dựng hồ sơ minh chứng online; - Đánh giá tiêu chí (13-34);	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng Khoa, phòng Đào tạo, phòng CTCT-HSSV, TT DV, HTSV& QHDN; - Kinh phí theo Quy chế	10/01/2023-09/07/2023

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian
		- Viết báo cáo tiêu chuẩn.	chi tiêu nội bộ.	
4	Tiêu chuẩn 6 và 7	- Phân tích tiêu chí (18-29); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Xây dựng hồ sơ minh chứng online; - Đánh giá tiêu chí (18-29); - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại phòng TCCB; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	10/01/2023-09/07/2023
5	Tiêu chuẩn 9	- Phân tích tiêu chí (35-39); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Xây dựng hồ sơ minh chứng online; - Đánh giá tiêu chí (35-39); - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại phòng QT&ĐT, Trung tâm TT-TV, Trung tâm TH - TN - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	10/01/2023-09/07/2023
6	Tiêu chuẩn 10 và 11	- Phân tích tiêu chí (40-50); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Xây dựng hồ sơ minh chứng online; - Đánh giá tiêu chí (40-50); - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng, phòng Đào tạo, TT ĐBCL; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	10/01/2023-09/07/2023

8. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài Trường và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Xác định các thông tin cần thu thập từ bên ngoài, nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có.

9. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai tự đánh giá

Thuê chuyên gia (1 người) tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ triển khai công tác tự đánh giá và kỹ thuật viết báo cáo tự đánh giá theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (1 ngày).

10. Lập bảng danh mục mã minh chứng và xây dựng hồ sơ minh chứng online

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định được nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hóa các minh chứng thu được. Hội đồng tự đánh giá thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được, lập bảng danh mục mã minh chứng và xây dựng hồ sơ minh chứng online.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bảng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để riêng và để ở phần Phụ lục của báo cáo tự đánh giá).

11. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian và nội dung hoạt động triển khai thực hiện tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học: Quản lý giáo dục, Khoa học cây trồng và Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 - 2 (10/01/2023 - 05/02/2023) <i>Từ ngày 21/01/2023 đến ngày 29/01/2023 nghỉ tết nguyên đán)</i>	1. Hội đồng Lãnh đạo Trường và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT. 2. Hiệu trưởng Nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT. 3. Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; - Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.
Tuần 3-4 (06/02/2023 - 19/02/2023;	1. Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. 2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan. 3. Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua: - Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT; - Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); - Trình Hiệu trưởng đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.
Tuần 5 - 8 (20/02/2023 - 19/03/2023)	1. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT. 6. Xây dựng hồ sơ minh chứng online.
Tuần 9 - 15 (20/03/2023 - 07/05/2023)	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~2763~~/QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày ~~M~~ tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Kiện toàn Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo trình độ sau đại học Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật Xây dựng, Giáo dục học (Giáo dục mầm non), LL&PPDH bộ môn Toán, LL&PPDH bộ môn Sinh học, LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh, Quản lý giáo dục, Khoa học cây trồng và Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều 21 của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

Căn cứ Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12/5/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Kế hoạch số 41/KH-ĐHV ngày 22/4/2022 của Trường Đại học Vinh về việc tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo Trường Đại học Vinh giai đoạn 2022 - 2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá và Ban thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo trình độ sau đại học: Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật Xây dựng, Giáo dục học (Giáo dục mầm non), LL&PPDH bộ môn Toán, LL&PPDH bộ môn Sinh học, LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh, Quản lý giáo dục, Khoa học cây trồng và Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật của Trường Đại học Vinh gồm các ông (bà) có tên sau đây (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai công tác tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Đảm bảo chất lượng, Đào tạo Sau đại học, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *VB*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, ĐBCL. *X*

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

**Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Sau đại học
ngành Khoa học cây trồng**

(Kèm theo Quyết định số: 2763/QĐ-ĐHV ngày 11 tháng 10 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Nguyễn Huy Bằng	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Nguyễn Thị Thu Cúc	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Ông Nguyễn Đình Vinh	Viện trưởng Viện NN&TN	Phó Chủ tịch
4	Ông Nguyễn Thanh Diệu	Phó Giám đốc PT Trung tâm ĐBCL	Thư ký
5	Bà Hoàng Phan Hải Yến	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
6	Ông Nguyễn Văn Phú	Trưởng phòng Đào tạo SDH	Thành viên
7	Ông Thiều Đình Phong	Trưởng phòng TCCB	Thành viên
8	Ông Nguyễn Hồng Soa	Trưởng phòng CTCT-HSSV	Thành viên
9	Ông Mai Văn Chung	Trưởng phòng KH&HTQT	Thành viên
10	Ông Hoàng Việt Dũng	Trưởng phòng KH-TC	Thành viên
11	Ông Nguyễn Đức Bình	Giám đốc Trung tâm TT-TV NTH	Thành viên
12	Ông Trần Đình Luân	Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên
13	Ông Lê Công Đức	Giám đốc Trung tâm DV, HTSV&QHĐN	Thành viên
14	Ông Lê Minh Hải	Phó Viện trưởng Viện NN&TN	Thành viên
15	Ông Nguyễn Hữu Hiền	Trưởng Bộ môn Khoa học cây trồng	Thành viên
16	Bà Nguyễn Thị Thúy	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thành viên
17	Bà Thái Thị Ngọc Lam	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thành viên
18	Bà Phan Thị Thu Hiền	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thành viên
19	Ông Nguyễn Đức Nam	HVCH Khóa 30, ngành KHCT	Thành viên

Danh sách này gồm có 19 người./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

**Ban Thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Sau đại học
ngành Khoa học cây trồng**

(Kèm theo Quyết định số: 2763/QĐ-ĐHV ngày 11 tháng 10 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Nguyễn Thanh Diệu	Phó Giám đốc PT Trung tâm ĐBCL	Trưởng ban
2	Bà Nguyễn Thị Xuân Lộc	Phó Trưởng phòng TCCB	Thành viên
3	Bà Nguyễn Thị Hương	Phó Trưởng phòng Đào tạo SDH	Thành viên
4	Ông Nguyễn Tiến Cường	Chuyên viên phòng Đào tạo SDH	Thành viên
5	Bà Phan Thị Thu Hiền	Chuyên viên phòng QT&ĐT	Thành viên
6	Bà Phạm Thị Quỳnh Như	Chuyên viên Trung tâm DV, HTSV & QHDN	Thành viên
7	Bà Lâm Thu Trang	Chuyên viên Trung tâm TT-TV NTH	Thành viên
8	Bà Đinh Thị Nga	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
9	Ông Nguyễn Hoàng An	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
10	Bà Nguyễn Thị Hương Trà	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
11	Ông Nguyễn Lê Ái Vĩnh	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
12	Bà Trần Thị Thu Liên	Chuyên viên Phòng KH-TC	Thành viên
13	Bà Phan Thế Hoa	Chuyên viên Phòng KH&HTQT	Thành viên
14	Bà Hồ Thị Nhung	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thành viên
15	Ông Nguyễn Tài Toàn	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thành viên
16	Bà Cao Thị Thu Dung	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thành viên
17	Ông Nguyễn Văn Hoàn	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thành viên
18	Bà Phạm Mỹ Dung	Trưởng Bộ môn Nuôi trồng thủy sản	Thành viên
19	Bà Nguyễn Thị Thanh Mai	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thành viên
20	Bà Ngô Thị Mai Vi	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thành viên
21	Bà Nguyễn Thị Thanh	Giảng viên Nuôi trồng thủy sản	Thành viên
22	Bà Nguyễn Bích Thủy	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thành viên
23	Ông Trần Xuân Minh	Giảng viên Chăn nuôi - Thú y	Thành viên

Danh sách này gồm có 23 người.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH
(Ngành Khoa học cây trồng)

(Kèm theo Quyết định số: 2763/QĐ-ĐHV ngày 11 tháng 10 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
NHÓM 1:			
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.			(6 tiêu chí)
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo.			
1	Ông Nguyễn Hữu Hiền	Trưởng Bộ môn Khoa học cây trồng	Trưởng nhóm
2	Bà Phan Thị Thu Hiền	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thư ký
3	Bà Phạm Mỹ Dung	Trưởng Bộ môn Nuôi trồng thủy sản	Thành viên
4	Ông Nguyễn Văn Phú	Trưởng phòng Đào tạo SDH	Thành viên
5	Ông Nguyễn Tiến Cường	Chuyên viên phòng Đào tạo SDH	Thành viên
NHÓM 2:			
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.			(6 tiêu chí)
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.			
1	Bà Thái Thị Ngọc Lam	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Trưởng nhóm
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Mai	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thư ký
3	Bà Ngô Thị Mai Vi	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thành viên
4	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thành viên
5	Ông Nguyễn Văn Phú	Trưởng phòng Đào tạo SDH	Thành viên
NHÓM 3:			
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học.			(10 tiêu chí)
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học.			
1	Bà Nguyễn Thị Thúy	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Trưởng nhóm
2	Bà Phan Thị Thu Hiền	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thư ký
3	Bà Nguyễn Thị Thanh	Giảng viên Bộ môn Nuôi trồng thủy sản	Thành viên
4	Bà Nguyễn Thị Hương	Phó Trưởng phòng Đào tạo SDH	Thành viên
5	Bà Nguyễn Thị Hương Trà	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
NHÓM 4:			
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.			(12 tiêu chí)
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên.			
1	Ông Nguyễn Đình Vinh	Viện trưởng Viện NN&TN	Trưởng nhóm
2	Ông Nguyễn Văn Hoàn	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thư ký
3	Bà Nguyễn Thị Xuân Lộc	Phó Trưởng phòng TCCB	Thành viên
4	Ông Nguyễn Hoàng An	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
5	Bà Phan Thế Hoa	Chuyên viên Phòng KH&HTQT	Thành viên
NHÓM 5:			
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị.			(5 tiêu chí)
1	Bà Phan Thị Thu Hiền	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Trưởng nhóm
2	Ông Trần Xuân Minh	Giảng viên Bộ môn Chăn nuôi thú y	Thư ký
3	Ông Nguyễn Tái Toàn	Chuyên viên Phòng Thanh tra pháp chế	Thành viên
4	Bà Trần Thị Thu Liên	Chuyên viên Phòng KH-TC	Thành viên
5	Bà Lâm Thu Trang	Chuyên viên Trung tâm TT-TV NTH	Thành viên
NHÓM 6:			(11 tiêu chí)

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng.			
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra.			
1	Bà Hồ Thị Nhung	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Trưởng nhóm
2	Bà Nguyễn Bích Thủy	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thư ký
3	Ông Lê Minh Hải	Phó Viện trưởng Viện NN&TN	Thành viên
4	Ông Nguyễn Hoàng An	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
5	Bà Hoàng Phan Hải Yến	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
NHÓM 7:			
- Viết báo cáo tự đánh giá. - Lập danh mục minh chứng kèm theo Báo cáo tự đánh giá. - Lập cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.			(3 sản phẩm)
1	Ông Nguyễn Hữu Hiền	Trưởng Bộ môn Khoa học cây trồng	Trưởng nhóm
2	Bà Cao Thị Thu Dung	Giảng viên Bộ môn Khoa học cây trồng	Thư ký
3	Bà Nguyễn Thị Hương	Phó Trưởng phòng Đào tạo SDH	Thành viên
4	Ông Nguyễn Thanh Diệu	Phó Giám đốc PT Trung tâm ĐBCL	Thành viên
5	Bà Đinh Thị Nga	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên

3. Danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình TĐG và viết báo cáo TĐG (đính kèm)